Đặc San

NGUYỄN-TRÃI

Xuân Tân-Tỵ 2001

Kỷ niệm 25 năm Ly Hương
Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn-Trãi

Đền Thờ Nguyễn Trãi

TRUNG-HỌC

ĐỨC-DỤC

THỂ-DỤC TRÍ-DỤC

HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH
TRUNG HỌC NGUYỄN TRÃI

11742 Old Fashion Way
Garden Grove, CA 92840

714-530-6616

◆

Danh Sách Ban Chấp Hành:

Mai Đông Thành Hội Trưởng

Lê Danh Gia Phó Hội Trưởng

Nguyễn Thái Bình Tổng Thư Ký

Đinh Viết Cư Phó Tổng Thư Ký

Nguyễn Văn Chương Thủ Quỹ

Cao Xuân Huy Trưởng ban báo chí

Vũ Khang Trưởng ban văn nghệ

Phạm Hữu Hiếu Trưởng ban liên lạc

TÂN TỴ 2001

MỤC LỤC

Lá thư hội trưởng	*Mai Dũng Thanh*	3
Vài dòng tâm sự	*Kim Thi*	4
Lược sử trường Nguyễn Trãi	*GS Lưu Trọng Khôi*	6
Danh nhân Nguyễn Trãi		10
Nguyễn Trãi	*GS Lưu Trọng Khôi*	11
Cho đến bao giờ mới có...	*Hoàng Khải Phong*	14
Nhà võ ngôi trường cũ	*Tạ Quang Trung*	20
Thầy cô bạn cũ	*Long Ẩn*	24
Những ngày xưa thân ái	*Nguyễn Duy Vinh*	28
Thầy tôi	*Lê Danh Chu*	31
Lá thư Toronto	*Tuệ Kiều*	33
Một trò Nguyễn Trãi trên xứ người	*Mai Dũng Thanh*	36
Giai thoại làng thơ	*Người Nguyễn Trãi*	41
Tuổi vàng trong mưa Xuân	*GS Lê Thanh Thăng*	50
Nắm hôn thương đau	*Nguyễn Thường Đức*	52
Sông, trăng, thi sĩ, người tù	*Đỗ Quý Toàn*	62
Thiếu nợ, đời có gì đâu	*GS Bùi Bích Hà*	65
Bóng thời gian	*Kim Tuấn*	67
Tình khúc buồn	*Ngô Thụy Miên*	72
Học vấn và thi cử	*Hồng Đức*	74
Mẹ ơi	*KC*	80
Trà đạo và tâm Nghi Hương	*Nguyễn Duy Chính*	89
Sông thác, hòa âm và trình bày một ca khúc	*Phạm Văn Kỳ Thanh*	104
Cái hướt câu	*Cao Xuân Huy*	107
Chương trình không gian Hoa Kỳ	*Kim Tuấn*	110
Ngân Hàng Thế Giới và Việt Nam	*Lê Anh Vũ*	113
Quốc hiệu Trần Văn Trạch	*Phương Anh Dũng*	118
Thuốc đi cảm và thông cảm	*Nguyễn Tường Ngọc*	122
Trà đạo	*Phương Ngọc Tiến*	126
Giai thoại về Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm	*Hồng Đức*	129
Hình ảnh sinh hoạt		131
Danh sách cựu giáo sư		140
Danh sách cựu học sinh		142

THƠ

Canh vàng – *Ngọc Huỳnh* 5 ● Tiếng mõ – *Lê Giang Trần* 27 ● Mây hồng – *Cao Đồng Khánh* 30 ● Mà thôi – *Phùng Ngọc Tiến* 32 ● Trường xưa – Ngà quên – *Tuệ Liên* 35 ● Khám phá mới – *GS Nguyễn Hải Hà* 40 ● Tuổi con chim quyên – Cao Đồng Khánh 61 ● Phượng đỏ – *Minh Tâm* 66 ● Mênh mông – *MDT* 71 ● Hoàng hôn – *Đặng Vũ Thế Hiển* 77 ● Có một điều chi quá vội – *Phùng Ngọc Tiến* 85 ● Đông Kinh tháng Tám – *Phùng Ngọc Tiến* 88 ● Tình hờ – *T.Thi* 106 ● Chân dung – *Lê Giang Trần* 118.

Bìa: Phạm Bạch Phi
Ảnh bìa sau Nguyễn Trãi: Tiến Nguyên
Hình họa: Long Ẩn
Trình bày: Cao Xuân Huy

Lá Thư Hội Trưởng

MAI ĐÔNG THÀNH

Kính thưa quý Thày Cô, quý niên trưởng, và các bạn đồng môn,

Thời gian thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi lăm năm trôi qua kể từ biến cố đen tối của con dân nước Việt với bao thảm cảnh nhà tan, cửa nát, gia đình ly tán với chỉ vỏn vẹn hơn hai triệu người đã may mắn vượt thoát, đến được bến bờ tự do.

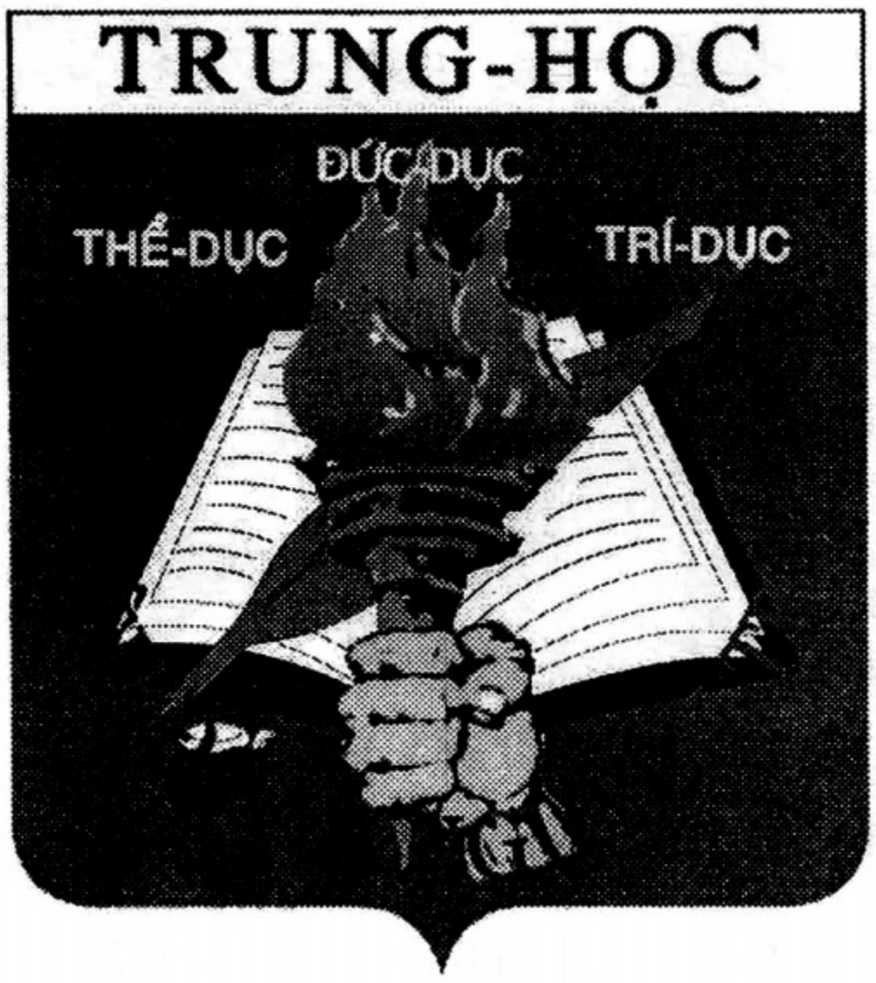

Cùng chung số phận với đa số dân Việt, đại gia đình Nguyễn Trãi cũng đã bị tan tành, phân tán đi khắp nơi trên quả địa cầu. Tuy nhiên, vì tình tự dân tộc, nghĩa đồng môn, sau những năm tháng dò dẫm, bước đi và từ từ đứng vững được trên xứ người thì anh em Nguyễn Trãi chúng ta cũng dần dần tìm đường hội tụ lại với nhau. Trong tinh thần đó, hơn mười năm trước đây, tại Orange County, anh Nguyễn Ngọc Bảo đã quy tụ được một số anh em Nguyễn Trãi và thành lập được Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi đầu tiên tại hải ngoại. Từ đó tới nay, chúng ta đã tạo được một truyền thống tốt đẹp là tổ chức những buổi Tất Niên hằng năm để các Thày Cô cùng các cựu học sinh có dịp quây quần gặp gỡ, hân hoan siết chặt tay chúc Tết lẫn nhau trong bầu không khí thân tình, ấm cúng.

Ngày tháng qua đi, Hội mỗi ngày một lớn mạnh và được biết đến nhiều hơn với các trường bạn cũng như với các anh em Nguyễn Trãi khắp nơi. Nhịp cầu thông cảm nhau không còn chỉ ở trong những bữa tiệc Tất Niên mỗi năm một lần. Chúng ta đã gặp gỡ, làm quen nhiều hơn với nhau qua thư từ, điện thoại và nhất là qua hệ thống e-mail toàn cầu. Càng liên lạc tình thân càng nảy nở, nhiều anh em đã mong mỏi có được một môi trường chung không bị giới hạn bởi hoàn cảnh địa lý, để chúng ta cùng tâm tình, ôn lại các kỷ niệm cũ, chia sẻ hoài bão cho tương lai. Từ đó, ý tưởng tạo nên một tờ Đặc San đã được thành hình. Rất nhiều nỗ lực của một số anh em đã giúp cho tờ Đặc San từ ngày thai nghén cho tới khi lên khuôn chỉ không đầy ba tháng. Tuy thời gian eo hẹp, Đặc San này đã chứa đựng tâm tư, tim óc của một số Thày Cô, các cựu học sinh từ khắp nơi trên thế giới, từ Washington, D.C. qua California, từ Âu Châu sang tới Canada. Mở tờ Đặc San ra, chúng ta có cảm tưởng đang bước vào một buổi họp mặt, sinh hoạt lớn của đại gia đình Nguyễn Trãi với đủ các tiết mục, âm nhạc, văn thơ, tìm hiểu, sưu khảo, tâm tình, ước vọng của mọi thế hệ Nguyễn Trãi. Chúng ta cũng có thể tìm lại được các Thày Cô, bạn bè xưa cũ qua bản danh sách góp nhặt với tên tuổi của gần bốn trăm người.

Ước mong rằng tờ Đặc San này là khởi đầu cho một vòng tay siết chặt của tất cả mọi người Nguyễn Trãi để rồi một ngày nào đó chúng ta cùng nắm tay nhau về tham dự ngày Đại Hội Nguyễn Trãi ngay giữa thành phố Sài Gòn mến yêu trong một nước Việt Nam hoàn toàn tự do, no ấm.

Xin cầu chúc quý Thày Cô và các bạn đồng môn một mùa Xuân như ý.

Mai Đông Thành

Hội Trưởng Hội Ái Hữu
Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi Nam Cali

VÀI DÒNG TÂM SỰ

Kim Thi

Năm ngoái nhận được một điện thư của anh Nguyễn Duy Vinh, một người bạn mà tôi có dịp quen biết vào khoảng năm 60-61 khi theo học bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp tại trường trung học Nguyễn Trãi. Trong thư anh Vinh chuyển tiếp thư của anh Mai Đông Thành, hội trưởng hội ái hữu cựu học sinh trường Nguyễn Trãi tại Nam Cali. Nội dung thì hai anh bàn luận về việc hội và nhất là dự định ra một tờ báo. Tất cả nằm trong vòng thăm dò và nghiên cứu xem khả năng và nhu cầu của các bạn đồng môn.

Việc hội hè thì tôi sự thực là không thích vì đã ở trong nhiều hội ái hữu của chuyên gia, cựu sinh viên, cựu học sinh... song nói đến làm báo thì ở trong tôi có một ngọn lửa nhen nhúm muốn diễn tả những ý nghĩ về ngôi trường bé nhỏ thân yêu đã huấn luyện, đào tạo, và cho tôi các căn bản về khoa học, kiến thức và quan trọng nhất là về sự bao dung nhân ái.

Nguyễn Trãi đối với tôi luôn luôn là mối tình lớn nhất nếu kể về thời gian và cũng là cái gì sâu đậm nhất nếu nói về không gian, do đó tôi đã phúc đáp với nhiệt tình về những ý kiến của mình. Vì nhiều trở ngại thực tế, điều này chỉ là cái nhân hò hẹn và nằm trong mộng chứ chưa thực hiện được.

Thời gian trôi rất mau, qua những ngẫu nhiên tình cờ, tôi biết rõ anh Thành hơn và nhân dịp xuống Little Saigon chơi, rất cảm động vì ân tình các cựu Nguyễn Trãi dành cho mình và vài người bạn khác, trong dịp hội họp tại nhà anh Nguyễn Văn Chương, tôi đã mạnh dạn và liều lĩnh nêu ý tưởng báo chí ra một lần nữa và đặt những câu hỏi rất cụ thể về ngân quỹ, bài vở, quảng cáo, kỹ thuật.

May có anh Cao Xuân Huy đang hoạt động báo chí trả lời rất rõ ràng và sẵn sàng đóng góp, rồi anh Phạm Duy Quang rất ôn tồn nói rõ kinh nghiệm đã qua, các anh Lê Anh Vũ, Lê Danh Gia, Phạm Hữu Hiếu, Hà Gia Cường, Nguyễn Văn Chương, Phạm Văn Chương, Vũ Quốc Phong... đều nhiệt tình góp ý.

Tôi bèn định rõ một chương trình hành động và sau hai tuần khi thấy điểm đầu tài chánh đã đạt được, bèn mời các anh Thành, anh Vũ, anh Vinh và anh Huy vào Ban Biên Tập. Cố gắng giữ được sự hăng say, tôi đã thông báo hằng tuần các diễn tiến và mời các bạn đóng góp bài vở và ủng hộ tài chánh.

Anh Lê Anh Vũ, một ngươi bạn tôi quen đã hơn 40 năm, rất dè dặt và kín đáo song lại đóng góp ngay một số hiện kim và hứa viết một bài chuyên môn nhẹ nhàng, rồi anh Nguyễn Đình Sơn rất hào phóng cho đăng quảng cáo, anh Đàm Đình Bình hết lòng giúp đỡ tài chánh. Anh Ngô Tiến Hưng ra tay giúp bạn hiền vừa bằng bài vở lẫn hiện kim. Từ bên Canada, anh Nguyễn Duy Vinh vận động bạn bè Nguyễn Trãi và thu được một sự đóng góp đáng kể, ngoài ra anh còn ghi lại những kỷ niệm thật đẹp của tuổi học trò.

Các thân hữu của Nguyễn Trãi cũng rất hào hiệp, chị Nguyễn Tuyết Nga dù đang phải dọn văn phòng Luật Sư cũng đăng quảng cáo và viết bài nữa.

Anh Vũ Quốc Phong gửi ngay một chi phiếu, nữ sĩ Minh Tâm của nhóm Làng Thơ cũng nhận công tác. Anh Nguyễn Kháng Chiến gửi bài và chi phiếu ủng hộ.

Trong lúc đó thì anh Thành và anh Huy xin được rất nhiều quảng cáo của các thân hữu và chúng tôi cảm thấy an tâm cả về vấn đề tài chánh lẫn bài vở. Các Thầy Cô cũng đã nhận lời sẽ có những đóng góp để cho Đặc San có thêm phần hương sắc đủ cả môn sinh và thầy dạy.

Anh Thành có một ý tưởng táo bạo là sẽ ra mắt Đặc San trong ngày Hội Ngộ Tất Niên để đón năm Tân Tỵ, thành ra thì giờ ít hẳn lại.

Bây giờ ngồi viết những dòng này, tôi gửi lời cảm tạ đến tất cả các bạn vì chúng ta sẽ làm cho tinh thần Nguyễn Trãi được mạnh mãi và sẽ có những dự định tốt đẹp để ở vào cái tuổi tình bạn "Dễ Mất Khó Tìm" chúng ta lại có thêm bạn, và ở vào lúc tuổi đang đi vào Thu, song trong mỗi chúng ta mùa Xuân đang nở rộ với lòng tin yêu ở một ngày mai tươi sáng hơn, mọi ngươi an khang, quê hương được thịnh vượng và văn hóa được phát triển.

Xin được phép Kính Chúc Các Thầy Cô an khang, Các Thân Hữu an bình thịnh vượng, và Các Đồng Môn mọi sự như ý.

♦

Kim Thi học trung học Nguyễn Trãi, đại học tại Tây Đức và Hoa Kỳ, hiện cư ngụ và làm việc tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

CANH VÀNG

Ngọc Huỳnh

Thơ em viết bởi lòng mong mỏi lắm
Vần em gieo, điệu nhịp hoài ngân vang
Em cố mau viết vội ít đôi hàng
Khi đêm xuống một mình trong canh vắng
Em trách anh cứ hững hờ im lặng
Để tình em khao khát suốt canh dài
Dệt vẫn thơ rồi biết tặng cho ai?
Đành giữ đấy để hoài ghi nhớ mãi
Chốn nơi nào đáp xây niềm luyến ái
Mà sao nay không bày tỏ một lời
Như cánh nhạn lạc đàn khi giông tới
Em trông ngóng vần thơ anh... vẫn đợi
Anh nói đi! Anh nói vẫn yêu em?
Nhớ hoài với ánh mắt với môi mềm
Cho vang dội hương tình luôn bát ngát
Cho lòng em tràn trề tình chốc lát
Em xin anh đừng để tình em trôi
Bởi thời gian ta lạc chốn xa xôi
Anh chớ ngại nói: "Tình am chẳng đoái...
Đến tìm anh." Đừng để em mãi mãi
Sống nghẹn ngào trong nhung nhớ anh ơi
Anh nói đi! Dù chỉ có một lời
Cũng an ủi một thời em ước vọng
Này, này anh, từ ngày trong cuộc sống
Em chẳng than, chẳng trách mối duyên đầu
Hay bầm thần chạnh hỏi cớ vì sao
Em cũng sẽ làm thơ vì anh đó
Anh không nói làm sao em biết rõ
Vẫn chờ mong vần sáng tỏ nơi anh
Dù biết rằng ngày tháng sẽ trôi nhanh
Em vẫn nguyện tình lành cho đôi lứa
Gởi tặng anh tâm tư vừa chan chứa
Trong lòng em qua vài nét đơn sơ
Để gởi về một cõi đã mộng mơ
Khi chung bước cận kề nhau anh nhá
Tuy chúng ta hai phương trời xa lạ
Vẫn nhơ hoài một thuở đã chung đôi
Gởi về anh người tình chốn xa xôi..

LƯỢC SỬ TRƯỜNG NGUYỄN TRÃI THEO TÔI BIẾT

LƯU TRUNG KHẢO

Trường trung học Nguyễn Trãi khởi thủy mang tên là Collège Đỗ Hữu Vị. Ông Đỗ Hữu Vị là con của ông Đỗ Hữu Phương, một người thuộc phe hợp tác với người Pháp khi quân Pháp xâm lăng Việt Nam. Nhờ công lao đó, Đỗ Hữu Phương được phong chức tổng Đốc. Tên ông được dùng đặt tên đường phố (đường Tổng Đốc Phương) và trường học (trường tiểu học Đỗ Hữu Phương). Hai con ông Đỗ Hữu Chẩn và Đỗ Hữu Vị đều gia nhập quân đội Pháp. Ông Đỗ Hữu Chẩn là một sĩ quan cấp bậc Trung Tá. Còn ông Đỗ Hữu Vị là sĩ quan Không Quân cấp bậc Đại Úy. Ông Đỗ Hữu Vị trong trận thế chiến thứ nhất đã tòng quân sang Pháp lái máy bay oanh kích quân Đức, bị phòng không Đức bắn hạ, Đỗ Hữu Vị tử trận và thi hài được đưa về an táng ở Việt Nam. Phần mộ của ông Đỗ Hữu Vị nằm trong hàng rào phòng thủ của phi trường Tân Sơn Nhất. Trên mộ còn một tấm bia khắc lời ông bằng tiếng Pháp đại ý nói rằng: "Ông là người Việt Nam nên trách nhiệm của ông nặng gấp hai lần vì ông phải có bổn phận đối với nước Nam và cả đối với nước Pháp nữa".

Để tưởng thưởng công lao cho gia đình Đỗ Hữu, người Pháp đã cho in tiểu sử của Đỗ Hữu Vị phổ biến trong các trường học. Tôi còn nhớ tấm tranh kể tiểu sử của Đỗ Hữu Vị mang tiêu đề nguyên văn như sau:

"Quan Đại Úy Đỗ Hữu Vị, anh hùng Pháp-Việt."

Bức tranh vẽ khoảng trên dưới mười tấm hình kể lại tiểu sử của Đỗ hữu Vị cùng những trận đánh ông đã tham dự và xưng tụng ông là một anh hùng của hai nước Pháp-Nam, có ý nêu gương để cho đám học sinh chúng tôi noi theo hầu sau này khi trưởng thành hãy cúc cung phục vụ và trung thành với nhà nước Đại Pháp.

Không những thế, tên ông còn được đặt cho các đường phố, trường học, vườn hoa. Trường trung học Đỗ Hữu Vị (Collège Đỗ Hữu Vị) chính là tiền thân của trường trung học Nguyễn Trải.

Ngày 9.3.1945 quân đội Nhật Bản đảo chính chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ những hòa ước bất bình đẳng ký kết với Pháp và tuyên bố Việt Nam độc lập. Học giả Trần Trọng Kim được mời từ Chiêu Nam (Singapore) về lập chính phủ độc lập đầu tiên của Việt Nam. Bộ Trưởng Bộ Quốc Gia Giáo Dục là giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã soạn thảo ngay một chương trình giáo dục mới lấy Việt ngữ làm học thừa thay cho Pháp ngữ và cho ban hành một nghị định sửa lại tên các trường trung học. Trường Lycée Protectorat (gọi tắt là Lypro) nay là trường trung học Chu Văn An. Trường Đỗ Hữu Vị nay là trường Nguyễn Trãi. Trường nằm ở cửa Bắc thành phố Hà Nội đóng khung xung quanh bằng bốn đường: Quan Thánh, Đỗ Hữu Vị, Hàng Bún và Phan Đình Phùng. Vào khoảng năm 1943, khi không quân Mỹ oanh tạc Hà Nội, trường Đỗ Hữu Vị phải di tản về học trong một trường nhà dòng ở ngoại ô tỉnh lỵ Hưng Yên.

Tháng Tám năm 1945, tôi từ làng Hòa Mạc nhà anh rể tôi ngủ ở đó một đêm, sang sớm hôm sau thuê một chiếc xe tay ra bến đò Yên Lệnh (thuộc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam), thuê đò vượt sông Hồng sang tỉnh Hưng Yên. Đây là lần đầu tiên tôi

được đối diện với con sông lịch sử này. Lúc này mực nước sông đang dâng cao. Dòng nước sông đỏ ngầu như máu trôi băng băng lôi kéo theo những đám bèo lục bình hoa tím. Để vượt sông, chị lái đò phải theo ven bờ chèo ngược dòng lên khoảng độ gần một cây số rồi mới cho mũi thuyền hướng về bờ đối diện mà ra sức bơi. Khoảng chừng hơn một tiếng đồng hồ thuyền mới cặp bến. Lên bờ, tôi lại thuê xe kéo, trọ ở một hàng cơm rồi sáng sớm hôm sau mang giấy bút vào trường dự thi.

Hơn một tuần sau, anh Vũ Văn Địch, người anh rể tôi ở Hà Mạc tin cho hay là tôi đã may mắn trúng tuyển kỳ thi nhập học lớp Đệ Nhất Niên trường trung học Nguyễn Trãi, xếp hạng 32 trên tổng số 100 học sinh được tuyển chọn.

Lúc này, thế chiến thứ hai (1939-1945) đã kết thúc. Trường trung học Nguyễn Trãi được lệnh trở về Hà Nội. Tuy nhiên trường sở cũ đã bị quân đội sử dụng nên chúng tôi phải vào học ở tỉnh lỵ Hà Đông. Nhưng ở Hà Đông, chúng tôi cũng chẳng được ngồi một giờ nào, không có lớp mà cũng chẳng có thầy. Sau trường mượn được mấy gian tả vu và hữu vu vủa chùa Láng (làng Yên Lãng, huyện Cầu Giấy) thuộc Ô Cầu Giấy, ngoại thành Hà Nội, lúc đó chúng tôi mới có chỗ học. Lớp học không có cửa ra vào, không có cửa sổ, chỉ có một tấm bảng đen treo trên tường. Giáo ban thì cứ thay đổi hoài, tuần này giáo sư này, tuần sau giáo sư khác. Năm đệ nhất chúng tôi được học với các giáo sư sau đây:

Quốc văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Nhung

Pháp văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Nhung và Nguyễn Văn Hoan tục gọi là Hoan Tây

Hán văn: Giáo Sư Nguyễn Văn Hoan tục gọi là Hoan Ta để phân biệt với Giáo Sư Hoan Tây

Anh văn: Giáo Sư NGuyễn Đình Quỳ rồi Giáo Sư Nguyễn Văn Ngọc

Toán: Giáo Sư Nguyễn Đình Phú

Lý Hóa: Giáo Sư Nguyễn Chung Tú

Sử Địa: Giáo Sư Mai Phương

Vạn Vật: Giáo Sư Nguyễn Văn Hùng

Hội Họa: Giáo Sư Thịnh Del

Ngoài ra, Võ Sư Nguyễn Lộc mỗi sáng Chủ Nhật từ cửa Nam đạp xe đạp vào dạy chúng tôi võ Việt Nam mà chính võ sư là người khai sáng ra môn phái này. Chúng tôi học ở chùa Láng hết niên học 1945-1946.

Qua niên học mới (1946-1947), trường Nguyễn Trãi dọn về học chung với trường Canh Nông gần vườn Bách Thảo Hà Nội. Trường chiếm hai dãy nhà hình thước thợ. Căn ngoài cùng dùng làm văn phòng, phòng hiệu trưởng, phòng giám thị. Hiệu Trưởng trường Nguyễn Trãi lúc bấy giờ là Giáo Sư Đỗ Trí Lễ, cử nhân Khoa Học từ Pháp về cùng thời với nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Đến năm này, nhà trường mới mở thêm hai lớp để tam chuyên khoa (đệ nhị cấp).

Thành phần giáo ban cũng có thay đổi chút ít: Giáo Sư Lê Hữu Thu phụ trách môn Việt văn. Giáo Sư Thu nổi tiếng về sự nghiệt ngã trong việc cho điểm. Tôi nghe mấy anh lớn kháo rằng sở dĩ Giáo Sư Thu hà tiện điểm là bởi lúc đó thi bằng Cao Đẳng Tiểu Học, ông phải thi tới tám lần. Năm nay chúng tôi học môn Vạn Vật với Giáo Sư Trần Gia Huấn. Chương trình học Vạn Vật năm thứ nhất là động vật học chúng tôi học với Giáo Sư Nguyễn Văn Hùng. Giáo Sư Hùng nguyên là Chánh Giám Binh ở Hưng Yên, mỗi lần dạy con vật nào là ông lại nhái tiếng kêu của con vật đó làm cho cả lớp cười bò. Giáo Sư Trần Gia Huấn cũng như Giáo Sư Nguyễn Chung Tú là những sinh viên mới ra trường còn trẻ măng và cũng chưa có kinh nghiệm trận mạc với đám học trò đứng hàng thứ ba sau ma quỷ. Chương trình môn Vạn Vật năm thứ hai là thực vật học. Học đến các loại hoa, thầy Huấn cứ theo trong sách liệt kê đủ loại hoa: ẩn hoa, hiển hoa, bí tử, khỏa tử... rồi thầy cho thí dụ về loại hoa không cho quả như hoa đu đủ đực. Đám học sinh nhao nhao phản đối:

- Thưa thầy, hoa đu đủ đực có quả ạ!

- Các anh chỉ nói bậy nào. Đu đủ đực làm sao có quả được!

Tôi không nhớ là Lê Toàn Cửu hay Nguyễn Bá Công đứng lên chỉ vào cây đu đủ đực của trường Canh Nông trồng ở sau lớp:

- Thưa thầy, kia là cây đu đủ đực đang có quả!

Thầy Trần Gia Huấn nhảy ba bước tới cây đu đủ đực hái một trái mang về bàn, cười cười:

- Ừa! Nhưng mà trong sách nói là hoa đu đủ đực không có kết quả!

Nhưng những ngày êm đềm đó không kéo dài được bao lâu. Tình hình chính trị mỗi lúc một căng thẳng. Sau ngày ký hiệp ước Sơ Bộ (6.3.1946), ngày 13.3.1946 quân Pháp đổ bộ lên Hải Phòng để

thi hành hiệp ước Pháp-Hoa được ký kết ở Trùng Khánh vào ngày 28.2.1946. Theo hiệp ước này, Pháp trả lại các nhượng địa cho Trung Hoa như Quảng Châu Văn, tô giới Pháp ở Thượng Hải. Bù lại Pháp được thay thế quân đội Trung Hoa đóng quân ở phía bắc vĩ tuyến 16. Hằng ngày quân Pháp tìm đủ cách khiêu khích. Thỉnh thoảng lại có vụ nổ súng giữa quân đội Pháp và tự vệ. Một ủy ban liên kiểm Việt-Pháp được thành lập để giải quyết nhưng tình hình mỗi ngày một xấu thêm.

Hai bên Pháp-Việt họp ở Đà Lạt để tìm phương thực hiện hiệp ước Sơ Bộ. Hội nghị bế tắc. Việt Nam phải cử Phạm Văn Đồng làm trưởng phái đoàn sang Pháp để đàm phán. Phái đoàn có Hồ Chí Minh đi theo để chỉ huy, nhưng cũng như hội nghị Đà Lạt, hội nghị Fontainebleau cũng bế tắc vì quan điểm của hai bên quá cách biệt. Bí quá, Hồ Chí Minh phải ký với Pháp tạm ước 14.9.1946 xác nhận giá trị hòa ước Sơ Bộ 6.3.1946. Quân Pháp được lợi thế, vũ trang đầy đủ và tối tân, quân nhân thiện chiến không ngày nào là không gây chuyện để khiêu khích. Cuối cùng thì việc phải đến đã đến. Ngày 19.12.1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trước đó độ hai tuần lễ, các trường được lệnh đóng cửa. Thân phụ tôi từ Hà Nam đi autorail (loại xe lửa tốc hành chỉ có hai toa sơn trắng) lên Hà Nội đón tôi về quê.

Từ tháng 12.1946 tới tháng 12.1950, tôi sống trong vùng kháng chiến, lúc ở quê nhà, khi vào liên khu 4 (Thanh Hóa). Lúc này Trung Cộng đã làm chủ Hoa Lục và cuộc chiến Triều Tiên bắt đầu bùng nổ. Khắp nơi, các biểu ngữ, các khẩu hiệu đập vào mắt, vào tai: "Tích cực chuẩn bị tổng phản công", "Kháng Mỹ, viện Triều". Mỗi lần chào cờ là chào đủ ba quốc kỳ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và Liên Xô. Nơi nào cũng toàn một màu cờ đỏ như máu. Người Cộng Sản Việt Nam không còn giấu giếm che đậy nữa.

Từ Thanh Hóa, tôi đi bộ ba ngày đường vượt qua sông Đáy trở về làng cũ rồi lên cố đô Thăng Long ghi danh nhập học ở một trường tư thục trên phố Hàng Đẫy. Trường trung học Nguyễn Trãi lúc này đã hoạt động trở lại. Trường chiếm lãnh trường sở cũ của trường nữ tiểu học Hoài Đức. Mấy tòa nhà lầu đồ sộ nằm ngay trên đường Đồng Khánh, giữa trung tâm thành phố với một thành phần giáo sư hùng hậu là niềm mơ ước cho các nam học sinh tiểu học và học sinh các trường tư thục bấy giờ. Cách đó mấy trăm thước là trường nữ trung học Trưng Vương nên nhiều học sinh Nguyễn Trãi cứ muốn đổi tên trường thành trường trung học Thi Sách.

Sau khi đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp, tôi xin thi tuyển nhập học lớp Đệ Tam ban Văn Chương trường trung học Chu Văn An, và học tại trường này suốt ba niên khóa từ 1951 đến 1954. Kỳ thi Tú Tài II tổ chức vào tháng 6.1954 trong một tình thế hết sức rối ren vì cuộc chiến Việt-Pháp sắp kết thúc. Ban Văn Chương Sinh Ngữ chúng tôi thi viết và vấn đáp ở trường trung học Nguyễn Trãi. Âu cũng là một cái duyên: tôi khởi sự bước chân vào ngưỡng cửa trung học ở trường Nguyễn Trãi và khi bước ra khỏi bậc trung học cũng ở trường này.

20.7.1954 hiệp định Genève ký kết chia Việt Nam làm hai, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Trường Chu Văn An quyết định di cư vào Nam. Trường Nguyễn Trãi ở lại Hà Nội. Tất cả các trường di cư vào Nam đều trực thuộc Nha Học Chánh Di Cư. Trường Chu Văn An may mắn hơn vì hầu hết Ban Giám Đốc, Ban Giáo Sư đều di cư dưới quyền điều động của Giáo Sư Hiệu Trưởng Vũ Ngô Xán nên hồ sơ hành chánh và học vụ hầu như còn giữ được nguyên vẹn. Trường Nguyễn Trãi không có cái may đó nên thầy trò vào Nam ngơ ngơ ngáo ngáo như đồng bào Thượng xuống kinh kỳ. Sau Nha Học Chánh Di Cư phải cử Giáo Sư Trần Văn Việt nguyên là Hiệu Trưởng trường trung học Ngô Quyền ở Hải Phòng đảm nhiệm chức vụ Hiệu Trưởng trường trung học Nguyễn Trãi. Trường Nguyễn Trãi vào Nam không còn bậc đệ nhị cấp nữa cho nên các giáo sư "gạo cội" của trường được chuyển sang cho trường Chu Văn An.

Thân phận di cư ăn nhờ ở đậu, trường trung học Nguyễn Trãi nương náu ở trường tiểu học Trương Minh Ký trên đường Trần Hưng Đạo cạnh rạp chiếu bóng Đại Nam. Trường có 16 lớp, mỗi đệ bốn lớp từ Đệ Thất cho tới Đệ Tứ. Ban giáo sư rất hùng hậu, đặc biệt có nhiều vị gốc Luật nên sau này các vị đó bỏ ngành gõ đầu trẻ để sang mặc áo thụng đen như: Giáo Sư Đặng Vũ Hàm, Lý Quốc Sỉnh, Trần Tấn Thái, Nguyễn Thế Cường, Nguyễn Bá Lương, Đào Quang Huy.

Nhận được sự vụ lệnh bổ nhiệm làm giáo sư

dạy giờ, tôi đến trình diện vào giữa buổi trưa nắng. Cụ Trần Văn Việt ngồi trên một cái ghế gỗ trong phòng làm việc chung với các thầy giám thị, tiếp nhận sự vụ lệnh rồi đưa sang cho cụ Tổng Giám Thị để xếp lớp. Tôi được xếp dạy hai môn Toán và Công Dân lớp Đệ Thất, tổng cộng là 10 giờ một tuần lễ. Vì trường Trương Minh Ký học cả hai buổi sáng chiều, nên các lớp học của trường trung học Nguyễn Trãi học vào buổi trưa từ 11 giờ đến 2 giờ. Mỗi 45 phút tính làm 1 giờ. Tôi gặp lại hai giáo sư cũ dạy tôi ở trường Nguyễn Biểu (Hà Nam) là Giáo Sư Tạ Văn Ru và Giáo Sư Trần Văn Sử, và các bạn như Giáo Sư Hà Đạo Hạnh, Giáo Sư Bùi Duy Hiển.

Qua niên khóa 1956-1957, trường dọn về học chung với trường tiểu học Lê Văn Duyệt trên đường Phan Đình Phùng. Mới khai giảng được một thời gian, thì Giáo Sư Trần Văn Việt được thuyên chuyển sang làm Hiệu Trưởng trường Chu Văn An. Cụ Vũ Đức Thận, Giám Học trường Chu Văn An được cử sang đảm nhiệm chức vụ Hiệu Trưởng trường Nguyễn Trãi. Đầu năm 1957, tôi nhận được sự vụ lệnh của Bộ thuyên chuyển về trường trung học Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc) vì nhu cầu công vụ. Thực ra là vì học hết chương trình Cao Đẳng Sư Phạm, tôi không thi tốt nghiệp nên Bộ mới quyết định như vậy. Ở Châu Đốc được mấy tháng, tôi về Sài Gòn thi tốt nghiệp và được bổ nhiệm về tòng sự tại trường trung học Chu Văn An. Giã từ Thủ Khoa Nghĩa, giã từ Nguyễn Trãi với biết bao bùi ngùi tưởng nhớ!

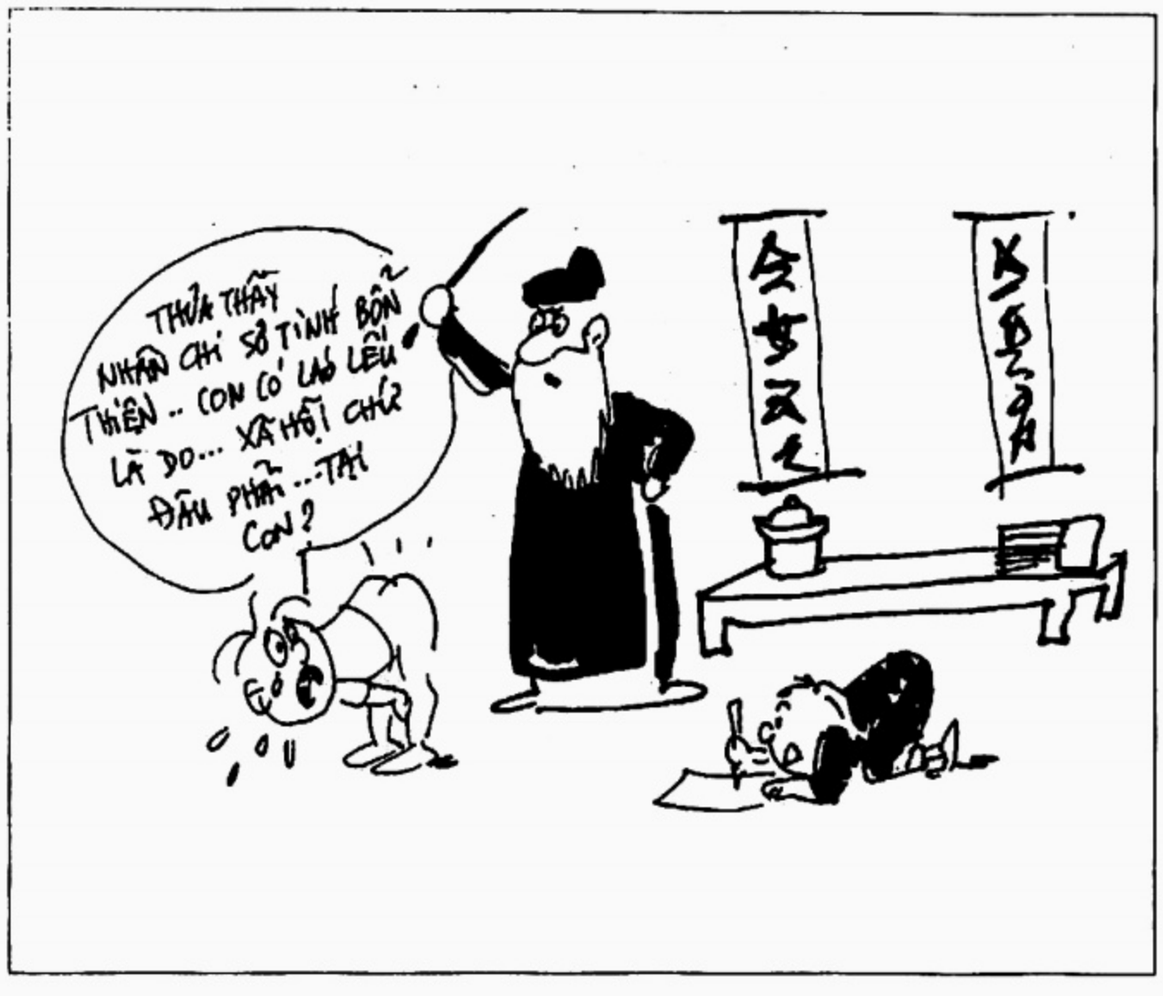

Sau cụ Hiệu Trưởng Vũ Đức Thận, trường trung học Nguyễn Trãi còn được các giáo sư sau đây lãnh vai trò lãnh đạo (hiệu trưởng):

Giáo Sư Nguyễn Băng Tuyết
Giáo Sư Phạm Đăng Châu
Giáoó Sư Hà Đạo Hạnh
Giáo Sư Nguyễn Quang Minh
Giáo Sư Nguyễn Hữu Kế
Giáo Sư Phạm Văn Đàm
Giáo Sư Tạ Quang Khôi

Trường cũng dời về bên Khánh Hội giữa một khu lao động. Đây là lần đầu tiên, kể từ ngày vào Nam, trường Nguyễn Trãi có được một trường sở riêng khang trang rộng rãi.

Trước năm 1954 ở Hà Nội, hai trường Chu Văn An và Nguyễn Trãi là hai trường nổi tiếng nhất. Trong giới học sinh lúc đó có câu "Bắc Chu An, Nam Nguyễn Trãi" bởi trường Chu Văn An ở phía Bắc thành phố, còn trường Nguyễn Trãi ở phía Nam gần trung tâm. Học sinh hai trường ganh đua nhau trên mọi lãnh vực: học hành, thi cử, thể thao, văn nghệ... họ ganh đua tận tình trong một tinh thần mã thượng tương tự như hai trường UCLA và USC ở miền Nam California này. Sau ngày vào Nam, trường Nguyễn Trãi ở vào một vị trí yếu kém hơn so với Chu Văn An. Tuy nhiên, những học sinh Nguyễn Trãi sau khi học hết lớp Đệ Tứ và đậu Trung Học Đệ Nhất Cấp được chuyển qua Chu Văn An. Trong số này có nhiều người nổi tiếng. Điều đáng phàn nàn là các cựu học sinh Nguyễn Trãi qua Chu Văn An rồi thì chỉ biết có Chu Văn An và quên hẳn trường cũ. Đó là một sự bất công và bội bạc!

Riêng phần tôi thì đã thụ huấn ở trường Nguyễn Trãi hơn một niên khóa (1945-1946 và một phần của niên khóa 1946-1947). Sau này tôi về phục vụ ở trường Nguyễn Trãi cũng hơn một niên khóa (1955-1956 và một phần của niên khóa 1956-1957). Tôi đã vay và đã trả. Nhưng ở trên đời này có những món nợ mà mình trả hoài vẫn không hết. Đó là món nợ ân tình với mái trường xưa, thầy dạy cũ, bạn bè và môn sinh ly tán ở khắp năm châu.

Lưu Trung Khảo

Little Saigon trọng Đông Canh Thìn

Danh Nhân Nguyễn Trãi

KHUYẾT DANH

Sinh năm 1380, cha là Nguyễn Phi Khanh, mẹ là Trần Thị Thái (con gái Quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán, cháu 4 đời của Thái Sư Trần Quang Khải). Đỗ Đệ Nhị Giáp khoa thi Thái Học sinh (chỉ có 20 người trúng tuyển) tháng 8 năm 1400 (Triều Hồ Quý Ly).

Tại Ải Nam Quan, Nguyễn Phi Khanh đã khuyên con quay về nước, khi ông bị bắt đem về Trung Hoa ("Đền Nợ Nước, Trả Thù Nhà").

Mặc dù Thái Thú Trương Phụ mua chuộc, rồi giam lỏng tại thành Đông Quan (Hà Nội), song Nguyễn Trãi nhất định không chịu quy thuận, sống thanh đạm, làm nghề dạy học để mưu sinh.

Nguyễn Trãi đã cùng Trần Nguyên Hãn trốn vào Lam Sơn (Thanh Hóa) để phò Lê Lợi (1418). Chiến sách "Bình Ngô" của Nguyễn Trãi mà Lê Lợi áp dụng, chủ trương "Tranh Thủ Nhân Tâm, Thu Phục Lòng Người".

Với kế sách "Vây Thành Diệt Viện" và "Thuyết Phục Đối Phương" tại lúc quyết liệt nhất, quân ta đã vây thành Đông Quan (Hà Nội), nhà Minh sai tướng An Viễn Hầu Liễu Thăng dẫn 10 vạn quân qua cứu viện, trận chiến phục binh oai hùng tại Ải Chi Lăng và Trần Nguyên Hãn đã chém đầu Liễu Thăng. Quân ta đưa ấn tin, cờ tiết của Liễu Thăng vào thành Đông Quan và tướng giặc trấn thủ Đông Quan Vương Thông đã xin đầu hàng, và được phép lui binh về Trung Hoa sau "Hội Thề Đông Quan" (29 tháng 12 năm 1427).

Năm 1428 (15 tháng 4), sau 10 năm chiến đấu, cuộc Kháng Chiến Chống Quân Minh của Nghĩa Quân Lam Sơn thành công. Nguyễn Trãi đã thảo chiếu "Bình Ngô Đại Cáo" với Lời Mở Đầu:

Việc Nhân Nghĩa Cốt Ở Yên Dân
Quân Điếu Phạt Trước Lo Trừ Bạo
Xét Như Nước Đại Việt Ta
Thực Là Một Nước Văn Hiến
Cõi Bờ Sông Núi Đã Riêng
Phong Tục Bắc Nam Cũng Khác

Ngay trong lúc chiến thắng, một mặt xác định chủ quyền song vẫn lịch sự và ôn hòa với nhà Minh. Đây là lời xác định thứ hai trong lịch sử Việt Nam về chủ quyền đối với Trung Hoa.

(Lời xác định thứ nhất là của Lý Thường Kiệt tại phòng tuyến sông Cầu, khi nhà Tống vào năm 1077, đưa 10 vạn quân qua xâm chiếm nước ta, bị chận đứng tại sông Cầu và sau đó bị đánh bại:

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư
Tiệt Nhiên Định Phận Tại Thiên Thư
Như Hà Nghịch Lỗ Lai Xâm Phạm
Nhữ Đẳng Hành Khan Thủ Bại Hư)

■

NGUYỄN TRÃI (1380-1442)

LƯU TRUNG KHẢO

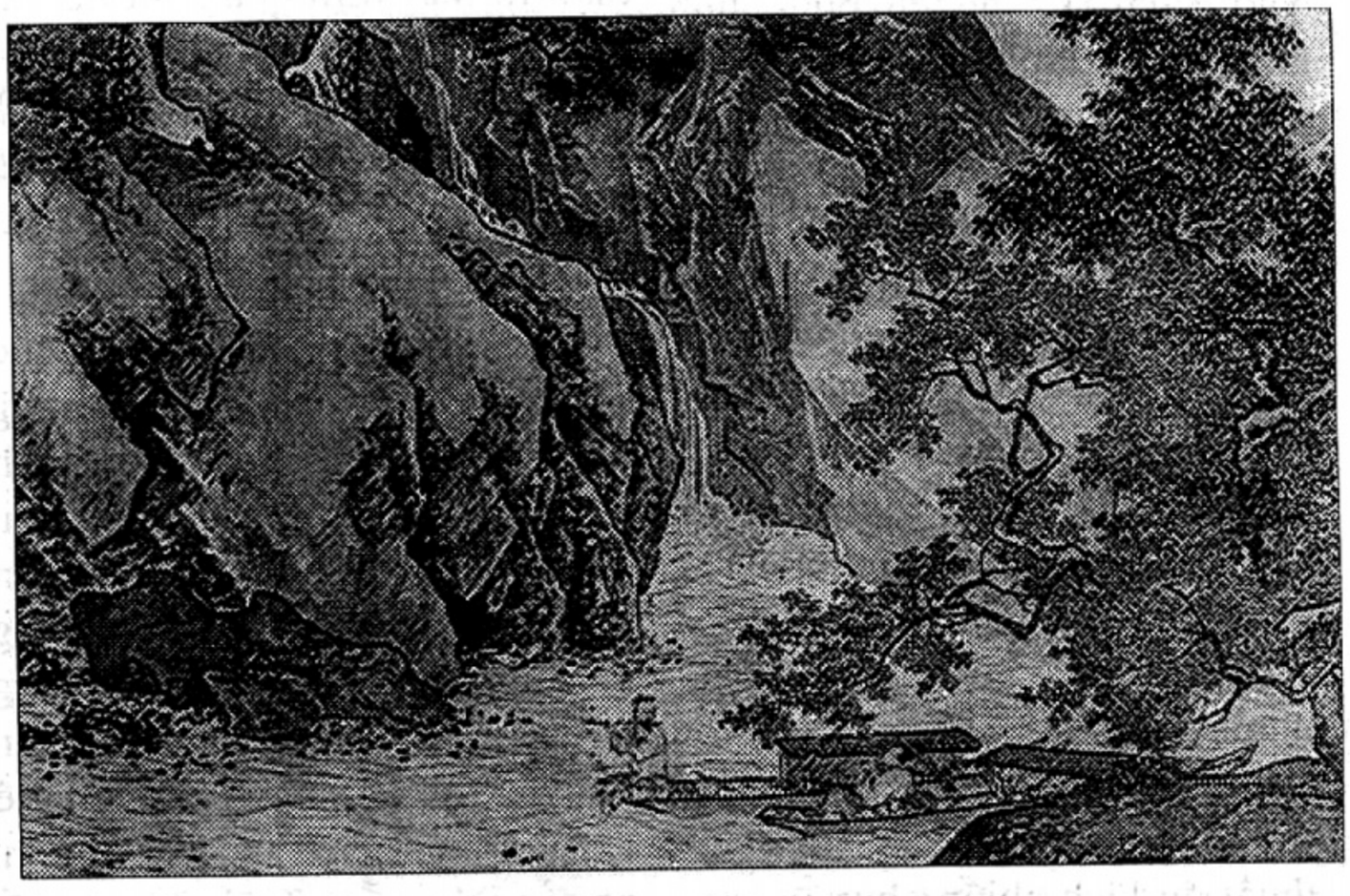

Nguyễn Trãi hiệu là Ức Trai, là con trai trưởng của Nguyễn Ứng Long và Trần Thị Thái. Nguyễn Ứng Long là một nho sinh con nhà dân giả, còn Trần Thị Thái là ái nữ của quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán. Trần Nguyên Đán là người tôn thất nhà Trần, vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa giữ chức vụ quan trọng trong triều đình.

Nguyễn Ứng Long nhà nghèo phải nương náu ở nhà quan Tư Đồ làm gia sư. Sau một thời gian, cô Trần Thị Thái, con gái lớn của quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán đem lòng yêu thương ông thầy trẻ tuổi. Khi biết cô Trần Thị Thái có thai, Nguyễn Ứng Long hoảng sợ trốn đi. Nhưng Trần Nguyên Đán là người đại lượng, sau khi biết chuyện, đã vui lòng bỏ qua mọi chuyện mà tác hợp cho hai người thành duyên vợ chồng. Nguyễn Trãi là kết quả của cuộc tình duyên này.

Nguyễn Trãi sinh năm 1380 tại Thăng Long trong tư dinh của quan Tư Đồ Trần Nguyên Đán. Năm 5 tuổi, Nguyễn Trãi cùng mẹ theo ông ngoại về Côn Sơn. Lúc này Trần Nguyên Đán đã về trí sĩ. Vì Nguyễn Ứng Long con nhà dân giả mà lại kết duyên với người trong tôn thất cho nên mặc dù đỗ Thái Học Sinh (Tiến Sĩ), theo luật nhà Trần, Nguyễn Ứng Long không được trọng dụng. Sau Nguyễn Ứng Long trở về quê ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Tây) mở trường dạy học.

Sau khi mẹ mất và ông ngoại qua đời (1390), Nguyễn Trãi về Nhị Khê ở với cha và được cha dạy dỗ và săn sóc rất chu đáo.

Năm 1400, Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, đặt quốc hiệu là Đại Ngu, tổ chức thi cử để kén chọn người tài ra giúp nước. Nguyễn Trãi ra ứng thí đậu Thái Học Sinh và được trao cho chức Ngự Sử Đài Chánh Chưởng. Cha ông là Nguyễn Ứng Long lúc này đổi tên thành Nguyễn Phi Khanh và làm quan với nhà Hồ. Nhưng nhà Hồ bị quân nhà Minh, lấy cớ phù Trần diệt Hồ, kéo sang tiêu diệt. Nguyễn Phi Khanh cùng nhiều quan chức của nhà Hồ kể cả Hồ Quý Ly và hai con là Hồ Hán Thương và Hồ Nguyên Trừng bị quân Minh bắt giải về Kim Lăng. Nguyễn Trãi và người em trai là Nguyễn Phi Hùng theo cha đến ải Nam Quan thì Nguyễn Phi Khanh lệnh cho Nguyễn Trãi trở về "tuyết quốc sỉ, báo phụ cừu" (rửa thẹn nước, báo thù cha) và chỉ cho Nguyễn Phi Hùng đi theo sang Trung Quốc.

Nguyễn Trãi trở về đến Đông Quan thì bị tướng giặc là Trương Phụ bắt và dụ ông ra hợp tác. Ông từ chối. Trương Phụ toan giết ông nhưng Hoàng Phúc, một viên tướng Minh khác đã xin tha cho ông và buộc ông phải sống ở Đông Quan để chúng dễ bề kiểm soát. Trong thời gian chiếm đóng nước ta, quân tướng nhà Minh làm nhiều điều tàn ác bạo ngược, lòng người ai cũng oán giận. Lê Lợi nhân cơ hội ấy, tụ tập nghĩa binh khởi nghĩa ở Lam Sơn

(Thanh Hóa).

Nguyễn Trãi rời Đông Quan tìm vào Lam Sơn để hợp tác với Lê Lợi trong công cuộc kháng chiến chống quân Minh. Để ra mắt, ông trao cho Lê Lợi một kế hoạch chiến lược nhan đề là Bình Ngô Sách (kế hoạch bình định giặc Ngô). Trong kế hoạch này, ông chủ trương "công thành bất như công tâm", tấn công tâm lý tốt hơn và có hiệu quả hơn là tấn công thành trì của giặc. Ông được Lê Lợi giao cho chức Tuyên Phụng Đại Phu Hàn Lâm Thừa Chỉ. Với chức vụ này, ông đã soạn thảo những kế hoạch có tính cách chiến lược về chính trị cũng như quân sự cho nghĩa quân. Theo kế hoạch của Nguyễn Trãi, nghĩa quân đã bỏ thế thủ chuyển sang thế công, bỏ miền rừng núi tiến xuống đồng bằng, bỏ chiến thuật du kích chiến chuyển sang vận động chiến. Khi nghĩa quân đủ mạnh, Nguyễn Trãi đặt nặng tâm lý chiến hơn. Ông viết thư dụ hàng bọn tướng lãnh nhà Minh, đem những điều nhân nghĩa, lợi hại, họa phúc ra để thuyết phục họ. Thư dụ hàng của ông gửi cho các tướng Minh đủ mọi cấp bực: Vương Thông, Thái Phúc, Phương Chính, Trần Trí, Sơn Thọ. Lời lẽ trong thư khi thì ngọt ngào thân thiện, lúc thì đe dọa, uy hiếp, nhưng lúc nào cũng tỏ ra độ lượng của một bậc nhân giả học rộng biết nhiều. Những thư đó ông nhân danh Lê Lợi mà viết ra nên sau này thu thập lại trong sách "Quân Trung Từ Mệnh Tập".

Không phải ông chỉ ngồi trong bộ tham mưu mà thư đi thư lại. Có lần ông đã một mình vào bản doanh của giặc để dụ hàng. Tướng giặc là Thái Phúc cảm phục sự can đảm của ông, đã giúp ông trong công tác địch vận và đã chiêu dụ được một số quân tướng không nhỏ về hàng. Năm 1426, khi vây thành Đông Quan, Nguyễn Trãi đã cùng Lê Lợi đích thân ra mặt trận quan sát để chỉ huy. Lê Lợi cho làm một cái chòi cao, thân hành ở tầng thứ nhất và Nguyễn Trãi ở tầng thứ hai để ban bố hiệu lệnh và dễ quan sát tình hình quân giặc.

Khi quân cứu viện của Mộc Thạnh và Liễu Thăng kéo sang tiếp cứu, nghĩa quân đã phục kích ở Chi Lăng đánh cho đại bại. Vương Thông thấy quân cứu viện bị thua, nhận được thư dụ hàng của Nguyễn Trãi, cho người sang bản doanh của nghĩa quân xin hàng. Một số tướng khuyên Lê Lợi tiếp tục đánh lấy thành, nhưng Nguyễn Trãi đã thuyết phục Lê lợi nhận cho Vương Thông ra hàng. Vương Thông dẫn bọn tàn binh ra hàng và được toàn sinh về Trung Quốc. Bình định xong giặc Minh, Nguyễn Trãi soạn bài đại cáo bình Ngô để tuyên ngôn đất nước độc lập. Bài Bình Ngô Đại Cáo là một áng văn làm phần khích lòng người đã được ca tụng là một "thiên cổ hùng văn" (một áng văn hùng tráng ngàn đời).

Thế là từ đây đất nước không còn bóng giặc Minh, Lê Lợi lên ngôi vua lập ra vương triều nhà Lê. Nguyễn Trãi được ban cho quốc tính (theo họ vua mà gọi là Lê Trãi), được phong tước hầu (Quan Phục Hầu) và được cử giữ chức Nhập Nội Hành Khiển kiêm Lại Bộ Thượng Thư. Tuy nhiên, Lê Lợi sau khi lên ngôi vua đã tỏ ý nghi kỵ các công thần, đã cho bắt Trần Nguyên Hãn (sau phải tự tử) và tịch biên gia sản và xử tử Phạm Văn Xảo. Bản thân Nguyễn Trãi cũng có lần bị bắt nhưng sau lại được tha. Ông vẫn làm quan, nhưng không còn được tín nhiệm như trước.

Lê Thái Tổ băng hà, Thái Tử Nguyên Long lên kế vị (Lê Thái Tông), Ngphải Trãi được giao cho chức Phụ Chính để lo việc dạy dỗ ông vua trẻ. Trong triều đình bấy giờ có nhiều phe phái muốn nắm quyền, Nguyễn Trãi cũng bị cuốn hút vào những cuộc tranh giành quyền lực đó. Để thoát ra ngoài những tranh chấp đó, Nguyễn Trãi phải xin về Côn Sơn hưu trí (1438). Nhưng chỉ được một năm, vua Lê Thái Tông lại xuống chiếu vời ông ra giữ chức cũ và đặc trách cả về quân sự và hành chánh ở hai đạo Đông Bắc. Ông được đặc ân ở lại Côn Sơn làm việc, chỉ khi nào có việc cần và quan trọng mới phải về triều.

Lúc này vua Lê Thái Tông đã lớn (18 tuổi), muốn tập trung quyền lực trong tay nên đã tin dùng Nguyễn Trãi để thực hiện ý định đó. Thời kỳ này là thời kỳ vẻ vang nhất của Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, thời kỳ này chỉ kéo dài được ba năm.

Ngày 27 tháng 7 mùa Thu năm Nhâm Tuất (1442), vua Lê Thái Tông đi duyệt binh ở Chí Linh có ghé Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Lúc này Nguyễn Thị Lộ (người vợ lẽ xinh đẹp của Nguyễn Trãi) cũng đang ở Côn Sơn thăm chồng. Ngày 4 tháng 8 vua Lê Thái Tông trở về kinh đô, Nguyễn Thị Lộ được lệnh theo hầu xa giá, bởi Nguyễn Thị Lộ lúc đó đang sung chức Lễ Nghi

Học Sĩ. Đoàn xa giá về đến Lệ Chi Viện thì dừng lại đó nghỉ đêm, vua Lê Thái Tông bị cảm và chết đột ngột. Đưa linh cữu về đến Thăng Long, Nguyễn Thị Lộ bị bắt giam, Nguyễn Trãi đang đi kiểm tra ở hai đạo Đông Bắc nghe tin dữ vội vã về kinh thành cũng bị bắt giam và cả hai bị khép vào tội âm mưu giết vua và bị án tru di tam tộc. Một người thiếp của Nguyễn Trãi là bà Phạm Thị Mẫn đang có thai, may trốn thoát và sinh được một người con trai đặt tên là Nguyễn Anh Võ.

Nỗi oan khuất của Nguyễn Trãi và dòng họ 22 năm sau mới được vua Lê Thánh Tông tẩy rửa. Ông được trung phong chức Đặc Tiến Kim Tử Vinh Lộc Đại Phu tước Tán Trù Bá. Con ông là Nguyễn Anh Võ được cử giữ chức Tri Huyện và được cấp cho một trăm mẫu ruộng để dùng vào việc cúng tế. Nhà vua còn sai người sưu tầm lại các tác phẩm của Nguyễn Trãi đã bị cấm tàng trữ sau khi ông bị án tru di. Nhờ vậy, ngày nay chúng ta mới còn đọc được những tác phẩm giá trị của nhà thơ, nhà biên khảo đầy lòng nhân ái và yêu nước đó.

Nhiều tác phẩm của Nguyễn Trãi đã bị thất lạc, ngày nay chỉ còn tên sách:

- Ngọc đường di cảo
- Luật thư
- Giao tự đại lễ
- Thạch bàn đồ (còn có tên là Thạch khánh đồ)

Những tác phẩm còn lưu lại đến nay gồm có:

1- *Quốc âm thi tập* là tập thơ Nôm gồm có 254 bài chia thành 4 đề mục: vô đề, thời lệnh môn, hoa mộc môn và cầm tú môn.

2- *Quân trung từ mệnh tập* gồm nhiều thư từ Nguyễn Trãi nhân danh Lê Lợi gửi cho các tướng lãnh nhà Minh để dụ hàng, khuyên rút quân về nước và thừa nhận nền tự chủ của dân tộc ta. Ngoài ra còn có biểu xin cầu phong, văn hội thề kết thúc cuộc chiến cùng lời kêu gọi hào kiệt tham gia hưởng ứng cuộc khởi nghĩa.

3- *Lam Sơn thực lục* là tác phẩm văn suôi chữ Hán ghi chép

về Lê Lợi và cuộc kháng chiến chống quân Minh.

4- *Dư địa chí* còn gọi là Ức Trai Dư địa chí là cuốn sách địa lý ghi chép địa lý thiên nhiên và hành chánh lãnh thổ Đại Việt qua các thời đại.

5- *Ức Trai thi tập* là tập thơ bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi gồm 105 bài.

Bàn về Nguyễn Trãi, không một nhà bình luận nào không cảm phục về lòng ái quốc, đức độ cao cả, nhân cách trong sáng, tài thơ văn, mưu lược cao xa, lòng nhân ái, quan điểm hết sức tiến bộ về nhân quyền và dân quyền. Ông là một chiến sĩ đấu tranh cúc cung tận tụy đem hết tài năng và trí lực ra để phục vụ cho công cuộc giải phóng dân tộc, giành lại nền tự chủ cho nước nhà. Ông là một nhà tâm lý chiến có biệt tài biết làm cho lòng người phấn khích cũng như biết tấn công đúng vào tâm lý của địch quân. Ông cũng là một nhà văn hóa lớn của dân tộc đã trình bày được nếp sống văn hóa và tư tưởng của Việt Nam đưa ra những quan điểm hết sức mới mẻ về sự quan trọng của người dân, sự bình đẳng của mọi người trong xã hội. Nguyễn Trãi là một nho sĩ trí thức nhập thế và đã làm cho người Việt Nam hãnh diện về lịch sử, tự hào về dòng dõi của mình khi đem so sánh với Trung Hoa,??? "dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có". Cho nên người đời sau đã tôn Nguyễn Trãi lên hàng "văn bá" (Nguyễn Mộng Tuân), "trong thiên hạ không ai hơn được nữa" (Tô Thế Huy), "viết thư, thảo hịch giỏi hơn hết một thời" (Lê Quý Đôn).

Cách đây 20 năm nhân kỷ niệm 600 năm ngày sinh Nguyễn Trãi (1380- 1980), cơ quan UNESCO của Liên Hiệp Quốc đã ghi tên Nguyễn Trãi vào danh sách các danh nhân thế giới để vinh danh trong năm 1980. Đó là một vinh dự cho chúng ta, những người Việt Nam nói chung và những học sinh của ngôi trường mang tên Người nói riêng.

Lưu Trung Khảo

Tiểu Sài Gòn,

CHO ĐẾN BAO GIỜ MỚI CÓ MỘT LỨA NGƯỜI NHƯ VẬY

HOÀNG KHỞI PHONG

Gởi những ai đã từng ngồi trong các lớp học của trường Trung Học Nguyễn Trãi

◆

I. Tôi sinh năm 1943, khi đất nước chuyển mình vào năm 1954, tôi thi đậu Tiểu Học và ngay lập tức được nghỉ học ở nhà, để chờ di cư vào Nam, vì cha tôi đã sớm nhìn ra được diện mạo của người Cộng Sản. Cha tôi đã từng tham gia kháng chiến từ những năm đầu thập niên 40, tuy không phải là một trong những khuôn mặt lớn của giai đoạn giành độc lập cho nước nhà, nhưng chắc chắn ông là người đã ý thức được bổn phận của một con dân, khi tổ quốc lọt vào tay ngoại nhân cai trị.

Cũng nhờ có những năm lê lết trong chiến khu, nên năm 1954 ông cương quyết quay lưng lại với cái gia sản đã được vun quén qua nhiều thế hệ. Đó là lý do tại sao tôi bị gián đoạn việc học một thời gian, để rồi một năm sau khi gia đình chúng tôi đã tạm ổn định tại miền Nam. Năm 1955 tôi thi đậu vào lớp Đệ Thất trường Trung Học Nguyễn Trãi, khi trường này cũng di cư vào Nam, không có trụ sở và phải học nhờ tại trường Tiểu Học Trương Minh Ký, trên đại lộ Trần Hưng Đạo, bên cạnh rạp xi nê Đại Nam Sài Gòn.

Nói như thế có nghĩa là tôi không phải là học sinh của trường

Nguyễn Trãi Hà Nội, như khá nhiều người hơn tôi vài tuổi, tôi chưa biết mặt ngang mũi dọc của ngôi trường này ở Hà Nội như thế nào, nhưng dứt khoát tôi là một học sinh trong những lứa học sinh đầu tiên của trường này nơi vùng đất mới.

Niên học 1955-1956 là một niên học đặc biệt đối với tôi, nó đánh dấu một giai đoạn mới cho con đường học vấn của tôi sau này, niên học này còn đặc biệt vì giờ học của nó. Như tôi đã viết ở trên, vì vừa mới di cư vào Nam, không có trụ sở phải học nhờ trường bạn của miền Nam, mà trường Trương Minh Ký thì không thể đùng một cái cho nghỉ cả chục lớp học, do đó năm đó học sinh Nguyễn Trãi chúng tôi phải học buổi trưa, bắt đầu từ 10 giờ sáng cho đến 2 giờ chiều, để trả lớp lại cho trường Trương Minh Ký.

Thời gian này sau những xáo trộn không thể tránh của cuộc di cư năm 54, Sài Gòn giờ đây tương đối là một thành phố êm ả, với một dân số trên dưới một triệu người. Về sự đi lại của dân chúng, thì ngoài những phương tiện cá nhân như xe đạp, xe gắn máy, xe hơi, giao thông công cộng có xe bus, taxi, xích lô và xe ngựa mà người Nam còn gọi là xe thổ mộ. Sở dĩ tôi nhắc tới loại xe này vì đôi khi đi học trễ, để nhanh chóng tới trạm xe bus cuối cùng ở Phú Thọ, tôi đã phải ngồi xe ngựa một nửa vòng trường đua Phú Thọ. Loại xe này vài năm sau biến mất tại Sài Gòn, vì bất tiện, vừa cản trở lưu thông trong thành phố, đôi khi còn làm mất vẻ mỹ quan, khi thỉnh thoảng đang chạy, chú ngựa già nua ngừng lại bất thình lình, cái đuôi cong lên và chú để lại đằng sau một đống phân to tướng, cùng với một bãi nước tiểu chảy loang lổ trên mặt đường.

Tôi nhớ suốt năm học này, trường Nguyễn Trãi không bao giờ có dịp chào cờ bởi giờ học lưng chừng của nó. Học sinh chúng tôi cũng ít có dịp được thấy thầy hiệu trưởng Trần Văn Việt, cũng như các thầy khác trong ban giám hiệu nhà trường, bởi lẽ các

thầy không có văn phòng. Tất cả các thầy xúm xít trong một căn phòng nhỏ, mà trường Trương Minh Ký có nhã ý dành làm văn phòng cho trường Nguyễn Trãi. Trong sân trường này tôi còn nhớ như in hai gốc me cổ thụ, mà trong những giờ tập hát với thầy Chung Quân, tôi mãnh liệt tin tưởng là tiếng hát của các lớp học nhờ buổi trưa, của trường Nguyễn Trãi đã làm cho những tàng lá me rung động liên tục trong những buổi trưa hè. Tôi còn nhớ rất rõ là niên học đó anh em chúng tôi hay ngủ gật, lý do chúng tôi chưa quen với khí hậu ngột ngạt buổi trưa của miền Nam, và vì vậy mà chúng tôi rất nhớ những giờ Nhạc tập hát, vô hình chung đã đánh thức các bạn đang ngủ gật trong những lớp kế cận. Đôi khi những tiếng còi xe vang lên bất thình lình ngoài đường, cũng có công trong việc đánh thức các cậu học trò đang trong tuổi hay ăn, hay ngủ đang lơ mơ trong các buổi trưa hè.

Tôi cũng nhớ như in trong sân trường này không có hàng quà, chỉ có vài thiếu nữ con của các công nhân làm cho trường, bầy bán những mẹt trái cây cũng như những loại bánh trái đặc biệt của miền Nam. Hằng ngày đi học, khi ngang qua rạp xi nê Đại Nam, một rạp hát sang nhất Sài Gòn trong thời điểm đó, tôi chắc hẳn các bạn đồng trang lứa với tôi đều thèm muốn có dịp được bước vào bên trong rạp, xem những phim mới nhất, hay nhất. Trong lớp tôi thời đó, có vài anh thích sưu tập các tờ chương trình xi nê, những anh này luôn luôn đánh giá trị cao các tờ chương trình của rạp Đại Nam, vì nó vừa quảng cáo cho các phim hay, hình các tài tử chính được trình bầy sáng sủa, đẹp đẽ.

Niên học 1955-1956 được học sinh chúng tôi đánh dấu bằng các bài tập hát với thầy Chung Quân, tác giả bài hát *Làng Tôi*, mà tôi tin là bất cứ ai đã học nhạc với thầy, đều có dịp hát bài hát này một lần. Đó là một bài hát hay. Hình như thầy Chung Quân không có một sáng tác nào khác, tuy nhiên để lại một bài hát như bài *Làng Tôi*, không phải là một điều dễ dàng cho bất kỳ một nhạc sĩ sáng tác nào. Chúng tôi được thầy cho tập hát rất nhiều bài hát cực hay như ba bài *Hòn Vọng Phu, Thu Trên Đảo Kinh Châu và Chú Cuội* của Lê Thương, ba bài *Hội Trùng Dương, Ly Rượu Mừng, Đất Lành, Tiếng Dân Chài* và *Sáng Rừng* của Phạm Đình Chương, *Hội Nghị Diên Hồng* của Lưu Hữu Phước, và một số ca khúc ngắn để tập giọng. Nhiều năm sau này tôi mới nghiệm được một điều: Không hiểu vì lý do gì mà thầy Chung Quân không bao giờ cho chúng tôi tập hát các bản nhạc rất hay của Phạm Duy.

♦

2. Trường Trung Học Nguyễn Trãi chỉ phải học nhờ buổi trưa nơi trường Tiểu Học Trương Minh Ký có một năm duy nhất. Năm thứ hai của ngôi trường này tại miền Nam, niên học 1956-1957 trường dọn tới địa điểm khác: Trường Tiểu Học Lê Văn Duyệt nằm trên đường Phan Đình Phùng. Vẫn là học nhờ, nhưng lần này sang cả hơn, được làm chủ toàn bộ ngôi trường trong buổi chiều. Nhờ đó học sinh chúng tôi bớt ngủ gật trong lớp vì giờ học đã thôi không còn là những buổi trưa hè. Đồng thời mỗi tuần toàn trường có một buổi chào cờ. Đó là dịp ít nhất mọi học sinh nhìn thấy thầy Hiệu Trưởng Trần Văn Việt, đứng giữa toàn ban giáo sư cũng như các giám thị của trường.

Chính trong sân trường tiểu học Lê Văn Duyệt này, một lứa người, một thế hệ học sinh được thành hình, song song với các bạn đồng trang lứa của trường các trường Bắc di cư vào Nam như: Trung Học Chu Văn An, Hồ Ngọc Cẩn, Trần Lục và Trưng Vương. Tất cả các trường này thoạt kỳ thủy mới di cư vào Nam đều học nhờ các trường của miền Nam. Chu Văn An tương đối may mắn hơn cả vì được Pétrus Ký nhường hẳn một dẫy nhà lầu lớn, cùng với hai dẫy nhà phụ thuộc để làm trường sở cho riêng mình, mãi cho tới niên học 1961-1962 mới được Bộ QGGD cấp kinh phí xây trường mới, bên cạnh Đại Học Xá trong Chợ Lớn. Trưng Vương học nhờ tại Gia Long trong những năm đầu trước khi có trường sở riêng gần Sở Thú Sài Gòn. Trong khi đó Hồ Ngọc Cẩn và Trần Lục hình như vẫn duy trì tình trạng học nhờ này cho tới năm 1975. Riêng Nguyễn Trãi về sau cũng được cấp trường sở mới tại Khánh Hội.

Những giao tiếp Bắc và Nam trong thời điểm di cư 54 chắc hẳn có nhiều điều đáng nói. Trong buổi giao tiếp này tránh sao khỏi đôi điều đáng tiếc đã xẩy ra. Tuy nhiên giai đoạn lịch sử này cho hậu thế biết được một điều chắc chắn: Những khác biệt Bắc Nam trong đời sống hằng ngày không

có nhiều. Nhưng mâu thuẫn Bắc Nam nếu có chỉ vì ảnh hưởng của chính trị, quyền lợi cũng như quyền lực đã làm cho nhiều người tối mắt lại, và gần đây nhất sau 75, những mâu thuẫn Nam và Bắc càng ngày càng bành trướng mạnh mẽ, do cách cai trị của những người miền Bắc khi tiến vào Nam.

Đặc biệt ngành Giáo Dục, trong thời điểm 1954, các vị thầy của miền Nam, đã mở hết vòng tay để đón nhận các trường Bắc di cư, cho tới khi những trường này được Bộ QGGD giải quyết về vấn đề trường sở một cách rốt ráo. Cũng vẫn ngành Giáo Dục này trong thời điểm 75, đã oằn vai gánh vác những áp đặt cực vô lý của những cán bộ ngành giáo dục miền Bắc. Ảnh hưởng tai hại của những áp đặt này vẫn còn di hại tới ngày nay, có lẽ phải mất nhiều thập niên nữa, may ra nền giáo dục của miền Nam nói riêng, của Việt Nam nói chung mới có thể lấy lại được hơi thở cũ.

Trở lại với trường Nguyễn Trãi, sau khi dọn về trường Tiểu Học Lê Văn Duyệt, và mọi chuyện tương đối đã ổn định, việc tổ chức trường ốc mỗi ngày một quy củ hơn, việc dậy dỗ học sinh một ngày khả quan và tất nhiên một lứa người mới đang hình thành.

Chính trong sân trường Lê Văn Duyệt, những cậu học sinh niên thiếu của trường Trung Học Nguyễn Trãi đã ươm mộng cho đời, và trở nên những người hữu dụng cho xã hội. Cống hiến của ngôi trường này cho tương lai là một đóng góp đáng kể, cho sự hình thành xã hội miền Nam. Mười năm sau những cậu bé học sinh di cư ngơ ngác đó đã hiện diện trong mọi ngành nghề của xã hội. Và cựu học sinh Nguyễn Trãi cũng góp mặt trong mọi bộ môn văn học nghệ thuật sáng tác cũng như trình diễn.

♦

3. Trong các trường Trung Học ở Việt Nam, hầu như rất ít trường có được một bài ca riêng cho trường của mình. Bài hát Trưng Nữ Vương không phải là một bài hát làm riêng cho chị em nữ sinh Trưng Vương. Đó là một ca khúc được viết bởi một nhạc sĩ thành danh, để ca tụng một tấm gương liệt nữ, đã lau phấn son, trả thù nhà đồng thời là nợ nước, mà trường Trung Học Trưng Vương đã dùng như là một bài ca riêng cho trường mình.

Về Chu Văn An, không có một bài ca nào nhắc đến tên của của vị danh nho này. Những trường khác như Gia Long, Pétrus Ký, Võ Trường Toản, Hồ Ngọc Cẩn, Trần Lục v.v... cũng không khác. Tôi rất tự hào về trường Nguyễn Trãi, ít nhất trên phương diện hành khúc, trường tôi có một bài hát mang tên là *Nguyễn Trãi Hành Khúc*. Bài hát này chưa chắc đã hay, nhưng chắc chắn không dở vì nó đã được chọn là bài hát tiêu biểu cho trường Nguyễn Trãi. Hơn thế nữa nó đã được chính một học sinh Nguyễn Trãi sáng tác khi anh còn đương ngồi trên ghế nhà trường. Anh là người bạn cùng lớp với tôi, tên là Phạm Ngọc Cung, học các lớp Thất, Lục, Ngũ, Tứ B3 vào những năm 55-56-57-58-59. Cũng như các bạn khác khi lên trung học đệ nhị cấp, anh đã chuyển qua trường Chu Văn An. Anh đã không sáng tác được bài ca nào khác cho ngôi trường mới, cho dù về danh tiếng trường Chu Văn An có tiếng hơn trường Nguyễn Trãi nhiều lần. Lời ca của bài hát này thật đúng là lời ca của học trò. Nó trong sáng, giản dị và vào đề trực tiếp: "*Anh em ta là học sinh hiệu đoàn Nguyễn Trãi. Ta luôn gắng công học hành để nêu tiếng thơm...*". Sau này vào đời anh là Trưởng Ban Quân Nhạc của Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

Liên hệ giữa Nguyễn Trãi và Chu Văn An có thể nói là một liên hệ đặc biệt giữa hai ngôi trường. Trong hơn mười năm trời, Nguyễn Trãi đã đào tạo cho Chu Văn An một nửa số học sinh trung học đệ nhị cấp của trường này, vì từ khi di cư vào Nam năm 1955, cho tới cuối thập niên 60, trường Nguyễn Trãi, trong khi không có trường sở phải học nhờ thì chỉ giảng dậy chương trình trung học đệ nhất cấp mà thôi. Mãi cho tới cuối thập niên 60, khi được cấp trường mới ở Khánh Hội trường này mới có các lớp trung học đệ nhị cấp.

♦

Càng về sau khi về già, tiếp xúc với các bạn đồng trang lứa tôi nghiệm được một điều: Lứa người sinh ra từ năm 1939 cho đến 1955 là một lứa người đặc biệt. Tôi chọn hai mốc thời gian này vì lý do: Năm 1939 là năm khởi đầu đệ nhị thế chiến, còn năm 1955 là năm kết thúc cuộc di cư từ Bắc vào Nam. Những ai đã sinh ra trong thời khoảng này là những người thiệt thòi nhất. Khi năm 75 ập đến họ còn quá trẻ để nắm giữ những địa vị quan trọng trong xã hội, nhưng

lại bắt đầu lớn tuổi, mệt mỏi để lê thân vào những chốn lao tù mà người Cộng Sản miền Bắc đã dành cho thế hệ đứng đầu sóng, ngọn gió của toàn bộ miền Nam. Chính vì họ là thế hệ thiệt thòi nhất, nên ngay từ khi còn niên thiếu, họ đã là những con người kỳ lạ tuyệt vời nhất. Tôi xin đơn cử ra đây vài mẫu người tiêu biểu cho thế hệ này. Tất nhiên tôi chỉ có thể ghi lại vài mẫu người tiêu biểu của Nguyễn Trãi và sau này trở thành Chu Văn An. Tôi hiểu rất rõ những trường khác cũng đóng góp không ít những khuôn mặt đặc biệt. Tôi cũng xin được giữ kín tính danh của những mẫu người đặc biệt này, vì e rằng những tiết lộ của tôi có vẻ khoe khoang bạn bè một cách quá lố chăng. Tuy nhiên tôi biết chắc một điều bất kỳ ai đã ngồi cùng lớp với những nguyên mẫu đặc biệt này, sẽ nhận biết nhân dạng bạn mình ngay lập tức.

Trước tiên chúng tôi là học sinh, nên điều đầu tiên cần nói là việc học. Không hiểu vì đâu mà vào thời tôi, mảnh bằng bác sĩ vô hình trung được coi là một học vị cao quý nhất. Thậm chí có nhiều người bản tâm không không hợp với thuốc men, máu mủ, nhưng để chiều lòng cha mẹ, đã thi vào ngành này. Cho dù họ vào trường thuốc vì lý do gì chăng nữa, thì chúng tôi vẫn nghiêng mình bái phục các vị này, họ đã cặm cụi suốt bẩy năm trời để hoàn tất một học vị mà họ không ưa thích. Tất nhiên chính những vị này khi ra trường sốt sắng mở phòng mạch hơn những người từ nhỏ đã nuôi mộng trở thành một lương y cứu nhân độ thế. Về các bác sĩ cùng thời điểm Nguyễn Trãi với tôi, có một vị hiện đang sinh sống ở Mỹ. Anh tên là T., vào Nguyễn Trãi cùng năm với tôi, nhưng khác lớp, đến khi sang Chu Văn An chúng tôi lại xa nhau thêm vì anh học ban A, trong khi tôi chọn ban B. Anh là người hồi nhỏ khi đứng trước ngôi mộ của người chị chết yểu vì bệnh, đã tự nhủ với lòng sẽ đem sức của mình, để góp phần đẩy lui căn bệnh hiểm nghèo đó. Sau này khi trở thành một y khoa bác sĩ thật sự, anh mới biết rằng lời nguyện trước kia không phải là một điều dễ thực hiện, tuy nhiên lời thề trước vị thánh y khoa Hypocrate thì anh tuân thủ một cách giản dị, vì bản thân anh thấy lời thề đó là một lời thề tử tế. Thế rồi chiến tranh lướt qua đời anh, anh trở thành một quân y sĩ, săn sóc thương binh ngoài mặt trận, bất kể là thương binh này đến từ phía nào. Ở Việt Nam cũng như ở Mỹ anh không bao giờ mở phòng mạch. Trong thời chiến tranh đã có lần anh làm y sĩ trưởng cho một trung đoàn. Có lần anh nhỏ nhẹ nói với vị trung đoàn trưởng của anh là sử dụng thuốc trụ sinh bừa bãi thì chỉ có hại, chứ không có lợi. Khi bị từ chối không cấp phát mấy lọ trụ sinh, viên trung đoàn trưởng có hàm ý đe dọa anh là ông ta sẽ được lên tướng, thì người bạn cùng trang lứa với tôi cũng lại nhỏ nhẹ nói rằng: *"Thế đại tá có biết là nếu ngày mai chẳng may cả hai cùng bị giải ngũ, tôi vẫn là y sĩ trong khi đại tá sẽ là cu ly không?"* Tôi biết thật rõ trường tôi sản xuất khá nhiều y sĩ. Người ham phòng mạch và lời thề khi ra trường càng lúc càng xa thì ngược lại người như anh T. đã nói trên cũng không phải là ít.

Bên cạnh học vị y khoa bác sĩ, và các ngành liên hệ như nha và dược, trường trung học Nguyễn Trãi thời tôi, cũng đã sản xuất rất nhiều đóng góp cho các ngành khác. Từ ngôi trường này bước xuống lòng đời có rất nhiều luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, giáo sư... Tôi yêu biết bao những người cùng lứa với tôi đã tạm ngưng việc học của mình vì sinh kế và hoàn cảnh gia đình, phải bỏ học nửa chừng khi chưa hoàn tất được bậc tú tài, đã phải thi vào các lớp sư phạm tiểu học, hay cán sự các ngành. Nhưng chính những người này mới thực đóng góp không nhỏ vào việc điều hành các guồng máy một cách hữu hiệu, hay khác đi chính những cán bộ trung cấp của các ngành đã là những động cơ chính, để kiến thiết một xã hội ngày một tốt đẹp hơn. Sau cùng thì chiến tranh vẫn là cái lò khổng lồ, nuốt trửng hàng ngàn, vạn thậm chí hàng triệu con người.

Nói về binh nghiệp thì trường Nguyễn Trãi cũng như hàng trăm ngôi trường khác ở Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào việc đào tạo phẩm chất cho hàng ngũ sĩ quan các cấp của QLVNCH. Hãy nói riêng về trường trung học Nguyễn Trãi, kể từ khi còn ở Hà Nội cho tới khi di cư vào Nam. Kể từ khi học nhờ trường tiểu học Trương Minh Ký, rồi học nhờ tại trường Lê Văn Duyệt, cho mãi tới khi có trường sở riêng ở Khánh Hội, và ngay chỉ lấy giai đoạn di cư vào Nam của trường này nghĩa là từ năm 55 cho tới năm 75 là chẵn tròn hai mươi niên học. Nếu đổ đồng mỗi năm trường này sản xuất hai trăm cậu tú tài, thì chỉ có một nửa

nghĩa là một trăm người vào các trướng chuyên nghiệp, không phải khoác chiến y. Mỗi năm một trăm cậu tú còn lại của trường Nguyễn Trãi, đã xếp bút nghiên theo việc binh đao. Hai mươi năm là hai ngàn người đã từ ngôi trường cũ của tôi, bước vào các lò luyện người, để rồi lắc mình một cái trở thành những sĩ quan của QLVNCH. Con đường chiến binh của những cậu tú này bắt đầu từ các quân trường, mà đông đảo nhất là trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, nơi đào tạo các sĩ quan trừ bị cho miền Nam. Với những cậu tú coi binh nghiệp như một nghề để tiến thân, nơi họ sẽ tới trình diện là Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, hay Nha Trang nơi đón tiếp các chàng trai có mộng hải hồ, hay bay bổng vì Trường Sĩ Quan Hải Quân, và Không Quân đồn trú tại thị xã Nha Trang. Dù bước chân vào quân trường nào, thì sau khi mãn khóa học, những cựu học sinh Nguyễn Trãi đã chen vai thích cánh với các bạn cùng trang lứa, hay những anh lớp lớn nơi các quân trường này. Trong buổi lễ ra trường, họ sẽ hiên ngang tiến tới vị trí hành lễ ở vũ đình trường, tuân theo lệnh của vị sĩ quan chỉ huy buổi lễ để: *"Quỳ xuống các Sinh Viên Sĩ Quan"*, để rồi sau đó: *"Đứng dậy các Tân Sĩ Quan"*.

Dù xuất thân ở quân trường nào chăng nữa tôi biết chắc trong anh em chúng tôi cũng có một số thật nhỏ tham gia vào hàng ngũ những cấp chỉ huy đội trên đạp dưới, song con số này thật nhỏ, nhỏ vô cùng so với các sĩ quan đã chiến đấu cho tới ngày, giờ, phút, giây cuối cùng, của miền Nam. Chẳng những thế, những sĩ quan thật trẻ của trường Nguyễn Trãi khi xưa khi thất thế bị cầm tù, sau một thời gian thật ngắn bị dao động ban đầu, đã lấy lại được con người thật của mình, không tự chà đạp lên nhân phẩm của mình, cho dù chỉ là một nhân phẩm của những người thất thế bị cầm tù.

Tôi chọn C. Ria là một khuôn mẫu cho đông đảo những sĩ quan thật trẻ của trường tôi ngày nào. Anh tên là Nguyễn Thanh C. Anh và tôi cùng năm tại Nguyễn Trãi, nhưng cũng không cùng lớp. Mãi cho tới khi sang Chu Văn An anh mới có biệt hiệu là C. Ria, chỉ vì hồi còn học Nguyễn Trãi anh cũng như tôi, mới 14, 15 thì không nào mọc râu ria cho được. Chính vì bộ ria này mà năm cuối cùng của Chu Văn An anh bị đưa ra Hội Đồng Giáo Sư. Anh đã khước từ được bào chữa bởi một giáo sư dậy Triết được Hội Đồng Giáo Sư chỉ định. Khi tự bào chữa cho mình, anh đã làm toàn thể những người hiện diện cười bò ra, mất hết vẻ nghiêm trang của một phiên họp nặng về kỷ luật, một truyền thống của trường Chu Văn An. Bằng một cách nói thật chậm, C. Ria tự cãi cho mình:

"Kính thưa các thầy trong Hội Đồng Giáo Sư, con tên là Nguyễn Thanh C. Các bạn con không một ai gọi con bằng tên cúng cơm không mà thôi, các bạn gọi con là C. Ria. Bố con cũng rất khó chịu vì bộ ria này, và có treo giải thưởng nguyên một chiếc xe Solex, nếu con chịu thí phát bộ ria. Thế mà con vẫn đi học bằng xe đạp. Bởi vì khi người ta đã là C. Ria, thì người ta có thể không có xe Solex, nhưng dứt khoát là phải có ria. Nếu các thầy thương cho con ngồi lại học hết năm nay thì con xin cảm ơn tất cả các thầy trong hội đồng, còn nếu phải cạo ria mới được vào lớp, thì cuối năm con đành liều mạng đi thi tú tài, dưới danh nghĩa thí sinh tư do mà thôi. Ngày xưa các cụ nói Sĩ khả sát bất khả nhục, phần con ngày nay, con sẽ bảo vệ tới cùng cái tên hiệu các bạn đã ưu ái dành cho con."

Cuối năm đó C. Ria không phải đi thi thí sinh tự do, nhưng anh bị buộc không được nêu thắc mắc mỗi khi các thầy cho phép đặt câu hỏi, bởi vì khi nói, anh thường chu môi, chúm mỏ, nhăn mặt, khiến cho bộ ria như là một con sâu róm nằm vắt ngang khuôn mặt nghịch tinh, hóm hỉnh của anh. Anh quả là một học sinh đã biết ghi lại dấu vết, khuôn mặt và thời điểm mình trong hàng trăm ngàn cựu học sinh của trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An ngày nào.

Lần cuối cùng tôi được nhìn thấy dung nhan anh là trong dịp Cộng Sản tổng công kích đợt hai giữa năm 1968. Lần đó ảnh hưởng của Tết Mậu Thân còn hằn trên mặt mọi người, quân cũng như dân. Sau khi đơn vị tôi tạm ổn, tôi về phép Sài Gòn, và được một anh bạn cố tri rủ đi cà phê tại góc đường Hai Bà Trưng và Hiền Vương. Trước khi đi lính chúng tôi hay ngồi cà phê này, để ngắm các cô nữ sinh của trường Thiên Phước gần đó. Tuy cả hai không nói ra, song tôi biết chắc đã đi cà phê với ông bạn này, thì sẽ còn một tiết mục khác vô cùng hấp dẫn sau đó. Khi ly cà phê của tôi

đã cạn, tôi dợm đứng dậy trả tiền thì một đám ma đi ngang qua. Đám ma nhà binh, có cả mấy người lính quân nhạc thổi những bài kèn buồn bã. Đột nhiên tôi nhìn thấy cô gái mang tấm ảnh người đã khuất đi sau quan tài có dáng quen quen. Nhìn kỹ lại thì cô chính là em gái của C. Ria ngày nào. Trong hình anh đã là Cố Thiếu Tá. Anh đã ngã xuống ngay cửa ngõ thủ đô Sài Gòn, cách không xa nhà anh ở Phú Thọ Hòa là bao. Tôi biết chắc anh đã nằm xuống cho cha mẹ anh, các em gái của anh cũng như các cô nữ sinh Trưng Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt được yên giấc ngủ hơn.

Cả tôi và anh bạn cố tri hôm đó sau khi trả tiền, không hẹn mà gặp cùng chung bước tiễn C. Ria đến nơi an nghỉ cuối cùng, trong nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi. Đó là lần đầu tiên tôi đi uống "cà phê chay" với ông bạn cố tri của tôi, và cũng là lần cuối, bởi vì chỉ sau C. Ria có vài tháng, anh cũng lại ra nằm nghỉ nơi nghĩa trang Biên Hòa. Để rồi sau này thỉnh thoảng khi có việc đi ngang nghĩa trang này, tôi thường hay ngừng xe, bước xuống trước là chiêm ngưỡng vẻ đẹp u hoài của người lính nơi pho tượng Tiếc Thương của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu, và kế đó tiến vào bên trong, không phải chỉ để tưởng nhớ một mình ông bạn cố tri, chuyên trị cà phê mặn. Nghĩa trang càng về sau càng có nhiều bộ mặt quen thuộc của Nguyễn Trãi, Chu Văn An ngày nào.

Thấm thoắt thế mà thế hệ chúng tôi đã toan bước vào tuổi lục tuần. Đã có nhiều người nằm xuống trong chiến tranh và sau chiến tranh. Đã có nhiều người nằm xuống nơi quê nhà, và nơi quê người. Những ai còn lại thì tan tác thành muôn ngàn mảnh nhỏ. Tôi nhớ cách đây hơn mười năm, trong ngày khai trương quán cà phê Hải Âu, Cao Xuân Huy, một người em, một cựu học sinh Nguyễn Trãi sau tôi vài năm dẫn lại quán một người bạn cùng lớp với Cao Xuân Huy. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi tiếp chuyện với anh bạn này. Anh tên là Vũ Quốc Thái. Trong lần gặp gỡ này, Thái tiến tới thật gần tôi, và dơ tay chào theo kiểu nhà binh. Anh nói với tôi:

"Không phải chào nhà binh đâu, chào niên trưởng Nguyễn Trãi đó".

Đột nhiên anh nghiêm cứng người lại, mắt ngước lên cao và cất giọng hát:"Anh em ta là học sinh hiệu đoàn Nguyễn Trãi...".

Chỉ mới nghe một câu hát mở đầu, xuyên qua hình ảnh Phạm Ngọc Cung tác giả bài hát này, tôi nhớ ngay lập tức những người bạn đã ngồi cùng một lớp với tôi năm nào. Chẳng những hầu hết tính danh các bạn trong lớp, tôi còn nhớ nét mặt từng người, thậm chí tôi cũng không quên cả chỗ họ ngồi, nhóm bạn thật thân trong lớp của tôi cũng như những nhóm khác... Tưởng cũng nên nhắc lại từ khi xa Nguyễn Trãi và Chu Văn An, tôi không bao giờ gặp lại Phạm Ngọc Cung. Anh cũng hệt như thầy Chung Quân dậy nhạc chúng tôi năm nào, chỉ để lại cho đời một bài *Làng Tôi* duy nhất. Bản nhạc của thầy Chung Quân đã đi vào lòng rất nhiều người Việt, và sẽ còn được nhắc nhớ tới sau này. Nhưng bài *Nguyễn Trãi Hành Khúc* của Phạm Ngọc Cung thì chỉ có một số thật ít những ai học sau Phạm Ngọc Cung khởi đi từ ngôi trường Nguyễn Trãi này. Khi lứa người này vĩnh viễn nằm xuống thì có lẽ chẳng còn một ai trên cõi đời này còn nhớ tới bài hát này, cũng như ngôi trường này.

Có một điều tôi biết chắc là những ngôi trường trung học ở Việt Nam bây giờ và sau này, sẽ không bao giờ tái sản xuất được một lứa người như thế hệ chúng tôi. Cho dù những ngôi trường đó vẫn còn mang danh tính là Trưng Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Pétrus Ký, Võ Trường Toản, Hồ Ngọc Cẩn cùng hàng ngàn ngôi trường lớn nhỏ khác trên khắp giải đất hình cong chữ S. Cho dù bây giờ người ta có dựng lại được miền Nam, người Cộng Sản cũng không còn ngự trị tại miền Bắc thì vĩnh viễn lứa học sinh này đã lui vào quá khứ. Nước Việt mai sau có thể sản xuất những lứa người tài giỏi hơn lứa chúng tôi, nhưng dứt khoát không thể nào sản xuất được một lứa người như thế hệ chúng tôi.

Hoàng Khởi Phong

Cali tháng 11-00

NHỚ VỀ NGÔI TRƯỜNG CŨ. VIẾT CÁI GÌ?

TẠ QUANG TRUNG

Ông bạn già từ Cali gọi điện thoại sang Miền Đông vấn an rồi báo tin: "Hội cựu học sinh trường Trung học Nguyễn Trãi dự định ra một giai phẩm, ông có đóng góp được gì không?"

Cái tin này, câu hỏi này của ông bạn nhà báo, bạn cố tri gần năm mươi năm, mà nay đã đều trên dưới sáu mươi, đã có con, đã có cháu, nói chuyện tay đôi với nhau vẫn còn mày tao được, nhắc nhở tôi tới cái tuổi học trò. Cái tuổi học trò của chúng tôi hồi mười lăm, mười bẩy, như thơ của Nguyên Sa:

Khi mới lớn, tuổi mười lăm, mười bẩy

Làm học trò mắt sáng, với môi tươi.

hai câu thơ này, tôi, lúc nhớ, lúc quên, nhưng đại khái nó là như vậy.

Viết về mái trường xưa thì có nhiều kỷ niệm lắm, về ngôi trường, về bạn bè, về các thầy giáo, những năm tôi học, trường Nguyễn Trãi không có cô giáo, về sau này thì tôi không biết.

Tôi là một học sinh Bắc Việt di cư, học trường Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi. Thành thật khi báo như thế, như trong sơ yếu lý lịch, chẳng phải là để mong được cách mạng khoan hồng như hồi còn ở Việt Nam sau năm 1975, mà chỉ để tránh một sự ngộ nhận. Chẳng là nơi chúng tôi đang ở có một vài bạn học cũ, cùng có một thời học trường Nguyễn Trãi ngoài Bắc rồi trong Nam với chúng tôi, rồi lại có vài vị là giáo sư của trường Nguyễn Trãi Sài Gòn, nên nó dẫn đến cái tương quan thầy trò như quí vị ấy thường nhìn nhận, mà thực ra tôi biết rõ một trong số quí vị ấy lại là sinh viên của tôi ở Sài Gòn.

Như tôi đã thành thực khai báo ở trên, tôi học trường Trung học Nguyễn Trãi hồi đầu thời kỳ di cư. Nếu trường Trung học Nguyễn Trãi của chúng tôi ở Hà Nội là một cơ ngơi tòa dọc, dẫy ngang, một tầng lầu, lợp ngói đỏ, quét vôi vàng. Sân trường có nhiều cây bàng, mùa thu thì lá bàng đỏ, như bốn câu thơ:

Mùa thu, lá bàng đỏ!

Mùa thu, em đi rồi!

Mình ta rảo bước trên đường cũ

Thương nhớ dâng đầy lên đôi môi.

bốn câu thơ này rút ra từ một bài thơ tình của tôi. Và quả bàng khi chín thì mầu vàng, thơm ngát, cùi nó ngọt nhưng nhiều sơ. Đập hột nó ra, nhân nó trắng, ăn bùi lắm.

Trường Trung học Nguyễn Trãi ở Hà Nội còn có cái sân khấu lộ thiên, bức tường chắn ngang làm phông của sân khấu cao lừng lững, quét vôi trắng kẻ hoa văn: túi thơ và bầu rượu, đó là chí của kẻ sĩ, thong dong ngày tháng tiêu dao: tiến vi quan, thoái vi sư.

Trường Trung học Nguyễn Trãi ở Hà Nội còn nổi tiếng với điệu múa Trấn thủ lưu đồn. Đội vũ công gồm toàn học sinh, mặc quần áo lính thú, đội nón chóp, chân quấn xà cạp, múa theo giọng hát của Hoàng Thư:

Đất này đây

thanh lịch đây,

Đất mới hữu tình

Có đường vô sảnh tới dinh quan lưu đồn.

...

Kết thúc bài này như thế

này:

Kìa mi khoe rằng mi đẹp, mi ròn

Nhưng so cái bề nhan sắc thì mi vẫn còn kém xa

Dù mi khéo, mi khôn thì mi cũng thể đàn bà

Dẫu ta có vụng, mà ta có dại, ta vẫn là đàn ông

Kìa mi muốn cho đó vợ, đây chồng

Đó bế con gái, để đây bồng con trai

...

Chồng sinh, vợ lịch nhất ở trên đời

Ới! Ờ! Ơ! Ớ! Ờ! Ơ!

Quý vị có thấy lời than thở của một anh lính thú, ngày thời canh điếm, sớm tối dồn việc quan, nó kết thúc hậu hĩnh và đẹp đẽ như thế, nên dân Hà thành yêu giọng hát của Hoàng Thư và yêu luôn các học sinh trường Nguyễn Trãi.

Trường Trung học Nguyễn Trãi khi di chuyển vào Nam, thì đầu tiên học nhờ ở trường Nam tiểu học Cầu Ông Lãnh, ngay ngã tư đường Trần Hưng Đạo và Nguyễn Thái Học bây giờ, cổng trường quay ra đường Nguyễn Thái Học, có bức tường gạch quét vôi vàng bao quanh. Giữa bức tường gạch vây quanh trường học là khoảng đất rộng ba, bốn thước có trồng mấy bụi chuối. Phải kể rõ như thế vì trong số quý vị giáo sư và giám thị của trường Nguyễn Trãi, có hai vị hằng ngày thường hay ra đứng cạnh các bụi chuối này, vạch quần ra, tè vào gốc chuối. Đó là giáo sư Anh Văn "Ba-đen-pao-oen-sao-rần-sit," da bánh mật, cao lớn, hùng vĩ, đi chiếc xe Lambretta, và thầy giám thị có biệt danh Lý Ba Sơ, là một cụ đồ già, thường mặc chiếc quần ta và cái áo dài mầu trắng, đội khăn xếp đen, đi giầy Gia Định đen. Hai thầy tuổi hạc đã cao, chân thận yếu, thường xuyên tưới cho mấy bụi chuối nên quanh năm ngày tháng nó xanh um tươi tốt. Có thằng học sinh tò mò, rắn mắt, rình rập hai thầy rồi về lớp kháo ầm lên, của thầy Ba đen to quá, đập vào thân chuối kêu bồm bộp.

Vì là đi học nhờ, nên chúng tôi phải học ca nhì từ gần trưa đến chiều, được khoảng hơn bốn tiếng. Buổi sáng phải dành cho trường tiểu học.

Con đường Nguyễn Thái Học, vào dịp Tết, các thương lái và nông dân chở dưa hấu lên Sài Gòn bán, dưa chất đầy hai bên lề đường cao như núi. Cũng phải kể thêm, bên kia đường Nguyễn Thái Học, khúc cuối gần đường Phạm Ngũ Lão, có trường nữ tiểu học Tôn Thọ Tường. Nữ học sinh tiểu học Bắc Việt di cư học nhờ ở đấy, cùng học ca hai. Trong số các nữ sinh di cư này có một cô mặn mà duyên dáng tên là Hải, da cô bánh mật nên có biệt danh là Hải đen, sau cô là ca sĩ lấy tên là Diệu Anh, cái tên phảng phất mùi thiền.

Đối diện với hông trường nữ Tôn Thọ Tường trên đường Nguyễn Thái Học là nhà thuốc của cụ lang Võ Văn Vân, có bán thuốc Tam tinh Hải Cẩu bổ thận hoàn, mà nếu đi coi chiếu bóng vào thời ấy, trước khi quí vị phải đứng lên để chào cờ và suy tôn Ngô Tổng Thống rồi ngồi xuống xem phim thời sự tổng thống đi kinh lý, thì quí vị thường được xem các phim quảng cáo, trong đó có quảng cáo của nhà thuốc Võ Văn Vân: thuốc Tam tinh Hải Cẩu bổ thận hoàn, hộp thuốc có in hình một lão trượng (hay một thanh niên trác táng) tóc bạc phơ, tay chống gậy lê, tay đấm lưng, có tiếng hát: thuốc Tam tinh là thuốc của thanh niên, có lời chú giải: tỉ như trình bầy thì tràn là mộng tinh, tỉ như bình lủng đít thì là di tinh v.v...

Như thân phận kẻ sĩ thời tao loạn, trường Trung học Nguyễn Trãi sau một, hai năm học nhờ ở trường tiểu học Cầu Ông Lãnh lại di chuyển về trường Tiểu học Lê Văn Duyệt ở đường Phan Đình Phùng Đakao, vẫn học ca hai. Ở vùng này trong một con hẻm của đường Phan Đình Phùng có tư thất cụ Đốc Long, cụ có hai cô con gái là nữ sinh Trưng Vương đẹp nổi tiếng, mỗi khi đi học hai cô phóng xe Solex như bay, tà áo trắng của hai cô vờn trong nắng Sài Gòn, làm nhiều trái tim học sinh trường Nguyễn Trãi thổn thức.

Hiệu trưởng trường Nguyễn Trãi thời đầu di cư là cụ Việt, rồi cụ Việt lên làm Hiệu trưởng trường Chu Văn An, cụ Vũ Đức Thận về thế.

Cụ Việt bụng bự, to lớn, nghiêm nghị, thường ít khi hỏi han, tiếp xúc với học sinh, chúng tôi ít có cảm tình với cụ. Trái lại cụ Thận người nhỏ nhắn, thường mặc bộ đồ vét bằng vải kaki trắng, đội mũ phớt, thường hay thọc hai tay vào túi quần sau, như cao bồi, đứng ở cửa văn phòng hiệu trưởng nhìn lũ học sinh chúng tôi. Chúng tôi rất kính mến cụ Thận vì cụ như một người cha hiền, một nhà mô phạm theo cách hiểu của người Á Đông. Cụ là bậc thầy luôn luôn yêu mến và chỉ

bảo cho học sinh biết phân biệt điều hay điều dở, điều này không bao giờ thấy ở cụ Việt. Trong văn phòng nhà trường có một nhân vật đặc biệt, đó là ông Hợi kế già, ông thù ghét bọn học sinh chúng tôi lắm. Học sinh có việc phải lên văn phòng, ông thường chửi rủa: "Sao chúng mày không chết hết đi cho rộng chỗ!" Ông đã nhiều tuổi đáng lẽ phải gọi là cụ, nhưng chúng tôi không ưa nên đứa thì gọi là ông, đứa thì gọi bằng lão. Không biết ông có hít tô phe không, nhưng má ông hóp, mắt ông sâu hoắm sau cặp kính lão, hàm răng chiếc còn, chiếc mất.

Giáo sư của trường Trung học Nguyễn Trãi ngày ấy, một số là giáo sư của trường di chuyển theo cơ quan, một số đổi từ các nơi khác đến, một số là giáo sư khế ước. Dạy nhạc có thầy Chung Quân chuyên sử dụng cây accordeon, nổi tiếng với bản nhạc Làng Tôi. Dạy vẽ có thầy Thịnh Del, thầy Thịnh Del dạy chúng tôi vẽ một đề tài muôn thuở là vẽ phối cảnh cái lọ mực, thầy nổi tiếng trong dân chúng và trong giới văn nghệ sĩ thủ đô hồi ấy vì thầy có mở ở nhà một lớp hội họa. Một hôm thầy đang dạy học trò vẽ khỏa thân, người mẫu là một cô gái đẹp, thì cảnh sát ập vào trói thầy và các môn sinh áp tải lên xe cây về bót. Cảnh sát truy tố thầy ra tòa dựa vào đạo luật bảo vệ thuần phong mỹ tục của bà cố vấn. Báo chí và văn nghệ sĩ can thiệp và làm ồn lên, nội vụ mới bãi bỏ. Chính quyền hồi đó muốn quy tụ học sinh vào đoàn thể dập khuôn theo miền Bắc, nên tổ chức trường học thành hiệu đoàn. Hiệu đoàn trưởng trường Nguyễn Trãi là thầy Tô Đình Hiền, ẻo lả như đàn bà, tay đeo nhẫn mặt hồng ngọc to tổ trảng.

Các giáo sư khế ước thường là sinh viên các phân khoa đại học, không có phương pháp sư phạm, tư cách đạo đức lại không cao, có ông leo cửa sổ vào lớp tôi đánh nhau với học sinh, chẳng ra làm sao cả.

Mà học sinh thời ấy có đứa oắt con mười lăm, mười bẩy, có đứa lớn tồng ngồng hai mươi mốt, hai mươi hai đã có vợ, có con đùm đề. Các bà vợ ở các trại định cư đi Sài Gòn thăm chồng, tay dắt đứa con, vai đeo bị gạo, tay cầm cặp gà đứng lấp ló ở cổng trường chờ chồng lúc giờ tan học là cảnh thường thấy.

Nên ra ngoài đường khó phân biệt thầy trò ở tuổi tác, chỉ còn hơn nhau ở tư cách, mà tư cách ông giáo sư khế ước thì như thế đấy. Hồi ấy trong đám học sinh có phong trào làm cao bồi, mặc áo chim cò, chưa có quần jean, nhưng mang dao con chó như vật trang sức, nên cụ Tổng giám thị, tên Lãng, có cuốn sổ bìa đen "thành tích bất hảo của học sinh các lớp." Thực ra cái thành tích bất hảo này không có gì là ghế gớm lắm, chỉ là cúp cua đi đánh lộn, không thuộc bài, phải đi công si ngày Chủ Nhật mà thôi.

Trường Nguyễn Trãi, hồi đầu di cư có một lớp B4 toàn nữ sinh, các cô học từ lớp đệ thất đến đệ ngũ thì sát nhập vào trường nào không biết. Trong số các cô nữ sinh này có một cô tôi biết từ Hà Nội. Tôi và cô cùng là học sinh trường Mê Linh ở làng Đồng Nhân, ngoại thành Hà Nội. Khi tôi vào học trường Nguyễn Trãi thì cô vẫn còn học ở trường Mê Linh. Vào Sài Gòn tôi lại gặp cô. Tôi nhận ra cô vì cô là một nữ sinh đanh đá nổi tiếng của trường Mê Linh. Hà Nội có ba mươi sáu phố phường, không có phường hàng tôm, mà cũng chẳng có phường hàng cá, không biết cô ở phường nào mà đanh đá quá trời. Tên cô là "tiếng chuông vàng thủ đô."

Học cùng lớp với tôi có Trí Bò, to con, cao lớn, cả lớp xếp hàng, nó luôn luôn đứng đầu hàng. Bò không phải là con bò mà cũng không có nghĩa là Trí bò giỏi hơn đi. Cả lớp có hai thằng Trí cùng họ, cùng tên, nên trong sổ gọi tên phải đặt tên Trí A và Trí B để phân biệt. Trí B biến thành Trí Bò, cũng như Phạm Bá Vinh trưởng ban Xã Hội biến thành Quận He Phan Ba Vành là thế. Quận He là chủ nhiệm báo Sóng Thần ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Trí Bò sau đi học lớp sĩ quan Bảo An. Đầu hàng là Trí Bò, cuối hàng là Khánh Lỉn, lỉn là lùn, là nhỏ con. Thằng này tạng người nhỏ thó mà hay láu táu. Sau đi cảnh sát, có tới ba bà vợ lận. Một hôm buồn tình, kê khẩu P.38 vào màng tang, nổ một phát, mất mở trừng trừng, khi cô vợ ba đến vuốt mắt mới nhắm được mắt, yên giấc ngàn thu. Giữa hàng là lũ chúng tôi, đứng hàng thứ ba sau nhất quỉ, nhì ma, có Nguyễn Hữu Phước tức thầy đội Phước làm trưởng lớp mấy năm liền. Thầy đội Phước trưởng lớp tốt bụng với anh em, không phải là thầy đội Phước đao phủ thủ của thời Đệ nhất Cộng Hòa. Đội Phước trưởng lớp sau này là Chánh lục sự mặt trận Vùng ba chiến thuật. Nguyễn Văn Nhi, luật sư Tòa Thượng Thẩm, hồi còn là sinh

viên có giọng ngâm thơ nổi tiếng, mê ca sĩ nên lấy biệt hiệu là Hoàng Oanh Nhi. Trịnh Đình Thông, bỏ trường luật đi học trường Võ Bị Đà Lạt, anh hùng trận Bình Long mùa hè đỏ lửa, và nhiều nhân tài nữa như Hoàng Kim Ký tức Kim Khí, Nguyễn Văn Mỹ có giọng ténor số một, Nguyễn Văn Như anh hùng TQLC v.v...

Tôi học ở trường Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi, ở đậu ở trường Tiểu học Lê Văn Duyệt một năm, thì lên Đệ Tam học ở trường Chu Văn An. Thông tư của Bộ quốc gia Giáo dục bắt học sinh trung học phải mặc đồng phục quần xanh, áo chemise trắng, mà nhà nước lại không cung cấp vải. Nhà tôi nghèo, không may nổi một bộ đồng phục cho tôi, gặp cụ Việt kỷ luật hắc búa, tôi phải nhờ bạn mang cặp lên lớp trước, rồi leo ống máng lên lan can vào lớp học, ngồi trong lớp mà lòng nơm nớp lo sợ bị bắt ra khỏi phòng học.

Một hôm tôi đang leo máng sối lên lầu 1 vào phòng học, thì bị một bàn tay nắm chân tôi kéo xuống, tưởng một thằng bạn tinh nghịch, tôi đạp mạnh chân vào mặt nó, chẳng ngờ đó là cậu moniteur bắt tôi, đây không phải là nhiệm vụ của cậu, mà là của các thầy giám thị. Cậu là huấn luyện viên thể dục, không có phần, nhưng cậu làm le với học trò, bắt tôi.

Không có quần xanh đồng phục là một lỗi, đạp vào mặt cậu moniteur là một tội, mà tội này nặng lắm. Tội cộng với lỗi chắc chắn phải ra trước hội đồng kỷ luật và bị đuổi học, nên tôi bỏ học luôn. Trước sau, tôi học lớp đệ tam A3 Chu Văn An có nửa năm. Kỷ niệm không mấy vui, mà buồn thì nhiều, luôn luôn phải lẩn trốn các thầy giám thị vì không có đồng phục nên thuở học sinh, tôi vẫn là học trò Bắc Việt di cư, học trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi.

Trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi sau này đi đâu, dọn về phương nào, tôi không biết. Khoảng cuối thập niên 60, sau Quân tiếp vụ ở đường Thiên Hộ Dương, trong vòng rào cư xá sĩ quan Chí Hòa có một ngôi trường mang tên Nguyễn Trãi. Nhớ trường xưa, thầy cũ, tôi dừng xe vào hỏi. Vị hiệu trưởng cho biết đây là ngôi trường tiểu học của quân đội. Còn ngôi trường Nguyễn Trãi xưa của tôi ở đâu, ông không biết.

Sang đây mới biết, về sau trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi được định cư ở Khánh Hội, quận Tư, ngôi trường khang trang lắm.

Nay ngồi viết bài này tặng Long Ân, Phạm Bá Vinh, Nguyễn Văn Như v.v... những người bạn đã một thời, cùng mài đũng quần trên ghế nhà trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi, mà nay đã trên dưới sáu chục tuổi, nơi chốn công khai, trước mặt vợ con, cháu chắt gọi nhau trang trọng bằng ông, ông, tôi, tôi. Còn trong chốn riêng tư vẫn còn mày mày, tao, tao được. Và cũng là để tặng các bạn trong hội cựu học sinh trường Nguyễn Trãi ở Hoa Kỳ.

Sau cùng, để nhắn nhủ các bạn tôi, cựu học sinh trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi, sau lên học đệ tam Chu Văn An mà nay chỉ nhận là học sinh trường Chu Văn An, các bạn có sau quên trước, nay vui duyên mới, phũ phàng tình xưa, ăn ở không có thủy thì sao có chung cho được. Thân ái và nhớ cho rằng các bạn là cựu học sinh trường trung học Bắc Việt di chuyển Nguyễn Trãi.

TẠ QUANG TRUNG

Richmond, tàn thu 2000

THẦY CŨ BẠN XƯA

LONG ÂN

Năm đầu tiên di cư từ Bắc vào Nam, đám học trò Nguyễn Trãi chúng tôi đi học nhờ tại một trường tiểu học nằm sát bên rạp chiếu bóng Đại Nam. Đám học trò "chủ nhân" học buổi sáng và buổi chiều. Đám học trò "học nhờ" chúng tôi học buổi trưa. Vào giữa trưa trời nắng chang chang, đúng vào giờ ăn quen thuộc, mùi xào xáo thơm lừng từ những quán ăn quanh trường bay vào lớp học, khiến cho đám học trò chúng tôi lòng dạ ngổn ngang. Chúng tôi vừa ngồi nghe thầy giảng bài, vừa cố đàn áp cơn đói nổi dậy trong bụng dạ đang sôi sùng sục. Một năm sau chúng tôi dọn về học nhờ tại một trường tiểu học khác nằm trên đường Phan Đình Phùng, và không còn phải học giữa trưa như ngày nào nữa.

của những bà mẹ Việt Nam an phận chịu đựng nơi những chợ búa nghèo nàn.

Đổi trường được ít lâu thì thầy hiệu trưởng V. đổi qua trường Chu Văn An, thầy V.Đ.Th. từ trường Chu Văn An sang kế nhiệm. Thầy V.Đ.Th. dáng người nhỏ bé, vẻ mặt lúc nào cũng khắc khổ và lạnh lùng. Thầy luôn mặc bộ complet trắng. Đám bạn hữu chúng tôi không có cảm tình với thầy V.Đ.Th., chúng tôi cho rằng thầy là hiệu trưởng của thực dân, phong kiến. Chúng tôi nhớ lại hình ảnh những ông Tây thuộc địa đội mũ bấc, mặc cpmplet trắng, tay cầm baton lừng lững đi trên quê hương Việt Nam của chúng tôi. Và chúng tôi cũng nhớ lại hình ảnh những viên cảnh binh Tây hoạnh họe, đạp thúng đá mẹt vèo. Tôi sụp mình xuống bên cửa sổ, và chưa kịp khoái trá vì tránh được "ám khí", thì tôi đã sợ hãi đến xanh mặt, miếng dưa hấu bay trúng thầy V.Đ.Th. vừa đi tới. Thầy lạnh lùng quay lại nhìn tôi. Cả lớp đang liên hoan bỗng yên lặng như tờ. Thầy V.Đ.Th. lạnh lùng bảo tôi theo thầy lên văn phòng hiệu trưởng. Văn phòng đầy giáo sư đang vui vẻ uống trà ăn bánh ngọt. Thầy V.Đ.Th. bảo tôi đứng chờ ở trước cửa văn phòng. Thầy vào tiếp các giáo sư, và một hai lần gì đó, thầy nhìn qua cửa sổ thấy tôi, nhưng hình như thầy chẳng quan tâm gì đến canh chừng "phạm nhân" đang lóng ngóng đứng chờ thầy. Tôi đứng chờ chừng mười lăm phút, tôi nghĩ thầy mải vui thầy đã quên tôi rồi, nên tôi lẳng lặng trở lại lớp học tiếp tục cuộc liên hoan với bạn hữu. Đ.V.T. vỗ vai tôi cười "thầy già rồi nên trí nhớ cũng kém!"

Tôi nhớ vào một dịp cuối năm, nhà trường cho phép đám học trò chúng tôi tổ chức ăn tất niên. Trong ngày vui lớn đó, thầy V.Đ.Th. mời các giáo sư lên văn phòng hiệu trưởng uống trà, để cho đám học trò được tự nhiên liên hoan. Như các cụ ta nói "vắng chúa nhà, gà vọc niêu tôm", đám học trò chúng tôi không có người chỉ huy, đã biến lớp học thành một bãi chiến trường hỗn loạn. Tôi nhớ vào lúc cái không khí "liên hoan" lên đến cao độ, Đ.V.T. đã cầm cả nửa quả dưa hấu, nhắm tôi mà ném cái

Hai tuần lễ sau, tôi tình cờ gặp thầy hiệu trưởng V.Đ.Th. ở hành lang nhà trường, thầy bảo tôi đi theo thầy, nhưng không phải đi về văn phòng hiệu trưởng. Thầy đi trước, tôi đi sau. Thầy hỏi tôi:

- Anh bao nhiêu tuổi?

Tôi thành khẩn khai báo:

- Thưa thầy, con mười bốn tuổi.

- Ông Lê Quý Đôn năm mười bốn tuổi đã làm bài thơ "rắn đầu biếng học". Học trò phải nghịch, nhưng nghịch ngợm cho đúng tác phong của người trí thức.

Tôi thưa thầy là tôi sẽ cố gắng.

Tôi kể câu chuyện này, không phải để kể lại một thành tích nghịch ngợm thuở học trò. Cái huyền thoại nghịch ngợm của học trò, thực sự chỉ là những huyền thoại được truyền khẩu và vẽ vời thêm hoa thêm lá theo với thời gian đã được những tay du ca viết thành những bài ballad và gieo rắc trên khắp nẻo giang hồ. Cái huyền thoại nghịch ngợm của học trò cũng như chuyện về chuyến hải hành kỳ diệu của Odysseus mà ông Homer đã viết lại trong tác phẩm mang tên Odyssey... Những huyền thoại đó là những chuyện cổ tích lý thú, để mọi người nhắc lại cho nhau nghe về một cái quá khứ rực rỡ đã mất hút... Tôi kể lại câu chuyện về thầy V.Đ.Th. để nói về cái tâm khoan dung, cái tính nghiêm chỉnh của các vị thầy học ngày xưa, những người đã coi công tác giáo dục là một thiên chức, là một sứ mệnh, là công việc trồng người để bồi đắp tương lai một dân tộc.

Phần lớn các giáo sư trường Nguyễn Trãi ngày đó đề là những sinh viên đại học chưa ra trường. Thầy như anh cả, trò như em út. Nhưng cả thầy và trò đều có những cố gắng lớn để giữ vững cái trật tự xây trên quan niệm chính danh của nhà nho, "Thầy ra thầy, trò ra trò". Nước loạn, giữ được đạo lý là việc thật khó khăn...

Hết năm đệ tứ, đám bạn hữu chúng tôi được chuyển qua trường Chu Văn An. Chúng tôi gặp lại thầy hiệu trưởng cũ là thầy V. và chúng tôi tiếp tục đi "học nhờ" ở trường Petrus Ký. Ở trường mới, chúng tôi thường tụ tập ở quán cà phê bít tất trước giờ học và trong giờ ra chơi, những cái nhgịch ngợm cũng theo thời gian mà thay đổi thật nhiều. Vào lúc này, một chút hơi thở "hiện sinh" từ phía xa tít bên trời Tây bay thoảng qua, khiến chúng tôi cũng bắt chước những suy tư của kẻ khác "Ta hiện sinh hay ta hiện hữu"?" Tôi để đầu tóc bù xù như cái tổ quạ cho nó có vẻ "băn khoăn quên hết chuyện đời."

Thầy giám thị H. vào lớp điểm danh, thấy tóc tai tôi lỡm chởm, thầy kín đáo đưa tôi tờ giấy mười đồng "Học trò lớn rồi, tóc tai phải cho nó đàng hoàng. Anh ra tiệm hớt tóc đi." Tôi ra quán bác Ba bít tất đánh một đĩa xôi lạp xường và một ly chè đậu đen vừa đủ mười đồng. Tuần sau thầy giám thị gặp tôi, thầy hỏi "Thầy biết anh... bận học nên chưa đi hớt tóc." Tôi ngượng quá, buổi chiều về học, tôi đạp xe ra tiệm hớt tóc bảo "cắt cho tôi kiểu tiền văn minh, hậu sư cụ..."

Trường Chu Văn An có thầy X.. Dĩ nhiên X. không phải là tên thầy. Tôi có lý do riêng không viết tên thầy ra đây. Đám học sinh chúng tôi đồn rằng thầy có một cô con gái rất đẹp, nên mọi người đều gọi thầy là "bố". Tôi vốn tính đa nghi, tôi tự nhủ là khi nào tôi thấy mặt Thúy Vân, Thúy Kiều rồi tôi đổi cách xưng hô với thầy cũng chưa muộn. Thầy X. được đám học sinh gọi bằng "bố", thầy chỉ cười xòa.

Một buổi sáng tôi và N.N.L. và N.V.U. đang ngồi ở quán cà phê bít tất thì thầy X. đi qua. N.N.L. khúm núm chạy lại bên thầy:

- Bố để con xách cặp cho...

Có lẽ thầy X. có chuyện gì không vui ở nhà, thầy đã có một phản ứng thật bất ngờ và thật thê thảm. Thầy lạnh lùng nhìn N.N.L.:

- Tại sao anh gọi tôi bằng bố? Tôi không hề quen người đàn bà đẻ ra anh!

Tôi sửng sốt đến nỗi đánh rơi chiếc muỗng tôi đang cầm trên tay. May phước ly chè đậu đen tôi lại để tern bàn. N.N.L. đáp lời thầy:

- Thưa thầy, tại con... kẹt với con gái thầy...

N.V.U. ngồi bên cạnh cười nhạt:

- Cá mè một lứa!

Thầy X. giận dữ bỏ đi.

Ở giờ toán, chúng tôi được giấy gọi lên gặp thầy tổng giám thị. Thầy tổng giám thị L. cho biết thầy X. đề nghị trừng phạt chúng tôi thật nặng về tội vô lễ với giáo sư. Thầy L. bảo "Các anh còn trẻ, chưa biết cái tai hại cho mình về những hành động thiếu suy nghĩ của mình. Thầy buộc lòng phải phạt các anh nhưng thầy không trình lên thầy hiệu trưởng để các anh khỏi phải ra hội đồng kỷ luật..."

Giờ ra chơi, chúng tôi ngồi ở quán bác Ba bít bất, tôi bảo cả bạn là tôi rất "bất ngờ" vì ngôn ngữ của thầy X., nhưng tôi cũng rất "bất ngờ" vì những ngôn ngữ của N.N.L. và N.V.U. "Ông ấy nhẩy xuống bùn, các bạn nhẩy

theo làm gì?". N.N.L. bảo tôi:

- Chung quy cũng chỉ vì cái ám ảnh "nhất quỷ nhì ma", cũng chỉ vì muốn chứng tỏ tài đối đáp. Tao thấy tao ngớ ngẩn như một thằng hề.

N.V.U. bảo "Tao rất bất mãn, tao định nói 'trò mất dậy mà thầy cũng mất dậy'. Nhưng tao là người tự trọng..."

N.V.U. cũng cười mà bảo tôi:

- Mày đừng buồn vì không nói gì, chỉ cười mà cũng bị buộc tội vô lễ. Các cụ có nói "kẻ đốt nhà tội không nặng bằng kẻ hò dô ta."

N.N.L. có tài đối đáp chớp nhoáng như vậy, sau này đã không trở thành một luật gia, mà lại trở thành một quân nhân TQLC. N.V.U. trở thành một nhà văn. U. đã thiệt mạng trong một cuộc phục kích ở miền Trung trong khi vừa nhận được lệnh biệt phái về bộ QGGD.

Đáng lẽ tôi không bao giờ kể lại câu chuyện thê thảm này. Tôi đã đổi ý vì một bài viết về trường cũ của giáo sư Đ.X.Th. trên đặc san Chu Văn An của vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, mà N.T.G. đã gửi cho tôi cách đây mấy năm. Giáo sư Đ.X.Th. là cựu hiệu trưởng trường Chu Văn An. Bài viết của giáo sư Đ.X.Th. thoạt đầu đã làm tôi sững sờ, nhưng sau đó tôi thấy bài viết dù có đắng cay nhưng là bài viết ngay thẳng, mà ngay thẳng là điều cần thiết trong cuộc đời đang đề cao cái lý mà rời xa cái tâm này.

Giáo sư Đ.X.Th. kể lại giấc mơ của ông thời nhỏ dại muốn vào học trường Chu Văn An. Ông đã thi đậu trong kỳ thi tuyển, nhưng đến giờ phút chót ông đã bị loại, vì chỗ của ông đã bị tước đoạt cho một học sinh khác được "gửi gấm" giáo sư H.X.H., một nhà trí thức lừng lẫy tôi có nghe tên. Giáo sư Đ.X.Th. cũng kể chuyện một giáo sư ngoài giờ dậy ở trường công, còn dậy thêm ở tư gia. Vị giáo sư này đã giải thích nguyên do những bài giảng của ông tại tư gia minh bạch và dễ hiểu hơn những bài ông giảng ở nhà trường "Một tô phở 5 đồng nó khác với tô phở 2 đồng". Giáo sư Đ.X.Th. kể lại trường hợp một học trò ra đời thành công, đã "phản thầy" để bước nhanh hơn, cao hơn trên đường danh vọng. Và trong bài viết đó, giáo sư Đ.X.Th. cũng kể lại biết bao nhiêu tấm gương cao đẹp của biết bao nhiều nhà giáo dục, đã không chịu khuất phục trước bất cứ áp lực nào, để giữ vững cái lương tri, cái sứ mệnh cao cả của kẻ sĩ.

Nước loạn, người trí thức vẫn giữ được lòng dũng cảm, vẫn soi sáng được lương tri, là một điều phi thường. Một vài trường hợp sa đọa cần được nhắc nhở như một lời cảnh giác. Tôi kể lại chuyện thầy cũ, bạn xưa với một vài khúc đắng cay không cần giấu giếm.

Trong hơn một thế kỷ bị lệ thuộc ngoại bang, đạo lý đã bị ném cho chết bờ chết bụi, người trí thức, kẻ sĩ vẫn giữ được giá trị của mình, là một dấu hiệu thật phấn khởi. Kể từ ngày đó đến hôm nay ở nơi xứ lạ quê người, nhiều hệ thống giá trị cũ đã bị thay đổi, đạo lý đã được lồng trong những cái khung khác.

Tôi được nghe nói nhiều về những ưu tư nơi đời sống văn hóa của người Việt Nam ở trên xứ lạ quê người. Đạo lý luôn luôn là nền móng của những nền văn hóa, đạo lý hôm nay như cuốn sách đẹp bị bỏ quên trong tủ sách. Một vài bạn hữu của tôi kêu gọi tổ chức những ngày họp mặt với chủ đề "nhớ ơn thầy" để soi sáng lại những dấu tích đạo lý cũ. Tôi nghĩ, chúng ta không thể nhớ ơn thầy trong những buổi họp mặt trình diễn văn nghệ. Đạo lý cần sự thực hành chứ không cần sự trình diễn như văn nghệ. Tôi vẫn nghĩ, cung cách nhớ ơn thầy đúng nhất là chúng ta hãy hành sử, hãy suy nghĩ, hãy sống như chúng ta đã được giáo dục. Chúng ta không thể nào vừa làm trái với những điều chúng ta

được thầy dậy dỗ, vừa nói nhớ ơn thầy.

Từ những ngày còn nhỏ dại, tôi đã được dậy dỗ rằng, nghề giáo dục là một sứ mệnh cao quý, sứ mệnh trồng người. Giáo dục không chỉ thuần túy cung cấp kiến thức, mà quan trọng hơn là xây dựng nền móng đạo lý cho căn nhà trí tuệ. Tôi được dậy "Tiên học lễ, hậu học văn". Người trí thức là người biết đem cái trí tuệ của mình để soi sáng cái ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời.

Kể từ ngày đó đến nay, đã biết bao nhiêu lần vật đổi sao dời. Người ta thu gọn trách vụ giáo dục vào trong các trách vụ cung cấp kiến thức. Người ta xếp nghề giáo dục ngang hàng với bất cứ một nghề nào khác. Cái liên hệ giữa người cung cấp dịch vụ giáo dục và những kẻ nhận lãnh dịch vụ giáo dục nó cũng mòn mỏi dần đi. Thật khó mà giải thích cho con em chúng ta bây giờ câu "nhớ ơn thầy".

Trong khung cảnh sống ngày hôm nay, tôi nghĩ chúng ta cần nhìn lại chính mình, cần tự phán một cách nghiêm chỉnh, cần có những cố gắng để gìn giữ những giá trị còn sót lại của một thời quá khứ đang xa dần chúng ta.

Tôi luôn luôn nhớ những ngày đầu tiên học trường Nguyễn Trãi "di cư". Trong khung cảnh đất nước chia đôi, chúng tôi bị cắt lìa cội rễ cũ. Ngày đó, các thầy còn trẻ, các trò cũng còn trẻ. Như anh cả và em út, nhưng chúng tôi đã cố gắng sống cho ra thầy, cho ra trò, cho ra con người. Hôm nay chúng ta lại bị ném vào một khung cảnh sống khác, khắt khe hơn. Tôi vẫn tin là chúng ta lại một lần nữa cố gắng, và lôi kéo những lớp con em chúng ta cùng góp sức để giữ vững cái đạo làm người.

Quá khứ bao giờ cũng đẹp, tôi rất mong chúng ta xây dựng cái hiện tại này thành một cái quá khứ đẹp cho tương lai. Văn hóa của một dân tộc phải chăng là một nối tiếp những cái đẹp?

LONG ÂN

10.2000

Tiếng Mõ

Tiếng mõ vong thân gõ lên đời vong xứ
Quán Âm sao chưa về độ kẻ tụng trì
tấm gương tâm trong lòng ai rạn vỡ
chấp vá bằng hồi kinh tụng hoang mang
nỗi sợ hãi của con người như hơi độc dễ lây lan
cái lạnh vào đông của sương mù ám đặc
không lạnh bằng từng nhát mõ nhát chuông
gõ chém xuống hư vô như khảo tra từng câu hỏi
như giục giã con đò giác ngộ chèo sang
ta chợt nhớ đến tiếng chuông chùa êm ả
cùng tiếng mõ thu không khoan nhặt giữa chiều tàn
những vị sư ngoài đồng ngừng lao động
im lặng về chùa trong gió lộng chim kêu
ta chợt nhớ tiếng mõ vãng sanh người quá cố
đám tang giữa đêm trường thổn thức tiếng bi ai
tiếng mõ công phu gõ đều trong ngôi chùa vắng lại
lòng đứa trẻ thơ ngây dào dạt những bâng khuâng
tu hành để làm chi? ông Phật là gì?
sao có kẻ lánh cõi đời nương Phật tự?
và lớn lên trải nửa đời dong ruổi
thấy những nghiệp duyên như sợi xích oan khiên
ta cũng đã nhiều phen quỳ lạy Phật
ngưỡng vọng một tinh thần cao thượng đại từ bi
chỉ cho chúng sinh lớp sóng trùng trùng trong bể khổ
để lắng đọng sân si trước vô thường bốn cửa
để tâm an bình phẳng lặng mặt hồ gương
để vầng trăng giác nhập soi vào bóng nước
lòng cùng bao la lóng lánh những trăng sao
sao tiếng mõ kia như hồi trống tử hình
như hồi trống thu quân trên chiến trường đầy xác chết
và tiếng chuông bén như lưỡi đao phủ thủ
chém đầu lại mọc ra như nghiệp quả luân hồi
như nhát gươm phạt vào trái tim tham dục
không giọt máu sám hối nào trong huyết quản châu thân
tiếng chim bình minh hót lên êm ái
đón mặt trời, mừng ánh sáng tươi trong
gió đưa nhẹ những lá thu về với đất
những nụ hồng chớm nở điểm sương thơm
ta hít thật sâu cảm ơn từng hơi thở
cảm ơn không khí ngạt ngào hoa cỏ một ngày lên
cảm thương tiếng mõ kinh mỗi ngày nhà bên cạnh
như tiếng kéo bánh chuyến tàu buồn bã nỗi ly tan
như tiếng oan hồn uổng tử than van
Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát
Ngài có nghe xin cứu vớt một linh hồn.

lê giang trần

NHỮNG NGÀY XƯA THÂN ÁI

NGUYỄN DUY VINH

Những hình ảnh ngày xưa đó với tôi là những hình ảnh đẹp. Bây giờ ngồi đây viết lại những dòng tâm tình này, đưa ký ức quay lại bốn mươi năm về trước, tôi có cảm tưởng như là mình vẫn chưa bao giờ già, tôi có cảm tưởng như tôi vẫn là tôi của những ngày còn bé.

Những hình ảnh quen thuộc của trường và của các bạn cũ cứ lần lượt hiện ra. Trường Nguyễn Trãi lúc bấy giờ tọa lạc tại đường Phan Đình Phùng, cùng chia trường ốc với trường tiểu học Lê Văn Duyệt sinh hoạt vào buổi sáng. Sân trường rộng thênh thang và ngay giữa sân có một bùng binh nhỏ với cột cờ trắng vươn cao hùng dũng.

Lớp đệ thất B4 của chúng tôi lúc đó nằm ngay trong góc, là lớp đầu của một dãy lớp học khác nối đuôi nhau bên cạnh một hành lang dài hun hút. Ở cuối hành lang là nơi anh Nhàn đánh kẻng báo hiệu giờ học và giờ ra chơi.

Qua những bỡ ngỡ của những ngày đầu, các bạn cùng lớp đã làm quen nhau khá nhanh. Những buổi chơi chạy trốn đi tìm (còn được gọi là sô vê, chắc là nhái theo chữ sauver của Pháp) trong giờ ra chơi đã được rất nhiều bạn cùng lớp tham dự. Tôi cũng thường có mặt trong các buổi đó. Hai bạn chạy thật nhanh và rất khó bắt mà tôi vẫn còn nhớ là bạn Cao Đắc Vinh và bạn Ngô Nhật Tú.

Các Thầy Cô vào năm đầu cũng không đến nỗi khó tính và

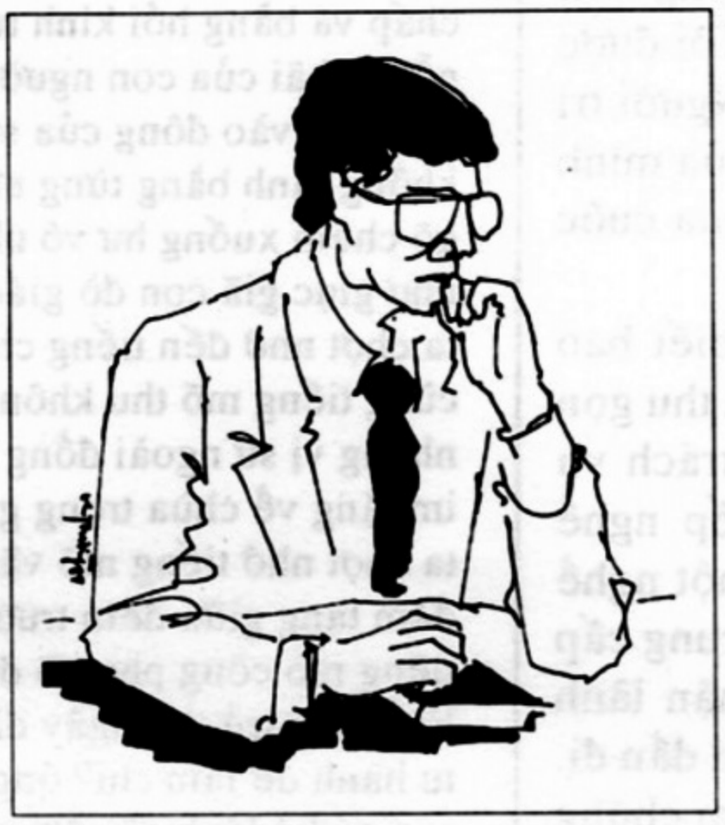

khắt khe lắm, trừ hai Thầy mà tôi vẫn còn nhớ mãi, đó là Thầy Chung Quân và Thầy Bùi Thái Trừu. Hai Thầy này gương mặt lúc nào cũng nghiêm nghị.

Riêng với Thầy Chung Quân thì tôi xin kể lại một kỷ niệm nhỏ. Trong lớp chúng tôi lúc đó có bạn Quách Bình An, một học sinh rất đặc biệt. Tóc anh lúc nào cũng lởm chởm kéo dài xuống tận mắt, quần thì ngắn như thiếu gấu, chân đi dép và mặt anh lại bị rỗ. Quách Bình An có một cái tật là anh không nói được chữ "l". Trời lạnh thì anh nói trời nạnh, xấu xí thì anh nói cấu kí. Tôi không biết anh quê ở đâu, có nhiều người bảo anh quê ở Bùi Chu Phát Diệm. Hôm đó Thầy Chung Quân kêu học sinh lên trước lớp hát khảo sát bài Thầy đã dạy tuần trước. Đến lượt anh Quách Bình An lên, anh phải hát và đánh nhịp valse bài:

... la si sol
la si sol
la si do si la sol la si sol...

và anh đã hát như thế này, rất trịnh trọng, với cái giọng Bắc thật là Bùi Chu của anh:

... na kí kòn
na kí kòn
na kí đố kí na kòn na kí kòn...

Cả lớp được dịp cười ra nước mắt. Riêng Thầy Chung Quân sắc diện vẫn không thay đổi, Thầy ra hiệu cho anh An về chỗ và phạt chúng tôi cả lớp phải đi cồng xin (consigne) ngày Chủ Nhật, và mỗi học sinh của lớp đệ thất B4 phải chép 1000 câu và nộp cho Thầy:

"Từ nay, con sẽ không cười trong lớp nữa".

Thời gian trôi qua và tôi vẫn nhớ mãi. Những hôm đánh bông vụ trong sân trường, trước lớp học. Những tay đánh bông vụ nổi tiếng thời đó phải kể anh em và chú cháu nhà Vũ Tiến Phan, Vũ Tiến Diệp và Vũ Ngọc Đính. Vũ Tiến Phan về sau này nổi tiếng về môn Toán và trổi bật với các môn thi Toán, nhất là vào năm đệ nhất tại Chu Văn An.

Trong lớp tôi còn có hai anh khá đặc biệt khác. Đó là anh Thành răng vàng và anh Thành răng đồng. Anh Thành răng vàng nổi tiếng thích đánh nhau và thuộc loại anh chị rất hay bắt nạt các học sinh hiền lành. Mãi về sau mới có anh Đinh Văn Khang trị nổi, sau một buổi đánh tay đôi giữa sân trường. Từ đó anh Thành răng vàng hiền hẳn đi và thôi không dọa dẫm người khác.

Anh Thành răng đồng thì có

cái tên quái gở vì người ta sợ trùng tên với anh Thành răng vàng. Anh Thành răng đồng này rất đặc biệt, anh lại còn có tên khác là Thành Toricelli. Anh thuộc hết tên những hàng không mẫu hạm Mỹ, có bao nhiêu súng và máy bay trên tàu, thuộc đến cả số đầu bếp trên các chiến hạm. Anh thuộc lòng bảng số bình phương từ 1 đến 99 và anh thuộc luôn số lấy căn ngược lại. Anh có một bộ óc khủng khiếp và rất giỏi về môn Vật Lý nên được gọi là Thành Toricelli.

Chúng tôi có một kỷ niệm cười ra nước mắt với anh Thành này. Trong một khóa học hè Pháp Văn với giáo sư Vũ Đình Mẫn, chúng tôi đã lén dùng kéo cắt đứt cái dây đeo quần của anh Thành (và anh không biết, thuở đó học sinh mặc quần có dây đeo, bretelles). Khi anh được gọi lên bảng để viết trả lời những câu hỏi của Thầy Mẫn, quần anh bất thình lình tuột xuống để lộ hai bộ mông trắng hếu. Cả lớp được dịp cười thỏa thuê. Trong lớp học hè cũng có nhiều nữ học sinh. Anh Thành đỏ mặt tía tai đến muốn độn thổ. Đến giờ ra chơi mấy đứa chúng tôi phải nhanh chân đi trốn vì anh Thành nói là sẽ giết cho được thằng nào đã dám cắt đứt dây quần của anh. Sau này tôi hối hận quá đã đến tận nhà anh Thành xin lỗi và chúng tôi lại trở thành bạn như xưa. Về sau này tôi nghe tin anh Thành đi Đức du học và hiện nay vẫn trú ngụ tại Đức (xin anh Thành đọc đến hàng chữ này tha thứ cho chúng tôi một lần nữa).

Lên đến năm đệ tam thì tôi được học với hai nữ giáo sư xuất sắc của trường, cô Phụng và cô Trợ. Cô Phụng dạy Anh Văn, còn cô Trợ dạy Pháp Văn. Cả hai cô vừa dạy giỏi lại vừa đẹp. Cô Phụng đẹp sắc sảo còn cô Trợ đẹp dịu dàng. Thú thật tôi chưa bao giờ bỏ học hay vắng mặt một giờ nào vào những giờ dạy của hai cô. Có thể tại hai cô vừa trẻ trung vừa duyên dáng và những em học sinh trẻ như tôi lúc đó, không em nào mà không bị thu hút bởi sự dịu dàng của hai cô.

Nói chung thì các Thầy Cô trường Nguyễn Trãi dạy rất giỏi.

Tuy tôi không biết những trường khác nhưng tôi vẫn tin chắc là trường Nguyễn Trãi của tôi nằm trong những trường có hạng ở Sài Gòn. Tôi vẫn hình dung được các Thầy Quán, Thầy Hạnh (gầy), Hạnh (mập) (xin hai Thầy thứ lỗi cho con về việc xưng danh này), Thầy Kỉnh, Quýnh, Vĩnh (vẩu) (xin Thầy thứ lỗi cho con), Thầy Minh, Tô Đình Hiền, Hy, Tuân... Thầy Hạnh (gầy) dạy Toán không chê. Thầy Hạnh (mập) thích cho học sinh ăn thước vào lưng, vô phước cho cu nào quên không đeo insigne trước ngực. Thầy Minh thì dạy đạo Phật qua truyện Cô Gái Đồ Long của Kim Dung... Con xin các Thầy Cô nhận nơi đây lòng biết ơn thành kính của con. Chúng con được như ngày nay là nhờ vào công ơn dạy dỗ của các Thầy Cô.

Rồi lên đến hết lớp đệ nhị, anh em chúng tôi mỗi người mỗi ngả vì Nguyễn Trãi lúc bấy giờ không có lớp đệ nhất ban Pháp. Riêng tôi được đổi sang Chu Văn An (64-65) cũng là một kỷ niệm đẹp sau này. Những năm chót ở Nguyễn Trãi đã có nhiều biến cố xảy ra. Biến cố đầu tiên là cuộc thi thể thao liên trường. Ngay bây giờ khi viết những hàng này tôi vẫn không hiểu tại sao học sinh lúc bấy giờ có thể đi đến bạo động như vậy. Tôi nhớ đến anh Đỗ Đức Sơn của Nguyễn Trãi bị học sinh trường Hồ Ngọc Cẩn tràn xuống sân đánh anh đổ máu đầu sau trận đá banh giữa hai trường và trường Hồ Ngọc Cẩn đã thua. Ai cũng tưởng anh Sơn không sống nổi, thật là hãi hùng. Nhưng vài hôm sau khi thấy anh Sơn đi học lại (đầu anh quấn băng trắng), mọi người mới thấy an tâm.

Biến cố thứ hai là vụ học sinh Nguyễn Trãi bãi khóa để ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật Giáo Việt Nam trước những đàn áp của chính phủ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ. Chúng tôi bị các anh Cảnh Sát Dã Chiến vừa rượt vừa đánh. Tóm được đứa nào là đưa lên xe cây chở về ty. Tôi còn nhớ một người bạn rất thân của tôi, anh Phạm Quang Hanh, rất hiền lành, vì sợ quá chui lên trần nhà của phòng Giám Học Tạ Văn Ru trốn. Anh bị cảnh sát tìm ra và họ nghi anh thuộc thành phần đầu não, họ giam anh ở Ty Cảnh Sát

lâu hơn các bạn khác. Biến cố này làm tôi để ý đến một người bạn khác cùng lớp, sau này cũng đi du học tại Canada. Anh này (xin tạm giấu tên) đã đem hơn mấy trăm tờ truyền đơn để ngay giữa bùng binh trường và đánh trống thúc giục việc bãi khóa. Mãi sau này tôi mới biết anh là thành viên của đảng Cộng Sản và đã từng ra bưng hoạt động.

Những biến cố đó làm tôi suy nghĩ rất nhiều về cuộc diện của quốc gia và những vấn đề liên quan đến tình hình đất nước. Trước đó chúng tôi chỉ biết nhởn nhơ vui đùa, lo học, lo chơi, vô cùng thơ ngây và rất tinh nghịch.

Sau này tôi được may mắn hơn rất nhiều bạn. Tôi được học bổng đi du học Canada. Nhưng tôi không bao giờ quên được trường xưa, bạn cũ. Những kỷ niệm dễ thương và êm đềm quá mặc dầu có những biến cố về sau. Tôi rất mong một ngày nào đó quay về giúp đỡ quê hương và gầy dựng lại được truyền thống đẹp mà các Thầy Cô đã khổ công tạo dựng và gìn giữ. Tôi mang ơn bạn, tôi mang ơn Thầy Cô, những kỷ niệm với Nguyễn Trãi sẽ ghi khắc mãi trong tôi.

Nguyễn Duy Vinh

Ottawa tháng 10.2000

♦

Nguyễn Duy Vinh, cựu học sinh Nguyễn Trãi (1958-64), tốt nghiệp kỹ sư cơ khí (Canada, 1970), tiến sĩ về ngành Lưu Chất Động Học (Fluid Dynamics, Đại Học Laval, Québec, Canada 1976). Hiện cư ngụ tại Ottawa, Canada.

MÂY HỒNG

Cao Đồng Khánh

Chọn Dallas thở hơi sương khói
Tựa chân trời tuyết lạnh như gươm
Dưới thị tứ tới gặp tình ái
Mặt trăng xanh ở Âu Châu có còn bóng bẩy không em
Có còn tiếng nói nhẹ như ánh sáng
Còn khóe mắt em sắc sảo nước kim cương
Có trên rú, đời xưa, long hổ dậy
Nặng mây hồng trời thấp phố cheo leo
Mẫu hoa trên áo chập chờn da thịt
Lá mimosa dài bạc dấu riêng tư

Ở Dallas có dáng người thượng uyển
Xa lộ xẻ ngang như tiếng sét ái tình
Hành lang trí nhớ mưa như mưa trời sập
Không cảng tử sinh khép hở bốn mùa
Những bộ xương cây cànhc ủa thu tận số
Ấn dấu son chìm niêm yết tân xuân

Ở Dallas có tình yêu trầm trọng
Hương của Hằng của kẻ khác trăm năm
Những khu phố Việt Nam nằm trong quần đảo
Em ở hải đảo bên này anh ở bên kia
Bụi cỏ gốc cây nẩy rễ kháng chiến
Âm lịch làm sao, ăn tết làm sao
Những tình nhân đời trước hiện nguyên hình dã thú
Anh tuổi Rồng em tuổi con Thiên Nga
Anh con Cọp em con Sư Tử
Con sư tử nửa đời thành chúa sơn lâm
Khu rừng phát hỏa thấu trời tiếng rống
Tro bụi đời xưa ủ vết thương nồng

Ở Dallas anhc ó từng miếng đất
Miếng đất Ngọc Thanh miếng đất Hoàng Anh
Những mùa hoa dại mãn khai thời sự
Làm thơ ái tình cho mộng mị đời sau
Thu phú quý vàng như nắng nhiệt đới
Phòng triển lãm của em bông lúa ửng màu son
Sợi tóc trắng tinh trong khe đông chí
Tấm lòng liêu trai thủy tận sơn cùng

THẦY TÔI

LÊ DANH GIA

Nếu bài này viết bằng Anh ngữ, "Thầy tôi" sẽ mang chữ "s" ở cuối vì tôi sẽ mang lại những kỷ niệm với các Thầy của trường Trung học Nguyễn Trãi, Sài Gòn. Những kỷ niệm này sau hơn 35 năm vẫn còn nằm trong trí óc tôi, có lẽ vì chúng được ghi nhận trong thời kỳ đầy mộng mơ của một học trò: thời kỳ ở trường trung học.

Thầy Quýnh dạy toán, nhắc đến Thầy, tất cả chúng tôi đều nhớ. Nhớ nhất, có lẽ là sự nghiêm khắc của Thầy khi dạy học. Không làm bài hay nói chuyện trong lớp lúc Thầy đang giảng bài chắc chắn sẽ phải ăn "roi" của Thầy. Thầy Quýnh thường xuyên mang theo một cây "roi" để gõ vào đầu những đứa học trò lười hay không chịu nghe Thầy giảng bài và nói chuyện trong lớp. Nhưng chúng tôi lại thương Thầy vì sự tận tâm. Sự "thương" và lòng "sợ hãi" Thầy làm cho chúng tôi nhớ Thầy nhiều nhất. Ngày đó khi nghe giọng nói nghiêm khắc của Thầy là chúng tôi đã run sợ rồi. Ngày nay, mỗi lần họp mặt tất niên của cựu học sinh Nguyễn Trãi tại Westminster Thầy đều tham dự. Chúng tôi lên sân khấu nhắc lại kỷ niệm với Thầy trong những dịp này để thầy trò cùng cười và nhìn nhau với lòng thương mến.

Mỗi giáo sư Trung học Nguyễn Trãi ngày đó thường được học trò đặt cho một "danh hiệu", những "nick name" có lẽ đến ngày hôm nay, có thầy còn nhớ. Thầy Hạnh được gọi là Thầy Hạnh "gầy" để chúng tôi phân biệt với Thầy Hạnh "mập". Thầy Minh dạy Việt văn được gọi là Minh "mũi nhọn" vì sống mũi nhọn của Thầy. Trong dịp tất niên của Trung học Nguyễn Trãi năm 1999, tôi có dịp lên nhắc lại tên này để Thầy Minh "mũi nhọn" nhớ lại. Hy vọng Thầy Minh sẽ lại có mặt năm 2000 họp mặt tất niên. Tôi ghi nhận nụ cười thích thú của Thầy khi nghe đến danh hiệu "mũi nhọn" được nhắc lại. Thầy Hạnh "gầy" và Thầy Hạnh "mập" nay đã khuất bóng. Chúng tôi không biết hai Thầy mất năm nào, nhưng hình bóng quý Thầy vẫn nằm trong một chỗ ký ức của đám học trò Nguyễn Trãi thật dài lâu.

Thầy Quán có dáng người gầy và khắc khổ, thầy rất ít nói ngoại trừ khi Thầy giảng bài Lý Hóa. Tôi còn nhớ vào một buổi sáng, Thầy bị một anh bạn lớp tôi mà nay tôi đã quên tên, lén ra đằng sau và vẩy mực vào áo Thầy. Khi khám phá ra việc này, Thầy Quán quay lưng lại cho đám học trò thấy vết mực ở lưng sau áo của Thầy và dọa "sẽ phạt đứa nào làm việc này" với giọng nghiêm khắc nhưng rất nhỏ nhẹ của Thầy. Cuối cùng Thầy Quán cũng bỏ qua và không thèm kiếm xem "đứa nào làm việc này". Ngày nay Thầy Quán đã ra người thiên cổ, chỉ còn để lại hình dáng gầy, khắc khổ và sự tận lực dạy dỗ học trò Nguyễn Trãi của Thầy.

Thầy Quỳ dạy Anh văn. Thầy có dáng mập mạp, có lẽ khó khăn cho Thầy khi ngồi trên xe "vespa" hằng ngày đến trường Nguyễn Trãi. Con Thầy Quỳ học lớp tôi và rất nghịch ngợm, Thầy Quỳ không ngần ngại phạt và bắt cậu con trai của Thầy lên đứng đằng sau bảng đen để tự suy nghĩ vài giờ. Thầy Quỳ nay đã vĩnh viễn ra đi, nhưng chúng tôi nào quên được giọng Anh văn với "English accent" khi Thầy đọc bài cho chúng tôi nghe trong quyển "Anglais Vivant" được trường Trung học Nguyễn Trãi ngày đó dùng để dạy Anh văn. Anh bạn cùng lớp tôi, con Thầy Quỳ, tôi còn nhớ là anh Cầu, ngày nay không biết lạc nơi đâu? Hy vọng những dòng chữ này đến mắt Cầu để chúng ta có dịp gặp lại nhau thì hay biết chừng nào!

Mà thôi

Mà thôi
Anh đưa em ra sân ga chiều nay rồi em về
Sân ga chiều nay chắc vẫn đông người như hôm qua
Sân ga chiều nay rồi cũng sẽ chẳng có gì lạ
Bởi vì con tàu đưa em về thành phố vẫn màu xanh
Chiếc áo em mặc trên người cũng vẫn màu xanh
Nhưng màu xanh áo em là màu xanh hy vọng
Một thứ hy vọng rất vu vơ

Mà thôi
Chia tay ở đây rồi em về
Em thấy không?
Sân ga chiều nay đâu vắng người hơn hôm qua
Anh đã bảo mà,
Sân ga chiều nay rồi cũng sẽ chẳng có gì lạ
Mặc dù bây giờ là mùa thu
I-chô vàng đang mùa rụng lá
Và mặc dù lúc nãy trên con phố tử nhà
Đèn đêm vừa bật thấp
Là lúc đôi môi em vừa bật khóc
Anh vẫn nghĩ rằng rồi đêm nay trời sẽ đổ mưa.

Phùng Ngọc Tiến

Tokyo, 1972

Cô Lan dạy Anh văn hay Pháp văn, tôi không còn nhớ rõ. Cô là một "người đẹp" trong các giáo sư của chúng tôi. Cô mới tốt nghiệp Sư Phạm về trường Nguyễn Trãi dạy chúng tôi. Cô là người trẻ, đẹp với dáng người mảnh mai khi cô về dạy chúng tôi. Nhiều anh bạn lớp lớn hơn tôi không khỏi ngó cô không chớp mắt và cười tình tứ khi cô đi trong sân trường, Ngày nay cô đã lớn tuổi như tất cả chúng ta và vẫn cố gắng đến với các buổi họp mặt tất niên tại Westminster. Hình ảnh mảnh mai và xinh đẹp ngày xưa vẫn còn phảng phất ở cô.

Thầy Phùng được gọi là "Oh, Bernadine". Sở dĩ có tên này vì Thầy lên trình diễn và hát bản nhạc "Oh, Bernadine" (có lẽ của Pat Boon) trong một dịp tất niên họp mặt văn nghệ và phát phần thưởng cuối năm cho học sinh Trung học Nguyễn Trãi, Sài Gòn. Thầy Phùng sau này đi làm cho Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa. Cách đây hai năm thầy từ San Francisco đến dự buổi họp mặt tất niên tại Westminster với học trò Nguyễn Trãi. Thầy đã già đi rất nhiều nhưng vẫn còn khỏe mạnh. Ngày xưa không những Thầy biết hát mà còn chơi guitar rất hay. Sự dạy dỗ và tài nghệ sĩ của Thầy ở lại mãi mãi trong lòng lũ học trò Nguyễn Trãi.

Thầy Diệu dạy Việt văn tại Trung học Nguyễn Trãi. Có lẽ Thầy cũng dạy chúng tôi cả môn Sử Địa. Ngày tháng đã làm xóa mờ ký ức chúng tôi. Tuy nhiên, Thầy Diệu với dáng người mạnh mẽ và tay Thầy với "gân bò" dùng để "gọ đầu" lũ học trò nghịch ngợm sẽ không bao giờ xóa mờ. Ngày nay Thầy Diệu đã rời khỏi thế gian, nhưng hình ảnh Thầy vẫn còn nằm lại rất nhiều nhớ nhung trong đầu óc của đa số học trò Nguyễn Trãi.

Thầy Hiền dạy Việt văn nay đã ra người thiên cổ. Mỗi năm, những buổi họp mặt tất niên của học trò Nguyễn Trãi tại Westminster mang lại sự hiện diện của một số thầy cô trẻ của trường Nguyễn Trãi. Những thầy cô này "trẻ" vì đã bắt đầu dạy học khi chúng tôi đã rời trường để vào đại học. Vào những dịp này lại được một vài tin buồn về một số thầy cũ đã vĩnh viễn ra đi.

Ngày nay, đa số học trò Nguyễn Trãi đã nên người và rải rác khắp nơi trên thế giới. Vài hàng trong bài này không thể diễn tả hết sự thương nhớ quý thầy và sự ghi ơn công lao dạy dỗ của quý thầy cô. Tự nhiên tôi cé cảm hứng và xin kết thúc mẩu chuyện này của một học trò Trung học Nguyễn Trãi với câu thơ sau đây:

Ngày nay Thầy đã ra đi
Ngàn năm vẫn cứ ghi ơn trong lòng
Thầy ơi Thầy có nhớ chăng
Nguyễn Trãi trường đó ngày nay đâu rồi!

LÊ DANH GIA

Viết tại RFK Hospital.

Lá Thư Texas

TUỆ KIÊN

Nhìn qua khung cửa kính, những dãy núi tuyết phủ trắng xóa vẫn trùng rùng điệp điệp chạy dài dưới thân máy bay... Trời tối dần, tôi bỗng hình dung nét mặt những người bạn, mà chỉ mới hôm qua, mới sáng nay, tôi có nhân duyên gặp gỡ, nay đã tự nhiên xa đi, như một việc rất tự nhiên, như cuộc đời vẫn vô thường và chuyển biến không ngừng...

Sáng Thứ Sáu tuần trước, nhà tôi bỗng nhắc rằng đã gần cuối năm rồi, chúng tôi nên đi thăm hai bà Dì đã lớn tuổi bên Santa Ana, kẻo rồi mãi sang năm mới lại có dịp... Nhớ không lâu, đã học được bài học rằng ta hãy làm ngay những gì cho người thân, ngay trong phút này, đừng chờ thời gian, vì địa ngục là nơi chôn vùi hàng triệu dự án chưa kịp thực hiện... Tôi liền gọi máy bay, để chiều Thứ Bảy sang thăm hai Dì, và đồng thời sẽ thăm một số thân hữu nữa.

Định sẽ bay sang San Diego trước, thăm gia đình anh chị Thanh, sau đó sẽ lái xe qua Quận Cam thăm hai Dì. Nhưng "Trời không chiều lòng người", vì đi Stand-By, các chuyến bay về San Diego đều chật hết cả, nên chúng tôi bay sang Santa Ana, trên phi cơ còn rộng thênh thang...

Chúng tôi đến phi trường John Wayne thì trời đã tối sẫm, cô em họ lái xe đến đón, cả nhà đều vui vẻ và có hơi bất ngờ, vì chúng tôi đã không thông báo trước. Hai Dì đều đã trên dưới tám mươi, nên cũng yếu, tuy rằng hai Dì mỗi sáng đều chịu khó đi bộ với rất đông quý vị bô lão Việt Nam khác cùng khu xóm. Đấy là dịp các cụ gặp nhau, trò chuyện thân mật. Chú em con Dì tôi, trông giống tôi như đúc, thì lại đang ở Trung Hoa, công tác cho hãng gần một tháng nay, cô em dâu thì đang bị cúm, và cũng đang sửa soạn đi Mã Lai vì hãng của cô ấy đang mở thêm chi nhánh ở bên đó...

Sáng hôm sau, tôi đến chùa Huệ Quang tham dự buổi thuyết pháp của Thiền Sư Thích Thanh Từ, sau đó, chạy về tư gia anh chị Phạm Hữu Hiếu. Ở đấy, anh Hà Gia Cương cũng đang đợi chúng tôi đến. Chị Hiếu thấy chúng tôi đói, bèn dọn cho chúng tôi mâm cơm, gồm các món ăn thuần túy Việt Nam, sao mà ngon lạ lùng...

Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn ăn, nói đủ thứ chuyện. Từ chuyện trên trời, dưới đất, đến chuyện bạn bè cũ ở các nơi, mà chúng tôi đã có dịp gặp. Hiếu và một số anh em sang sau, qua diện HO, đời sống nay cũng đã tạm ổn định. Có anh chị đã mua được nhà ở như anh chị Bính (Vũ Công Bính), Thái (Nguyễn Ngọc Thái)... Mừng các anh chị đã sớm lo được nơi ăn, chốn ở, giúp các cháu học hành, vươn lên trong cuộc sống.

Trò chuyện vài tiếng, thấy bà xã có vẻ hơi buồn ngủ về những chuyện thời thơ ấu của chúng tôi, anh em đề nghị dẫn chúng tôi đi Phước Lộc Thọ mua sắm vài thứ kỷ niệm. Ý kiến được chị Hiếu và nhà tôi hoan hỷ tán thành ngay (hình như các nàng dâu Nguyễn Trãi đều có chung

một sở thích xài tiền và shopping). Thế là anh Đốc Cường xung phong làm tài xế, chúng tôi cùng đi shopping. Nhờ thế mà tôi có được thêm mấy cuốn CD nhạc hay do anh Cường giới thiệu, tôi còn mua được hai quyển "Thép Đen" mà chúng tôi mê thích từ lâu. Nhà tôi mua được hai chiếc chăn nhỏ cho hai đứa cháu ngoại... Xong việc shopping, tôi xin được về thăm nhà anh chị Cường, vì bề nào thì anh Cường cũng đã có hảo ý mời tất cả chúng tôi đi ăn tối.

Đến nhà gặp chị Cường, trông chị rất trẻ, bặt thiệp. Chị gọi các con ra chào các bác, cô con gái và cậu con trai thật dễ thương, ngoan ngoãn (nhưng sau này, các bác Nguyễn Trãi mà muốn làm sui gia với họ Hà, phải nên khuyên cho con trai mình học võ, văn võ toàn tài mới mong người đẹp chiếu cố đấy!)

May mắn thay, chúng tôi được gặp Cụ thân mẫu chị Cường. Nếu Cụ không khai tuổi, chắc chắn ai cũng phải lầm, vì tuy đã ngoài tám mươi, mà trông Cụ chỉ vào khoảng trên sáu chục là cùng. Cụ trẻ, minh mẫn, nhanh nhẹn vô cùng, so với Bà ngoại các con tôi, đã chậm chạp hơn nhiều.. Cụ kể về những chuyến du lịch, thăm con cháu cũng có, và đi vòng quanh thế giới cũng có... Thật là một tấm gương cho đám hậu sinh, con cháu phải noi theo để sống vui, an hưởng tuổi già, và biết chia sẻ niềm hạnh phúc với con cháu... Chiều hôm ấy, chúng tôi cùng được thưởng thức những món ăn thật ngon, ấm cúng, với sự đãi ngộ đầy vui vẻ của chị Cường tại một nhà hàng gần phố Bolsa.

Sáng hôm sau, trong khi các bạn đều đi làm cả, thì tôi điện thoại và được dịp ghé thăm nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu. Anh Thu là bạn của anh huynh trưởng kỳ cựu Nguyễn Văn Bình, thông gia với chúng tôi, anh Thu cũng lại là cháu của anh Ngô Đắc Chung, thế nên cuộc thăm viếng này gây cho tôi một niềm an lạc vô cùng. Anh kể cho tôi nghe về những khó khăn khi còn kẹt tại Việt Nam, vấn đề phát hành những băng nhạc Phật giáo, những sáng tác sau những năm chán nản, gác bút vì không còn hứng thú viết nhạc nữa... Anh tặng cho chúng tôi quyển "Tuyển Tập Ca Khúc Phật Giáo 1" để làm tài liệu cho chương trình phát thanh "Tiếng Từ Bi" mà chúng tôi đang cùng Nhóm Cư Sĩ Phật Tử Đạo Tâm ở Dallas thực hiện hằng tuần.

Rời tư gia anh chị Thu, chúng tôi đến gặp Cư Sĩ Mật Nghiêm, đã tưởng không có duyên gặp gỡ, vì từ hôm đến Cali, tôi gọi hoài mà không gặp, vì anh cũng quá đa đoan với tờ Saigon Post và những Phật sự ở các chùa.

Thời gian cũng không cho phép, nên chúng tôi mời anh Mật Nghiêm, chị Minh, người bạn vàng Phạm Hữu Hiếu đi ăn trưa, trước khi chúng tôi ra máy bay trở về Dallas.

Hình như anh Hiếu luôn luôn là người "ở" với tôi lâu nhất, anh cũng luôn là người xung phong đưa đón chúng tôi mỗi lần thăm viếng Cali. Lần này, Hiếu cũng là người đưa chúng tôi đến phi trường John Wayne. Chúng tôi bắt tay từ giã, để anh còn kịp về, sửa soạn đi làm ca chiều, lúc ấy cũng vào khoảng gần hai giờ.

Tưởng cũng nên cho phép "già này" được tỏ một đôi hàng về Texas cho phù hợp với cái tựa đề phải không quý vị?

Dân Texas chúng tôi rất khâm phục những anh chị đã "an cư lạc nghiệp" tại xứ Cali, vì giá nhà so với Texas, thì thật ngoài sức tưởng tượng... Này nhé, giá căn nhà anh chị Chung (Ngô Đắc Chung) mua ở Houston, với ba phòng ngủ, hai chỗ đậu xe, hai phòng vệ sinh chỉ có trên dưới năm chục ngàn; Trong khi ở Cali, cũng căn nhà với số tuổi hơn ba chục năm như thế, giá sơ sơ cũng phải gần hai trăm ngàn, đào đâu ra tiền mà mua đây?

Ở Houston, nơi đông đảo người Việt sinh sống, ngoài anh chị Chung, chúng tôi còn có hai người bạn thân nữa là các anh Hoàng Văn Dzung và Nguyễn Xuân Khôi. Anh Dzung là người đã khuyến khích và giúp gia đình chúng tôi "di tản chiến thuật" từ một thành phố khỉ ho cò gáy, xung quanh toàn ruộng bắp (thuộc Tiểu bang Iowa) về nơi thị thành Houston năm 1977 Giả dụ chúng tôi còn ở Clarion, chắc con cái chúng tôi nay đã thành các anh nông dân, quanh năm sống trong nông trại với những chiếc máy cày, những đàn bò, heo gà.. và thế nào mà chẳng nuôi dăm ba con chó, và một con ngựa để nhong nhong hóng mát mỗi khi chiều về?

Anh Dzung học B1, khác lớp, nhưng nhờ biết anh trong những trận đá banh ở sân Hoa Lư, lại thân với Lê Hoàng Hinh (còn kẹt ở Việt Nam) nên chúng tôi vốn rất thân tình.

Về miền Houston nắng ấm tôi lại tình cờ gặp được anh chị Nguyễn Xuân Khôi với dáng thư

sinh, lúc nào cũng từ tốn, (chứ không vội vã và hoạt động thể thao như tôi). Anh Khôi học B3 với chúng tôi, anh có tài hội họa từ bé, nên bây giờ anh chuyên môn về nghề vẽ kỹ nghệ, thật là con người tài hoa... Anh Chung sang sau, cũng đã nếm mùi tù đầy Cộng Sản, có khi tuyệt vọng, muốn đi tìm cái chết để rũ sạch khổ đau. Nhưng nghiệp anh còn dài, nên anh đã gặp một người rất đặc biệt, yêu thương anh. Hiện anh chị đang sống rất hạnh phúc, trong "căn nhà ngoại ô đèn vàng" rất lý tưởng... (muốn biết thêm về tình sử họ Ngô, xin các bạn đọc và thưởng thức những truyện ngắn thật hay của chị Chung sẽ rõ...). Tôi có nghe nói đến Nhóm Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi tại Houston, độ hơn hai chục người, song tôi chưa có duyên được gặp.

Đêm Chủ Nhật, tôi có điện thoại gặp anh Thành, hỏi thăm tin tức sinh hoạt của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi, chúng tôi thật vui khi được biết có một số Thầy Cô ở Cali, thường có đến với những sinh hoạt của đám "nhất quỷ nhì ma" của mình, thật là quý hóa. Anh Thành cũng khuyến khích tôi viết bài cho tờ Đặc San, nên dù "văn dốt, vũ dát", cũng mong được góp mặt, gọi là "viết hay không bằng hay viết", để quý Thầy Cô, nhất là quý bạn bè được biết sơ qua về những người bạn "Cow Bồi Texas" của mình.

Ước mong một ngày đẹp trời nào đó, chúng tôi sẽ có dịp được đón tiếp quý vị tại Dallas hay tại Houston. Chỉ xin nhớ cho một điều là xứ chúng tôi nóng, nên vào mùa Hè, nếu quý vị có sang thì mang theo ít quạt, còn vào mùa Đông, xin đem hộ cái chăn, thế là quý vị sẽ "an toàn xa lộ" tha hồ cưỡi ngựa, bắn súng, không còn sợ gì nữa cả...

Đến đây, chúng tôi xin thay mặt cho đám bạn Texas, kính chúc quý Thầy Cô tăng long phước thọ, thân chúc quý anh chị và gia đình tâm an, ý lạc, hẹn được gặp các bạn trong một tương lai thật gần.

Thân kính,

TUỆ KIÊN

Tuệ Liên

TRƯỜNG XƯA

Thuở ấy ngây thơ tuổi học trò
Ham vui, đùa nghịch, chẳng sầu lo
Nguyễn Trãi, mái trường yêu dấu ấy
Nỗi nhớ vơi đầy, thật thiết tha

Thầy cũ, trường xưa đã rất xa
Phương Đông, trời ấy, có chăng là
Kỷ niệm học trò bao vương vấn
Còn đó anh em vẫn mặn mà.

NGỦ QUÊN

Rằng thôi không về nữa
Ta ngủ quên trên đồi
Gối đầu trên đá núi
Nằm nghe gió.. ru hời.

Bầy chim bay đến rồi
Chúng cất cao tiếng hát
Như mời gọi về đây
Nhảy múa trên hàng cây..

Ta ngước nhìn trời mây
Lờ lững mây cứ bay
Nắng chiều, hoàng hôn xuống
Hồn ta như ngất ngây

Ta tỉnh dậy, xuống đồi
Mặc đá nằm đơn côi
Bông hoa rừng mới nở
Cuộc đời vẫn lặng trôi...

Aug 22.2000

Một Trò Nguyễn Trãi Trên Xứ Người

MAI ĐÔNG THÀNH

Sau khi ra khỏi ngôi trường thân yêu Nguyễn Trãi, tôi cảm thấy rất bâng khuâng, chẳng biết phải tiếp tục học gì. Như bao cậu Tú khác, tôi cũng nộp đơn thi tuyển lung tung vào các trường đại học tại Sài Gòn cầu may. Thế rồi Thành ngáp phải ruồi, tôi đã trúng tuyển vào hai trường Dược và Nông Lâm Súc. Vì giỏi quá như vậy lại đâm ra khó nghĩ, không biết nên chọn trường nào. Đang phân vân suy tính hơn thiệt thì gặp ngay bà cô vốn vẫn thích cho mấy cô con gái học Dược nên góp ý Học Nông Lâm Súc thì sau này chỉ đi tắm chó chứ hay ho gì! Học Dược quý phái hơn nhiều. Nghe hai chữ quý phái tôi thích lắm bèn nhảy vào Dược.

Cắm đầu, cắm cổ học mãi rồi cũng ra trường. Một hôm mẹ tôi bảo chở tới nhà một bà bạn chơi. Tới nơi, vừa ngồi xuống thì thấy bà bạn mẹ tôi gọi cô con gái bưng nước ra mời khách. Loay hoay một chút thì bà bảo con gái Con ơi ngồi đây tiếp anh một chút đi để mẹ dẫn bác lên sân thượng xem mấy chậu lan. Thế rồi hai cụ chuồn lên lầu, để hai trẻ ở lại phòng khách tìm hiểu nhau. Con trai hiền lành, ngây thơ, mới lớn, lần đầu tiên được ngồi riêng một phòng với một cô gái dịu dàng, tha thướt, tôi lúng ta lúng túng, chẳng biết phải nói gì, làm gì. Về tới nhà mẹ tôi mới hỏi Sao con có thích cô đó không? Mẹ cô ta chấm con rồi đó. Nghe thế tôi thật thích mê tơi. Suốt năm năm dài đằng đẵng học trường Dược chẳng tán tỉnh được ai; bao phen đứng chầu chực trước cổng trường Gia Long, rồi qua đến Trưng Vương cũng chẳng nên cơm cháo gì. Giờ đây bỗng dưng có thể chớp được một cô nàng xinh đẹp bằng.. nửa hoa hậu như thế thì thích quá đi chứ.

Nhưng rồi trong khi đang còn say sưa dệt mộng thì mấy anh Việt cộng tràn vào. Tôi may mắn được một tên bạn thân thiết trên đường chạy trốn đã ghé qua nhà rủ tôi đi theo, nhảy vội xuống tàu ra khơi và vượt thoát.

Theo làn sóng những người tị nạn đầu tiên đặt chân đến Hoa Kỳ, tôi cũng loay hoay tìm kế sinh nhai trong khi dò dẫm, tìm đường trở về nghề cũ. Thuở đầu bỡ ngỡ, tiếng Anh ấm ớ, tôi cũng đi làm đủ các nghề lẩm cẩm để nuôi thân. Những ngày đầu, khi đang còn ngồi trong một lớp ESL (English as a Second Language) tình cờ nghe được một du sinh viên Việt Nam cho biết rằng trong sở anh đang cần một chân rửa chén, tôi mừng lắm, hỏi liền địa chỉ để đến nộp đơn. Đó là một nhà hàng nằm trong một Department Store vĩ đại, May Company. Theo đúng bài học trong lớp dạy cách tìm việc làm, tôi cũng chọn bộ đồ kẻng nhất, cổ thắt cà vạt, chân đi giày da bóng loáng, lộp cộp g cửa vào interview. Bà quản lý tiếp tôi một cách lịch sự và tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết tôi là một Dược Sĩ mà lại xin cái chân rửa chén. Sợ bị từ chối, tôi vội giải thích rằng tôi chỉ là Dược Sĩ Việt Nam Cộng Hòa, chứ chưa phải là Dược Sĩ Hoa Kỳ, giờ cần việc làm để sinh sống cái đã. Dù không muốn mướn một người quá trí thức cho một công việc quá lao động, nhưng vì cần người bà cũng miễn cưỡng nhận và hỏi tôi bao giờ có thể bắt đầu. Khi tôi trả lời ngay bây giờ thì bà ái ngại nhìn tôi trong bộ đồ láng coóng. Thế rồi đeo tạp dề lên, tôi bắt tay ngay vào việc với lòng hăng hái của một thanh niên tràn

đầy sức sống. Nhưng sau tám giờ lao động đầu tiên trên xứ người trong đôi giày kẻng, tôi bắt đầu vừa đau chân vừa thở dốc. Và rồi tám tiếng đồng hồ dài lê thê cũng qua đi. Từ đó, mỗi buổi sáng bước vào phòng rửa chén, nhìn những chồng chén dĩa dơ cao ngập đầu, những chiếc nồi có thể tôi chui vào cũng lọt, tôi thấy khá ngao ngán. Hai tuần sau tôi xin nghỉ khi được một anh bạn Việt Nam cho biết trong ngôi chợ anh làm có một chỗ trống do một anh tị nạn khác vừa mới nghỉ. Việc này có phần nhẹ nhàng, sạch sẽ hơn là rửa chén mà lương lại cao hẳn hơn tới 20 xu, 2.50$ một giờ, nên tôi nhận lời ngay. Mỗi sáng đúng 8 giờ, đi vào cửa sau, cổ đeo tạp dề, tay cầm chổi, tôi đi khắp nơi quét dọn sạch sẽ, phụ chất rau cải, trái cây lên quầy cho thật đẹp để chuẩn bị cho giờ mở cửa 9am. Nhiều khi chợ ế ẩm, vắng khách, manager nhìn quanh thấy tôi hếtviệc vội sai đi đánh bóng từng qủa dưa hấu. Một hôm, người bạn thân cùng khóa Dược ngày xưa gọi cho biết nơi anh làm, một la bô, đang cần người và họ rất thích Dược Sĩ.. Việt Nam Cộng Hòa. Laboratory!!, trời ơi nghe trí thức quá, đúng nghề quá mà lương lại tăng tới bốn mươi phần trăm, 3.50$/giờ, còn chần chờ gì nữa. Ở đây tôi cần mở ngoặc rằng vào thời điểm đó, 1976, lương tối thiểu chỉ có 2.30$ một giờ, xăng chỉ hơn 60 xu một gallon, lương DS thì khoảng hơn 8$ một giờ, nên 3.50$ cũng bảnh lắm chứ. Thế là lại một lần nữa tôi đổi việc. Trước khi đi, tôi hãnh diện khoe với các cô bạn Mỹ tính tiền ở chợ về cái job la bô mới của tôi và có cảm tưởng rằng các cô nhìn mình với cặp mắt thán phục.

Hãng mới là một nơi chuyên sản xuất thuốc bổ vitamin. Thợ gồm ba nhóm chính: một nhóm cân đo, trộn bột và nhóm thứ nhì mỗi người một máy ép thuốc, xúc bột đổ vào và trông chừng cho máy chạy đều, thuốc ra không bể là cân đo, chuyển cho nhóm thứ ba dán nhãn, đóng thùng. Nhân viên phần lớn là Dược Sĩ Hàn Quốc và Dược Sĩ Việt Nam, liên hệ với nhau bằng nụ cười nhiều hơn là ngôn ngữ vì trình độ Anh ngữ hai bên ngang ngửa. Tất cả các Dược Sĩ đều nằm trong hai nhóm một và hai, người ngợm thường nhuộm đầy bột thuốc đủ mầu. Thành ra việc này cũng chưa trí thức mấy. Tuy nhiên tôi cũng thấy vui vì được làm việc chung với các đàn anh Dược Khoa, tha hồ nói cười bằng tiếng Việt mến yêu. Một buổi trưa ngồi nghỉ, nhìn tôi đầu tóc, quần áo, mặt mũi đều vàng khè mầu bột vitamin B2 riboflavin, một đàn anh cười an ủi Ở Việt Nam tôi mới ra trường khổ cực quen rồi nên dầu sao cũng đỡ hơn moi được sung sướng, hưởng thụ đã lâu nên giờ thấy cực quá. Cám ơn lời an ủi của đàn anh.

Làm được gần một năm thì hãng xập tiệm đóng cửa, quỵt luôn check lương chót của nhân viên.

Tôi lại đổi nghề, chuyển qua làm phụ giáo, thông dịch viên và rồi trúng tuyển làm cán sự xã hội cho San Diego county. Tôi phụ trách việc ph ng vấn người tị nạn Đông Dương mới đến, thiết lập hồ sơ gởi trợ cấp hàng tháng cho họ. Phải công nhận đây là công việc thích thú nhất của tôi từ ngày tị nạn. Có một bàn giấy riêng với điện thoại, mỗi ngày đều gặp gỡ, tiếp xúc và giúp đỡ trực tiếp những người mới tới. Luôn luôn được nhận những nụ cười và những lời cám ơn, chứ không thỉnh thoảng bực mình vì những bệnh nhân đế quốc khó tính như công việc hiện tại. Tôi còn nhớ một buổi chiều đang ngồi làm giấy tờ thì nhận được điện thoại từ frontdesk gọi ra tiếp khách. Tôi ngạc nhiên vì thường chỉ làm việc theo hẹn mà giờ này tôi đâu có hẹn với ai. Bước vào một phòng đợi (một trong nhiều phòng nh biệt lập, kín đáo để worker tiếp xúc với client mà không bị quấy nhiễu) tôi giật mình, ngạc nhiên sững sờ khi thấy một cô gái thật trắng trẻo, xinh đẹp đang ngồi chờ với chiếc bánh sinh nhật trên bàn. Thì ra cô đã được tôi giúp đỡ trước đây, nhưng không hiểu tại sao cô ta biếtngày sinh nhật của tôi mà đem bánh tới mừng. Tôi rất là xúc động vì là thân gái mà trước mặt bao người, khệ nệ bưng hộp bánh đẹp đẽ vào sở welfare để tặng mộtchàng worker không mấy đẹp giai thì qủa tình là cô nàng phải can đảm và có cảm tình với mình nhiều lắm. Hôm đó cái chuyên close encounter này của tôi đã được truyền đi nhanh chóng khắp sở, các bạn Mỹ làm chung chạy lại hỏi han, trầm trồ, thán phục tôi ghê lắm. Sau đó, chuyện gì phải đến đã.. không đến. Thay vào đó, một khúc quanh lớn, một định mệnh đã đến với tôi. Khúc quanh này không những giúp tôi trở về nghề cũ mà còn đem lại cho tôi một mối tình đầy đam mê nhưng không.. nóng bỏng. Số là một hôm tôi được tiếp đón một người Việt Nam đến xin lập hồ sơ, anh

ta cũng là Dược Sĩ Sài Gòn. Sau những thăm hỏi vui vẻ, anh cho biết đang nộp đơn xin đi học lại cùng ba người bạn. Tôi vội hỏi thăm, xin số điện thoại của trường và liên lạc ngay ngày hôm sau. Lúc đó đã là tháng Bảy, hạn nộp đơn cho khóa mùa Thu đã hết, nhưng thấy tôi tha thiết và vì là trường tư cần sinh viên nên ông Khoa Trưởng đã chấp thuận tôi qua điện thoại trước khi thủ tục giấy tờ hoàn tất.

Tháng 9, 1981 tôi lên đường tới Samford University, Birmingham, Alabama, một tiểu bang miền Nam thuộc hàng nghèo nhất nước Mỹ. Đây là một trường đạo, khá cổ kính, tọa lạc trên một đồi thông phủ đầy cỏ xanh tươi thật đẹp đẽ, thơ mộng.

Năm sinh viên Việt Nam tụi tôi đều rất nghèo, hầu hết sống nhờ grant và loan. Cũng may thời gian đó cuộc sống tại Alabama khá dễ dàng. Tụi tôi thuê apartmenthai phòng chỉ tốn 260$ một tháng, tiền ăn thì góp lại mỗi người 50$ là đủ ăn cả tháng. Không kể tiền học, tụi tôi mỗi người chỉ xài khoảng 150$ một tháng. Được dân địa phương chỉ dẫn, thỉnh thoảng vào Chủ Nhật, cả bọn kéo nhau ra chợ trời mua thịt gà 1$ mười pounds toàn cổ, cánh, lòng, mề về nấu ăn cả tuần. Nhờ tài chế biến gà bảy món nên ăn cũng không đến nỗi nào. Lâu lâu, sau kỳ thi cuối khóa kết qủa khả quan thì cả bọn mới đi mua nguyên con vịt về làm đại tiệc để tự thưởng cho mình.

Nhóm tụi tôi là lớp tị nạn đầu tiên vào học trường này nên được chú ý khá nhiều. Một phần vì là trường nhỏ, cả phân khoa Dược không tới 200 sinh viên, một phần có lẽ vì tụi tôi là nhóm sinh viên già nhất và tiếng Anh cũng ấm ớ nhất. Tôi còn nhớ trong lớp Anatomy & Physiology của khóa thử lửa đầu tiên, ông thầy đã nghiêm trang khuyến cáo trước cả lớp rằng Tôi sợ rằng lớp này sẽ là một trở ngại lớn cho các sinh viên ngoại quốc vì thi cử không phải chỉ toàn là trắc nghiệm mà sẽ có một phần quan trọng là assay. Nhưng rồi một ngạc nhiên lớn đã đến cho tất cả. Trong bài exam đầu tiên, 3 trong số 5 người đứng đầu lớp là Việt Nam. Họ không hiểu tại sao sinh viên Việt Nam nói ngọng mà học hay quá. Họ đâu có biết rằng gạo chính là nghề cuả chàng mà. Thú thực, mặc dù là ngoại ngữ, việc học bên này tôi thấy thoải mái, dễ dàng hơn hồi học Dược bên nhà nhiều. Ngày xưa vì không bắt buộc nên cả năm rong chơi, vài tháng cuối mới ngồi xuống học trối chết, vào phòng thi thì chỉ chờ... trúng tủ. Ngồi nhớ lại nội cái màn đốt, nếm, ngửi cả trăm loại bột hoá chất trong năm đầu thực tập, và phải thuộc lòng bao nhiêu công thức hóa học, một đống tên họ Latin của cây cỏ với lại hình dạng các hoa đồ cũng đủ lạnh người. Bên này việc học thực tế hơn, học bài nào xong là thi ngay nên mình bắt buộc phải học quanh năm, dễ nhớ và dễ thi. Cuối khóa học đầu tiên, chính ông thầy anatomy đó đã công khai ca ngợi nhóm sinh viên tị nạn một cách gián tiếp rằng Tôi rất tiếc cho các sinh viên sinh trưởng ở đây với đầy đủ điều kiện thuận tiện mà không chịu học, trong khi các sinh viên ngoại quốc vượt bao hiểm nguy tới đây, thiếu thốn phương tiện mà lại học được Alabama nghèo khó, khí hậu nghiệt ngã, thời gian tôi ở bên đó, mùa Đông thì tuyết rơi trắng xóa, đã mấy phen sinh hoạt cả thành phố phải đình trệ, trường học phải đóng cửa vì bão tuyết dữ dội, nhưng rồi mùa Hè thì nóng như thiêu đốt. Đám sinh viên nghèo chúng tôi ở apartment không máy lạnh nên lãnh đủ. Nhiều đêm đi ngủ chỉ mặc giản dị tối đa, nghĩa là chỉ có male monokini thôi thế mà sáng dậy cái mono cũng chạy tuốt xuống chân giường từ hồi nào. Thành phố cũng chẳng có gì giải trí ngoài mấy rạp xi nê 1$ một vé. Giữa cảnh buồn chán như thế thì thằng tôi không hiểu ăn hiền ở lành từ bao giờ mà trời thương, cho tình cờ gặp được duyên may. Một hôm anh bạn cùng phòng đi chợ gặp một anh chàng Việt Nam khác, vì bên đó rất hiếm người Việt nên cả hai đều tay bắt mặt mừng thăm hỏi nhau lia lịa. Anh chàng Việt Nam khẩn khoản mời anh bạn tôi cuối tuần đến nhà ăn đầy tháng con trai anh. Tôi tuy chẳng được mời, nhưng anh bạn cứ rủ đi đại và tôi cũng ham vui, dễ tính đi theo. Dễ tính thế mà lại may, trong buổi tiệc toàn người lớn, con nít bỗng đâu xuất hiện một đôi mắt huyền với má lúm đồng tiền, nói cười duyên dáng. Thế rồi cuộc đời tôi bắt đầu thay đổi kể từ cái buổi ban đầu lưu luyến ấy. Giữa thành phố nghèo nàn, khô khan khỉ ho cò gáy lại quen được một cô gái Việt Nam nổi bật, xinh đẹp ít ra cũng.. gấp đôi mọi cô gái chung quanh thì tôi quả tình phấn khởi vô cùng (tiểu bang Alabama toàn Mỹ đen không à). Tôi thường hát thầm một đoạn trong bài Trăng Sáng

Vườn Chè và tìm thêm được một lý do để học hành hăng hái hơn.

Hồi đó là sinh viên vừa bận lại vừa nghèo làm gì có xe hơi nên cứ ban ngày đi học, tối về dating bằng điện thoại. Vì hoàn cảnh không thuận tiện nên suốt ba tháng trời quen biết, hai đứa chẳng có dịp đi chơi với nhau lần nào. Thế rồi cô ta theo gia đình dọn qua California nắng ấm. Từ đó tôi phải nhịn ăn, nhịn tiêu vì cần dành tiền trả điện thoại viễn liên. Mỗi tháng tiền ăn có 50$ mà đôi khi tiền điện thoại lên tới 60$. Thế mà vẫn chưa đã nhớ, cứ khoảng ba ngày lại phải một bức thư. Hồi đó tôi và các bạn chia nhau luân phiên nấu cơm. Mười hai giờ trưa đi học về là anh nào tới phiên thì phải lăn vào bếp trong khi những người khác ngồi thoải mái học bài. Hôm nào tới phiên tôi mà lại có thư Cali thì các bạn tôi chỉ được thưởng thức thịt luộc, rau luộc, đậu luộc vì tôi còn phải dành thì giờ ngấu nghiến, nghiền ngẫm từng dòng từng chữ. Ôi La Mour sao mà kỳ diệu, làm điên đảo lòng người đến thế!

Trở lại việc học. Hồi đó, một trong những môn làm đám sinh viên Việt Nam khổ nhất là môn học đạo. Vì đây là trường Baptist nên tất cả các sinh viên đều bắt buộc phải đi qua hai lớp Tân Ước và Cựu Ước. Đầu khóa, ông thầy mục sư đạo mạo cho cái list một đống sách đạo và mỗi sinh viên phải chọn một cuốn để đọc và viết report cho cuối khóa. Các bạn cử tôi làm người đọc và soạn report cho cả bọn chép lại đem nộp. Ông thầy thấy các bài đều giống nhau nên gọi lên hỏi thì tụi tôi trả lời rằng Chúng em học nhóm, cùng đọc và thảo luận rồi đúc kết lại thành ý kiến chung Có lý quá, ông thầy không bắt bẻ được đành tha.

Hôm thi cuối khóa, các sinh viên Mỹ nộp bài nhanh chóng, ra về sớm, chỉ còn lại mỗi ông thầy mục sư và nhóm sinh viên Việt Nam ngồi cắn bút. Ông thầy chờ mãi cũng chán nên đóng cửa bỏ ra ngoài. Còn lại cả bọn ngồi nhìn nhau.... cười. Tôi loay hoay một lúc vẫn thấy bí, thôi thì nộp đại cho rồi. Lúc đem lên nộp thì thấy bài ai đó có câu trả lời mà tôi bí nên chợt nổi máu gian, liếc vội và sửa chữa. Sửa xong, nhìn vào tên thì ra là bài của một anh bạn Việt Nam khác, rõ chán mớ đời!! Đến đây, tôi lại nhớ đến một anh bạn Dược Khoa tên cùng vần Th nên năm nào đi thi tôi cũng ngồi cạnh anh. Thấy anh tháo vát, có óc tổ chức, nói năng hoạt bát nên tôi cũng mừng thầm và yên chí được ngồi cạnh anh, justin case...Thú thật, hồi học Dược Khoa Sài Gòn tôi là chúa lười nên cũng là chúa dốt. Quanh năm đi chơi lêu lổng, đợi khoảng 2-3 tháng trước ngày thi mới cặm cụi ngồi học. Mùa hè Sài Gòn thì rất nóng, nhà lại nằm trong khu lao động Bàn Cờ ồn ào nên ban ngày học không được, tôi cứ đợi ban đêm mát mẻ, yên tĩnh, cả nhà đi ngủ mới ngồi dậy học. Mẹ tôi, kỳ vọng rất nhiều ở qúy tử mà sao chẳng thấy nó học lúc nào nên tvẻ rất lo lắng. Bà mua đủ loại đậu về nấu chè cho tôi ăn và cả nhà phải kiêng không được ăn chuối. Nhiều sáng sớm đang còn ngái ngủ, tôi nhìn ra ngoài màn thấy mẹ tôi đang xì xụp khấn vái trước bàn thờ, ý hẳn đang cầu Trời khấn Phật ban phép lạ cho tôi thi đậu.

Cũng vì chăm học như vậy nên khóa nào tôi cũng đánh vật với các bài thi. Bài vở năm nào cũng chồng cao như núi, không thể nhớ hết được nên thường trò thì lo canh học tủ, còn thầy cô thì có lẽ biết tỏng nên đôi khi cố tình lựa chỗ nào ít ai để ý thì cho thi. Thằng lười tôi năm nào bước ra khỏi phòng thi cũng tự hứa từ nay xin chừa, sang năm sẽ học ngay từ đầu. Nhưng khi đậu rồi thì lại chứng nào tật nấy, ham chơi hơn ham học. Nhiều lúc bí tịt, liếc qua anh bạn quý bên cạnh thấy anh chàng đang mải mê viết ghê quá thì rất là khâm phục và...thèm. May mắn anh chàng, chẳng hiểu có phải vì tốt bụng hay không, cứ kệ cho tôi liếc. Nhưng rồi năm nào tôi cũng gặp lại anh ở khóa...hai.

Cũng vì tôi dốt nổi tiếng như thế nên khi đi học lại tại Alabama và được thầy khen, các bạn mới qua chưa đi học được nghe vậy phấn khởi lắm, kháo nhau rằng Mai Đông Thành mà còn được thầy khen thì ai học chẳng được. Và qủa thật bạn bè tôi phần lớn đều lần lượt lấy bằng và hành nghề trở lại. Thành thử tôi cũng thấy phần nào tự hào về.. sự dốt nátcủa mình, vì nhờ nó mà một số bạn bè thêm tự tin để từ từ thành công và thành... nhân.

Sau hơn hai năm trời cặm cụi, rốt cuộc tôi cũng tốt nghiệp và bay vù về ngay Cali hai ngày sau kỳ thi final, không kể gì đến lễ tốt nghiệp và trao bằng long trọng. Lòng tôi nóng như lửa, chỉ muốn mau mau về cùng ai đó hát nốt đoạn cuối của bản Trăng Sáng Vườn Chè.

Cuộc đời tôi kể ra còn rất nhiều may mắn. Một ngày gần

Tết Ta 1990, vô tình đọc được thông cáo trên báo Người Việt về cuộc họp mặt Tất Niên của các cựu học sinh Nguyễn Trãi, tôi vội liên lạc với anh Nguyễn Ngọc Bảo, trưởng ban tổ chức kiêm sáng lập viên của Hội. Từ đó, tôi lần lượt được gặp lại các Thầy Cô thân kính của Nguyễn Trãi ngày xưa. Dù nhiều người tôi chưa từng được học nhưng qua những ngày tháng gặp gỡ trên xứ người, tất cả đã đều có những gắn bó, thân ái đặc biệt trong lòng tôi. Tôi thương kính tất cả các Thầy Cô tôi được gặp, và sung sướng cho tôi là hình như các Thầy Cô cũng thương mến tôi. Các anh cựu học sinh cũng vậy, đại đa số là đàn anh, tôi chưa từng quen biết ngày xưa nhưng rồi cũng dần dà trở nên thân tình như huynh đệ, kể cả các anh ở thật xa xôi mà tôi chỉ mới được tiếp xúc bằng điện thư. Có lẽ đó chính là Tình Nguyễn Trãi.

Cầu mong các Thầy Cô luôn khỏe mạnh và các anh em đồng môn luôn thân tình để đại gia đình Nguyễn Trãi mãi duy trì được những dịp gặp gỡ, hàn huyên trong ngày Tất Niên truyền thống thân tình hàng năm.

Mai Đông Thành

Xuân Tân Tỵ 2001

◆

Mai Đông Thành, học sinh Nguyễn Trãi trong khoảng 1963-1968. Rời quê hương vào ngày cuối cùng của nước Việt Nam tự do và hiện đang định cư tại Little Saigon, California.

Khám Phá Mới

NGUYỄN HẢI HÀ

Áo xưa
Ướm lại
Lưng thừa

Thử hoài
Vẫn vậy
Vợ vừa
Mập thêm!

11.2000

Phai Tàn

Năm tháng cũ phai tàn như ảo ảnh
Tôi thầm nghe trí nhớ bỏ xa mình
Vào thư viện học buồn thêm chút đỉnh
Trang bị đời, mai sớm sẽ phiêu linh

Giai Thoại Làng Thơ

Người Nguyễn Trãi

Lầm (Xướng)

Em đã lầm theo anh sang đây
Tưởng đâu hai đứa được xum vầy,
Ngờ đâu anh đã yêu người khác
Để em thức trắng suốt canh chầy!!

Cũng **"Lầm" (Họa)**

Anh cũng lầm đưa em sang đây
Tưởng đâu em sẽ phụ anh cầy
Ngờ đâu em thuộc dòng biếng nhác,
Chẳng biết lo toan, chỉ cãi chày!!

Trên đây là hai bài thơ tiêu biểu của nhóm Làng Thơ trong Liên Trường.

Nhóm Làng Thơ thành lập hoàn toàn như một ngẫu hứng tình cờ. Từ lâu, do nhu cầu hoạt động chung trong các công tác xã hội, cựu học sinh của các trường trung học Nam Việt Nam ngày xưa đã tự nhiên thành hình một internet forum để giúp cho việc thông tin, liên lạc được hữu hiệu hơn. Thông tin qua lại một thời gian thì tình thân nảy nở, niềm vui dâng cao. Và rồi một ngày đẹp trời, lòng xuân phơi phới, chị Minh Tâm của Bùi Thị Xuân Đà Lạt đã gửi lên forum bài thơ "Tình Cầm" của Hoàng Cầm như sau:

Nếu anh còn trẻ như năm cũ
Quyết đón em về ở với anh!
Những khi chiều vàng phơ phất đến
Anh đàn em hát níu xuân xanh
Có mây bàng bạc gây thương nhớ
Có ánh trăng vàng soi giấc mơ
Có anh ngồi lại so phím cũ
Mong chờ em hát khúc xuân xưa
Nhưng thuyền em buộc trên sông hận
Anh chẳng quay về với trúc tơ!
Ngày tháng tỳ bà vương ánh nguyệt,
Mộng héo bên sông vẫn đợi chờ!
Nếu có ngày nào em quay gót
Lui về thăm lại bến thu xa
Thì đôi mái tóc không xanh nữa
Mây bạc, trăng vàng vẫn thướt tha

Những vần thơ trác tuyệt này không ngờ đã bắt đầu cho những "sóng gió" liên miên khi anh Nguyễn Việt Kim, một cựu học sinh Nguyễn Trãi từ Washington, D.C. đã "cả gan" họa hai câu đầu như sau:

Nếu anh còn trẻ như năm cũ
Sức mấy anh về ở với em.

Chị Minh Tâm liền phản pháo: Anh đừng có làm tàng nhé, hãy nghe đây:

Dù anh có trẻ hơn năm cũ
Quyết chẳng thèm về sống với anh
Những buổi chiều vàng anh ủ rũ
Ngồi nhìn cánh nhạn tiếc xuân xanh.

Anh Mai Đông Thành, một Nguyễn Trãi khác, đổ thêm dầu vào lửa bằng hai câu họa:

Dù anh không trẻ như năm cũ
Cũng quyết dọn về ở với anh

Quá quắt lắm rồi, chị Nguyễn Tuyết Nga, hội trưởng Lê Văn Duyệt, cũng nhảy vào trợ chiến với

Minh Tâm:

Minh Tâm ơi,

Cái ý của anh Kim là nếu còn trẻ, mấy anh ấy đâu có chịu ở nhà vợ, nên mới "sức mấy anh về ở với em", mà sẽ là "rước/đón em về ở với anh" đấy mà, đừng vội tức giận. Thật ra, anh Kim định nói thế này:

"Nếu anh còn trẻ như năm cũ,
Quyết đón em về sống với anh,
Nhưng NAY không trẻ như năm cũ,
Xin được theo về sống với em"

Đắc ý, chị Tôn Nữ Kim Chi, một hoa khôi Đồng Khánh (thường được các bạn trong Liên Trường âu yếm gọi bằng biệt danh "Công Chúa") cũng vỗ tay nhảy vào:

Chị Tuyết Nga đối bốn câu đó rất hay và Kim Chi xin họa lại như sau:

Dù anh còn trẻ hơn năm cũ,
Quyết chẳng thèm về sống với anh.
Sợ đêm anh ngáy như "sấm nổ"
Khó ngủ như em tức thì thôi...

Chị Tuyết Nga thích chí tán thưởng: "Bốn câu họa của chị nói lên được 'thảm cảnh' của mấy ông không còn trẻ nữa đấy. Chúc chị không gặp phải cảnh đó nhé.

Và rồi anh Nguyễn Mai, cựu Chu Văn An kiêm tổng thư ký Liên Trường, cũng cầm lòng không đặng, nhảy vào tiếp sức "nhà trai":

"Tôi xin viết thay cho nạn nhân và riêng tặng chị Kim Chi:

Dù anh có già hơn năm cũ,
Em nguyện theo anh suốt cuộc đời
Sợ đêm anh nằm ngủ thẳng cẳng,
Em nằm một mình tức thì thôi"

Lợi dụng "thắng thế", anh Thành tiếp tay mài gươm cho thêm bén:

Dù anh không trẻ như năm cũ,
Cũng nguyện theo anh suốt cuộc đời.
Chỉ sợ đêm đêm anh say ngủ,
Mình em trăn trở khổ thì thôi

Không sờn lòng, Kim Chi nhỏm dậy kéo theo Hồng Vân, bông hoa ngào ngạt của Marie Curie, cùng nhau phản pháo liền:

Bạn nỡ lòng nào phá tôi như rứa? May quá, có quân sư Hồng Vân bênh phận "liền bà" chúng tôi. Xin họa lại như sau:

Phải chi anh trẻ như năm cũ,
Cũng nguyện hầu anh nửa đêm dài.
Mau mau tìm gặp Mai Đông Sĩ
Cầu cạnh Viagra đỡ khổ ngay!

Vui mừng hớn hở, chị Trần Kim Ánh, hội trưởng Gia Long, vỗ tay cổ võ "nhà gái":

Bravo! Bravo chị Kim Chi/Hồng Vân. Các anh đang lo sốt vó, bứt tóc gãi đầu để tìm cách họa lại bài thơ bất hủ của chi.

Bài thơ trước chị ví chàng "ngáy như sấm nổ" hay ho làm sao!

Làng Thơ có nhiều nhân tài quá sức!

Chị Kim Ánh cũng chính là người "khai sanh" ra tên Làng Thơ và được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng. Tuy nhiên, Làng Thơ không phải chỉ có thơ. Để thay đổi không khí, thỉnh thoảng cũng có một vài câu đố hay chuyện vui xuất hiện. Một hôm anh Thành kể rằng:

"Một bà vợ quê nghèo nàn, đông con đến gặp bác sĩ để hỏi cách ngừa thai. Bác sĩ khuyên "Tối đi ngủ chị cứ thọc hai chân vào bao gạo 10kg rồi cột lại là yên trí" Thế rồi vài tháng sau chị vợ nhà quê trở lại gặp bác sĩ với cái bụng tròn vo. Bác sĩ trợn mắt la "Sao chị không làm theo lời tôi dặn?" Chị vội phân trần "Em nghe lời bác sĩ chứ, nhưng vì nhà nghèo, không có bao 10kg nên em phải dùng hai bao 5kg..!!"

Chuyện chỉ có thế mà cả Làng Thơ nhao nhao lên, đồng lòng gọi anh Thành là "Thi sĩ Bao Bố". Hốt hoảng, anh Thành vội la lên "Quý vị tặng cho tôi cái 'mỹ từ' này là giết chết cả cái tương lai thi nghiệp của tôi rồi!! 'Nhà thơ Bao Bố' thì làm sao có thể nổi danh được, quả là 'sinh nghề tử nghiệp'".

Kim Chi còn tặng thêm một chưởng:

Anh Thành ơi,

Không phải "sinh nghề tử nghiệp" đâu, dân Bắc kỳ chúng tôi gọi là "Gậy ông đập lưng ông" đấy nhé. Hèn chi tôi thấy bao bố hiếm hoi trên thị trường, cũng chỉ vì anh quen thói "đầu cơ tích trữ" (được biết anh Thành thuộc loại rất 'mắn con')

Không bỏ lỡ cơ hội, Minh Tâm nhảy ngay vào đánh ké:

"Hi, hi, hi! Công Chúa của tôi ơi, không ngờ Công Chúa cho ong chích anh Thành dzui quá đi thôi, đúng là "gậy ông đập lưng ông", hi, hi, hi.

Công chúa nói chuyện có duyên vô cùng"

Và còn bồi thêm một cước:

Bỗng nhiên anh Thành có được cái tên "Thi sĩ Bao Bố", không biết anh Thành có buồn không? Minh Tâm có mấy câu thơ ni, vừa chạy qua đầu, nên viết vội cho anh Thành đây, xin các anh chị cùng thưởng thức:

Thi Sĩ Bao Bố

Bỗng nhiên ta lại là thi sĩ..?
Chỉ vì kể chuyện "Bố" với "Bao"
Chuyện "bao bố lủng" ai biết nhỉ?!
Sao thành tên tớ, cớ làm sao???
Bao kia mười kí, ta năm kí!!
Thì cớ làm sao lại phải cười?
Con cháu trong nhà đông thêm tí,
Về già sung sướng, tớ ngồi xơi!

Được cười hả hê, anh Mai viết "Tôi phải bái phục và vinh danh chị Minh Tâm là "Đại Thi Sĩ" chứ không còn là một thi sĩ nữa. Minh Tâm vừa là Thi Sĩ Tình Yêu, vừa là Thi Sĩ Tếu. Tôi nghĩ rằng sau khi nghe câu chuyện bao bố của anh Thành thì phái nữ có vẻ thích thú lắm và đang chuyển đề tài sang bao lủng.

Dở khóc dở cười, anh Thành đã họa lại bài thơ của chị Minh Tâm như sau:

Nữ Sĩ Mười Cân

Nhiều phen lúng túng vì bao bố
Lụp chụp, vội vàng, vứt bố bao
Chuyện 'bao bố lủng' can chi nhỉ?
Anh hùng tung vó, có làm sao???
Minh Tâm mười kí, ta năm kí!!
Nàng thích "ngậm tăm" tớ thích "cười"
Mai mốt nhà ta đông thêm tí
Nhà nàng quạnh quẽ, ghé ta chơi!!

Thơ thẩn miên man, từ từ lan qua chuyện tình yêu, anh Kim nhỏ nhẹ tâm sự:

"Dạo các anh chị biết yêu thì tôi không dám biết gì cả, học trung học đệ nhất cấp thì quá bé để yêu đương, lên đệ nhị cấp thì nhà nghèo sợ thi trượt bị động viên sớm. Lại thêm ông Bố trong giáo chức nên quá nghiêm, coi chuyện tình là nhảm nhí nên đã mất một thời hoa mộng tuổi thơ. Xin được góp ý bốn câu:

Hai mươi năm trở về chốn cũ
Cảnh vẫn thế nhưng lòng người thay đổi
Lòng thật mừng đã không còn gặp gỡ
Vì trong em hình bóng đã nhạt nhòa.

Bốn câu thơ nhẹ nhàng, xúc tích này của anh Kim đã gây phản ứng dây chuyền trong Làng Thơ. Chị Kim Ánh dò dẫm: "Cám ơn anh Kim về bài thơ hay quá! Đọc những gì anh viết, hình như anh có điều gì ray rứt?"

Chị Minh Tâm viết:

Hai mươi lăm năm chuyện đổi đời
Ngẫm lại chuyện xưa thấy bồi hồi
Tiếc thầm... nhưng có đâu cơ hội!
Thôi đành ôm ấp khối tình tôi!!!

Và chị còn phụ chú "Viết tặng các anh Trần Hưng Đạo-Đà Lạt thường mơ bước chân của các nàng Bùi Thị Xuân-Đà Lạt, hay các anh CVA, NT, PK vẫn thường theo bước các nàng TV, GL, LVD, hoặc các chàng QH theo ĐK suốt dọc đường về.."

Anh Thành cũng nhảy vào tâm sự tiếp:

Bài thơ trên nhắc tôi nhớ lại chuyện chính mình, cũng đã từng bao phen đứng đợi cổng trường, và cũng đã từng gặp lại người xưa sau 25 năm. Xin họa lại như sau:

Hai mươi lăm năm chuyện đổi đời,
Gặp lại người xưa lòng hỡi ôi!
Mừng thầm... đã mất đi cơ hội
Về nhà ôm vợ thích thì thôi!!!

Nghe bốn câu thơ tức mình này, Kim Chi lên tiếng ngay:

Sở dĩ Mai Đông Thành đổi bốn câu thơ của Minh Tâm ra một cách phũ phàng vì muốn lấy điểm với bà xã. Nếu anh MDT gặp lại người xưa ở Cali thì anh sẽ nói rằng:

Hai mươi lăm năm chuyện đổi đời
Gặp lại người xưa ngỡ hôm nao...
Mừng mừng tủi tủi chạnh lòng ai?
Chuyện xưa cứ ngỡ tợ gió Thu..

Lòng thơ trổi dậy, chị Kim Ánh lần đầu tiên phụ họa bằng thơ:

Kim Ánh xin góp phần đối đáp lại với bài thơ "con cóc" như sau:

Hai mươi lăm năm chuyện đổi đời
Ta gặp lại nhau mừng quá trời!
Anh đà có vợ ba con nhỏ

Tôi đã có chồng bốn cháu to.

Bài thơ hóm hỉnh này đã được Làng Thơ vỗ tay tán thưởng.

Nguồn thơ lai láng, Minh Tâm lại nhảy bổ vào với tràng cười thoải mái:

Hì, hì, hì có người vừa gởi họa lại mấy câu thơ này rất ư là hợp với bài thơ của chị Kim Ánh:

Hai mươi lăm năm chuyện đổi đời
Gặp lại người xưa thôi hỡi ôi!
Nàng nay lên chức là bà nội!
Nhìn lại đời ta vẫn mồ côi!!!

Chị Kim Ánh nhỏ nhẹ đáp lại những khen tặng của "fans":

Kim Ánh xin chân thành cám ơn các anh chị đã có lời khen tặng bài thơ của KA. Chị Kim Chi, Chị Tuyết Nga, anh Thành, và nhất là Minh Tâm đã cho KA inspiration mà "nguồn thơ" của KA lại bắt đầu bộc phát. KA không ngờ là mình có thể đặt thơ, mặc dù chỉ là thơ con cóc. Xin họa lại bài thơ của MT về chức "bà nội"

Thơ thẩn cho vui chẳng phải đời
Tớ còn măng lắm quý bạn ơi
"Bà nội" rất mong nhưng phải đợi
Con thơ khôn lớn cỗ mới sơi.

Minh Tâm lại họa tiếp:

Thơ thẩn làm vui với cuộc đời
Chưa già, vẫn trẻ giống bạn thôi
Rất may chưa phải là bà nội
Nếu không giữ cháu mệt quá trời.

Thế rồi vào cuối hè, anh Kim từ D.C. "thả bộ" qua Cali chơi. Cả Làng Thơ tụ họp lần đầu để chào đón anh trong một buổi ăn sáng thật thân tình tại quán Thanh Mai.

Trò chuyện, cười đùa râm ran như pháo nổ, và rồi không biết có chuyện "nhỏ to" gì đó giữa anh Kim và Công Chúa khiến Minh Tâm thảy lên mấy vần thơ thật trữ tình. Minh Tâm viết:

Hôm nọ ngồi nghe anh Kim rủ Kim Chi lên DC nên Minh Tâm có mấy câu thơ tặng anh Kim và Kim Chi. Bài thơ dài nhưng chỉ cho quý dzị đọc bốn câu đầu thôi còn hạ hồi phân giải sẽ tiếp...

Anh mời em đến nơi anh ở
Có gió mùa Thu lạc lối về
Có nắng hanh vàng trên lá cỏ
Xào xạc rừng Thu, ôi rất mê!

Anh Thành liền nối tiếp câu chuyện:

Xin họa tiếp phần hai của nhà thơ Minh Tâm:
Thời gian: sau chuyến đi DC
Không gian: Cali

Em mời anh ghé nơi em ở
Có sóng trùng dương bạt tiếng đời
Có mưa lất phất trên khung cửa
Thủ thỉ bên tai, thật tuyệt vời!

Chị Tuyết Nga vỗ tay tán thưởng:

Hi anh Thành & Minh Tâm,

Hai bài thơ "rủ rê" đều quá hay và dụ dỗ thật tình. Tôi mà là hai người này chắc chắn sẽ không thể nào mà không "để cho bị dụ" (xui trẻ lão...). Bọn mình chắc phải tìm stocks của mấy hãng máy bay đường DC-CA và hãng điện thoại mà invest, bảo đảm trúng lớn.

Bất ngờ, anh Nguyễn Thiên Long của Phan Thanh Giản cũng nhảy vào phụ họa:

Hi quý anh chị Làng Thơ,

Long thích bài họa của anh MĐT nên Long xin họa tiếp, coi như phần tiếp nối theo bài của anh MĐT, còn bài của chị MT thì... và... là tuyệt cú mèo đó nghen!

Em mời anh viếng Làng Thơ
Có trăng sao soi rõ biển đồi
Có dào dạt tình quê nhớ đỡ
Quấn quýt bên nhau chỉ thơ thôi!

*

Em than thở đời nhiều dang dở
Mảnh tình chung, em hận vô bờ
Anh than thở, đời nhiều sầu khổ
Dặm ngàn rơi tuyền mê khổ lộ!

Nhưng rồi không hiểu chuyện gì đã xảy ra đằng sau "hậu trường" mà Minh Tâm chợt lên tiếng:

Các anh chị làng Thơ thân mến,

Vì Kim Chi kêu ầm lên là nhầm rồi, không trúng, nên Minh Tâm phải làm tiếp bài thơ ni, vì sợ Kim Chi bảo mình nối giáo cho "nhà giai" mà không bênh "nhà gái":

Anh về quay quắt trong thương nhớ
Chỉ bởi vì em quá hững hờ
Em ơi hãy giúp anh hơi thở
Làm phước cho anh nửa phút chờ!

*

Trời hỡi! Em đi Thu cũng đi!
Anh về ôm ấp mối tình si,
Kim vàng để đấy không xe chỉ
Anh quyết tìm về đất Cali.

Anh Long nhắm mắt, nhắm mũi "cạn tàu ráo máng" họa tiếp:

Anh về dứt khoát không thương nhớ
Bỏ quách hình em những hững hờ
Giữ vững con tim như hơi thở,
Còn gì đâu mà mong với chờ!

*

Trời hỡi! Em và Thu ở, đi
Anh về đoạn tuyệt duyên tri kỷ
Còn đâu mà kim vàng se chỉ?!

Anh quyết không về, mãi mãi đi.

Thấy không khí "căng thẳng" quá, chị Tuyết Nga vội lên tiếng:

Hi các anh chị trong Làng Thơ,

Mấy hôm nay chúng ta được thêm một thi sĩ nữa, ý thơ cũng nhanh không kém gì nữ sĩ Minh Tâm của năm 2000. Nhưng giời ơi, hai thi sĩ cứ đua nhau làm thơ, "nói giùm" tâm sự của thiên hạ mà chẳng cần phỏng vấn "người DC" gì cả.

TN sợ là hai bạn không hiểu tâm sự người DC và làm anh lạnh cẳng đấy nhé!

Đừng nghe anh Long xúi bậy là "dứt khoát không thương nhớ" nhé, phí lắm đấy. Thi sĩ Minh Tâm và Long Nguyễn cạn nguồn cảm hứng, xin qúy vị "DC" hoặc " Cali" cứ tiếp tục "rủ rê" để chúng tôi được đọc ké thơ với nhé, và cả làng đều được vui.

Đến đây, chị Minh Hải, thủ quỹ Lê Văn Duyệt, bỗng nhiên xuất hiện:

Quý vị ơi, hôm nay đào kép chính đi vắng nên chúng ta tha hồ nhảy lên sân khấu đóng tuồng cho hai người này. Anh Long và Minh Tâm đòi đoạn tuyệt sớm quá, khán giả không chịu cho kéo màn đâu. Để Minh Hải đóng tiếp vai kép Kim cho quý vị coi. Kép này vừa rủ rê vừa dọa dẫm xem có kết quả không.

Nắng DC đã vàng trên lá đổ
Gió DC đùa nghịch tóc ai bay
Về đây nghe rừng Thu than thở
Nhớ áng mây hồng cây lá say

*

Cali không mùa Thu lá đổ
Nắng quá vàng làm tóc Chi khô
Biển xanh, cá mập chờ Chi đó
Động đất liên hồi Chi còn mơ!

Chỉ một thoáng sau, Minh Tâm lại lên tiếng:

Dear anh Long, chị Tuyết Nga và Làng Thơ,

Đó là tại anh Long đã có "dzợ" rồi, nên đâu có thấu hiểu được tâm tình của người DC nên đã vội vàng thôi thương nhớ. MT gởi đến làng Thơ để đọc tiếp tâm sự "chàng DC"

Thu đã chớm, vàng vừa về trên lá
Thơ tình Thu ta viết tặng riêng ta
Nữa mai kia Xuân có về xanh lá
Gởi cho em vàng úa cuộc tình xa

Em vẫn thế mượt mà như hoa lá
Chỉ có ta héo úa suốt bốn mùa
Hết Xuân Hạ rồi Thu Đông lạnh giá

Ta một mình thơ thẩn khúc tình ca...

Người DC vẫn mơ và chờ đợi, hy vọng nàng Cali có cảm được hay chăng?

Thơ phú bay tứ tung tràn ngập forum, nhưng lạ quá, hai "đương sự" vẫn cứ yên lặng một cách "khó hiểu".

Và rồi vào sáng Chủ Nhật hôm sau, trời không nóng lắm, cả Làng Thơ đều giật mình khi nhận được những lời lẽ "nhẹ như kim" của "cô giáo" Kim Ánh:

Các bạn Làng Thơ thân mến,

Tình yêu thể hiện dưới nhiều sắc thái, thương nhau từ lúc đầu gặp gỡ, hoặc quen nhau dần dần đi đến sự cảm mến nhau. Giống như những loài hoa quý, tình yêu cần được nuôi dưỡng trong một môi trường thích hợp (hoa lá, trăng sao, sóng biển dạt dào..) mà chúng ta trong Làng Thơ lại ồn ào và ác độc như hải tặc. Kim Ánh xin đề nghị chúng ta đổi đề tài, chẳng hạn như chuyển qua vấn đề lũ lụt:

Cửu Long giang! Ôi oai hùng mãnh liệt!
Đất phù sa biền biệt trải muôn ngàn
Nhưng giờ đây dòng lệ thảm tuôn tràn,
Cuồn cuộn chảy theo dòng sông oan nghiệt!

Im lặng... nín thở... mọi người cùng suy nghĩ...

Anh Thành lên tiếng "sám hối" trước tiên:

Tôi cũng đồng ý với chị Kim Ánh. Chúng ta hình như đã vui quá trớn rồi. Chúng ta đang phá thối

hai người bạn dễ thương. Tôi xin nhận một phần lỗi trong đó (phần nhỏ thôi, phần lớn hơn xin dành cho Minh Tâm và hai nhà thơ mới Long &Hải)

Xin nối tiếp với chị Kim Ánh:

Con dân Việt ai người không nghe biết!
Triệu lời than rên xiết thấu trời cao
Mẹ mất con, em lạc chị kêu gào,
Bao thê thảm biết làm sao kể xiết!!

Minh Hải cũng hoảng hồn "plead guilty" một cách thật tội nghiệp:

"Xin thành thật nhận 1/4 lỗi với tất cả những người bạn tôi đã chọc. Nhiều khi cứ tưởng mình còn đang học dưới trường trung học, đùa rỡn nhau như con nít."

Minh Tâm thì "ngoan cố" phản đối ầm ĩ:

Hey! Tại sao lại đổ tội cho tớ. Tớ đang làm thơ tình ướt át đàng hoàng, thơ tớ là "tình yêu, là thương nhớ, là trăng, là gió, là hoa lá", bỗng nhiên qúy dzị đổi thơ tớ thành thơ cười. Kim Chi bảo tớ không trúng, nhưng tớ đâu có chọc Kim Chi, tớ chỉ nhắc lại sự mời gọi hôm ấy mà thôi. Tớ phải chuyển sang hướng khác, tớ chỉ bảo nàng Cali, chứ chưa biết nàng nào đấy nhé! Tại quý dzị không đọc kỹ thơ tui đó thôi. Coi chừng bé cái lầm thì khổ lắm! Xin lỗi, chuyển mục "quê nhà" là phải rồi:

Hỡi cánh chim trời ở nơi xa,
Có biết rằng ta nhớ quê nhà?
Đường xưa lạc lối, người đâu tá!
Một chút hồn quê gởi giúp ta.

Tuy thế, Minh Tâm cũng vội thanh minh với Kim Chi:

"MT chẳng có ý gì đâu KC ơi, đừng có giận mà không mời MT ăn sáng ở Seafood World nữa nhé! MT chỉ lấy ý khi nghe KC với anh Kim, anh Vũ và chị Thanh Hà ngồi tả cảnh mùa Thu của DC đấy thôi. Nghe KC nói câu "Mùa Thu lạc lối về" nên MT mới lấy ý câu này mà đặt thành bài thơ. Lại gặp anh Thành "rủ rê" nên KC đổ tội cho anh Thành là được lắm. Đừng có giận MT nhé! Chị Tuyết Nga đặt tên "Rủ Rê" hay lắm, thêm Minh Hải lại còn đòi "se chỉ luồn kim" nữa, không biết có trúng không dzậy?

Thấy mọi người tự đấm ngực "lỗi tại tôi" ghê quá, Kim Chi dịu dàng viết:

"Có gì đâu mà phải xin lỗi. Mình chả bao giờ biết giận hay trách là gì cả. Các bạn cứ tha hồ đùa vì đó là niềm vui làm cho chúng ta có được cái cảm giác là mình "còn trẻ". Tôi vẫn đọc thơ các bạn mỗi ngày, vui nhiều hơn bực bội, mà tiếng địa phương gọi là "không răng mô". Tôi rất bận rộn với ban xã hội PG để lo gây quỹ cứu trợ nạn lụt, thì giờ rỗi rảnh là đọc e-mails để giải trí, cho nên các bạn có đùa dai một tí chả sao cả. Xin đừng nặng lời làm buồn lòng nhau"

Tới đây, anh Kim mới nhẹ nhàng lên tiếng:

"Chị Minh Hải,

Tôi rất cảm phục John Steinbeck vì các tác phẩm của ông là những phút đầu tiên tôi biết về văn chương Mỹ, rất mới mẻ, sống động và có bề sâu. Sau những suy nghĩ có về Âu châu với thuyết Hiện Sinh Sartre, Camus, Heidegger), đây là một luồng gió mới trong tiến trình tư tưởng của tôi. Nhà văn này đã nói đại khái: Nên viết văn vì đây là một lối diễn tả tâm tình rất lịch sự và khi đã muốn viết văn thì nên có tác phong của một văn nhân tức là: bao dung, chừng mực, nhận xét, suy nghĩ, trầm tĩnh,

thành thật, học hỏi, khôi hài, hướng thượng và có lương tâm (diễn văn tại Stockholm khi nhận giải Nobel văn chương).

Tôi chỉ định đùa vui với nhóm Làng Thơ một thời gian ngắn mà thôi, song nay tôi đã ở lại lâu hơn dự tính và rất có cảm tình với các bạn trong nhóm."

Minh Hải đã "thở phào nhẹ nhõm" rất ư là dễ thương:

"Hú hồn quý vị không giận MH, làm hôm qua không ăn, không ngủ được và cứ ngó trong gương xem mình có giống mấy tên hải tặc gặp trên đường vượt biển không? Đọc được thơ quý vị MH mới đỡ bứt rứt, áy náy vì cảm thấy "guilty" vô cùng đã "hurt" quý vị trong mấy bài thơ. Kim Chi có "trái tim bồ tát" nên không sợ cá mập ăn thịt đâu và "mặt trận miền Đông" vẫn yên tĩnh với trái tim bao dung như người anh cả trong gia đình, chỉ cười nhìn lũ em nghịch ngợm. MH rất yêu mến, kính trọng các bạn trong Làng Thơ đúng như tinh thần anh Kim đề ra, khôi hài, không hề có ác ý. Cám ơn anh Kim và Kim Chi, MH sẽ ngủ ngon tối nay. Chúc anh Kim ngủ đủ giấc để có sức chịu đựng sự công phá của "mặt trận miền Tây".

Thế là thông cảm nhau hết rồi nhé. Bầu không khí lại nhộn nhịp trở lại khi Minh Tâm ghé vào Làng Thơ:

Hôm nay trên đường lái xe về bỗng thấy lá rơi... tớ xuất khẩu 4 câu thơ ni tặng quý dzị đây:

Trời chớm Thu rồi, em ở đâu?
Mùa Thu thay lá, áo thay màu,
Em đi để lại bao thương nhớ!
Anh giữ tình em đến bạc đầu!!!

Lãng mạn quá!! Anh Thành chợt tủi thân khi nghĩ đến tâm sự của một người cha với lũ con nghịch phá chờ vợ đi shopping:

Nhớ vợ hiền

Trời tối thui rồi em ở đâu??
Nhìn đàn con đói, bụng anh rầu!
Em đi để lại bao phiền não
Gạo hết, nhà dơ thật nhức đầu!!

Minh Hải "tàn nhẫn" đáp lễ ngay:

Anh Thành ơi, cô vợ quý nhờ tôi nhắn về cùng anh:

Anh ơi đừng đợi cơm em nhé!
Lại có "on sale" cuối tuần rồi
Mì ly, nước lạnh cho đàn bé,
Em đi không kẻo phí của trời.

Minh Tâm cũng quay lại "xỉa xói"

Bây giờ mới chờ "hiền thê" đi shopping có mấy tiếng mà đã rên rỉ. Nhớ ngày xưa anh chờ chị Trang ngày này qua tháng khác mà vẫn chờ. Hãy lắng tai nghe đây:

Em đi gió nhẹ vương trên tóc
Nắng phủ bờ vai, phớt má hồng
Sáng nay anh đứng bên bờ dốc
Chờ bóng em qua, ôi nhớ mong
Nắng tràn trong gió, mây nhẹ lướt,
Em đã đi qua anh vẫn trông
Dáng nhỏ mong manh, em nhẹ bước
Vô tình không biết có người mong...

Và anh Thành lại nhỏ nhẹ kể lể tiếp...

Tâm sự người chồng đau khổ

Em đi huỳnh huỵch rung cả tóc
Trán đổ mồ hôi, nhạt má hồng
Mới đi trăm bước em thở dốc,
Nhìn dáng em đi, ôi thất kinh!!
Nắng chiều gay gắt xuyên ngõ trước,
Em bước qua thềm, đất rung rinh...
Lưng như tấm phản, chân mạnh bước
Vô tình không biết có kẻ kinh...
Minh Tâm đáp lại:
Mặc dáng em đi anh thấy kinh
Nhưng anh vẫn nhớ, vẫn yêu mình
Khuyên em giữ lấy đừng thay đổi
Bởi dáng em đi anh thất tình..!!

*

Dù chân em bước như voi dậm
Nhưng anh vẫn nhìn em say đắm
Lưng em có lớn như tấm phản
Anh dựa vào em khỏi té đầm

*

Mặc hơi thở dốc, mặc tóc thưa
Anh vẫn yêu em nói sao vừa!!
Vẫn đứng chờ em nơi cuối phố
Suốt trời nắng Hạ đến đêm mưa

*

Em ơi có xấu đi chăng nữa!

Hãy nhớ rằng anh đây vẫn ưa!
Mặc ngày nắng Hạ hay Thu tới,
Anh quyết yêu em hơn bóng xưa..!!!
Minh Hải thì than thở rằng:
Em xưa liễu yếu đào tơ
Vì ai nên mới ra cơ sự này
Chùi nhà nấu nướng luôn tay
Bồng con, giặt giũ thân này hóa sen
*
Chiều nay ra đứng gốc mơ
Ôm con nhớ mẹ dạ ngơ ngẩn sầu
Năm xưa ai ngóng trên cầu
Giờ anh vui thú ở đâu chưa về?!!

Có lẽ sinh ra đời với túi thơ trên tay, Minh Tâm luôn sẵn sàng gửi lên những vần thơ tình tứ tuyệt vời như bài thơ sau đây:

Làm sao tát cạn mạch sầu
Để anh thôi nhớ nỗi đau dại khờ
Làm sao nối lại đường tơ
Để anh còn đứng bên bờ yêu đương
Làm sao tát cạn sông Tương
Để anh lần bước tìm đường thăm em
Làm sao đón nắng bên thềm
Để anh chải tóc cho em gội đầu
Làm sao trảy hội gieo cầu
Để anh đón lấy nàng dâu về nhà
Làm sao nói hết tình ta
Để em thấu hiểu khúc ca diễm tình
Làm sao nối lại chuyện tình
Để anh thôi khóc một mình cô đơn
Anh xin lạy Chúa ban ơn
Cho anh sớm được kết hôn cùng nàng...

Thơ Minh Tâm làm đẹp như ca dao vậy, tuy nhiên, cuộc đời nhiều khi thật phũ phàng như lời than thở sau đây:

Phải chi anh biết từ đầu
Để anh đừng bước qua cầu ngu ngơ
Phải chi cắt được đường tơ
Để anh xoay bước vượt bờ đau thương
Phải chi lấp được sông Tương
Để anh lần bước tìm đường xa em
Phải chi có được cái kềm
Để anh bứt tóc cho em trọc đầu
Phải chi em bước qua cầu
Để cho bão nổi lấy đâu về nhà
Phải chi trời thấu đời ta
Để anh bộc bạch bài ca nhục hình
Phải chi dứt được ân tình
Để anh thôi khóc một mình bao cơn
Anh quỳ lạy Chúa ban ơn
Cho anh sớm được dứt hôn với nàng.

MDT viết cho những người chồng đau khổ.

Chi Tuyết Nga tấm tắc: "Rằng hay thì thật là hay, xem qua ngậm đáng nuốt cay thế nào!"

Minh Hải thì không "hiền" như vậy: Xin gửi ông chồng đau khổ:

Năm xưa tát nước đầu đình
Cố quên chiếc áo cho mình nên duyên
Anh hùng với gái Thuyền Quyên
Cùng nhau xây mộng trên thuyền trăng mơ
Giờ anh muốn cắt đường tơ
Em xin trả lại thuyền mơ ngày nào
Các con hãy cứ chạy vào
Đòi cha dỗ ngủ, mẹ chào bái bai.

Và còn tái bút: các anh đừng ra ngõ mong chúng tôi về trông bầy trẻ nghe.

Chị Kim Ánh "bên nhà gái" vỗ tay... giảng hòa:

Bài thơ của chị Minh Hải hay quá là hay. Thơ của nữ sĩ Minh Tâm thì thật là nhẹ nhàng, trong sáng và thành khẩn. Anh nào thốt ra được thế nào cũng nắm trọn trái tim người đẹp. Còn anh Thành óc khôi hài đã đến độ cao siêu, các bài thơ của anh đều rất ư là funny!

Minh Tâm cũng khoái chí đứng ngoài vỗ tay: Minh Hải đúng là hay quá xá. Chuyến này MT có người cứu bồ. Chấp anh Long&Thành "bút chiến" với phe "nhà gái" xem ai đoạt cúp vàng đây.

Minh Hải tuy được khuyến khích nhưng vẫn hơi... run thì thầm "Minh Tâm đừng vi mừng sớm quá. Anh Thành và anh Long đang luyện bí kíp đó. Hai anh cùng đánh ra một lúc là mình bay hết lên cây, hết còn cóc với nhái đấy. Các anh bị đánh trúng tim đen nên cần dưỡng sức. Chúng mình rán cứu bồ cho nhau nghe Minh Tâm."

Anh Long, bên nhà giai, nhảy vô họa cứu bồ:

Năm xưa anh gặp đầu đình
Vì em gài xếp cho mình se duyên
Ngỡ anh hùng với thuyền quyên
Thì ra chỉ những là duyên vàng bò
Giờ anh tính chuyện hai bờ
Còn đâu nguyên vẹn mà mơ mộng nào!
Đang tâm xúi giục con vào
Khó chồng, chẹt bố, mồm gào bái bai.

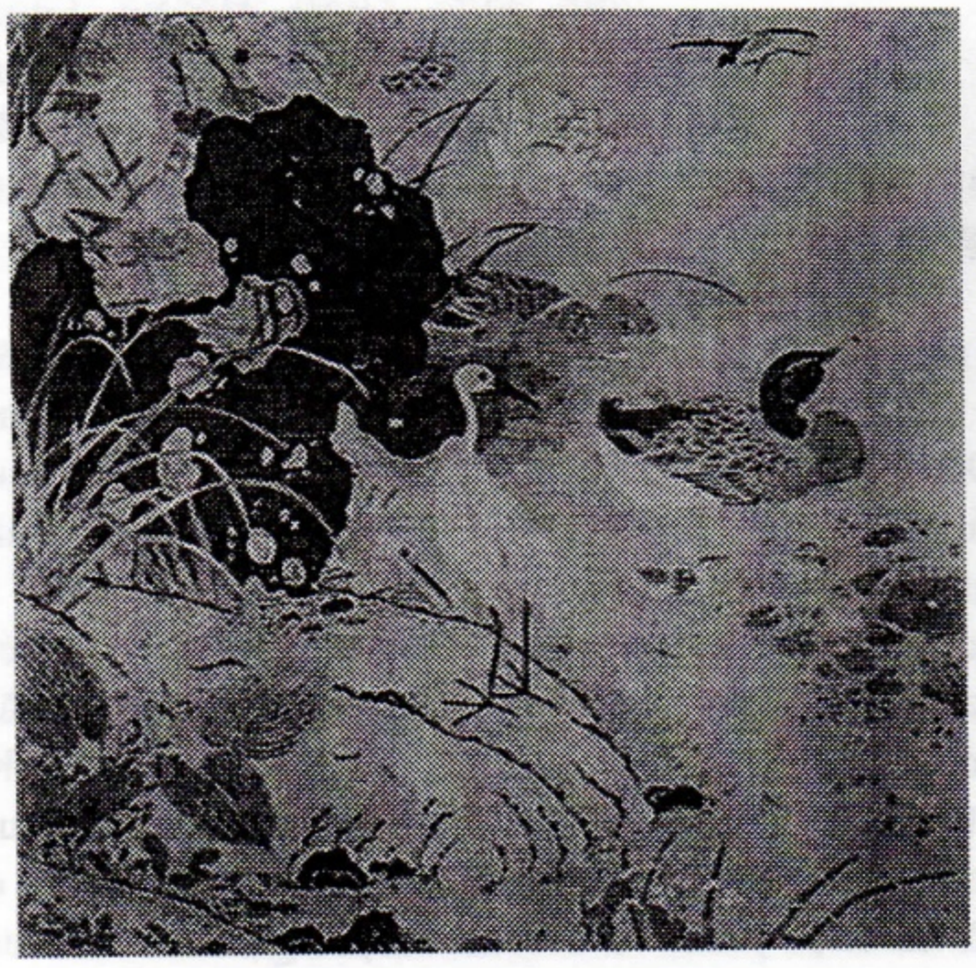

Anh Thành tiếp:

Hồi hai: cô vợ dữ dằn xông vào nhà như cơn gió lốc, thảy lũ con cho anh chồng hiền lành rồi chanh chua dọa dẫm bỏ đi. Anh chồng tội nghiệp chỉ còn biết gạt nước mắt nói rằng:

Bái bai thì mặc bái bai,
Cô ra khỏi cửa, bà hai (sẽ) bước vào.

Không hề nao núng, Minh Hải tiếp tục hồi ba: các con vui mừng đón chào bà Hai.

Bà Hai vừa bước chân vào
Thàng Tèo nắm áo mời chào ngây ngô
Nhà tôi có ổ chuột chù
Nó chơi nó chạy lu bu quanh nhà
Bà ơi có thích nhện ma?
Để anh tôi bắt cùng bà chơi chung
Em tôi có một dàn thung
Chuyên môn bắn sẻ dán chung quanh tường
Thôi thôi, tôi chẳng còn thương
Tôi chạy ra đường mau thoát thân tôi.

Và còn hóm hỉnh hỏi "anh Thành còn bà Ba, bà Tư nào dắt về nữa không?"

Gặp cao thủ, anh Thành đành chịu thua bà vợ độc địa này.

Các giai thoại làng thơ thì liên miên bất tận. Có thể nói không tuần nào là không xuất hiện những câu chuyện hoặc những bài thơ vui. Một điều mọi người trong Làng Thơ đều nhìn nhận rằng Minh Tâm xứng đáng là Nữ Thi Sĩ của năm 2000. Anh Thành đã có lần lên tiếng ca ngợi:

Rất phục Minh Tâm bụng lắm thơ
Người đâu tài giỏi thật không ngờ
Bầu thơ nặng chĩu, thơ nhung nhúc
Chỉ chích kim vào, văng tứ tung...
Minh Tâm chỉ khiêm tốn đáp:
Thơ mà nhung nhúc, thơ con cóc
Chỉ chích kim vào bọ thành ong
Nói chi tài giỏi tôi mắc cở?!
Làm thơ con cóc thật không xong..!

Cửa ngõ Làng Thơ luôn rộng mở, các anh chị nào yêu thích thơ con cóc xin cứ tự nhiên gõ cửa.

Người Nguyễn Trãi ghi

Tuổi vàng trong mùa Xuân

GS Lê Tinh Thông

Khi nói về mùa Xuân, ta thích nghĩ tới màu xanh của lộc non, của cây cành đang độ sung sức. Tuy nhiên, khi chuẩn bị đón mùa Xuân Tân Tị 2001, chúng tôi trộm nghĩ tới màu của tuổi hạc, tuổi vàng, của tình thương khi đất trời giao mùa, từ cái cũ chuyển qua cái mới...

Cách đây gần hai năm, cũng nhằm ngày tuyết rơi và băng giá lạnh lẽo, máy bay chở Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô Đệ Nhị đã hạ cánh tại phi trường Lambert của thành phố St. Louis. Vừa đặt chân tại đây, Đức Giáo Hoàng đã lên tiếng kêu gọi Hoa Kỳ, một quốc gia có ảnh hưởng nhất hoàn vũ, hãy ý thức trách nhiệm nêu gương sáng trong một thế giới đang tìm cách xóa bỏ sự sống bằng bạo động, chiến tranh, võ khí, tội ác, ma túy, kỳ thị chủng tộc và phá hủy môi sinh. Đồng thời trong dịp này, Ngài cũng kêu gọi mọi người cùng có một cái nhìn xa về đạo đức, để sống chiến thắng bạo lực và sự hủy diệt. Đặc biệt Ngài đề cao giá trị gia đình, coi đó như nền tảng của sự giác ngộ về nền đạo đức. Gia đình là nguồn giáo dục về tình thương, về tinh thần phục vụ, về sự cảm thông và về lòng khoan dung nhân hậu. Gia đình là nơi nương tựa cho kẻ thiếu thốn, là mái ấm cho người cô đơn. Lúc đó, Đức Giáo Hoàng đã nhắc nhở người Hoa Kỳ, đặc biệt người Giáo Dân Công Giáo, phải duy trì và tôn trọng ý thức đạo đức gia đình, hầu tự cứu mình và cứu giúp nhân loại...

Vậy mà sau đó một năm, trong khi sửa soạn mừng Xuân mới, tất cả chúng ta đều bàng hoàng đau nhói trong tim khi nghe một mẩu tin rất thương tâm vừa xảy ra trong cộng đồng tại Nam California. Đó là hai cụ cao niên trên 80 tuổi, đã sống với nhau ngót 55 năm, nay không chịu nổi cảnh cô quạnh của tuổi già lủi thủi bên nhau, nên đã cùng tự kết thúc đời mình bằng võ khí. Chúng tôi thành thực nghĩ rằng trước sự đau buồn này, chúng ta cũng tự nhủ mình có một phần trách nhiệm trong biến cố quá đau lòng đó. Đây cũng là lý do khiến chúng tôi hồi tưởng lại hình ảnh Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đi đứng không vững, tay chân run rẩy ghé thăm vùng đất St. Louis và nhắc chúng ta về tình thương trong dịp Xuân về.

Tại Hoa Kỳ, bạo hành được xem là nét đặc trưng của xã hội Mỹ từ thời lập quốc. Nhưng, dù sao nạn bạo động đang có phần thuyên giảm khi dư luận bày tỏ lòng căm phẫn về các vụ chém giết xảy ra quá nhiều mấy năm về trước. Vả lại, nếu Hoa Kỳ được coi là thiên đàng của tuổi trẻ tràn đầy sức sống, thì nó lại có thể ví như địa ngục cho các bậc

cao niên khi họ hết khả năng sản xuất và lui vào nếp sống cô đơn. Cũng may, cảnh cô đơn của tuổi già đã có phần giảm thiểu khi các tổ chức thiện nguyện của dân chúng được lập ra ngày một nhiều hơn để chăm sóc quý cụ già yếu, bệnh hoạn. Trong khi xã hội này đang cố vươn lên, vượt qua nhiều nhược điểm tiêu biểu của nó, thì người Việt mình lại đau lòng phát giác rằng chúng ta đôi khi đã thành Mỹ hơn người Mỹ. Chúng ta có vẻ không còn quan tâm tới tuổi hạc của các bậc già lão, khiến cho một số người kém may mắn thấy rằng cuộc sống vốn đã cô đơn càng cô đơn hơn để trở thành vô nghĩa, khiến người ta không còn thiết sống nữa.

Là một cộng đồng Á châu, mang theo các truyền thống và đặc tính cả tốt lẫn xấu của dân tộc mình, chúng ta hằng nhắc nhở nhau giữ gìn những giá trị văn hóa của mình, đồng thời tiếp nhận những tập tục tốt đẹp của xã hội tạm dung này. Một trong những điều hay mà chúng ta cố sức phát huy và bảo tồn, chính là tinh thần gia đình, nền móng đầu tiên của giáo dục, và lòng biết ơn đối với tiền nhân, cái lẽ khởi đầu của tinh thần hợp quần giữa các thế hệ với nhau. Các hội ái hữu, đồng hương như Hội Cựu Học Sinh Nguyễn Trãi của chúng ta trong cộng đồng người Việt hải ngoại là những bằng chứng cụ thể nêu cao tinh thần đoàn kết và tương thân tương ái giữa những người đồng hương xa xứ với nhau và với những đồng hương trong nước đang sống dưới chế độ hà khắc vô thần cộng sản. Sức mạnh của cộng đồng ta được tạo dựng nhờ những đức tánh đó, trước khi ta có lá phiếu hay bạc tiền khả dĩ tạo ra được một tư thế cho cộng đồng. Thế nhưng, nhiều lúc chúng ta vội chạy theo trào lưu tân tiến ở xứ người mà chóng quên mất quá khứ vẫn hiện hữu trước mặt mình: đó là ông bà cha mẹ cao niên ở trong nhà, trong khu phố, đang bị bỏ rơi hay ít ra bị coi là thừa thãi trong cộng đồng thôn xóm của mình.

Nhân dịp mọi người sắp sửa chuẩn bị đón mừng năm mới Tân Tị, năm 2001 và nhắc tới ông bà tổ tiên trong đêm Giao Thừa, chúng tôi thành khẩn nhắc nhở mọi người trong chúng ta câu ngạn ngữ "uống nước nhớ nguồn". Nước uống có ngon ngọt trong lành đó là nhờ cội nguồn những người đi trước. Nếu con em chúng ta đời nay cho người già là vô dụng, chính chúng ta phải lãnh trách nhiệm về thái độ bất hạnh đó. Gây cho các bậc cao niên cảm thấy bơ vơ khi tuổi già bóng xế là điều đáng trách cho chúng ta, và nỗi bơ vơ đó sẽ là tương lai cô quạnh của chính bản thân chúng ta, khi ta bước vào tuổi về chiều đó. Lời cầu chúc đầu Xuân Tân Tị của chúng tôi là nguyện ước cho cộng đồng ta luôn luôn sát cánh bên nhau, lúc hoạn nạn trên đường vượt biên ngày xưa cũng như lúc vui hưởng tuổi già của mình ở năm đầu tiên của thế kỷ 21 này./

GS Lê Tinh Thông

♦

- *dạy tai Trung Học Châu Văn Tiếp, Bà Rịa, Phước Tuy từ 1967 đến 1972, sau*
- *khi tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Saigon, môn Anh Văn. Và đổi về Nguyễn Trãi, Saigon, từ 1972 đến 1974 . Đầu năm 1974 thi đi tu nghiệp tại Victoria*
- *University, Wellington, New Zealand, 1 năm. Tháng 3 năm 1975 trở về nước và dạy học lại cũng ở Nguyễn Trãi độ hơn một tháng thì di tản qua Mỹ, chưa kịp lãnh lương. Khi qua Mỹ thì vừa đi làm vừa đi học thêm, xong MA tại San Diego State University, năm 1978. Bắt đầu đi dạy học tại Santa Ana Unified School District từ năm 1978 đến nay. Hiện vẫn còn dạy tại Santa Valley High School.*

Nửa Hồn Thương Đau!

NGUYỄN THƯỜNG ĐỨC

Từ nhỏ, qua đến thời còn trẻ, và cho đến bây giờ, tôi vẫn có một cái tật rất xấu là hay "chế biến" lại lời những bản nhạc mà tôi đã nghe để nó hợp với "khẩu vị" của mình. Việc chế biến này chẳng phải do tôi hay ho gì, cũng chẳng phải do tôi nghĩ tôi tài ba hơn tác giả những bản nhạc ấy. Rất đơn giản, tôi chế biến lời nhạc để ư ử hát theo vì mặc dầu rất yêu nhạc nhưng trí nhớ tôi kém cỏi, không bao giờ nhớ nổi trọn vẹn lời của bất cứ một bản nhạc nào Như rất đông những người chưa có cơ hội ra CD, băng nhạc, hoặc ra "tác phẩm để đời", tôi là ca sĩ phòng... tắm. Nhiều buổi sáng, trong phòng tắm, vào những ngày tương đối thong dong không bị hai cái kim đồng hồ nó rượt đến đỗi phải hấp tấp như một con lật đật; trong tiếng hoà âm của những tia nước đang tung tăng trên đầu, trên cổ và tiếng đệm sột soạt của cái bàn chải trên lưng, tôi ung dung tà tà tì tì trình diễn rất tới những đoạn nhớ được trong các bản nhạc mình yêu thích. Hơn cả hai cô Linda Trang Đài, Trizzie Phương Trinh trên sân khấu, tôi dám trình diễn trọn vẹn một cách rất... cóc cần nghệ thuật. Một tay tôi nhịp nhàng đẩy đẩy cái bàn chải chà lưng, tay kia cầm cục xà bông xoa nhịp, tôi để trọn tâm hồn mình vào bản nhạc. Hai cô ca sĩ này, nếu mà thấy được lối trình diễn sống động của tôi lúc đang tắm chắc chắn phải gập mình bái phục (hoặc... ré lên gọi 911 rồi lăn đùng té xỉu luôn cũng có!). Như đã nói, miệng tôi hát, tâm hồn tôi trầm bổng với lời nhạc, nốt nhạc. Chỗ nào quên, tôi chế đại lời, hát tiếp. Nếu suy nghĩ không kịp những chữ để chế biến, nếu không thêm thắt biến chế nổi, tôi í i ì i, ứ ư ừ ư, à a á a... cho liên tục bản nhạc, hoặc tôi làm một cú liên khúc nhảy luôn qua bản nhạc khác.

Có lẽ giọng hát của tôi cũng da diết, tha thiết, trầm ấm, mùi mẫn lắm nên chưa bao giờ tôi nghe lời phàn nàn hay khen chê gì từ đám khán thính giả trung thành của tôi là những miếng gạch men và các món lỉnh kỉnh trong phòng tắm như thuốc gội đầu, xà bông, kem, bàn chải đánh răng, vân vân và vân vân. Vợ tôi khen chê thế nào tôi không biết. Hoặc cứ coi như là tôi sợ sự thật đau lòng lắm, nên cứ giả vờ ngoan cố không cần biết. Mỗi buổi sáng, từ lúc đứng đối đầu với cái mặt còn thèm ngủ của mình trong gương để cạo râu, và từ lúc tôi ứ ứ á á trong miệng "dạo" trước điệu nhạc của một bài hát nào đó thì bả đã lắc đầu bỏ đi chỗ khác mất rồi. Có lẽ bả tôn trọng ca sĩ, biết ca sĩ khi nổi nóng thường hay biến dạng thành la sĩ, hoặc là bả không biết câu "...lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau" nên đành phải lặng lẽ ra đi trong câm nín, dông đi chỗ khác, trả lại cho tôi cái không gian riêng tư của một người ca sĩ phòng tắm nặng nợ với kiếp cầm bàn chải cà lưng mà ca của mình.

Những bản nhạc tôi thích thì rất nhiều, đứng hát đến hết bình nước nóng gắn trong garage cũng chưa hát được phân nửa, nhưng không phải lúc nào tôi cũng chụp lấy bất cứ một bài nào đó để hát đại. Tôi cũng tùy thuộc rất nhiều vào cái cảm hứng của tôi và những ý tưởng đang miên man trong đầu mình. Khi chợt nhìn những tia nước từ vòi sen vừa bắn ra, tôi có thể bắt giọng bằng một cú "ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi..." hoặc lúc thoáng hiện trong đầu hình ảnh của bãi biển Nha Trang mà hồi xưa có lần đã đặt chân tới, tôi làm luôn một câu

"ngày mai em đi, biển nhớ thương em gọi về...". Lúc cạo râu, nhìn trong gương thấy cái đầu bù xù và những cọng râu lởm chởm của mình, tôi có thể đang "hôm qua tôi đến nhà em, ra về mới nhớ rằng quên cây đàn", nhưng đến lúc nhìn hơi nước nóng bao phủ trên tấm gương soi mặt, nhìn đám hơi nước mờ mờ như sương, tôi bước luôn rất gọn gàng vào "ai lướt đi ngoài sương gió, không dừng chân đến em bẽ bàng...". Tôi chuyển nhạc nhẹ nhàng như cái tia laser của máy CD hiện đại.

Đại khái, tôi đứng tắm ở Mỹ mà tâm hồn tôi, lòng tôi, mang mang hình ảnh của quê nhà.

Sáng hôm nay, trong lúc đưa cái đầu có da nhiều hơn tóc của mình ngay dưới vòi sen, mắt nhắm kín, ngẩng mặt cho nước trôi sạch thuốc gội đầu, miệng thì "ứ ứ, ư ư ừ, ự ứ ư ư, ư ư ừ ừ ứ ư ư, ư ừ ự ứ ư ự..." bản nhạc Nửa Hồn Thương Đau, và trong đầu hiện lên từng chữ trong bài thơ của Thanh Tâm Tuyền đã được Phạm Đình Chương phổ nhạc, tôi đột nhiên cảm thấy lạnh tê người mặc dầu đang tắm nước nóng. Tôi cảm thấy giá buốt từ trong lòng bỗng dưng ùa ạt lan nhanh ra như một đợt sóng nuốt trọn thân thể mình. Tôi ngộp thở. Toàn thân nổi gai ốc. Tôi chới với, hụt hẫng. Mắt tôi không bị chút thuốc gội đầu nào chảy vào mà tự nhiên thấy cay cay. Tôi tê cứng trong thế đứng nhắm mắt để nước chan hòa trên mặt mình.

Vài ba phút sau, lúc bước ra đứng trước tấm gương lớn, tay cầm cái khăn tắm lau khô nước trên thân thể, tôi nhận ra rằng mình đột nhiên đã ứa nước mắt vì cơn xúc động đến bất chợt, gây ra bởi tôi chơi dại, dám sửa lời và ý thơ Thanh Tâm Tuyền.

Thơ Thanh Tâm Tuyền qua những nốt nhạc quá tuyệt của Phạm Đình Chương làm tôi mê mẩn, nhưng chính những hình ảnh và viễn ảnh tạo nên do việc chỉ thay đổi một vài chữ trong lời thơ của ông đã làm tôi quay quắt đến rợn người, xúc động đến ứa nước mắt. Tôi đã chế lại, trong đầu mình, qua giọng hát réo rắt của Julie Quang mà tôi từng nghe, vỏn vẹn chỉ mấy câu thơ đầu tiên trong bài Nửa Hồn Thương Đau để rồi xúc động chới với trong đau thương một nửa hồn mình.

Như rất nhiều người gốc Giao Chỉ hiện đang sống ở Hoa Kỳ, hồn tôi chia hai. Một nửa "Made in America", một nửa "Made in Vietnam". Trong một ngày, những lúc ào ào làm việc hay bận bịu với đời sống đầy sức ép ở đây thì tôi sống trong cái nửa hồn đồ ngoại, đã nhập cảng vô đầu từ khi tôi đặt chân đến miền United States of America này. "Thời gian còn lại anh cho em tất cả em ơi" tôi sống trong cái hồn đồ nội mà tôi đã có từ thuở lọt lòng. Đồ nội, đồ ngoại của tôi nó xen kẽ, cái nọ nó lấn cái kia hiện lên bất chợt chứ tôi không có cái "remote control" nào để tắt bật hai cái nửa hồn của mình. Lúc đang phom phom tống ga lái xe trên xa lộ 50, tôi có thể đang vừa nghe "nghìn trùng xa cách người đã đi rồi...", vừa nhớ đến con đường Phạm Ngũ Lão có cô con gái mà tôi đã tóc mai sợi ngắn sợi dài. Tôi đang phê phê trong cái nửa hồn đồ nội của mình thì rồi bất chợt, khi thấy có cái xe đen trắng của mấy ông bạn không mấy thân thiết lắm của dân đang chạy ngược chiều, tôi vội vã lật đật dông luôn qua cái hồn đồ ngoại với hình ảnh phải ký ngân phiếu trả tiền phạt về tội chơi bạo 8, 9 chục dặm một giờ trên đường. Cứ vậy, hai cái nửa hồn tôi nó tự động "on", tự động "off", liên tục trong một ngày, Và cứ như vậy vì một ngày thì dầu sao phần lớn cũng như mọi ngày.

Nửa hồn đồ nội của tôi trú ngụ trong tim, nó tình cảm, nó tha thiết, nó da diết. Nó hư hư thật thật, mờ mờ ảo ảo. Nhưng sức níu kéo của nó lại bền bỉ như những sợi dây lòi tói neo tàu vào bến. Còn nửa hồn đồ ngoại của tôi nó nằm trong đầu. Nó tính toán, nó logic, nó nguyên tắc, nó phân minh. Nó tính thiệt tính hơn. Nó rõ ràng. Nó đưa ra quyết định tôi phải theo.

Khi đang sống trong nửa hồn đồ nội, tôi nghĩ đến và nhớ đến rất nhiều những gì tôi đã thấy, đã cảm, đã nhận vô đầu óc, liên tục từ thuở thiếu thời cho đến ngày rời đất nước mình. Các nhà nghiên cứu bảo rằng trung bình một ngày, đôi mắt ghi nhận và chuyển vô đầu óc từ hai trăm ngàn đến hai trăm năm chục ngàn hình ảnh. Con số lớn quá tôi không tưởng tượng xuể, và chưa bao giờ dám ngồi lục óc đếm thử xem mình thấy được bao nhiêu tất cả hình ảnh trong một ngày, từ lúc mắt nhắm mắt mở buổi sáng sớm, cho đến lúc khuya lắc khuya lơ nằm chiêu hồi giấc ngủ trở về. Chưa bao giờ tôi đếm thử coi xem mấy nhà nghiên cứu này nói thiệt hay nói đùa. Theo nguyên tắc nếu mình không chứng minh được một cái điều gì đó là sai thì mình phải chấp nhận nó là điều không trật, tôi khiêm nhượng

chấp nhận số lượng hình ảnh tôi thấy ở mức trung bình thấp, sơ sơ hai trăm ngàn bức hình một ngày. Rồi tôi tính sơ sơ luôn một cú, tôi sống ở quê hương tôi tổng cộng 18 năm, nhân 365 ngày một năm vị chi là sáu ngàn năm trăm bảy chục ngày. Nếu lấy trung bình ở mức thấp là trong thời gian tôi còn ở Việt Nam mắt tôi chỉ chuyển vô đầu hai trăm ngàn hình ảnh mỗi ngày thì qua mười tám năm đó, tôi đã có được trong đầu một tỉ ba trăm mười bốn triệu hình ảnh của quê hương mình.

Một tỉ ba trăm triệu! Con số vĩ đại, hãi hùng quá, kinh quá. Tình nhân đi chơi với nhau chụp được một cuốn phim 24 bô là đã nhớ nhau dài dài; vợ chồng làm đám cưới chụp hình giỏi lắm chừng trăm tấm gắn trong mấy tập album là duyên nợ đã níu kéo cứng ngắc rồi. Cái cuốn album kỷ niệm của tôi với quê hương nhiều hình ảnh như vậy nên bao năm rồi, tôi sống chập chờn, lúc nào cũng lơ tơ mơ đến quê nhà.

Cái dây lòi tói nửa hồn đồ nội của tôi có sức níu kéo bền bỉ vì nó kết bằng một tỉ ba trăm mười bốn triệu dây tơ lận.

Khi nửa hồn đồ nội kéo về, tôi chân đứng ở Mỹ mà lòng thì ở Việt Nam. Nhiều lúc tôi tự lục tìm trong một tỉ ba trăm triệu bức hình kỷ niệm để tự hỏi lòng, mình thương quê hương mình là mình thương cái gì? Con trâu ruộng lúa ư? Xạo! Tôi gốc Quảng Nam, cha mẹ dẫn vào Đà Lạt sống từ 3 tuổi, nhà nghèo nhưng là công tử bột, có biết cày bừa cóc chi đâu mà bảo thương con trâu ruộng lúa? Thương con sông uốn khúc ư? Chẳng phải luôn. Con sông nào lại chẳng uốn khúc? Thương sương mù, thương đồi thông? Ở đây xách xe chạy lên Lake Tahoe thì thấy thiếu gì đồi thông với sương mù. Thông ở đây còn cao hơn thông ở Đà Lạt, sương mù ở đây còn mù hơn, còn dày đặc không thấy đường hơn, đâu có thiếu đâu? Thương "ngôi trường đại học, con đường Duy Tân cây dài bóng mát"? Cũng không đúng. Cây trên con đường tôi đã ở mấy tháng lúc mới về Sài Gòn chưa hẳn đã nhiều, đã cao, và có nhiều bóng mát bằng những hàng cây trên đường J Street dẫn đến trường đại học Sac State. Thương tô mì Quảng, tô bún bò Huế, tô phở, tô mì ư? Lại càng không phải nốt. Bún, phở, mì ở đây chẳng thiếu. Chất lượng đem vào phòng thí nghiệm phân tích kỹ có lẽ lại khá hơn bún phở mì ở Việt Nam vì tôm thịt gia vị ê hề. Thương bạn bè, hàng xóm láng giềng? Cũng chẳng phải luôn. Mỗi một người có mỗi cuộc đời để sống. Mỗi chặng đường trong cuộc đời mình đều có thêm bạn bè, láng giềng mới và để lại những láng giềng, những bạn bè trong chặng đường đã đi qua. Bạn bè và láng giềng mình đâu có lúc nào mình thiếu đâu? Tôi có nhớ có nghĩ đến bạn bè ngày xưa, có nghĩ đến các thầy cô ở ngôi trường cũ của mình, nhưng chuyện này cũng không hẳn là điểm làm tôi thương quê hương mình. Rồi rất thật với lòng, tôi cũng đã tự hỏi có phải mình tơ tưởng đến quê hương vì nơi đó còn có người mình "...lấy nhau chẳng đặng... ức hoài nghìn năm"? Rất thật lòng, tôi thấy điều này cũng chẳng phải. Tôi với "người" đi qua đời nhau rồi, fi-ni rồi, và xa xưa lắm rồi. Đôi lúc tôi có bất chợt thoáng nghĩ đến người tí tí những lúc vui buồn lẫn lộn, coi như cho có thêm chút mắm, chút muối, mặn mà đậm đà chút xíu cái thuở con tim của mình nó mới biết rung rung vậy thôi, chớ khi tôi tơ tưởng đến quê hương thì trong cái quê hương mà tôi tơ tưởng nó không nhất thiết lúc nào cũng có bóng dáng của "nàng" ở trỏng.

Tôi không rõ ràng là mình thương cái gì ở quê nhà. Đàn ông thương đàn bà có thể kể lể một thương tóc xõa đuôi gà, hai thương ăn nói mặn mà có duyên, ba thương... bốn thương.... năm thương... sáu thương... Kể gọn gàng chóng vánh một lèo tới mười thương. Tôi không biết mấy người Mỹ gốc Giao Chỉ khác thì như thế nào chứ riêng tôi thì tôi chịu. Biểu kể đích xác năm cái thương quê nhà tôi kể không tới. Vậy mà tôi cứ thương hoài. Những cái làm tôi thương nó cứ mờ mờ ảo ảo mà lại rất rõ nét. Nó lơ tơ mơ mà lại rất thực. Nó hư hư ảo ảo mà lại chình ình. Nó làm tôi cứ u hoài, đầu óc cứ vấn vương, cứ bơi bơi đến cái miền đất ở tuốt luốt phía bên kia bờ đại dương.

Nó khiến tôi, như qua mấy câu trong bản Nửa Hồn Thương Đau mà tôi đã sửa lời lại, vẫn cứ thường xuyên

"Nhắm mắt,

Cho tôi tìm một thoáng quê xưa

Cho tôi về quê cũ nên thơ

Cho tôi gặp quê trong ước mơ..."

Từ bao năm qua, khi lái xe ngang qua quãng đường có những cây Palm - cứ tạm gọi loại cây này là... dừa Mỹ - thì trong đầu tôi lại hiện lên ngay những hàng dừa

thứ thiệt, có trái đàng hoàng, ở Cam Ranh, ở Tuy Hòa... những nơi tôi đã thấy những hàng dừa thứ thiệt này. Và ý nghĩ so sánh, thấy "dừa mình" đẹp hơn "dừa Mỹ" lại hiện lên trong đầu, đưa đến kết luận: dừa Mỹ ở Cali ẹ, chẳng có trái! Dừa không trái như... con gái thiếu con trai. (Ai muốn nghĩ tiếp thế nào đó thì cứ việc nghĩ).

Khi lang thang ở những bến tàu vùng biển San Pedro, Long Beach, hay bến tàu dọc bờ sông ở Old Sacramento, trong đầu tôi cứ hiện lên hình ảnh của những hàng quán dọc theo bến tàu Sài Gòn. Tôi phê bình trong đầu một cách rất ngang phè rằng dân Mỹ quả thiệt còn... chậm tiến, chưa biết thưởng thức thú ăn hột vịt lộn, ăn mì, ăn xôi, ăn chè, v.v... ở những nơi tình tứ như thế này.

Khi đi đến bất cứ nơi nào có đông hàng quán của người Việt, tôi cũng đều tìm vào những tiệm ăn có bán món mì Quảng để rồi vừa ăn, vừa chấm điểm trong cái nửa hồn đồ nội rằng là cái tô mì này so với tô mì của bà Chín Mì Quảng trong con hẻm bắc ngang đường Hai Bà Trưng với đường Phan Đình Phùng ở Đà Lạt thì còn chưa bằng. Mì Quảng ở Bolsa, mì Quảng ở San Jose, ở Sacramento, v.v... không so lại tô mì Quảng... Đà Lạt! Ngay cả lúc đi với mấy "ôn", mấy "mệ" bạn mình vào quán hứng chí gọi thử một tô bún bò Huế, món ăn mà ông bạn văn Trần Kiêm Đoàn của tôi đã long trọng nâng niu bằng hai tay, thiết tha hít hà bằng mũi, ngắm một cách trìu mến bằng mắt và ăn bằng... tâm hồn "Về Huế" của ổng, tôi thấy bún bò Huế ở đâu cũng thua cái tô bún tôi đã ăn ở cái quán lụp xụp bên cạnh bến xe Đà Lạt.

Chưa hết, khi tôi vẽ kiểu và làm cái vườn sau nhà, tôi cũng cố gắng xếp mấy cục đá bự bự chỗ này, xây cái hàng gạch cong cong đằng kia, trồng hai ba cây thông, cây dừa (Mỹ) kế bên cái sân lót gạch đỏ v.v... để cho nó giống cái vườn cái cảnh ở Việt Nam - mặc dầu hồi ở Việt Nam bản thân tôi chưa có cái vườn nào cả. Trong những ngày tương đối không lạnh, tôi vẫn thích gác cẳng lắc lư trên cái võng sau nhà, để lòng lắng đọng, làm một tí tí "chiều chiều ra... nằm ngõ sau...".

Rồi đi thăm bạn bè ở đây, tôi để ý thấy đa số có vẻ cũng như tôi. Người nào có nhà có cửa rồi thì cũng lui cui làm cái hòn non bộ, làm cái sân lát gạch, làm những chậu kiểng, trồng dàn bầu, dàn bí... cho có vẻ Việt Nam. Và những người đang ở chung cư thì thể nào trước nhà, hoặc sau hè, cũng có cây ớt, chậu rau húng, rau thơm, diếp cá, bụi sả... để ăn (dĩ nhiên) và để thỉnh thoảng chiều chiều đứng tưới nước nhớ bụi sả, đám diếp cá, rau thơm, rau húng, cây ớt ở quê hương mình. Bởi vậy mà ở Mỹ đi tìm nhà Việt Nam rất dễ, nhìn cái lối chăm sóc vườn trước, vườn sau; nhìn đám rau, bụi sả... là nhận ra liền.

Tóm lại, đại khái là khi mắt tôi vừa nhìn thấy một hình ảnh nào đó ở đây, cái máy vi tính trong tim tôi nó chạy cái ào, và chỉ trong tích tắc, nó lôi trong cái bộ nhớ kinh khiếp của nó ra rồi đẩy lên đầu tôi hình ảnh liên hệ tôi đã thấy ở quê nhà.

Tôi không thiên vị quá mức đến đỗi phải nghĩ rằng cái gì của quê hương cũng hơn ở đây. Khi đi ngang qua những đồng lúa bát ngát dọc theo xa lộ số 5 gần Sacramento, tôi nghĩ về những đồng lúa mình đã thấy ở miền Nam, ở ngoài Trung, rồi lòng thì cứ ước ao phải chi dân mình cũng có được những máy móc nông nghiệp hiện đại như ở đây để việc canh nông bớt khổ cực.

Những khi lái xe đi xa, tôi thường có ý nghĩ phải chi đường xá ở Việt Nam được mở rộng, được bằng phẳng như đường xá ở đây. Lái xe ban đêm, nhìn những miếng nhựa phản chiếu ánh sáng gắn trên mặt đường, tôi vẫn cứ phải chi đường xá ở Việt Nam cũng có gắn mấy miếng nhựa như vậy để người lái xe thấy đường.

Những buổi sáng đi làm ngang qua khúc

đường có đám con nít đang cắp sách tới trường, nhìn đám con nít Mỹ tôi liên tưởng ngay đến đám con nít ở Việt Nam; rồi ngó thấy chỉ sơ sơ cái trường tiểu học (hoặc trung học) thôi mà đã dãy nọ nối tiếp dãy kia trên cả một khu đất rộng, tôi nghĩ ngay đến chuyện phải chi quê hương mình cũng có được những ngôi trường khang trang như vậy để con nít Việt Nam tụi nó học cho... đã!

Khi nhìn thằng con mình vung vãi những chiếc xe lửa, xe cứu hỏa chạy pin đồ chơi của nó trên sàn nhà, cái chơi cái phá, tôi hình dung ngay đến những món đồ chơi tự biên tự diễn của đám con nít ở Việt Nam, rồi nghĩ phải chi tôi gởi về đó được mấy cái đồ chơi của con tôi cho tụi nó mừng.

Tôi cứ thiên vị thấy cái gì ở đây cũng không bằng, và tôi cứ "phải chi" như vậy liên miên ngày này qua ngày khác bao nhiêu năm rồi.

Cứ thế, trong đầu tôi lúc nào cũng có ý tưởng được nhìn, được thấy, được sống trên quê hương mình.

Tôi ôm ý tưởng sẽ về sống ở Việt Nam từ ngày mới đến Hoa Kỳ.

Chuyện về sống ở Việt Nam có nằm trong dự tính về tương lai của tôi. Đây là điều tôi mong ước một ngày nào đó mình sẽ thực hiện được. Ngẫm nghĩ kỹ thì thấy chướng chướng, và có vẻ vong ơn bội nghĩa với tiền nhân Huê Kỳ quốc nữa, nhưng thiệt tình là sống ở đây phần lớn tuổi đời mình rồi, đã bơi lội, tắm mát trong cái dòng linh động của đời sống tân tiến, và thụ hưởng biết bao quyền lợi của một người dân xứ này nhiều năm rồi, mà lúc nào tôi cũng cảm thấy mình như người đứng bên lề, mắt hờ hững nhìn và lòng rất ít rung động vì những gì đang xảy ra quanh mình. Từ ngày chân ướt chân ráo đến đây, và cho đến giờ này, tôi vẫn thấy tôi là người Việt đang "sống tạm" trên đất đai của "tụi Mỹ".

Như phần lớn những người đang mon men rón rén không dám bước dần dần đến cái tuổi "tri thiên mệnh", hoặc những người đang ở trong lứa tuổi năm bó này, tôi thường nghĩ về những điều tôi muốn hoặc dự tính sẽ làm trong cái tuổi về hưu của mình. Thời gian có những cái quái đản nghĩ không ra lẽ. Ngày tôi "xuân xanh", ngơ ngác như con nai vàng khè lần đầu tiên đặt bước trên lá khô xứ Mỹ, cho đến nay vèo một cú đã xấp xỉ cũng gần ba chục niên. Thời gian của quá khứ chạy nhanh như xe tám máy mới keng, số tay, đổ xăng super unleaded 92 độ. Còn thời gian trước mắt của một đời người sao thấy nó bò như xe... bò đói. Chậm chạp, lịch kịch, chở theo bao nhiêu niềm nỗi nặng nề, và còn có nỗi sợ hãi là lết còn không tới nữa.

Tương tự như dự tính của nhiều bằng hữu, được biết qua những lần nghe họ tâm sự, dự tính của tôi là một ngày nào đó, lúc các con tôi đã trưởng thành - đại khái là khi nào tụi nó học hành xong xuôi, có công ăn việc làm, tự lập rồi - thì vợ chồng tôi sẽ dông về Việt Nam ở, sống trọn vẹn một trăm phần trăm trong nửa hồn đồ nội của mình. Lúc đó, vợ chồng tôi xấp xỉ năm mấy sáu chục rồi, khỏe khoắn với trách nhiệm rồi. Tha hồ đi đâu cũng được. Tôi sẽ: "...về quê cũ nên thơ, gặp quê trong ước mơ..."

Nhưng như mọi người, tôi thương bằng tim, làm việc bằng đầu. Khi dự kiến về tương lai, tôi suy nghĩ với sự tính toán rất thực tế về tất cả những điểm phải nghĩ đến. Tôi logic cẩn trọng và kỹ lưỡng trong cái nửa hồn "made in America" của mình rồi phải chấp nhận những lý luận nảy sinh từ nửa phần hồn này. Quyết định nó đưa ra tôi phải làm theo vì như đã nói ở phần trước đây, khi mình không chứng minh được một điều gì đó là sai thì mình phải chấp nhận nó không trật. Có gì đi nữa thì nửa hồn đồ ngoại này nó rất... Mỹ, nó bảo vệ lo lắng cho tôi cũng chỉ vì quyền lợi riêng của nó. Tôi còn, nó còn. Tôi đi, nó tiêu diêu miền cực lạc, hoặc miền địa ngục.

Tôi đã suy nghĩ là với đà làm việc từ nhiều năm nay, giả như không có một điều bất thường nào đó xảy ra thì khi thu vén gọn gàng lại, sau tuổi 55 vợ chồng tôi có thể tương đối có được một cuộc sống không phải lo lắng về nhu cầu tài chánh cho lắm ở Việt Nam. Lâu nay, lo sống và sống lo như vậy quá đủ rồi. Tôi nghĩ sẽ sống trong một căn nhà nhỏ nhỏ ở Đà Lạt, kiếm một chân dạy Anh văn ở một cái trường trung tiểu học nào đó hoặc một chân dịch thuật sách báo ở một nơi nào đó, làm việc không lương để chia với cái đám con nít hiếu học Việt Nam một chút kiến thức chuyên môn của mình. Rồi thì tôi sẽ thu xếp để rán mà đi, mà thấy, mà sống trong cái quê hương của mình. Vợ tôi sẽ làm gì đó thì... hậu xét. Bả đã tòng phu với tôi lâu nay rồi thì tôi chắc bả cũng không cự nự cái chuyện cùng tôi giang hồ trên quê hương trong

tuổi già. Bả sẽ chiều ý tôi, "cho tôi về quê cũ nên thơ, cho tôi gặp quê trong ước mợ..."
Nhưng rồi cái câu tiếp theo trong bài hát nó làm tôi tê tái: "Hay chỉ là giấc mơ thôi?" Cái điều tôi muốn làm, muốn về quê cũ nên thơ, muốn gặp quê trong ước mơ đó, tôi có thực hiện được không, hay nó chỉ là giấc mơ thôi?

Tôi suy nghĩ, phân tích với sự tính toán rất thực tế những "điều kiện ắt có và đủ" để mình thực hiện cái chuyện trở lại sống nơi quê nhà. Trước nhất, đến cái lúc tôi "về hưu" đó, thể chế chính trị ở Việt Nam nó như thế nào? Ngày còn đi học, như rất nhiều chú nghé non khác, tôi từng vẽ vời nuôi chí lớn, mong "làm quan" để "giúp dân giúp nước". Đụng cú 75 lộn tùng phèo, rồi càng lớn tuổi càng mở được mắt, càng thấy được chuyện đời, tôi càng theo đạo Lão, chí lớn tôi xẹp lép. Thêm vào đó, qua những tiếp xúc, được nghe những lời tâm tình của nhiều bằng hữu cao niên đã từng "làm quan", tôi càng tiêm nghiệm được cái phù du của công danh. Từ nhiều năm qua, tôi đã dẹp mọi chí lớn chí nhỏ để thụ hưởng tận tình cái thú làm anh dân đen, rung đùi cười cợt trên những cái dổm của những kẻ loi nhoi muốn "quan" lớn, "quan" bé trong tập thể người mình. Tôi thấy làm dân quá đã, quá thú vị. Tôi thấy làm dân là sướng nhất, khỏe nhất. Sau thời gian làm dân Mỹ gốc Giao Chỉ, tôi muốn về Việt Nam được làm dân Giao Chỉ gốc Đại Cồ Việt, hưởng thụ cái thú làm dân Việt trên đất nước Việt. Nhưng vấn đề đặt ra là làm người dân, tôi có hít có thở được cái không khí tự do khi sống trên quê hương mình; tôi có có được những cái tự do và những quyền căn bản của một người dân, như tôi đã có và đã sống trong nền tảng đó từ bao nhiêu năm nay trên đất người; hay tôi phải sống phập phồng trong âu lo? Cái máu Quảng Nam hay cãi của tôi, mặc dầu đã được khí hậu trong mát của Đà Lạt làm cho loãng ra nhiều lắm rồi, nhưng ở đây thỉnh thoảng tôi vẫn lớn họng khi gặp chuyện bất bình, chuyện trái tai gai mắt. Về quê hương sống, tôi có còn được phép và được quyền thỉnh thoảng hả họng la làng hay không, hay lại phải sợ bị đi cải tạo mà im lìm như con hến?

Tôi muốn sống ở quê nhà như một con người chứ tôi không muốn sống ở đó như một con chuột lúc nào cũng phải đề phòng, lúc nào cũng phải phập phồng vểnh tai nghe ngóng, canh chừng hiểm nguy. Tôi vẫn muốn cười cợt hả hê khi thấy chuyện dổm. Và tôi muốn sống ở quê nhà như một con người chứ không muốn về bển làm con hến.

Chừng đó không thôi cũng đủ làm cho tôi thấy rõ rằng chuyện về sống ở quê hương chưa chi mà đã nhiêu khê quá cỡ! Nhiêu khê thiệt tình!

Cái phần hồn đồ ngoại của tôi còn phân tích một điểm rất không thể không nghĩ tới được, và rất quan trọng nữa, là điều kiện y tế thiết yếu cho cái thân thể over miles của những người lớn tuổi. Sau chữ lão của chu kỳ một đời người là chữ bệnh. Và nói đến chữ bệnh là phải nói đến chuyện nhà thương, chuyện bác sĩ, chuyện máy móc y khoa. Mới đây, một người em của tôi sau dịp về Việt Nam nghiên cứu về bệnh tim có đem qua một số hình ảnh cho thấy thực trạng của vấn đề chăm sóc y tế cho dân chúng sau hai mươi mấy năm "tiến bộ". Thê thảm lắm. Thê thiết lắm. Y sĩ Việt Nam bây giờ không thiếu những người có khả năng và tâm hồn, nhưng họ có giỏi và có lương tâm cách mấy cũng bó tay vì thiếu thốn phương tiện, thiếu thuốc men chữa trị bệnh nhân. Thiếu thuốc men phương tiện vì dường như những người theo chân bác Hồ chỉ thương dân khỏe mạnh chứ không mấy thích dân bệnh. Họ chẳng thà đem ngân quỹ quốc gia ra bắt dân khỏe mạnh đi lao động xây cái con đường mang tên bác ở tuốt luốt trên núi cho khỉ tản bộ hơn là dành tiền đó ưu tiên cho việc chăm sóc những người không còn hồ hởi phấn khởi lao động được. Thêm vào đó lại còn vấn đề chút ít tiền gì trong ngân sách y tế nó cũng đã chạy qua ngân hàng Thụy Sĩ hết rồi.

Hơn hai mươi năm qua, với đà tiến bộ siêu việt của ngành y khoa trong chế độ ưu việt ở Việt Nam hiện thời, tôi rất sợ cái viễn ảnh ngày nào đó phải đem cái xác thân over miles của mình vào nhà thương ở Việt Nam để tune up hoặc là để sửa chữa, thay đồ phụ tùng. Mấy bức hình người em đem về cho thấy khăn bịt mặt của bác sĩ, y tá, được phơi chung với những tấm khăn trải giường, khăn lau, bao cao su bọc tay v.v... bay phất phới trên hàng dây kẽm, ngay bên cạnh con mương lầy lội rác rưới; những bức hình chụp trong phòng hồi sinh cho thấy trên mỗi giường có hai bệnh nhân đang nằm chèo queo... rán hồi sinh, làm tôi thương cảm cho dân

mình bốn phần mà hãi sợ cho viễn ảnh phải cần đến nhà thương ở Việt Nam của tôi tới sáu phần. Hai mươi năm qua "nước ta" đã tiến bộ, thực hiện được những bước nhảy vọt xa tuốt luốt... ra đằng sau như thế; hai mươi năm tới sẽ ra sao?

Cái phần hồn "made in America" của tôi, vốn rất lo lắng bảo vệ và vốn rất gắn bó với thân xác của tôi, nó phân tách xong rồi nó nhận định cái chuyện trở lại Việt Nam để sống của tôi là "No way, José!" Dịch ra tiếng Việt là "Bỏ qua đi Tám!"

Cái hồn "made in America" của tôi còn phân tách. Dầu muốn dầu không gì, tôi đã hội nhập ào ào vào đời sống, vào xã hội và vào văn hóa xứ người. Những thói quen, tập quán (và nói cho xôm tụ chút đỉnh, tư tưởng nữa) của bao nhiêu năm trên xứ người chắc chắn sẽ không giúp tôi dễ dàng "tái hội nhập" vào đời sống nơi quê nhà.

Nhiều người ra đi năm mười năm, làm một chuyến Việt Kiều năm ba tuần trở lại Việt Nam đã rên nóng, rên bụi, rên đông đúc chật hẹp, rên thiếu tiện nghi, thiếu vệ sinh, chịu không thấu. Nhiều người khác, thâm thúy hơn và có chiều sâu hơn, rên về vật chất thì ít mà rên về vấn đề tâm linh thì nhiều, với không ít quan ngại. Một anh bạn người Nam của tôi, qua Mỹ năm 82, đã rất thật lòng qua câu nói: "tui dzề bển tui thấy tui ngu hơn họ nhiều quá. Mình ở Mỹ lâu chừng nào mình đâm ra mình thơ ngây và ngu như mấy thằng Mỹ. Mình dzề Dziệt Nam mình chơi hổng lại dzới người ở bển!"

Câu nói của anh bạn nghe vui vui mà chua xót, đau đớn, nói lên một thực trạng bắt buộc phải nhìn nhận là ít nhiều gì, qua bao nhiêu năm trời sống dưới một chế độ chỉ biết trị dân mà không biết dạy dân, lại còn bịp dân nữa, giá trị đạo đức trong lòng rất nhiều người dân Việt Nam đã vì hoàn cảnh sống mà bị lung lay không phải ít. Nói ra có thể động chạm, và bị rầy nữa, nhưng mà cũng như rất nhiều người đã nhìn nhận, sự thật là dân mình sau này coi bộ phức tạp hơn ngày xưa nhiều lắm.

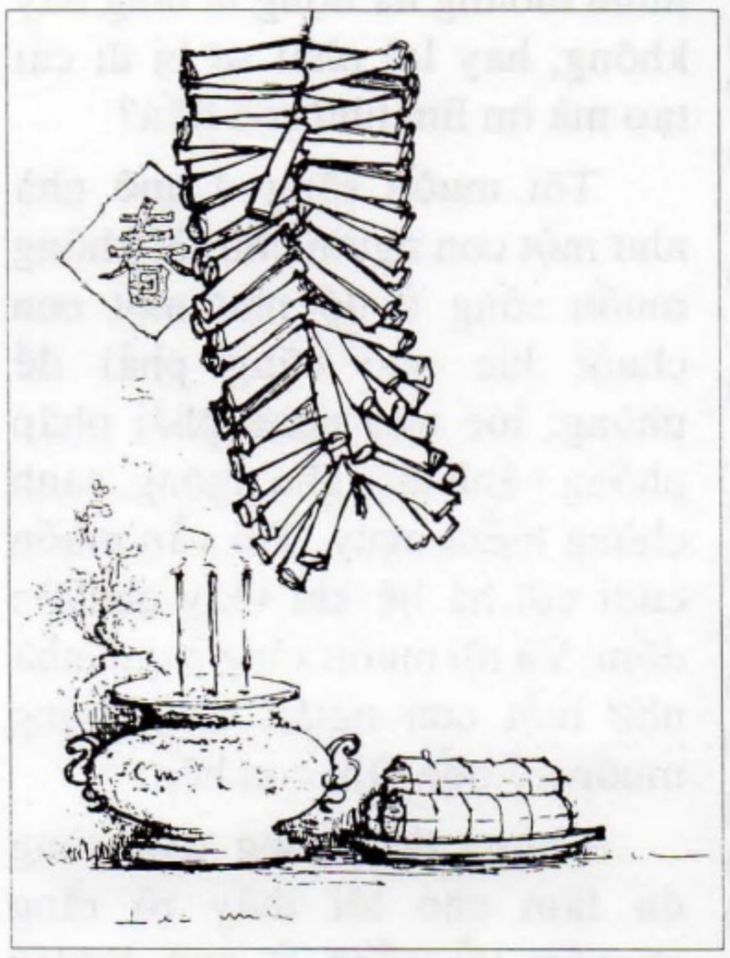

Kẻ có chút quyền hành thì lộng hành. Người không quyền hành thì phải "uyển chuyển". Ở bên Đức, bức tường ô nhục đã sụp cả chục năm rồi mà dân Tây Đức vẫn đang điên đầu với đồng hương của họ bên Đông Đức. Giả tỉ mai mốt này đảng cộng sản Việt Nam tị nạn qua... Cu Ba thì bao nhiêu năm sau đó phần tâm linh của người Việt Nam mới phục hồi trở lại? Cần bao nhiêu năm mới làm phai nhạt đi cái việc trồng người tầm bậy trăm năm của ông Hồ?

Nói cho ngay, nếu chỉ bàn về vấn đề tiện nghi của đời sống thì thiệt tình là ở Mỹ nhiều năm, sống trong những cái tiện nghi đầy đủ, tôi trở thành loại người chịu lạnh rất dở mà lại chẳng ưa nóng nực. Mùa đông, tui lập cập than lạnh lúc mới bước lên xe. Mùa hè, ra ngoài là tôi toát mồ hôi la nóng. Mai mốt, ở tuổi 60, biểu tôi đem cái thân sáu bó của mình chọi nhau với cái nóng điên người của Sài Gòn không có máy lạnh hoặc cái lạnh ê răng ban đêm của Đà Lạt không có máy sưởi, nói thẳng ra là tôi thấy không hấp dẫn lắm lắm. Tuy nhiên, nóng lạnh là... bệnh của Trời. Có muốn đổi cũng không đổi nổi nên tôi nghĩ mình chấp nhận được. Về nước, mình nóng toát mồ hôi riết rồi mình quen, tự nhiên sẽ thấy... mát theo lối "nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát"; còn mình lạnh thì mình rán quấn thêm cái mền, bận thêm hai ba cái áo, hoặc đem hai cái thân sáu bó của mình với vợ ra mà ca cái bài "em ơi, nép vào lòng anh...", thì chắc cũng ấm áp phần nào. Còn bụi bặm, chật hẹp, thiếu tiện nghi... là chuyện nhỏ! Điều mà tôi nghĩ là mình sẽ chịu không nổi, sẽ không cách nào đối phó được, là mình sẽ bị kỳ thị trên chính quê hương mình. Tôi sẽ là "Việt kiều" trong mắt hàng xóm, bà con láng giềng. Việc được ra nước ngoài, "được sống đầy đủ, dư thừa, đô la trên cây cứ thò tay mà lấy"... trở thành một cái "tội" khó chối cãi; và dầu cho tôi có tế nhị như thế nào đi nữa, có cố gắng sống hòa mình thế nào đi nữa, thì đối với bà con hàng xóm láng giềng, tôi cũng vẫn sẽ là Việt kiều, chứ

không phải là người Việt như họ. Tôi sẽ là "đối tượng" của phân bì, của kèn cựa soi móc, hoặc của ganh ghét tị hiềm. Anh công an - nói dại miệng, nếu lúc ấy còn công an! - sẽ ghé thăm tôi, hỏi thăm "hao-a-ru" một phát, mời tôi đến trụ sở "đi nàm thủ tục đầu tiên" một phát. Bà bán quần áo sẽ tính giá đặc biệt "bớt" cho Việt kiều một tí, giảm giá cái áo len từ năm chục ngàn đồng "xuống" còn chỉ có một trăm ngàn. Rồi nếu răng long tóc bạc phải đi thăm các ông các bà nha sĩ thì họ cũng sẽ vì tình nghĩa mà tính giá đặc biệt, "on sale", nhổ một cái, tính giá... nguyên hàm!

Mình sống trên quê hương mình mà đi đâu mình cũng thấy mình được đối xử như một anh Mán mới ở núi xuống thì thiệt đau lòng.

Thêm vào đó, cái nửa hồn "made in America" nó còn quơ tay quơ chân chỉ cho tôi thấy là chính cái thân cây tôi cũng đã mọc được rất nhiều cành, rễ, sau bao nhiêu năm ở xứ này. Các con tôi đã sinh ra và lớn lên ở đây, tụi nó như trái chuối, vàng ngoài trắng trong, thương ham-bơ-gơ hơn thương phở. Bắt tụi nó "thương" cái xứ Việt Nam tụi nó chưa hề thấy, "về" cái nơi tụi nó chưa hề đặt chân tới để sống là điều không làm được. Rồi đây, mai mốt tụi nó sẽ lấy vợ lấy chồng sinh con đẻ cái, vợ chồng tôi sẽ có cháu nội cháu ngoại. Như những ông những bà bạn cao niên hơn mình hiện giờ, vợ chồng tôi cũng sẽ gần con gần cháu thì điên cái đầu mà sống xa tụi nó lại thương nhớ chịu không thấu. Tôi là đàn ông mà còn cảm thấy vậy rồi huống chi vợ tôi. Rồi còn anh em họ hàng bằng hữu ở xứ này nữa. Cái chuyện về Việt Nam sống coi vậy chớ cũng kẹt. Bứng cây non đi cấy nơi khác thì còn làm được. Dời một cây "trung thụ" mấy mươi năm đem trồng nơi khác coi bộ không dễ dàng. Đem cả cành lá rễ theo thì không đem được, mà chặt hết rễ lá cành thì cây không sống đặng - hoặc sẽ sống chơ vơ như cây cột đèn vô tri vô giác.

Tôi suy nghĩ tất cả những điều kiện ắt có và đủ đó rồi, tôi thấy rất rõ ràng một điều rất thực là mình, cũng sẽ như nhiều người khác, sẽ chẳng bao giờ trở lại để sống trọn vẹn trên quê hương của mình. Việc trở về để sống, thực tế, chỉ là giấc mơ thôi!

Nó chỉ là giấc mơ thôi không những đối với riêng một mình tôi, mà cũng chỉ là giấc mơ thôi đối với bao nhiêu người khác nữa. Nhất là với những bằng hữu lớn tuổi mà tôi có duyên được quen biết rồi thành thân thương. Những người tôi gọi bằng bác, chú, hoặc những người tôi gọi bằng anh, chị cho thân mật, mặc dầu tuổi họ hơn tôi có đến một hai giáp. Hình như càng lớn tuổi, tôi càng hay suy nghĩ đến và càng cảm thông hơn với những ông già bà cả này. Tôi thường hình dung đến họ khi dự kiến về tương lai. Tôi nghĩ đến cái dây lòi tói kết bằng những sợi tơ hình ảnh quê hương của mình. Mười tám năm thôi, không là bao nhiêu cả, mà đã bền bỉ, níu kéo không rời. Còn sợi dây của những người thân, bằng hữu, có đến mấy chục năm hay là gần trọn cuộc đời họ ở quê hương. Làm sao họ sống ở đây mà không bị cái hồn "made in Vietnam" của họ làm cho ngầy ngật, lơ tơ mơ đêm ngày? Làm sao họ chịu cho thấu? Tôi "may mắn" chỉ sống trên quê hương thời gian chưa là bao, và ở đây tôi còn ham hố bon chen sống, còn lu bu với công việc của mình; ở đây tôi xoay xoay chạy nhảy trong cái hồn "made in America" rất nhiều giờ trong một ngày, mà tôi còn điêu đứng, huống chi là những người thân, bằng hữu lớn tuổi này. Tôi liên tưởng đến những khuôn mặt đã có nhiều nét thời gian của bằng hữu lớn tuổi hơn mình, tôi nghĩ đến ánh mắt đã chứng kiến biết bao đau thương của những bằng hữu cao niên, rồi tôi nghĩ đến ước mơ của họ, ước mơ không khác gì với ước mơ của tôi, một ngày nào đó sẽ có cơ hội được về sống trên quê nhà; tự nhiên tôi thấy xót xa. Bên cạnh những lần gặp gỡ tay bắt mặt mừng, bên cạnh những nụ cười, lời nói tếu lúc họp mặt, thăm viếng, tôi biết lòng họ còn nặng nề hơn tôi rất nhiều mỗi khi lắng đọng suy nghĩ về quê nhà. Lúc họ lủi thủi ở vườn sau, sân trước, khi con cái họ đã đi làm, đi học, hoặc đã rời xa, tôi đoán là họ còn ngật ngầy trong hình ảnh quê hương gấp trăm lần tôi. Ngay giờ phút này, có bao nhiêu bằng hữu của tôi đang quay quắt nhớ về quê hương? Có bao nhiêu bằng hữu lớn tuổi hơn tôi đang nghĩ đến chuyện một ngày nào đó sẽ về sống ở quê nhà? Và có bao nhiêu bằng hữu đang tư lự, suy nghĩ những điều tôi đang suy nghĩ, rồi bùi ngùi, xót xa, như tôi đang xót xa, bùi ngùi, nhận ra rằng việc trở về sống ở quê hương mình nó chỉ là giấc mơ thôi!

Nó chỉ là giấc mơ thôi, như giấc mơ làm loài cá hồi (cá salmon) mà tôi đã có lần nghĩ đến

cách đây nhiều năm. Cá salmon sanh ở nguồn, lớn lên ra biển sống, rồi bất chấp mọi ghềnh thác ngược dòng trở về để đẻ trứng, cấy trứng, rồi chết, thân xác lở loét bên dòng.

Điều đó vẫn canh cánh bên lòng tôi. Đôi khi, trong những tháng 11, 12, tôi vẫn thường ra đứng bên bờ sông American River, gần đập nước Nimbus Dam, nhìn xác thân trầy trụa lở loét của những con cá Salmon đang dập dình theo sóng nước tấp bên bờ mà thương cảm, xen lẫn chút kính phục, ngưỡng mộ. Nhưng rồi khi nghĩ đến việc trở về quê hương để sống của chính bản thân mình, tôi biết không bao giờ tôi dám bắt chước loài cá Salmon. Cá Salmon ngon lành dám can đảm bất kể thác ghềnh quay về nơi chôn nhau cắt rốn (?) của nó, rồi chết, tại vì nó hơn tôi cái chỗ không có những suy tính phức tạp của một con người. Cá Salmon nó dám ngon lành chơi bạo tại vì nó là... con cá. Tôi đứng bên bờ sông, tôi nhìn thân xác rã rời của nó, vì... tôi là con người. Một con người Việt Nam đang ôm giấc mơ trở về nguồn cội của mình. Trong đầu con cá Salomon không biết có gì không chứ còn trong đầu tôi ngoài cái nửa hồn "made in Vietnam" thôi thúc tôi trở về còn có cái nửa hồn "made in America" ôm cứng, giữ chặt, kéo cẳng tôi lại, bắt tôi sống cho hết cuộc đời của một người Việt trên đất Mỹ.

Nơi tôi làm việc nằm ngay trên đường Stockton Boulevard, ngày nào có công việc tôi cũng phải lái xe chạy lên chạy xuống cái trục lộ tập trung các sinh hoạt Việt Nam này ít nhất vài ba lần. Tôi đoán là cũng như tôi, những người Việt khác - nhất là những bằng hữu cao niên hơn mình - khi đi trên con đường này đều thấy hiện tại và tương lai của một đời người nó rất rõ nét ngay ở góc đường Stockton với đường Lemon Hill. Bên này là chợ Vĩnh Phát, buôn bán các thứ cần thiết và gần gũi nhất với sự sống là thức ăn, gạo, mắm, thịt, cá; còn phía bên kia đường là nhà quàn và nghĩa trang Sacramento Memorial Lawn, nơi mà người bạn văn của tôi là Nguyễn Hàn Thư đã rất văn chương phụ đề Việt ngữ ra thành "Khu Chung Cư Vĩnh Cửu". Cái bon chen, sôi động, của một đời người mong được vĩnh phát rất cận kề với cái hiển nhiên, tĩnh lặng của sự vĩnh cửu. Vĩnh cửu là là muôn niên, đương nhiên sẽ đến. Vĩnh phát là tính toán, là tạm thời, là mong mỏi.

Sáng nay, tôi thấy rất rõ nét, qua mấy câu thơ được sửa lời, điều mình đã mơ hồ trong đầu, điều mình sợ hãi, là với tất cả phân tách và suy tính của lý trí trong cái nửa hồn "made in America", những "thoáng quê xưa... quê cũ nên thơ... gặp quê tôi ước mơ" rốt cuộc, rất thực, "chỉ là giấc mơ thôi" và giấc mơ này đang chết trong tôi. Theo ngày tháng, và theo thân xác càng ngày càng thêm miles của mình, "quê nhà đang chết trong tôi" - Nói đúng hơn, dự tính một ngày nào đó sẽ về sống một trăm phần trăm, sống trọn vẹn là người Việt chứ không phải là Việt kiều nơi quê hương mình, đang rất thực và rất đau xót úa tàn theo cái thân xác over miles của mình. Tôi sẽ phải đành đoạn chấp nhận thực tế. Và tôi sẽ phải "nghe lòng tiếc nuối, nhớ thương suốt đời" suốt phần đời còn lại của mình.

Cái xe thời gian còn lại của cuộc đời tôi do con bò đói nheo lòi be sườn kéo đi đang lịch kịch, lịch kịch tiến tới. Tôi đang ở tuổi trung niên. Các con tôi sẽ lớn. Nếu Trời Đất thương, tụi nó sẽ nên người, sẽ có gia đình sinh con đẻ cái. Và nếu Trời Đất thương, vợ chồng tôi sẽ đến cái tuổi cao niên như những bằng hữu cao niên mà mình đang có. Các con tôi sẽ có cuộc sống riêng tư của tụi nó, rời xa. Tôi với bà xã sẽ như nhiều bằng hữu lớn tuổi hơn mình bây giờ, lẩn quẩn sân trước vườn sau "cố gắng vui lên mà

THƠ CAO ĐÔNG KHÁNH

tuổi con chim quyên

ở trên mặt trăng thấy mê đồ địa chấn
người ta lên trời tôi xuống ở với em
người ta úp lên đầu tôi cỗ chuông đại sự
gõ liên hồi đưa tôi trở về xưa

tôi tạm dung trên bão bùng tình ái
như những đời cây cỏ đứng yên
tôi mấy ngàn tuổi em hai mươi tuổi
tuổi con chim quyên ăn trái nhãn lồng

thanh xuân hoa huệ bên thềm trí nhớ
thành phố tràn trề trước ngưỡng cửa không trung
nắng hỏi thăm trận mưa hôm trước
ngón tay dài gõ nhịp văn chương

những ngón tay của em che nụ cười hồng ngọc
da thịt còn non, nụ lá ngời sương
gió trong áo lụa, mây trong hơi thở
âm lịch chìm trong mỹ nữ ung dung

mỹ nữ của em như trái cây quốc cấm
vườn tược tương lai còn ở trong mờ
cây cầu ánh nối hai bờ biển
biển có tình cờ trong im lặng không em?

nhà cửa mỗi ngày bày mỗi miếng mồi chiêu dụ
em mỗi ngày thành ra mỗi con vật tinh khôn
con xích thố của Qnan Công, con chó sói của em bé quàng khăn đỏ
hôm trước em về như gái hồ ly

hôm đó em về đối diện với bạo lực
người ta khảo của dã man trên khánh tận đời tôi
để đôi mắt em ửng màu sơn thủy
có mái nhà tranh với quả tim vàng.

sống, tô lên đôi môi nụ cười" làm người Việt tạm cư... vĩnh viễn trên đất Mỹ. Mỗi năm trong thời gian đang tới, tôi sẽ tiếp tục như đã tiếp tục từ ngày rời quê hương, chơi vơi trong cảm giác cô đơn của người đứng bên lề lạc lõng nhìn những nhộn nhịp của ngày lễ Tạ Ơn, lễ Giáng Sinh, Tết Tây ở đây. Rồi trong cái tĩnh lặng của những ngày tháng Giêng, tôi sẽ tiếp tục, như đã tiếp tục từ ngày đặt chân tới xứ này, gượng gạo tay bắt mặt mừng với anh em bằng hữu mà lòng buồn thiu đón cái Tết Ta đang tới.

Tôi sẽ nhớ thương suốt đời những gì tôi không thể thực hiện được.

Tôi sẽ mãi mãi thương đau trong cái nửa hồn "made in Vietnam".

Một ngày nào đó, gần xa chưa biết, tôi cũng sẽ như những bằng hữu thân thương cao niên hơn mình, nằm xuống. Thân xác tôi có lẽ sẽ nằm trong Khu Chung Cư Vĩnh Cửu, nửa hồn "made in America" của tôi sẽ tiêu diêu miền cực lạc (hay chốn địa ngục), mất hút. Còn cái nửa hồn đồ nội của tôi, cái nửa hồn "made in Vietnam" của tôi, sẽ lây lất, vất vưởng bên chỗ tôi nằm. Tôi sẽ mãi mãi đau thương vì không bao giờ còn được về sống như một người Việt trén quê hương mình.

Sáng nay, lúc đứng tắm, ứ ứ ư ư bài hát Nửa Hồn Thương Đau được sửa lời, *"Nhắm mắt, cho tôi tìm một thoáng quê xưa - Cho tôi về quê cũ nên thơ - Cho tôi gặp quê trong ước mơ..."*; ứ ứ ư ư đến đoạn *"hay chỉ là giấc mơ thôi - Quê nhà đang chết trong tôi - Nghe lòng tiếc nuối, nhớ thương suốt đời"*, trong ý nghĩ đó tôi đã buốt lạnh, ứa nước mắt.

ntd

Ghi chú:

Những câu trong ngoặc kép được mượn từ thơ/nhạc của Thanh Tâm Tuyền, Phạm Đình Chương, Đặng Thế Phong, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Phạm Duy, Trần Thiện Thanh, Nguyên Sa, Ngô Thụy Miên, Lam Phương, Vũ Thành An.

Và, một đoạn ngắn trong bài viết này được lấy ra từ bài "Về Tết" đã post trước đây.

Sông, trăng, thi sĩ, người tù

ĐỖ QUÝ TOÀN

Mối duyên nợ của tôi với trường Trung học Nguyễn Trãi kéo dài được hai năm, từ 1954 đến 1956. Hồi ở Hà Nội tôi vốn học trường Chu Văn An. Đến khi di cư tôi ở tận nhà quê mỗi ngày chỉ đi lo ra cánh đồng chặt cành chàm về đun bếp, lâu lâu ra quận ăn hủ tíu, chẳng biết gì cả, lúc chợt nhớ ra ở đời có cái sự đi học mới lên Sài Gòn tìm hỏi người ta xem học ở đâu. Thế là được ghi tên vào trường Nguyễn Trãi.

Trường học nhờ buổi trưa và buổi tối, còn ban ngày là trường tiểu học Trương Minh Ký, gần chợ Cầu Ông Lãnh. Hai năm sau tôi lại trở thành học sinh Chu Văn An cho đến hết bậc trung học.

Cho nên tôi không nhiều kỷ niệm với trường Nguyễn Trãi như các bạn khác, xin gửi tới các bạn câu chuyện này, để mua vui. Bắt đầu là chuyện hình một thi sĩ in trên đồng tiền.

♦

Tôi tình cờ để trong cái "bóp" chân dung của một thi sĩ - nam, không phải nữ thi sĩ. Mỗi khi mở ra có ai vô tình trông thấy tôi lại phải giải thích. Tôi không hề tính chuyện giữ tấm hình ở đó mãi - mà chúng ta có giữ được cái gì mãi mãi đâu? Chắc sẽ có lần tôi bỏ nó đi, nếu biết sẽ bỏ vào đâu (nên để hình các thi sĩ vào chỗ nào nhỉ?) Nhưng mỗi lần mở ví ra có ai trông thấy, tưởng đó là một đồng đô la, lại hỏi giấy mấy đồng mà lạ thế, hỏi cái hình đó là

ông Tổng Thống Mỹ nào vậy, tôi lại phải thưa đây không phải là tiền Mỹ đâu, dù nó cũng mầu xanh lục. Cho nên hôm nay tôi xin kể chuyện cái hình thi sĩ, giải thích một lần này cho xong.

Số là có một đêm Thu vào tháng Mười ở Budapest, một đêm trăng vằng vặc, chúng tôi đi dạo bên bờ sông Duna, dòng sông xanh nổi tiếng chúng ta thường biết dưới cái tên Pháp là Danube. (Người Hungary gọi tên là sông Duna, sang đến địa phận Áo thì dùng tên tiếng Đức là Danau.) Đứng ở bên hữu ngạn con sông, từ phía Pest nhìn sang nóc những tòa lâu đài cao trên sườn đồi phía Buda in hình đen thẫm giữa trời xanh, dưới ánh trăng lồng lộng, tấm lòng con sông hiền dịu trải ra mênh mang như chứa đầy gió thổi. Một khung cảnh làm cho ai cũng phải cảm kích. Nhớ cả dòng sông mênh mang chạy dọc biên giới Hungary-Slovack và dòng nước chẩy cuồn cuộn theo điệu luân vũ sau khi lên một bậc cao 18 thước ở thành phố Bratislava.

Buổi chiều hôm đó chú Hoàng Linh mới dẫn tôi đến thăm lại pho tượng của một thi sĩ Hungary ở thế kỷ này, thi sĩ Atilla. Linh muốn đưa anh Tuệ đến thăm tòa nhà quốc hội, nhân tiện cho tôi đến thăm pho tượng Atilla lần thứ nhì, chỉ cốt chụp ảnh. Bức tượng đặt trong khu vườn hoa nhỏ cạnh dòng sông, phía bên phải tòa nhà Quốc Hội. Pho tượng tả thi sĩ đang ngồi trầm mặc, đôi mắt lõm sâu nhìn xuống, mặt hướng về phía dòng sông. Dòng sông ở xa sau những hàng cây, luôn luôn ở đó trước khi thi sĩ ra đời và sau khi ông chết, lúc nào cũng chuyển biến mà vẫn hằng cửu. Một pho tượng thật đẹp, trông thấy biết ngay nếu không phải là một người đi tìm việc mỏi chân đang ngồi nghỉ thì đó phải là một thi sĩ. Con mắt như nhìn mãi mãi vào cuộc đời nên đã biến thành những hố trũng. Làm sao người ta có thể chỉ dùng một khoảng trống biến thành tròng mắt để diễn tả nhiều nỗi u ẩn trầm tư đến như vậy? Gò má cao, bàn tay gầy xương xẩu, nếp áo buông hững hờ. Đó là hình ảnh của một cuộc đời, của một đời người, vừa ở trong đời vừa lạnh

lùng xa cách cõi nhân gian.

Mấy tháng trước khi chúng tôi đến coi pho tượng Atilla, Hoàng Linh cứ ân hận không mang theo máy hình để chụp. Lần đó, ngày đầu tiên ở Budapest Hoàng Linh đã mất công dẫn tôi đi quanh co các con phố cổ, tìm cho ra pho tượng một thi sĩ khác, thi sĩ Petofi Sándor. Năm 1956 cuộc cách mạng ở Hungary bắt đầu với những người họp nhau trong Câu Lạc Bộ Petofi, vì vậy tôi mới muốn đến thăm di tích của nhà thơ này. Tôi không quen mang máy hình khi đi du lịch vì đã nghĩ trước sẽ đến ngày thế nào cũng phải bỏ hết các thứ kỷ niệm ở đời không mang theo được cái gì cả. Nhưng hôm đó Linh có lòng tốt đã bảo tôi đứng dưới chân Petofi để chụp hình kỷ niệm. Vậy mà buổi chiều hôm sau khi chúng tôi gặp pho tượng Atilla thì Linh lại không mang máy hình. Mà pho tượng này mới thật là đẹp, thật gần gũi, thật là nhà thơ, chỉ cần đứng nhìn là mình đã thấy như đang đọc thơ rồi. Lần này, Linh nhất định mang theo máy hình để ghi lại.

Pho tượng đẹp thật. Nét mặt thi sĩ trông thấy vẻ khắc khổ nhưng lại rất trữ tình, nếp áo quần, gò má, cánh tay áo, mớ tóc xòa trên trán. Những ngón tay của nhà điêu khắc đã biến các chất kim loại, sắt, đồng thành da thành thịt, thành sương gió gian truân của một đời người, lịch sử một quốc gia, thành tình yêu, thành lòng ái quốc, thành những nỗi khát khao của cả dân tộc, thành những đau khổ và hy vọng chất đầy bao nhiêu thế kỷ. Đồng, sắt biến thành thơ.

Buổi chiều hôm ấy sau khi thăm thi sĩ Atilla chúng tôi còn đi qua nhìn pho tượng của Nagy Imre, nhà chính trị mà quân Nga bắt đảng Cộng Sản Hungary đem ông treo cổ sau khi cuộc cách mạng năm 1956 thất bại. Bây giờ, người Hungary để tượng ông đứng ở giữa một công viên nhỏ, cây cối rủ chung quanh. Ông đứng trên một cây cầu giả, mặt cầu bằng kim loại cũng phơi bầy nhiều nỗi gập ghềnh, ông đứng như tựa vào thành cầu, như đang ngập ngừng bước đi, mắt đeo kính trông về phía tòa nhà Quốc Hội, cũng về hướng phía dòng sông Duna.

Trông pho tượng Nagy Imre có vẻ một vị giáo sư khả kính trên đường đang đi tới lớp học, không có vẻ gì một nhà cách mạng, một lãnh tụ, một nhà tuẫn đạo. Người Hung muốn nhớ đến ông như vậy chăng? Hay thật. Trong đời sống một người, ai cũng chỉ có thể làm cách mạng trong một quãng thời gian nào đó, có thể trở thành thánh tử đạo trong một giây phút khó khăn kinh hoàng nào đó. Nhưng suốt đời thì người ta có thể sống như một người thầy giáo, một con người có suy nghĩ, muốn hiểu biết, dám nghĩ và nói với tinh thần độc lập, tự trọng. Trông các pho tượng Nagy cũng như Atilla chúng ta thấy rõ dân tộc này muốn nhớ đến họ như người hàng xóm, như những kẻ chúng ta gặp gỡ ngoài phố mỗi ngày, không có ý suy tôn, thờ phụng họ như những anh hùng, những thần tượng. Ai cũng thấy mình có thể sống như Nagy hoặc Atilla, qua hình ảnh các pho tượng đó, những người bình thường và giản dị. Sống như người bình thường là sống đẹp nhất. Bắt một thi sĩ hay một nhà chính trị sống suốt đời như thần tượng cho mọi người ngưỡng mộ thì tội nghiệp cho họ quá. Bắt những người dân thường suốt đời phải làm cách mạng, làm anh hùng, thì thật là nhẫn tâm, là thiếu lòng từ mẫn xót thương. Lại nhớ lời Boris Pasternak, ông nói gia vị làm cho thức ăn ngon hơn, nhưng con người không thể sống suốt đời mà chỉ ăn ớt được.

Thế rồi buổi tối hôm đó, sau khi thăm Atilla và Nagy chúng tôi thơ thẩn ra về, đi bộ tới bờ sông Duna, đúng lúc trăng bắt đầu hiện ra tỏa sáng giữa không gian. Dừng lại, chiêm ngưỡng tấm nước chẩy nhu nhuyễn giữa bầu trời đầy trăng sáng. Sông trôi quanh co dưới thung lũng, sông uống đầy một bụng toàn những ánh trăng, rồi sông nhả ra cho ánh sáng mờ ảo bốc lên trả lại bầu trời. Có lúc sông như đứng lại, rồi lại tuôn đi, sông rướn tấm thân là lụa lên ở ngang trời, giữa các vẩn mây vàng nhẹ như những ngón tay của một tình nhân. Bên bờ sông vắng vẻ, một người đàn ông người Hungary chui từ ánh trăng ra, bước đến hỏi chúng tôi bây giờ là mấy giờ. Linh trả lời bằng tiếng Hungary cho anh ta. Sau đó anh ta bước về phía bức tường thấp và dầy chạy dọc bên bờ sông. Anh leo lên, ngả lưng nằm xuống, hai tay đặt dưới gáy, mắt nhìn về phía vầng trăng sáng. Lại một người đang làm thi sĩ. Ước chi mỗi người đều có những giây phút hạnh phúc được làm thi sĩ một mình như vậy.

Linh lại chụp hình. Ai cũng muốn ghi lại hình ảnh một đêm trăng bên bờ sông Duna diễm lệ, dù đoán rằng tấm hình sẽ tối, không thấy gì cả đâu. Nhưng

khung cảnh tràn ngập cảm xúc. Con sông đấy. Vầng trăng đấy. Ông Lý Bạch đến đây chắc sẽ chọn chỗ này nhẩy xuống. Xa xa bên kia sông là nóc những lâu đài, những tháp nhà thờ hằn nét trên đồi. Trên bờ tường bên bờ sông là một thi sĩ vô danh đang nằm mơ mộng. Không biết anh ta đang mơ mộng về một người tình nào đây. Những đêm trăng sáng như vầy, ai chẳng nhớ đến một người yêu ở chốn xa xăm?

Khi chàng thi sĩ vô danh đứng dậy, Linh mời anh ta đứng chụp chung vài tấm hình nữa. Linh hỏi: Trông anh hạnh phúc quá nhỉ? Rồi Linh dịch cho chúng tôi nghe câu anh ta trả lời: Hạnh phúc chứ! Đây là đêm tự do đầu tiên của tôi! Tại sao? Vì tôi mới ở tù ra! Ở tù? Bao nhiêu lâu? Lần này mười năm!

Nghĩa là còn những lần trước nữa. Vậy mà trông anh ta tưởng như mới ngoài hai mươi tuổi. Không ai hỏi anh ta đi tù vì lý do nào. Linh nói sẽ gửi hình mới chụp cho anh ta, xin địa chỉ. Lúc đầu anh từ chối, nhưng Linh nói mãi, anh ghi cho một cái địa chỉ nhưng nhất định không cho biết tên. Anh nói thêm, anh không tin có người lại tử tế gửi hình cho anh. Người dưng nước lã, gặp gỡ giữa đường, ai lại tử tế như vậy.

Rồi, để bầy tỏ tấm lòng quý mến với những người da vàng từ phương xa tới chia sẻ với anh buổi tối tự do đầu tiên sau mười năm tù, anh rút trong túi ra một tờ giấy mười đồng forint đưa tặng chúng tôi. Đó là loại giấy bạc thời xưa, bây giờ không dùng nữa, anh nói. Nhưng vì nó cũ nên mới quý. Mọi người chuyền tay nhau tờ giấy bạc, Tuệ muốn giữ làm kỷ niệm. Nhưng khi tôi nhìn thấy chân dung thi sĩ Petofi thì tôi xin, tôi vẫn yêu các thi sĩ, tội nghiệp. Vả lại trước khi đến Budapest tôi đã có ý đi tìm Petofi, cho tôi đáng giữ tấm hình ông. Chắc ông đã run rủi!

Tôi còn để tấm hình thi sĩ Petofi Sándor ở trong ví cho tới bây giờ. Cái tên của ông người Tây Phương hay viết ngược thành Sándor Petofi tức là tên trước, họ sau. Đến xứ này tôi mới biết người Hungary viết họ và tên giống như người Á Đông. Con đường mang tên nhạc sĩ Bartok viết là Bartok Bela, tên nhà chính trị viết là Nagy Imre. Ngôn ngữ Hungary cũng thuộc một họ khác hẳn những ngôn ngữ Ấn Âu khác. Hàng ngàn năm trước quân Mông Cổ đã đi qua vùng này. Petrovics Sándor sinh năm 1823 ở vùng xứ Pest, xuất bản tập thơ đầu năm 20 tuổi. Khi dân Hungary đứng dậy chống lại đế quốc Áo và đoàn quân Nga hợp tác định đè bẹp họ, Sándor đã viết bài thơ "Vùng Dậy Magyar" bây giờ đã được đưa vào quốc thiều. Ông chết trong khi chiến đấu cho tổ quốc. Lúc mới 27 tuổi. Tôi lại nhớ câu thơ cổ: Các con ơi, cha anh chết đều chưa đầy ba mươi!

Sống như một thi sĩ, chết như một thi sĩ. Thật là cuộc đời hạnh phúc!

Chỉ vậy thôi. Tôi có tấm hình một thi sĩ trong ví, chỉ vì chuyện tình cờ. Vì một đêm trăng, vì con sông Danau diễm lệ đã trở thành huyền thoại của bao nhiêu người từ thuở ấu thơ. Vì có một người ra khỏi nhà tù đến nằm bên bờ sông tận hưởng một đêm tự do đầu tiên - thay vì đi thăm những chỗ khác vui hơn. Tôi đã nhắc Hoàng Linh, nhắc đi nhắc lại, bây giờ tôi nhắn lại lần nữa: Em nhớ gửi hình cho người tù vô danh đó nhé. Hãy giúp anh ta thêm một niềm tin vào con người. Anh ta cần tin rằng trên đời này cũng có những con người tử tế với anh, tử tế với nhau dù suốt đời chỉ gặp nhau có một lần, vẫn giữ lời hứa dù nếu quên cũng chẳng ai đi kiện, con người ai cũng muốn ăn ở có tình có nghĩa với nhau. Nhớ lời một người Việt Nam lúc sắp chết: Các cậu còn sống, hãy làm một cái gì tử tế. Chúng ta hãy bắt đầu.

ĐỖ QUÝ TOÀN

THIẾU MẸ, ĐỜI CÓ NGHĨA GÌ NỮA ĐÂU!

Bùi Bích Hà chuyển ngữ

(để chia sẻ với các cựu môn sinh kinh nghiệm làm cha mẹ thời nay.)

◆

Khi con mở mắt chào đời, mẹ ôm con trong đôi cánh tay Con trả ơn mẹ bằng tiếng khóc lèo nhèo không dứt

Năm con lên một, mẹ cho con ăn uống, tắm rửa cho con Con trả ơn mẹ bằng những đêm dài khóc lóc triền miên

Năm con lên hai, mẹ tập cho con những bước đầu đời Con trả ơn mẹ bằng ngoảnh mặt chạy đi khi nghe mẹ gọi

Năm con lên ba, mẹ nấu nướng thức ăn cho con với cả tấm lòng Con trả ơn mẹ bằng xô cả mâm bát xuống sàn nhà khi con có điều không vừa ý

Năm con lên bốn, mẹ cho con vài cây bút màu Con trả ơn mẹ bằng vẽ đầy lên mặt cái bàn ăn mới

Năm con lên năm, mẹ diện đẹp cho con những ngày lễ hội Con trả ơn mẹ bằng vấy ngay bùn đất lên áo

Năm con lên sáu, mẹ đưa con tới trường Con trả ơn mẹ bằng vùng vằng kêu khóc "Con không muốn đi!"

Năm con lên bảy, mẹ mua cho con trái banh Con trả ơn mẹ bằng ném nó vào cửa sổ nhà hàng xóm.

Năm con lên tám, mẹ mua cho con cây cà rem Con trả ơn mẹ bằng cách trây đầy vạt áo

Năm con lên chín, mẹ chạy tiền cho con học đàn dương cầm Con trả ơn mẹ bằng chẳng thèm tập dượt

Năm con lên mười, mẹ lái xe suốt ngày đưa đón con, từ sân banh đến phòng tập thể dục, từ cuộc họp bạn sinh nhật này đến cuộc họp bạn sinh nhật khác Con trả ơn mẹ bằng nhảy ào xuống xe mà không bao giờ thèm quay lại nhìn

Năm con mười một, mẹ đem con và bạn bè con đi xem chiếu bóng Con trả ơn mẹ bằng yêu cầu mẹ ngồi ở hàng ghế khác

Năm con mười hai, mẹ căn dặn con đừng xem một chương trình TV nào đó Con trả ơn mẹ bằng đợi mẹ ra khỏi nhà để coi thỏa thích

Năm con mười ba, mẹ gợi ý con về một kiểu tóc hợp với nhân dáng con Con trả ơn mẹ bằng lời chê bai "Mẹ nhà quê quá!"

Năm con mười bốn, mẹ lo tiền cho con đi trại hè một tháng với bạn bè Con trả ơn mẹ bằng quên cả viết cho mẹ dù chỉ một lá thư rất ngắn

Năm con mười lăm, tan sở về, mẹ mong được ôm con vào lòng Con trả ơn mẹ bằng cánh cửa phòng con đóng lại

Năm con mười sáu, mẹ dạy con cách lái xe Con trả ơn mẹ bằng xách nó chạy rông bất cứ lúc nào con muốn

Năm con mười bảy, mẹ đang đợi một cú phôn quan trọng Con trả ơn mẹ bằng ôm điện thoại nói suốt đêm dài

Năm con mười tám, mẹ khóc trong buổi lễ mừng con ra trường Con trả ơn mẹ bằng rong chơi cùng bạn bè cho tới hừng đông

Năm con mười chín, mẹ trả học phí đại học cho con, lái xe đưa con đến trường, mang vác hành lý giùm con Con trả ơn mẹ bằng chào từ giã phía ngoài cửa phòng vì con không muốn bị bối rối trước bạn bè

Năm con hai mươi , mẹ hỏi con đã yêu ai chưa? Con trả ơn mẹ bằng câu "Đâu phải việc của mẹ!"

Năm con hai mươi mốt, mẹ gợi ý con đôi ba ngành nghề cho tương lai Con trả ơn mẹ bằng cách nói "Con không muốn sẽ giống như mẹ!"

Năm con hai mươi hai, mẹ ôm con trong buổi lễ tốt nghiệp đại học Con trả ơn mẹ bằng hỏi lại "Mẹ có tiền cho con du lịch Âu Châu không?"

Năm con hai mươi ba, mẹ cho con đồ đạc khi con dọn vào căn chung cư đầu đời Con trả ơn mẹ bằng kể lể với bạn bè "Đồ gì mà xấu xí quá!"

Năm con hai mươi bốn, gặp người yêu của con mẹ hỏi han đôi chút về dự định tương lai hai đứa Con trả ơn mẹ bằng ánh mắt giận dữ và giọng nói gầm gừ "Thôi đi mẹ!"

Năm con hai mươi lăm tuổi, mẹ giúp con trang trải lễ cưới, mẹ khóc và mẹ nói mẹ yêu thương con biết bao! Con trả ơn mẹ bằng dọn đi xa nửa vòng đất nước.

Năm con ba mươi, mẹ gọi cho con vài lời khuyên để nuôi dạy trẻ Con trả ơn mẹ bằng câu "Thời buổi bây giờ khác rồi mẹ à!"

Năm con bốn mươi, mẹ nhắc con sinh nhật của người thân Con trả ơn mẹ bằng "Lúc này con quá bận!"

Năm con năm mươi, mẹ đau yếu và cần con săn sóc mẹ Con trả ơn mẹ bằng kể lể về gánh nặng của cha mẹ già đối với con cái Và rồi, một ngày mẹ lặng lẽ qua đời Những gì con chưa bao giờ làm, nháng qua tâm trí con như sấm chớp

Ôi! Tìm đâu những đêm dài mẹ từng ru con ngủ? Bàn tay ru tao nôi, có thể ru cả thế giới này!

Bùi Bích Hà

11.2000

Phượng Đỏ

MINH TÂM

Em áo dài trong trắng
Với nón lá bên đường
Ngồi nhặt hoa phượng đỏ
Trong lặng lẽ tiếc thương

Phượng đỏ trên hè phố
Phủ lấp lối anh đi
Ngập ngừng... anh khẽ hỏi
"Em nhặt Phượng làm chi!"

Mắt buồn xa xôi quá!
"Em nhớ thuở học trò
Giờ đã xa vời xa..!"
Anh đến bên cạnh em
Ngồi nhặt cùng hoa Phượng
Hoa đỏ cả con đường
Đỏ hồng đôi má phấn
Đỏ cả giấc mộng thường

Môi em đỏ như phượng
Mắt em biếc trời xanh
Hoa lòng anh nở rộ
Đời chẳng có chung quanh...

MT-BTX

BÓNG DÁNG THỜI GIAN

KIM TUẤN

Đang nghỉ hè tại Hòn Gay thì bất thình lình, Bố tôi từ Hà Nội ra với vài người bạn cả trai lẫn gái. Nhưng hôm sau đó thì Bố tôi và các Cô Chú tổ chức thuê thuyền đi thăm Vịnh Hạ Long. Các chuyến đi này thường kéo dài hơn một ngày vì các hang động có tiếng là thắng cảnh ở khá xa đất liền và phải ngủ đêm trên thuyền. Mọi người lớn đều tỏ vẻ bịn rịn quyến luyến, chụp rất nhiều hình kỷ niệm và cho tôi cái cảm tưởng đây là một chuyến đi thăm cuối cùng của các vị đó tại miền này trước khi chia tay nhau.

Hòn Gay là một thành phố rất nhỏ bé, chỗ đặt cơ quan hành chính và là nơi các nhân viên Việt, Pháp và thợ mỏ cư ngụ trong những dãy nhà to nhỏ tùy theo chức vụ. Thợ mỏ thì ở các nhà nhỏ xây cất dọc theo dãy núi, ra ngoài một chút thì là nhà cho các nhân viên trung cấp người Việt. Ở xa hơn dọc theo bãi tắm với cát rất đẹp là nhà cho các nhân viên chỉ huy Pháp và Việt. Mỏ than này là một mỏ than lộ thiên và than đá rất tốt thông thường thì xuất cảng sang Nhật Bản và Trung Hoa, chỉ có một số ít dùng tại địa phương và cho khu kỹ nghệ tại Hải Phòng. Trung tâm thành phố cách bến tàu độ 3 cây số và có rạp cinema, hiệu kem, nhà hàng tàu, restaurant tây và các cửa hiệu buôn bán tạp hóa, đồng hồ, nữ trang, may âu phục và áo dài. Hơi tương tự như hình ảnh trung tâm một thành phố nhỏ bên Pháp qua tranh ảnh ở sách giáo khoa.

Các chuyến tàu từ Hải Phòng tới sau khi ghé Quảng Yên, mỗi tuần ba lần, các chuyến đò đem lại cho thành phố mỏ than này một chút hơi hướm của thành phố hoa lệ. Vì dân cư đa số là thợ mỏ nên có áp lực chính trị rất nặng khi hội nghị đình chiến năm 54 đang nhóm họp tại Geneve. Những tin đồn là Trường Chinh đã về tiếp xúc với anh chị em công nhân, những khẩu hiệu đấu tranh và những áp lực để mỏ than không bị phá hoại cùng sự ra đi của hầu hết các nhân viên chỉ huy người Pháp và các nhà giàu người Việt báo hiệu một sự tiếp thu đã gần kề.

Ban đêm những tiếng vọng của các bài hát trong núi vang ra cho biết sự có mặt của lực lượng tiếp thu.

Buổi tối trước khi mọi người chia tay đáp tàu trở về lại Hải Phòng, một cô bạn của Bố tôi hỏi tôi là có đi Nam theo Bố hay không. Danh từ đi Nam được dùng khéo léo thời đó để hiểu là di cư vào Nam với sự đồng nghĩa như đi Nam Định, tên một thành phố cách Hà Nội độ 100 cây số. Tại bến tàu Bố tôi ôm chặt lấy tôi và nói tháng sau Bố sẽ gặp con tại Sài Gòn.

Trước khi đình chiến thì đoạn đường Hà Nội Hải Phòng hay bị đặt mìn và việc buôn bán gần như là một canh bạc đổi mạng sống lấy tiền tài. Lợi tức khá nhiều và mau, đồng thời không thể dứt bỏ ngay được sự buôn bán đã có nền móng từ trước và một tương lai chưa biết ra sao nên một số người vẫn tiếp tục dù rất nguy hiểm. Có nhiều khi buổi sáng ra đi từ Hà Nội, nghỉ trưa tại Hải Dương (nơi nổi tiếng với bánh đậu xanh) và

chưa đến Hải Phòng là xe bị trúng mìn. Sau ngày đình chiến và nhà ga Đồ Xá là nơi ranh giới giữa vùng tiếp thu và khu chính quyền quốc gia thì đa số chỉ có phụ nữ và trẻ con là còn có thể di chuyển dễ dàng từ Hà Nội xuống Hải Phòng. Còn đàn ông con trai dù với căn cước do vùng quốc gia cấp vẫn gặp rất nhiều khó khăn khi di chuyển xuống Hải Phòng.

Chú tôi đã từ Hòn Gay về quê tại Hà Đông và không thể nào ra khỏi làng được nữa vì bị để ý rất kỹ. Mẹ tôi ra Hòn Gay đón tôi về quê và bỏ tiền ra làm lễ bốc mộ các cụ để nếu có vào Nam thì cũng không có gì ân hận. Buổi tối tại thôn quê đối với trẻ con thì vui vẻ họp hành vào dịp đó song nhìn sự lo âu của mẹ tôi, sự vui vẻ không được trọn vẹn khi tôi theo các thiếu nhi khác đi liên hoan.

Trở về Hà Nội, thành phố buồn hẳn đi sau vài tháng vắng mặt, đã mua một căn nhà tại phố Hàng Sắt, mẹ tôi rất lưỡng lự trước quyết định đi hay ở. Qua một người bạn đưa tin, Bố Mẹ tôi hẹn gặp cả gia đình tại Hải Phòng. Chuyến xe lửa từ Hà Nội tới Hải Phòng là một sự kinh dị và là một sự đe dọa tinh thần cho mọi người. Trong khi tung tăng chơi đùa, hát hỏng, vui với cảnh lạ đường xa thì những công an chìm đã khéo léo khuyến khích trẻ con thành khẩn khai báo ý định của gia đình. Trước khi đợi đầu tầu tại nhà ga Đỗ Xá, một tiếng chờ đợi với sự xét hỏi giấy tờ lý lịch và không cho nhiều người đi tiếp là một đòn cân não nặng nề mà ngay một đứa trẻ như tôi cũng thấy rờn rợn.

Cả miền Bắc chỉ còn có thành phố Hải Phòng là nơi cuối cùng tập trung đồng bào di cư để đi tàu hay máy bay vào Nam. Quyết định đi hay ở của mọi người trong gia đình có một tầm quan trọng mà sau này tôi mới nhận ra. Cố dối lòng là hai năm sau sẽ có tổng tuyển cử và hiệp thương thống nhất song chả có ai tin cả, sau cùng gia đình tôi quyết định đi Nam và một gia đình khác trong họ ở lại.

Sân bay quân sự Cát Bi tại Hải Phòng thật vắng vẻ, chỉ có một số ít sẽ được chuyển vận bằng phi cơ quân sự và đa số là đi bằng tàu của quân đội Pháp hay Mỹ. Trời còn mờ sáng thì chúng tôi đã tụ tập tại một trại lính và được đưa ra phi trường, phi cơ là một loại chuyên chở rất xưa (Phi Cơ Hai Mình) với các ghế ngồi dọc theo thân tàu bay, trời còn hơi lạnh và ai nấy đều ăn mặc kỹ càng và trên khuôn mặt đều có vẻ tư lự, có cái cảm giác là một chuyến đi xa và có thể là vĩnh viễn.

Phi cơ rời phi trường Cát Bi tại Hải Phòng vào lúc sáng sớm, trời âm u và lạnh, khi ngồi xuống ghế và được nhắc cột dây an toàn xong thì một quân nhân Việt đưa từng người một túi gồm có kẹo bánh, và một túi vệ sinh cá nhân. Một quân nhân Pháp đi kiểm soát và chào mọi người trước khi phi cơ cất cánh. Gia đình bên cạnh chúng tôi đọc kinh, có tiếng tụng niệm nhỏ cầu cho chuyến đi được bình an. Sau hơn 2 tiếng bay thì phi cơ đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất, ra khỏi phi cơ thì cái nóng ập vào mặt và một bầu không khí nhộn nhịp chào đón chúng tôi, được hướng dẫn lên xe bus nhỏ để vào phi cảng, sau khi làm giấy tờ và phân loại, sẽ tự túc hay vào trại tạm cư. Gia đình tôi tạm biệt các người bạn đồng hành, được lãnh mấy trăm đồng, một ít thức ăn, đồ hộp và bắt đầu cuộc sống mới tại miền Nam.

Con đường từ phi trường vào thành phố thật tấp nập, cyclo đạp và cyclo máy là hai điều rất mới lạ với tôi. Ngoài ra có nhiều ô tô hơn ở Hà Nội. Chúng tôi tạm trú trong nhà một người trong họ vào Nam đã lâu, hai ngày sau thì Bố Mẹ tôi đi thuê nhà để ở. Chưa biết tương lai sẽ đi về đâu nên gia đình tôi chọn giải pháp là thuê một căn nhà nhỏ gần trường học, chợ búa và không xa chỗ làm của Bố tôi vì lương mỗi tháng sẽ là nguồn lợi chính lúc đầu. Tuần sau đó tôi được đi học trường tiểu học Chi Lăng, tọa lạc gần chợ Bà Chiểu, trước cửa bệnh viện Nguyễn Văn Học.

Cả lớp chỉ có mình tôi là nói giọng Bắc và tôi đã gặp rất nhiều khó khăn mỗi ngày vì không hiểu hết mọi cách thức và bị bạn bè chọc ghẹo nên hai tuần sau tôi xin chuyển sang trường Di Chuyển. Vì không có trường sở nên các trường Di Chuyển với hầu hết là học sinh di cư đã mượn trường sở của các trường tiểu học địa phương và học ở giữa trưa từ 11 tới 2 giờ là lúc có chỗ trống. Cái nắng của Sài Gòn buổi trưa thật là oi bức, lớp học thì lợp mái tôn và rất đông học trò vì thế rất khó được gọi là thích hợp cho công tác giáo dục song trong hoàn cảnh di cư như thế, mọi người đều nhẫn nại vượt khó khăn.

Tuổi trẻ dễ có bạn, dễ thích ứng với hoàn cảnh, vì thế rồi thì mọi sự cũng vượt qua được, tôi

dậy sớm, sau khi Bố tôi đi làm thì Mẹ tôi đi chợ, lúc về cho tôi ăn quà, rồi tôi đi học lúc hơn 10 giờ, khi về nhà thì hai mẹ con ăn cơm trưa và rồi tôi làm bài đợi Bố tôi về thì cả gia đình ăn cơm tối. Trời miền Nam ngày dài nên tôi lần lần đi chơi với trẻ con hàng xóm và hay bị chế nhạo là Bắc Kỳ Ăn Cá Rô Cây, mặc dù không hiểu sòng mỗi lần bị trêu như thế tôi đều thấy thật tức.

Người dân miền Nam hiền hòa và may mắn chúng tôi được sống trong một khu mà đa số là công tư chức và quân nhân, số đông là đồng bào miền Nam, một số Bắc Kỳ Di Cư (1954) và một số Bắc Kỳ Cũ (trước năm 54) nên chỉ sau vài tháng thì đã có tình hàng xóm láng giềng.

Những biến cố như Bình Xuyên, Trưng Cầu Dân Ý, đánh đuổi Phái Đoàn Bắc Việt trong Ủy Hội Kiểm Soát Đình Chiến được người lớn kể lại trong các bữa cơm và bàn tán xôn xao song quá xa vời với trí óc non nớt của tôi.

Một niên học thấm thoát trôi qua và tôi đã chuẩn bị lên lớp nhất, đã được nghe những mẩu chuyện về thi tuyển vào Đệ Thất thật khó và bắt đầu được nghe tên các trường trung học tại Sài Gòn và Gia Định. Cuộc sống đã ổn định hơn và tôi đã lân la làm quen được với các đàn anh lớn tuổi hơn đi học Trung Học, và ao ước mình sẽ được như họ. Mẹ tôi rất lo xa nên đã lo chung vốn với vài người bạn mở sạp vải ở chợ Bà Chiểu, do đó tôi dần dần tập hâm nóng cơm, các món ăn và dọn dẹp nhà cửa trước khi đi học và sau khi ở trường về.

Trong chương trình Tiểu Học thì tôi thấy chú trọng vào chính tả, toán pháp và luận văn. Vì đây là ba môn chính cho kỳ thi vào Đệ Thất nên tôi được kèm rất kỹ mỗi buổi tối. Sau kỳ thi Tiểu Học và tôi đã may mắn đủ điểm đỗ thi nhưng suy nghĩ dồn dập trong đầu là sẽ thi vào trường Trung Học nào là một bận tâm nhất vào năm 1958.

Sau những va chạm khốc liệt với lực lượng giáo phái do người Pháp nâng đỡ, và những khó khăn với lực lượng quân đội còn do các tướng lãnh thân Pháp chỉ huy. Thủ Tướng đương thời với sự trợ giúp của Hoa Kỳ đã làm chủ tình hình, tổ chức Trưng Cầu Dân Ý để lấy thế chính trị lập nên một chế độ mới, đồng thời từ từ nhận lãnh sự bàn giao của người Pháp ở các cơ cấu hành chánh và quân sự.

Mặc dù có đôi chút hiềm khích giữa đồng bào di cư và đồng bào địa phương song các khu Dinh Điền như Cái Sắn ở miền Tây, những vị trí chiến lược như Hố Nai gần Biên Hòa đã được định cư bởi đồng bào từ miền Bắc vào Nam.

Ngày 26 tháng 10 năm 1956, Tổng Thống Ngô Đình Diệm khai sinh ra Đệ Nhất Cộng Hòa, tình hình có vẻ ổn định hơn ngày mới bước chân vào Nam, các cơ sở giáo dục bắt đầu chuyển từ tạm thời qua lâu dài, các trường cao đẳng, các phân khoa đại học đã hoạt động điều hòa trở lại với cố gắng chuyển ngữ ở bậc đại học. Các trường trung học di cư cũng bắt đầu hoạt động trở lại với trường sở được mượn tạm.

Ở Gia Định thì lúc đó mới có trường Hồ Ngọc Cẩn ở gần chợ Bà Chiểu, trường Trần Lục thì có trường sở tọa lạc gần Chợ Tân Định, trường Nguyễn Trãi thì ở Đa Kao, trường Võ Trường Toản thì ở gần Sở Thú. Tự nhiên có cảm tình với ngôi trường nhỏ bé nằm trên đường Phan Đình Phùng, gần Đài Phát Thanh, gần Mì Cây Nhãn, khu phố yên tĩnh và đẹp, trước mặt là cư xá của Air Vietnam, tôi dự định sẽ phải đi bộ từ nhà ra bến xe bus tại trường Mỹ Thuật, sau đó xuống xe tại Mì Cây Nhãn và đi bộ đến trường.

Gần đến ngày thi, khi lấy số báo danh được biết là có hơn 600 thí sinh nộp đơn và số dự tuyển sẽ là 220 cho 4 lớp Đệ Thất. Bây giờ tôi vẫn còn nhớ cái giây phút rụt rè gõ rồi mở cửa văn phòng, xin giấy để điền đơn thi tuyển, sau đó run run đem vào nộp và chờ ngày đi lấy phiếu báo danh.

"Thi ơi là thi sinh mi làm chi" là lời của một bản hát được đài phát thanh Sài Gòn cho phát thanh mỗi mùa thi, và rồi cũng lều trõng đi thi với hy vọng rất mong manh vì trong xóm tôi ở,

chả có ai được học trường công và chỉ học các tư thục gần đó mà thôi.

Không còn nhớ nội dung của đề thi song tôi nghĩ là mình làm trung bình và chỉ mong trúng tuyển là quý lắm rồi. Ngày loan báo kết quả, tôi chỉ dám dò từ số 100 trở xuống và đã thất vọng vì không thấy tên mình. Sau đó với tất cả sự tự tin còn lại tôi mới dò ngược lại từ 100 trở lên. Càng lên cao càng sợ vì hy vọng ít dần đi song ở vào độ nửa chừng xuân thì thấy tên mình, cẩn thận coi lại cả họ tên, số báo danh và xin vào văn phòng hỏi lại rồi tôi mới đi trong một nỗi hân hoan chưa bao giờ có trong đời. Tự thưởng cho mình một tô mì Cây Nhãn, một ly sâm bổ lượng, rồi mới lên xe bus đi về nhà.

Ngày khai trường là ngày trọng đại nhất của cái thuở lỏi tì, dạo đó đồng phục với huy hiệu tên trường chưa bắt buộc ngay song tôi đã được mặc quần kaki xanh và áo popeline trắng và đi đôi giầy bata trắng.

Phải chọn lựa giữa sinh ngữ Pháp hay Anh đã là một vấn đề làm tôi không biết sao cho đúng và vì thấy có 3 lớp Anh văn nên chắc số đông là đúng và tôi chọn Anh văn là sinh ngữ chính vậy. Các bạn đồng học hình như đều thông minh, và từng trải hơn tôi, có bạn đã chải đầu thật đẹp, với quần áo có vẻ công tử và ngôn ngữ thì thật người lớn.

Hai tuần đầu tôi nghĩ là mình không bao giờ học được vì phải tập ghi chép tóm tắt lấy và cái gì cũng mới, cũng lạ trong một khung cảnh chả có ai là thân thiết cả. Được ngồi bàn đầu và bắt đầu làm quen với sinh hoạt học đường cho đến kỳ thi lục cá nguyệt đầu tiên đã tạo cho tôi sự tự tin và biết là ai giỏi ai trung bình.

Năm đó trường Trưng Vương sang bán báo, các chị nữ sinh thật đẹp và bạo dạn, ăn nói thật duyên dáng, khiến cho tôi muốn mua báo mà thẹn thò mãi mới dám cất tiếng xin mua một số báo. Những buổi chiều mưa, Sài Gòn vẫn chỉ có hai mùa mưa nắng, trời tối rất mau và những giờ học cuối như dài ra trong sự nôn nóng ra về của cả thầy lẫn trò. Rồi những lúc đi học thêm sinh ngữ tại Hội Việt Mỹ và Trung Tâm Văn Hóa Pháp.

Dạo đó học sinh các trường Trung và Tiểu học được tụ tập đi đón Tổng Thống Lý Thừa Vãn dọc đường Công Lý từ sân bay Tân Sơn Nhứt về Dinh Gia Long, đó là giây phút thật thú vị vì được dịp bay nhảy giả vờ lạc qua chỗ các trường Nữ, và mặc dù ngây thơ son trẻ không biết gì cũng được dịp nhìn thấy các đóa hoa thật đẹp.

Những giờ thể thao tại sân vận động Hoa Lư, những buổi giáo sư bị ốm nên không phải học, cả một cuộc đời học sinh thơ mộng từ từ trôi và rồi mùa hè đầu tiên đến thật mau.

Dạo đó có một anh bạn học rất giỏi và hay đem truyện vệ tinh kể cho tôi nghe cùng các tin tức thời sự thế giới, và năm 1960 bắt đầu có biến cố Đảo Chánh Nhảy Dù, xảy ra không lâu sau khi chính quyền Kennedy đã vững và thay chỗ đảng Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Những tờ tạp chí Thế Giới Tự Do với hình ảnh hùng mạnh của Hoa Kỳ và những nét tươi đẹp của gia đình tổng thống Kennedy là một tuyên truyền rất mạnh cho Mỹ. Rồi tin tức chiến sự và bắt đầu có những biến chuyển được người lớn bàn bạc một cách lo âu như sự ra đời của Mặt Trận.

Những tin tức khoa học thì sự thành công của vệ tinh Sputnik của Nga, cuộc chạy đua về kỹ thuật không gian của Nga và Mỹ, ảnh hưởng của Mỹ bắt đầu rõ hơn với Hội Việt Mỹ, trường Y Khoa chuyển ngữ từ từ qua Anh văn, các du sinh viên tốt nghiệp từ Mỹ về, những quần Jean Lee, Lewis và ngay cả âm nhạc với The Beatles, the Shadows.

Lên Đệ Tứ, vẫn thấy mình chỉ là một học sinh tầm thường và không hiểu có đủ sức đỗ được bằng Trung Học hay không, tôi đi học thêm các lớp luyện thi Toán Lý Hóa và sinh ngữ. Dạo đó có bằng Trung Học là có thể thi vào trường Sư Phạm và sau hai năm là có thể đi dạy các lớp Tiểu Học.

Một buổi chiều trời mưa tầm tã, môn Công Dân mới có trong chương trình và chưa có giáo sư, đang mơ màng tưởng sẽ được nghỉ một giờ nữa thì nghe tiếng của ông Giám Thị gọi mọi người vào chỗ yên lặng rồi tiếng hô đứng dậy chào Ông Hiệu Trưởng. Đi với ông là một phụ nữ ngoài 30, hơi chậm vì có bầu song thật là đẹp và sang trọng, sau lời giới thiệu của ông hiệu trưởng và sau khi từ giã chúng tôi, nữ giáo sư tự giới thiệu và bắt đầu giảng dạy, đây là nữ giáo sư đầu tiên của lớp tôi nên mọi người đều im lặng và ngượng nghịu một cách buồn cười, ngay cả các tay nổi tiếng là nghịch ngợm từ xưa cũng ngoan ngoãn hơn. Vì ngồi đầu bàn sát bàn giáo sư nên tôi được cô giáo gọi lên hỏi và từ đó để giữ thể diện tôi cố học hẳn lên để trên sổ

điểm không còn những điểm thấp nữa.

Từ lúc đó mỗi ngày tôi đều cố học và là một niềm vui khi đến trường, nhất là hôm nào có giờ công dân (2 lần một tuần), cô giáo có vẻ để ý đến sự chuyên cần của tôi và cho tôi nhất ở kỳ thi lục cá nguyệt. Môn học này chương trình không rõ ràng, nói về các thể chế chính trị, quyền công dân song có nhiều từ ngữ về luật và liên quan đến kiến thức phổ thông, vì thế tự nhiên tôi thích đọc báo và tìm tòi các tin tức liên quan đến mọi vấn đề.

Kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp mặc dù có tính cách không bắt buộc vì nếu đỗ thì có thể đi vào một số trường huấn nghệ như Sư Phạm, Cán Sự... song nếu trượt thì vẫn được phép học lên Đệ Nhị Cấp. Tuy nhiên nếu đỗ và đỗ cao thì được sự kính nể của bạn bè và sự thương mến của thầy cô.

Một số học sinh lớn tuổi đã biến mất khỏi trường, có thể nhập ngũ hay bỏ học, số lượng cáo phó đã bắt đầu có nhiều trên các nhật báo và trước đó Y Sĩ Nhảy Dù Đỗ Vinh bị tử thương nên đã làm người dân thành phố, nhất là tại Sài Gòn hiểu là chiến tranh đã tái diễn tuy còn ở mức độ nhỏ.

Nếu trước đó vài năm thì với lương công chức hạng trung, một gia đình có thể sống thoải mái, nay thì vật giá đắt đỏ hơn và bắt đầu phải có đôi chút nguồn lợi bên lề. Trong chính quyền và quân đội thì đã có những nghi kỵ và thiếu công bằng dựa trên các yếu tố tôn giáo và đảng phái. Chế độ xiết chặt hơn và không còn sự cởi mở như lúc đầu.

Nhập học trở lại thì trường Nguyễn Trãi mở thêm Đệ Nhị Cấp, một số qua Chu Văn An, một số ở lại trường, sự ngây thơ có lẽ không còn như những năm chập chững bước vào Trung Học, những biến động xã hội đã được tiếp nhận trực tiếp vì có ảnh hưởng đến mình nhiều hơn, những ước mơ xây dựng quê hương, những tình yêu học trò chớm nở, những người bạn giã từ sách vở, tất cả đến khi các xáo trộn chính trị manh nha nẩy mầm, chiến tranh đã leo thang và chúng tôi đã phải cuốn theo chiều gió.

◆

Sinh tại Nam Định, di cư vào Nam năm 1954, học Nguyễn Trãi (1958-1965), Universitaet Stuttgart (1967- 1974) tại Tây Đức, University of Maryland (1978-1984), Georgetown University (1982). Hiện làm việc tại Maryland.

Mảnh Nào?

Bikini đã mặc vào
Mảnh trên, mảnh dưới, mảnh nào anh thương
Mảnh nào mang nặng vấn vương
Mảnh nào gieo nỗi đoạn trường ngất ngây

Anh ơiii, yêu mảnh nào đây
Nhờ anh cột lại sợi dây yếm tình
Mảnh nào rơi lúc bình minh
Mảnh nào còn đọng lung linh sương mờ

Mảnh nào anh đợi anh chờ
Mảnh nào lơ lửng, hững hờ mơn mơn
Mảnh nào che mõm Nhị Sơn
Mảnh nào lấp lối đường trơn mộng về

Mảnh nào anh hỡiii... đê mê
Mảnh nào xa cách não nề tâm can
Mảnh nào đổi cả giang san
Mảnh nào chỉ có một gang mà sầu

Tình yêu là thứ muôn mầu
Mảnh nào anh lựa... để lâu em chờ
Khen thay tằm khéo nhả tơ
Mong manh hai mảnh lững lờ trêu ai...

MĐT

Tình Khúc Buồn

1972

Thơ : Phạm Duy Quang
Nhạc : Ngô Thụy Miên
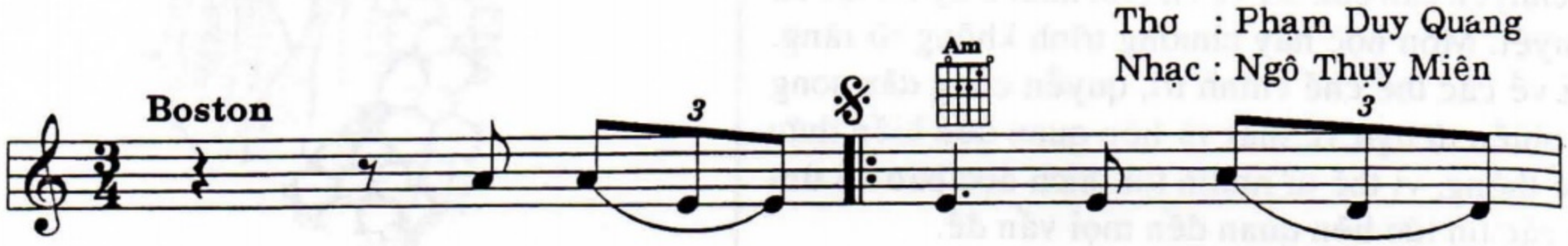
Em như một nụ hồng Cầu mong chẳng lạnh
nồng Dìu ta vào cuộc
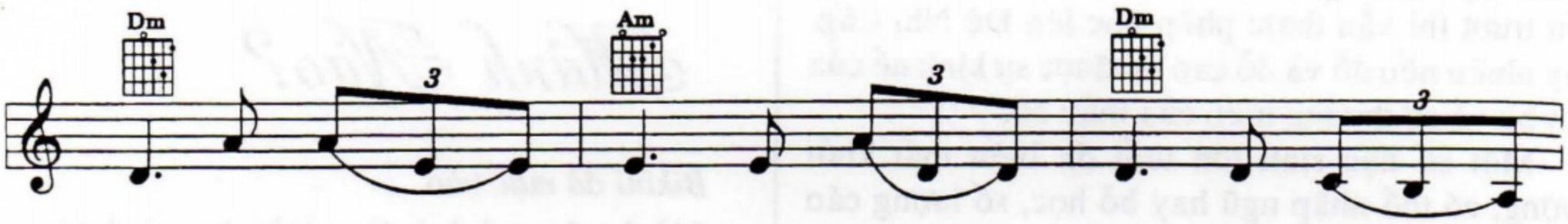
lừng Em như một ngày mộng mà ta hằng ngại ngừng Sẽ ru ta nghìn
mộng Em như vạt lụa đào Quyện ta lời thì thào Sẽ qua đi ngày
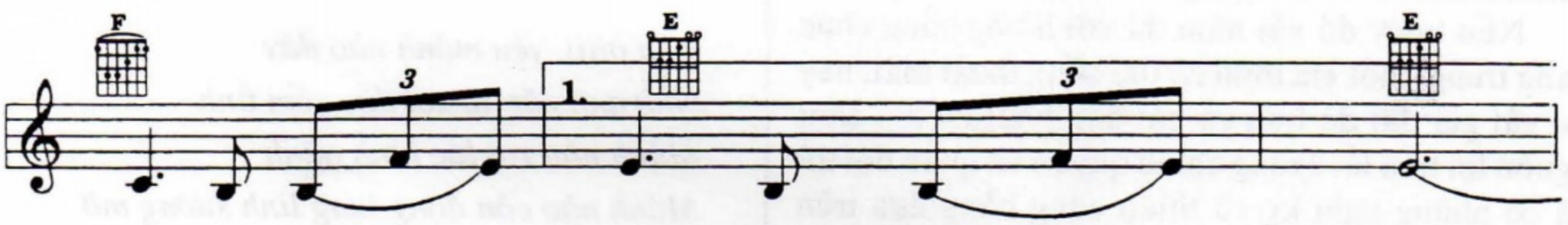
nhớ Một ngày thoáng mây đưa Chuyện tình đã như mơ
tháng Tình rồi cũng xa
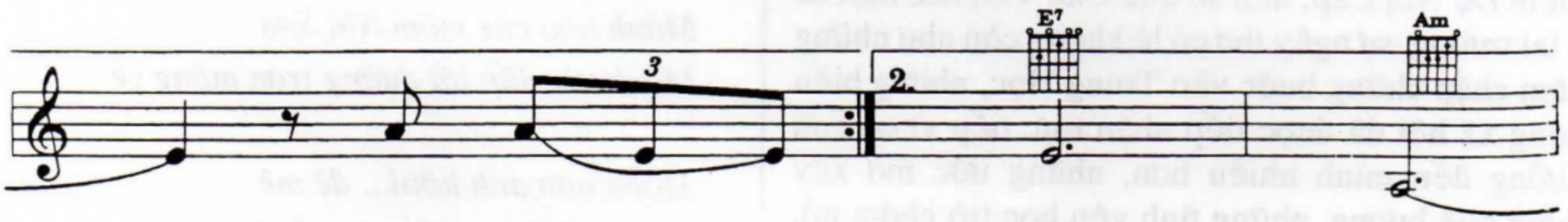
Em như giọt rượu xưa Buồn
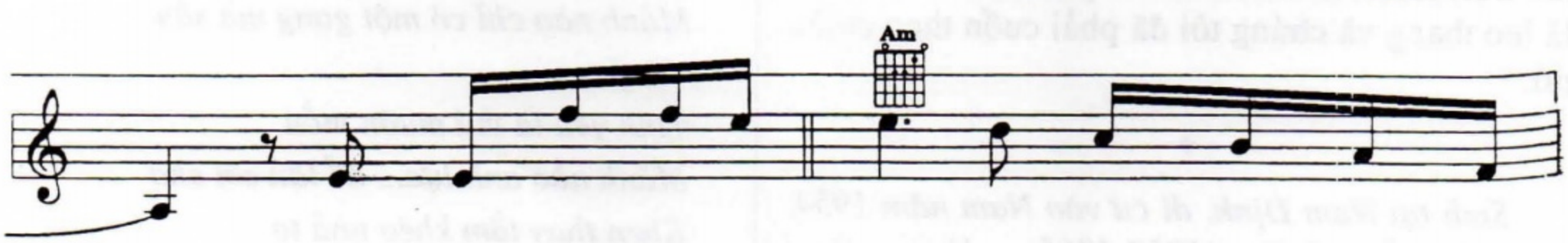
Cuộc tình ngỡ đã xa xưa Đã xanh xao tự thuở
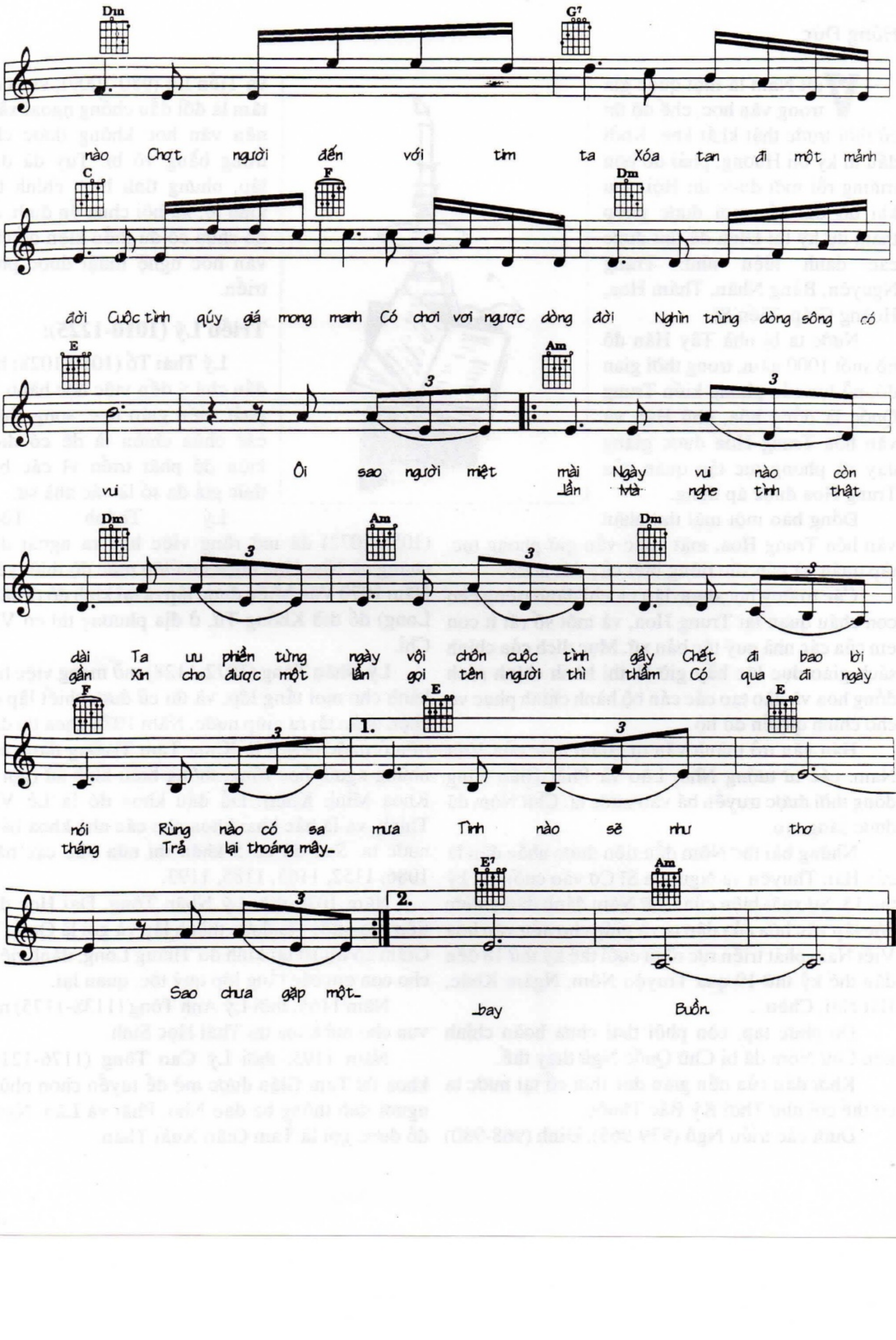
Dm
G7
nào Chợt người đến với tim ta Xóa tan đi một mảnh
C
F
Dm
đời Cuộc tình qúy giá mong manh Có chơi vơi ngược dòng đời Nghìn trùng dòng sông có
E
Am
3
Ôi sao người miệt mài Ngày vui nào còn
vui lần mà nghe tình thật
Dm
Am
Dm
dài Ta ưu phiền từng ngày vội chôn cuộc tình gầy Chết đi bao lời
gần Xin cho được một lần gọi tên người thì thầm Có qua đi ngày
F
E
1.
E
nói Rừng nào có sa mưa Tình nào sẽ như thơ
tháng Trả lại thoáng mây_
E7
Am
2.
Sao chưa gặp một_
_bay Buồn

Học Vấn và Thi Cử tại Nước Ta

Hồng Đức

Việt Nam là một quốc gia trọng văn học, chế độ thi cử thời trước thật khắt khe. Khởi đầu từ kỳ thi Hương, phải đỗ bốn trường rồi mới được thi Hội, sau khi đỗ đạt rồi mới được phép tham dự kỳ thi Đình để đạt được các danh hiệu như: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa, Hoàng Giáp, Tiến Sĩ.

Nước ta bị nhà Tây Hán đô hộ suốt 1000 năm, trong thời gian đó, nỗ lực của phong kiến Trung Quốc là đồng hóa, chữ Hán và văn hóa Trung Hoa được giảng dạy và phong tục tập quán của Trung Hoa được áp dụng.

Đồng bào một mặt thu nhận văn hóa Trung Hoa, mặt khác vẫn giữ phong tục, tập quán và bản sắc riêng biệt của đất nước.

Các trường học được lập ra, chỉ dành riêng cho con cháu quan lại Trung Hoa, và một số rất ít con em của các nhà quý tộc bản xứ. Mục đích của chính sách giáo dục lúc bấy giờ là thi hành chính sách đồng hóa và đào tạo các cán bộ hành chính phục vụ cho chính quyền đô hộ.

Hán văn trở thành văn tự chính thức của Việt Nam, các tư tưởng Nho, Lão và Phật Giáo cũng đồng thời được truyền bá vào nước ta. Chữ Nôm đã được sáng tạo.

Những bài thơ Nôm đầu tiên được nhắc đến là của Hàn Thuyên và Nguyễn Sĩ Cơ vào cuối thế kỷ thứ 13. Sự xuất hiện của Chữ Nôm đánh dấu ý thức độc lập văn hóa của dân ta và giúp cho nền văn hóa Việt Nam phát triển rực rỡ từ cuối thế kỷ thứ 18 đến đầu thế kỷ thứ 19 qua Truyện Nôm, Ngâm Khúc, Hát Nói, Chèo...

Do phức tạp, còn phôi thai chưa hoàn chỉnh nên Chữ Nôm đã bị Chữ Quốc Ngữ thay thế.

Khởi đầu của nền giáo dục thời cổ tại nước ta có thể coi như Thời Kỳ Bắc Thuộc.

Dưới các triều Ngô (939-965), Đinh (968-980) và Tiền Lê (980-1009), vì trọng tâm là đối đầu chống ngoại xâm nên văn học không được chú trọng bằng võ bị. Tuy đã độc lập, nhưng tình hình chính trị, kinh tế, xã hội chưa ổn định, do đó chưa có đủ điều kiện để cho văn học nghệ thuật được phát triển.

Triều Lý (1010-1225):

Lý Thái Tổ (1010-1028) bắt đầu chú ý đến việc học hành và phát triển giáo dục, song chỉ ở các chùa chiền là dễ có điều kiện để phát triển vì các bậc thức giả đa số là các nhà sư.

Lý Thánh Tông (1054-1072) đã mở rộng việc học ra ngoài dân chúng và Nho Học dược đưa lên mức độ thiết yếu. Năm 1070 Văn Miếu được lập ra tại kinh đô (Thăng Long) để thờ Khổng Tử, ở địa phương thì có Văn Chỉ.

Lý Nhân Tông (1072-1128) mở mang việc học hành cho mọi tầng lớp, và thi cử được thiết lập để chọn nhân tài ra giúp nước. Năm 1075 khoa thi đầu tiên ở nước ta gọi là Khoa Tam Trường dành cho những người học rộng, thông hiểu kinh sử (gọi là Khoa Minh Kính). Đỗ đầu khoa đó là Lê Văn Thinh, và là bậc khai khóa cho các nhà khoa bảng nước ta. Sau đó có 5 khóa thi nữa vào các năm 1086, 1152, 1165, 1185, 1193.

Năm 1076 thời Lý Nhân Tông, Đại Học đầu tiên của quốc gia được thành lập và gọi là Quốc Tử Giám có trụ sở tại kinh đô Thăng Long, dành riêng cho con em các tầng lớp quý tộc, quan lại.

Năm 1165, thời Lý Anh Tông (1138-1175) nhà vua cho mở khoa thi Thái Học Sinh.

Năm 1195, thời Lý Cao Tông (1176-1210), khoa thi Tam Giáo được mở để tuyển chọn những người tinh thông ba đạo Nho, Phật và Lão. Người đỗ được gọi là Tam Giáo Xuất Thân.

Như thế Triều Lý được coi như thời kỳ đặt nền móng cho việc học và thi cử tại nước ta.

Triều Trần (1225-1400):

Thời Trần Thái Tông (1225-1258), năm 1243 nhà vua cho lập Quốc Học Viện tại kinh đô Thăng Long, dành cho con em nhà quý tộc, quan lại. Sau mở rộng cho nho sĩ vào nghe giảng Tứ Thư, Ngũ Kinh. Năm 1246, vua Trần Thái Tông cho mở khoa thi Thái Học Sinh chấm đỗ theo Tam Giáp (Nhất Giáp, Nhị Giáp và Tam Giáp). Năm 1247, nhà vua cho đặt lại thứ bậc trong Tam Giáp và ở bậc Nhất Giáp có Tam Khôi: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa.

Ngoài ra để khuyến khích việc học ở những nơi xa kinh đô có rất nhiều khó khăn, nhà vua cho mở khoa thi lấy Kinh Trạng Nguyên (miền Bắc) và Trai Trạng Nguyên (từ Thanh Hóa trở vào).

Thời Trần Thánh Tông (1258-1278), nhà vua cho mở khoa thi Thái Y để tuyển người tinh thông y học.

Thời Trần Anh Tông (1258-1278), nhà vua cho tổ chức thi Thái Học Sinh, nhưng theo thể lệ mới. Thí sinh phải qua bốn trường, mỗi trường thi một số môn:

Trường nhất: thi chính tả

Trường nhì: thi kinh nghĩa, thơ, phú

Trường ba: thi chiếu, chế, biểu

Trường bốn: thi văn sách

Đỗ Nhất Giáp được theo thứ tự Tam Khôi như cũ có nghĩa là: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa.

Đỗ Nhị Giáp thì gọi là Hoàng Giáp.

Đỗ Tam Giáp thì gọi là Thái Học Sinh.

Thời Trần Duệ Tông (1372-1377), khoa thi Thái Học Sinh năm 1374, ai đỗ Thái Học Sinh thì gọi là Tiến Sĩ, sau đó có tổ chức thi ở cung điện để nhà vua chấm đỗ: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thàm Hoa, Hoàng Giáp.

Nhà vua sửa đổi lại sự thi cử, thi Hương qua bốn trường,

Ở Trường Nhất, bỏ chính tả và thay bằng hai bài Kinh Nghĩa.

Ở Trường Hai thi Chiếu, Chế, Biểu

Ở Trường Ba thi Thơ Phú

Ở Trường Bốn thi Văn Sách.

Ai đỗ cả bốn trường mới được gọi là Cử Nhân.

Thời Trần Thuận Tông (1388-1398), vào năm 1396 nhà vua định lại việc thi cử. Năm trước thi Hương, năm sau thi Hội. Ai đỗ kỳ thi Hội thì được nhà vua ra đề văn sách để thi Đình với mục đích định thứ bậc.

Bắt đầu từ năm 1396, kỳ thi Hương do các vùng tổ chức, thi Hội và thi Đình do triều đình tổ chức. Phải đỗ kỳ thi Hội mới được dự kỳ thi Đình để xếp ngôi thứ.

Trường thi Hương thường là một bãi đất rộng, được rào chung quanh để ngăn cách với bên ngoài, thí sinh phải tự túc, mang lều chõng, cắm lều lo chỗ ngồi viết bài thi.

Ở các kỳ thi Hội và Đình thì Triều Đình sẽ lo liệu nơi chốn vì số thí sinh còn lại không nhiều nữa (thi Hội) và rất ít (thi Đình). Hai kỳ thi Hội và thi Đình thường tổ chức liền nhau.

Triều Trần đã mở mang việc học, kiện toàn cách thức và là mẫu mực để đời sau noi theo.

Triều Hồ (1400-1407):

Năm 1400, Hồ Quý Ly tổ chức kỳ thi Thái Học Sinh, chọn được 20 người, Nguyễn Trãi đỗ Đệ Nhị Giáp khoa này.

Năm 1404, Hồ Hán Thương định lại phép thi cử nhân, ngoài bốn trường thi như triều Trần, còn thêm một kỳ thi Toán và viết chữ Hán, tổng cộng thành ra năm kỳ thi.

Cứ ba năm mở một khóa, khởi đầu với kỳ thi Hương, nếu đỗ thì năm sau được dự thi ở bộ Lễ, người nào trúng tuyển thì được bổ dụng làm quan, năm sau đỗ thì có kỳ thi Hội, các thí sinh trúng tuyển được gọi là Thái Học Sinh (Tiến Sĩ).

Tuy ngắn ngủi song Triều Hồ đã chấn chỉnh lại chế độ thi cử và đặc biệt đưa vào kỳ thi Hương môn Toán.

Triều Lê (1428-1527):

Lê Thái Tổ (1428-1433) đã cho tổ chức lại học vấn và thi cử một cách qui củ hơn. Trường Quốc Tử Giám hay Thái Học Viện được mở tại kinh đô là cơ quan giáo dục cao nhất. Tại các Lộ, Châu, Phủ các trường công lập hay tư thục đều được khuyến khích mở mang. Chương trình giáo dục được triều đình quy định rõ ràng.

Năm 1429, khoa thi Minh Kinh được mở để chọn người tinh thông kinh sử.

Năm 1431 khoa thi Hoanh Tu chọn người văn hay, học rộng để bổ nhiệm vào các chức vụ hành chánh.

Thời Lê Thái Tông (1433-1442), triều đình mở lại các kỳ thi Hương, thi Hội. Năm 1438 mở thi Hương, thi Hội. Từ đó cứ ba năm mở một khoa thi. Thi Hương cũng phải qua bốn trường, bài thi như triều Trần. Ai trúng tuyển thi Hội đều gọi là Tiến Sĩ Xuất Thân theo thứ bậc khác nhau.

Năm 1442 mở khoa thi Đình cho những thí sinh đã đỗ kỳ thi Hội, làm một bài thi do chính nhà vua ra đề. Đỗ thi Đình gọi là Tiến Sĩ chia làm ba bậc:

Đệ Nhất Giáp Tiến Sĩ Cap De gồm ba người đỗ đầu: Trạng Nguyên, Bảng Nhãn, Thám Hoa (Tam Khôi).

Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân gọi là Hoàng Giáp

Đệ Tam Giáp đồng Tiến Sĩ Xuất Thân gọi là Tiến Sĩ

Những người đỗ đạt đều được ghi danh vào bia đá (Bia Tiến Sĩ).

Thời Lê Thánh Tông (1460-1497), vào năm 1489 nhà vua cho mở rộng và phát triển Quốc Tử Giám (Thái Học Viện) có nơi cho sĩ tử học tập, lập kho Bi Thư để tàng trữ sách và văn in sách, cõ dãy nhà cho ba hạng xa xinh (nội trú) mỗi dãy 25 gian.

Các quan lại không xuất thân khoa bảng đều phải đi tu nghiệp, học hỏi và thi cử để tăng thêm kiến thức, trình độ và tài năng.

Năm 1462, thể lệ thi cử được định lại với lệ "Bảo Kết Hương Thi", bắt buộc các xã nguyên quán phải trách nhiệm về tư cách và đạo đức của thí sinh, và lệ "Cung Khai Tam Đại" kê khai lý lịch ba đời.

Con cháu nhà xướng ca hay có tội với triều đình không được phép dự thi. Mục đích là để bảo đảm hạnh kiểm của sĩ tử, vì khi đỗ đạt sẽ được làm quan cai trị dân.

Phép thi cũng có thay đổi đôi chút, kỳ thi chính tả được mở đầu để loại bớt các thí sinh thiếu khả năng trước khi nhập Trường Nhất.

Nhà vua cũng chia làm hai hạng cho các người trúng tuyển kỳ thi Hương:

Đậu bốn trường gọi là Hương Cống, đậu ba trường gọi là Sinh Đồ.

Năm 1463 nhà vua định lại ba năm thi một khoa.

Năm 1466 định lệ xướng danh, đại yến, ban phát mũ, áo cân đai và vinh quy về làng, sau đó được bổ làm quan.

Năm 1472 nhà vua định phẩm hàm, từ chánh tổng lục phẩm đến chánh tổng bát phẩm cho những người thi đỗ Tiến Sĩ.

Nhìn chung việc giáo dục thời Lê (1428-1527) có phần phát triển rộng rãi hơn trước, các học sinh từ quý tộc đến bình dân đều có cơ hội đi học. Hệ thống thi cử chặt chẽ và quy mô hơn.

Triều Mạc (1527-1592):

Năm 1529 Mạc Đăng Dung mở khoa thi Hội và đến năm 1532 lại mở tiếp khoa thi Hội, sau đó cứ mỗi ba năm lại mở một khoa thi.

Vì cuộc nội chiến ác liệt nên việc học vấn và thi cử dưới triều Mạc có vẻ sút kém hẳn đi.

Triều Lê trung hưng (1533-1788):

Thời Lê Trung Tông (1548-1556) bắt đầu đặt "Chế Khoa", khoa thi đặc biệt để chọn người tài giỏi. Chế Khoa được tổ chức sau đó vào các năm 1565, 1577.

Thời Lê Thế Tông (1573-1599), vào năm 1580 mới bắt đầu khôi phục lại thi Hội, chưa tổ chức lại thi Đình. Từ năm 1583, phục lại lệ ba năm mở một lần thi Hội. Năm 1595 nhà vua tổ chức thi Đình để chấm sĩ tử đỗ theo các thứ bậc khác nhau.

Thời Lê Thần Tông (1649-1662), vào năm 1658 nhà vua đặt khoa thi Sĩ Vọng, là khoa thi chọn người danh vọng trong hàng Sĩ Phu. Các Chế Khoa, Sĩ Vọng là cách tuyển chọn đặc biệt ngoài các khoa thi chính thức.

Năm 1659 nhà vua mở khoa thi Đông Các để chọn người bổ vào Đông Các Đại Học Sĩ, Học Sĩ và Hiệu Thư, lấy độ năm người. Các người trúng tuyển được ban mũ áo như đỗ thi Đình.

Thời Lê Huyền Tông (1663-1671) vào năm 1664 nhà vua cho mở khoa thi Khảo Lại Sinh Đồ,

dành cho các người đỗ ba trường của kỳ thi Hương, trúng tuyển sẽ là Sinh Đồ và trượt thì phải học lại ba năm trước khi được phép thi lại.

Thời Lê Hy Tông (1676-1705) điều lệ thi Hương được thay đổi thêm chặt chẽ, học trò phải đỗ sơ tuyển qua kỳ khảo hạch của các quận châu, huyện trước khi được phép dự kỳ thi Hương.

Thời Lê Hiển Tông (1740-1786) nhà vua bắt sĩ tử phải nộp tiền để dự thi Hương (Thông Kinh), việc thi cử mất đi sự nghiêm túc, vì học kém song có tiền vẫn được dự thi.

Cuối đời Lê trung hưng, học vấn và thi cử bị suy sụp vì chiến tranh, thi cử thiếu chặt chẽ. Tuy nhiên đây vẫn là một triều đại tương đối toàn thịnh về văn học với các học giả: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm...

Thời Các Chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1558-1777):

Triều đình chỉ tổ chức thi cử và khuyến khích dân gian lập các tư thục để trau dồi kinh sử.

Chúa Sãi Nguyên Phúc Nguyên (1613-1634) bắt đầu việc duyệt tuyển vào năm 1631. Trong một ngày, các thí sinh tham dự kỳ thi "Xuân Thiên Quận Thí". Người trúng tuyển được gọi là Nhiêu Học, được miễn thuế sai dịch 5 năm.

Ngoài ra triều đình tổ chức thi chữ Hán (Hoa Văn), thí sinh trúng tuyển sẽ được bổ nhiệm ở ba Ty:

1) Ty Xá Sai coi việc Tố Tụng, Văn Án

2) Ty Tướng Thần Lại coi việc thu thuế, phát lương

3) Ty Lệnh Sử coi việc tế tự, lễ tiết, quan điền

Chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan (1635-1648) định phép "Thi Hội mùa thu", 9 năm tổ chức một kỳ, mở hai khoa:

Khoa Thi Chính Đồ và Hoa Văn tại Phủ Chúa tại Phú Xuân, người trúng tuyển Chính Đồ được chia làm ba hạng:

Giáp, Ất, Bính.

Hạng Giáp gọi là Giám Sinh, được bổ lám Tri Phủ, Tri Huyện

Hạng Ất gọi là Sinh Đồ, được bổ làm Huấn Đạo

Hạng Bính cũng được gọi là Sinh Đồ được bổ làm Lễ Sinh hay Nhiêu Học.

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) đặt thêm khoa thi Thám Phỏng (1675), hỏi việc binh, việc dân, việc Vua Lê, Chúa Trịnh ở Bắc Hà.

Người trúng tuyển được bổ làm ở Ty Xá Sai.

Chúa Hiền bỏ khoa thi (1684) Nhiêu Học và Hoa Văn, chỉ giữ lại khoa Chính Đồ.

Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái (1687-1691) mở lại khoa thi Hoa Văn vào năm 1689.

Chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) đặt khoa thi "Văn Chức" và "Tam Ty" ở sân phủ Chúa.

Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765) định lại phép "Thi Hội mùa thu", thi làm bốn kỳ:

Kỳ Nhất: Trúng tuyển được gọi là Nhiêu Học Tuyên Trường được miễn sai dịch 5 năm.

Kỳ Nhì và Kỳ Ba: Trúng tuyển được gọi là Nhiêu Học Thí, được miễn sai dịch suốt đời.

Kỳ Bốn: Trúng tuyển được gọi là Hương Cống, được bổ làm Tri Phủ, Tri Huyện, Huấn Đạo.

Việc thi cử dưới thời chúa Nguyễn là để đáp ứng tình hình thực tế, tuyển chọn những người tài giỏi ra làm việc (Hoa Văn, Thám Phỏng, Tam Ty). Tổ chức chưa được hoàn bị và ít giá trị văn học.

Triều Tây Sơn (1778-1802):

Rất ngắn ngủi song vua Quang Trung (1888-1892) đã cố gắng xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc.

Nhà vua ban "Chiếu Lập Học" khuyến khích

các xã mở trường học, lập nhà xã học ở các xã, chọn "Xã giảng dụ" (thầy dạy học ở xã).

Chữ Nôm được đưa lên là chữ chính thức của quốc gia. Viện Sùng Chính có nhiệm vụ dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm và phụ trách văn hóa giáo dục. La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp là viện trưởng.

Khoa thi "Tuấn Sĩ" (1889) được mở ra tại Nghệ An chọn kẻ sĩ có tài đức (tương tự như Thi Hương).

Triều Nguyễn (1802-1945):

Vua Gia Long (1802- 1820) cho lập Nhà Quốc Học tại Huế.

Vua Minh Mạng (1820-1840) gọi là Quốc Tử Giám, dạy các sinh đồ, có học xá và học phòng.

Ở triều đình có Bộ trông coi việc học cho cả nước, ở Phủ Huyện có Giáo Thụ, Huấn Đạo dạy Tứ Thư, Ngũ Kinh cho học sinh. Tại làng xã thì do dân chúng địa phương tự lo liệu lấy từ Trường Sở, Thầy Dạy...

Năm 1804, vua Gia Long cho mở lại kỳ thi Hương, và định 6 năm thì có một khoa thi.

Năm 1822, vua Minh Mạng cho mở kỳ thi Hội. Đến năm 1825, nhà vua định lệ 3 năm mở một khoa Thi Hội vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Thi Hương đỗ bốn trường gọi là Cử Nhân (Thời Lê là Hương Cống), đỗ ba trường gọi là Tú Tài, đỗ hai trường gọi là Nhị Trường, đỗ một trường gọi là Nhất Trường.

Năm 1832, triều đình bớt đi một trường:

Trường Nhất: thi Kinh Nghĩa

Trường Nhì: thi Thơ, Phú

Trường Ba: thi Văn Sách

Tự Đức (1842- 1883) tổ chức lại (1851) thi bốn trường và đặt lệ mới. Đỗ Trường Nhất mới được thi Trường Nhì, đỗ Trường Nhì mới vào Trường Ba.

Về nơi thi, thời Gia Long có 7 trung tâm tại các tỉnh:

Thừa Thiên

Bình Định

Gia Định

Nghệ An

Thanh Hóa

Nam Định

Hà Nội

Đồng Khánh (1886-1888) sát nhập Hà Nội và Nam Định thành trường thi Hà Nam.

Triều Nguyễn không lấy đỗ Trạng Nguyên, nên cao nhất là Bảng Nhãn. Ngoài ra lại đặt nhiều điều cấm kỵ khắt khe (trường quy), vì thế có nhiều người học lực cao song vẫn trượt vì phạm trường quy.

Ngoài thi Hương, thi Hội, triều Nguyễn còn mở các khoa thi bất định kỳ như khoa Thi Hoành Tử, khoa Cát Sĩ, khoa Nhã Sĩ, khoa Uyên Bác để tuyển chọn nhân tài.

Vào thời vua Thành Thái (1889-1907), năm 1906 có sắc lệnh cải cách giáo dục, dạy cả chữ Quốc Ngữ, chữ Pháp thêm vào với chữ Hán.

Việc học được chia làm ba bậc: Ấu Học, Tiểu Học và Trung Học.

Bậc Ấu Học:

Tại các Làng Xã, do các Thầy đồ dạy chữ Hán và chữ Quốc Ngữ, thi lấy Bằng Tuyển Sinh.

Bậc Tiểu Học:

Tại các Phủ Huyện có các Giáo Thụ, Huấn Đạo dạy các Tuyển Sinh. Dạy Tứ Thư Ngũ Kinh, Nam Sử và Chữ Hán, chữ Quốc Ngữ là chính yếu. Có thể tình nguyện học thêm Pháp Ngữ. Thi lấy Bằng Khóa Sinh.

Bậc Trung Học:

Tại các Tỉnh Lỵ, các Đốc Học dạy các Khóa Sinh chữ Hán, vạn vật, toán, sử địa, chữ Quốc Ngữ và chữ Pháp. Thi lấy bằng Thí Sinh và được dự kỳ thi Hương.

Tại Huế, bên cạnh Quốc Tử Giám có Trường Hậu Bổ (đào tạo quan lại hành chính) và trường Quốc Học dạy bằng sinh ngữ Pháp.

Các học sinh theo học các trường tiểu học Pháp-Việt tại các tỉnh lỵ có thể thi lấy bằng Cơ Thủy để vào trường Quốc Học hay Hậu Bổ.

Năm 1915, khoa thi Hương cuối cùng được to chúc tại miền Bắc, thời vua Duy Tân (1907-1916).

Năm 1918, khoa thi Hương cuối cùng tại Nghệ An, Bình Định thời vua Khải Định (1916- 1925).

Năm 1919, khoa thi Hội cuối cùng chấm dứt việc học vấn và thi cử cổ truyền.

Kể từ năm 1917, việc học vấn và thi cử được tổ chức như sau:

Bậc Tiểu Học:

Có ba cấp: Sơ Học, Tiểu Học và Cao Đẳng Tiểu Học.

Sơ Học:

Có ba lớp: Năm, Tư, Ba. Học Quốc Ngữ các môn: Việt Văn, Cách Trí, Vệ Sinh, Toán Pháp và Sử Địa. Có dạy thêm chữ Hán và chữ Pháp. Thi lấy bằng "Sơ Học Yếu Lược", thi viết đỗ rồi vào vấn đáp.

Tiểu Học:

Các lớp Nhì và Nhất, chuyển ngữ là Pháp Văn, thi lấy bằng "Cơ Thủy" còn gọi là "Sơ Học Pháp Việt" (Primaire), đủ trung bình thi viết mới được vào vấn đáp.

Cao Đẳng Tiểu Học:

Sau bằng Sơ Học, học bốn năm để lấy bằng "Thành Chung" (Diplome). Có cả trường Tư Thục bên cạnh các trường Công Lập tại các tỉnh lớn và Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Phải đủ điểm 6/20 bài Luận Pháp Văn thì mới được chấm các môn khác, thi viết, sau đó đủ điểm mới được thi vấn đáp.

Đỗ với các thứ bậc: Thứ, Bình Thứ, Bình, Ưu, và Tối Ưu.

Bậc Trung Học:

Sau bằng Thành Chung, học hai năm để thi bằng "Tú Tài Phần Nhất", nếu đỗ học thêm một năm nữa để thi bằng "Tú Tài Toàn Phần" (Tú Tài Bản Xứ). Thi viết rồi vào vấn đáp nếu đủ điểm, chấm đỗ theo thứ tự như trên từ Thứ đến Tối Ưu.

Ngoài ra còn có các trường Trung Học Pháp (Lycée) dành riêng cho học trò Pháp và một ít học sinh Việt, thi lấy Bằng Tú Tài Pháp.

Các trường Cao Đẳng đào tạo chuyên viên cho chính quyền được mở rồi các Phân Khoa Đại Học Luật, Y, Dược, Khoa Học được hình thành sau đó.

Trên đây là tóm lược về Học Vấn và Thi Cử tại nước ta để tặng anh K. và các thân hữu của trường Nguyễn Trãi.

♦

Nhà Giáo hồi hưu Hồng Đức là một thân hữu của Nguyễn Trãi.

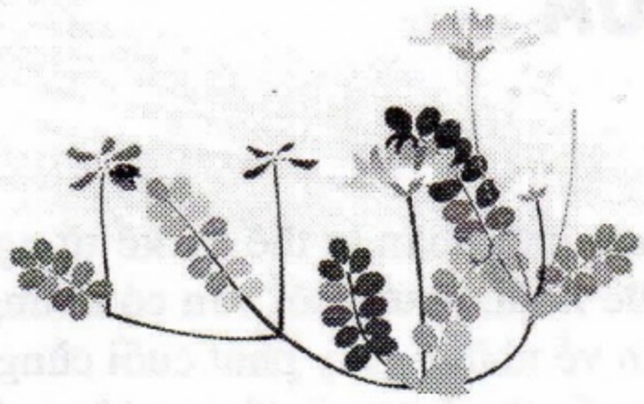

Hoàng Hôn

khi tôi rời thành phố
mùa thu nhuộm lá hồng
như mắt người rưng đỏ
hoàng hôn về bên sông

đàn hải âu xa biển
gọi tiếng đời muôn trùng
thuyền ai giăng cánh mỏng
cho lòng khói sương dâng

mây hoang như tóc rối
đưa bóng lạ lên đồi
nghe niềm vui nào tắt
trong mảnh nắng chiều rơi

vào ngày tàn đêm vội
thắp hạt lệ chia phôi
trên hàng cây gió gởi
cho ai tiếng ngậm ngùi

như mặt trời bỏ núi
tôi xa thành phố vui
mênh mang hương tràn tóc
thoảng da thịt không rơi

chào dòng sông ở lại
rưng rưng sóng đầy vơi
rừng phong thay lá đỏ
thơm mãi nụ hôn người

MƠ XƯA

KC

Đã hơn một phần tư thế kỷ kể từ ngày bỏ nước ra đi, nhưng tôi vẫn có những giấc mơ đứt đoạn về những giây phút cuối cùng trước khi "vong quốc tha hương". Trong lứa tuổi ngũ tuần của đa số anh em chúng ta, có lẽ cũng có nhiều người cùng tâm sự nhưng chưa tiện có dịp thổ lộ tâm tình. Tôi xin chia sẻ cùng các thân hữu những ghi nhận của cá nhân tôi trong bao năm qua.

Những ngày cuối tháng Tư 1975 là những ngày hoang mang cho tất cả dân chúng miền Nam Việt Nam. Gia đình tôi cũng không tránh khỏi cơn lốc cuốn hoang mang này. Có những người hàng xóm đã khóa cửa nhà lặng lẽ ra đi không một lời từ giã. Dù có được ra đi chính thức hay không nhưng có lẽ ai cũng ra đi trong sự io âu và niềm đau thương riêng chỉ khác là người nhiều kẻ ít. Gia đình tôi cũng đã có ý định ra đi từ trước, nhưng đã không may mắn để tìm được phương tiện nên chỉ đành chờ đợi cho những gì sẽ xảy đến mà ai cũng đã mường tượng là nhất định là sẽ nhiều đau khổ rồi.

Gia đình tôi là một trong những gia đình của làn sóng người đã bỏ quê cha đất tổ ở miền Bắc Việt Nam di cư vào miền Nam năm 1955. Ra đi chẳng phải vì miếng cơm manh áo như nhiều người đã nói, mà ra đi để tìm sự sống còn mong manh. Đối với những người Cộng Sản thời đó, gia đình tôi là kẻ thù của các "bần cố nông" vì đã là "địa chủ hút máu hút mủ nông dân" trong bao nhiêu năm. Sau khi tịch thu hết tài sản của gia đình tôi, chính quyền địa phương ra lệnh bắt ông nội tôi về quê đấu tố. Quá sợ, ông nội tôi rời Hà Nội trốn ra Hải Phòng tìm đường di cư vào Nam.

Ông nội tôi, tuy không vào chiến khu kháng chiến chống Pháp nhưng trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, cụ cũng đã tích cực ủng hộ tài chính cho các tổ chức kháng chiến quân khi có dịp. Sau này cụ vẫn hay kể chuyện đi dự những buổi diễn thuyết của các lãnh tụ Cộng Sản như Hồ C. Minh, Phạm V. Đồng và Trần V. Giàu vào những năm 1945-1946. Ngay cả sau khi đã di cư vào Nam bao nhiêu năm, dù sợ và căm thù Cộng Sản, ông nội tôi vẫn hay

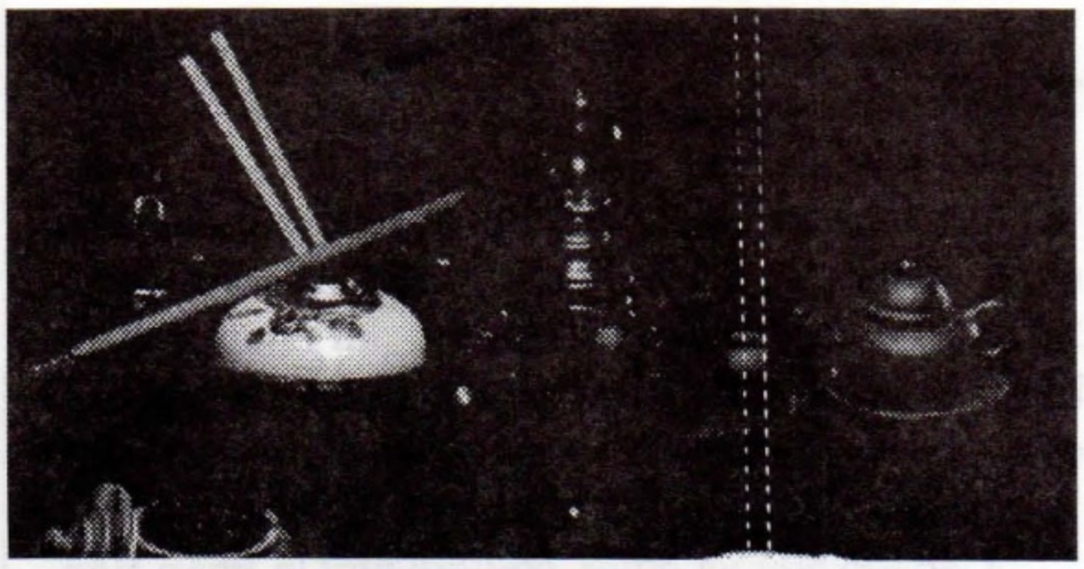

nhắc lại những kỷ niệm và sự khâm phục cho những người này từ thời xưa.

Tôi chỉ nghe nói hoặc biết về Cộng Sản ở các nước khác qua sách báo chứ chưa có kinh nghiệm thực tế nào về các nước này. Còn Cộng Sản Việt Nam thì tôi cũng đã có tí kinh nghiệm sống với họ khi tôi về quê với mẹ tôi năm 1954. Phần lớn gia đình tôi đã tản cư lên Hà Nội từ năm 1951, khi hiệp định Geneve kết thúc chiến tranh Việt Pháp, cuối năm 1954 mẹ tôi dẫn ba anh em chúng tôi từ Hà Nội về quê bằng tàu thủy, đến Hưng Yên đón thuyền sang sông để về nhà. Tôi vẫn còn nhớ tối hôm ấy về đến nhà thì đã tối, mấy mẹ con tôi chỉ muốn đi ngủ ngay sau một ngày dài mệt mỏi chờ đợi tàu đò. Nhưng khi bước vào nhà thì thấy đầy người và bà già giúp việc ra đón vào nhà và nói là nhà đã bị chính phủ tiếp thu và hiện cho ba bốn gia đình ở. Mẹ tôi có nói tìm chỗ để ngủ qua đêm rồi hôm sau sẽ tìm chỗ ở nhưng những người ở trong nhà không chịu. Nói mãi không được, mẹ tôi dẫn ba anh em chúng tôi sang ngủ nhờ ở nhà một bà thím họ của mẹ tôi.

Khi về quê thì ruộng đất đã bị tịch thu cả nên không có hoa lợi nào để chi phí hằng ngày, mẹ tôi đã phải tảo tần ở các chợ làng để lo cho mấy anh em chúng tôi. Nhưng cũng chả được bao lâu thì tôi bị đuổi khỏi lớp học ở trường làng cũng lại vì cái tội là con cháu địa chủ. Thày giáo làng dù là một ông chú họ thương phế binh của Việt Minh cũng không can thiệp gì. Rồi mỗi tối những trẻ con trong làng được tập họp rước đuốc đi quanh làng hò hét những

khẩu hiệu đe dọa và đả đảo địa chủ và thân nhân. Sau mấy tháng ở nhà quê, mẹ tôi thấy tình hình không yên ổn, bà bèn tìm cách trở lại Hà Nội. Một buổi sáng sớm còn tinh sương, mẹ tôi dẫn ba anh em chúng tốt trốn khỏi nhà đi ra bến đò đi qua Hưng Yên rồi từ đấy đón tàu về lại Hà Nội.

Hà Nội là nơi tôi có nhiều kỷ niệm dù là lúc đó tôi chỉ mới học đến lớp tư và không còn được đi học từ khi bị đuổi ở trường làng. Khi về lại Hà Nội thì gia đình tôi bận lo việc di cư vào Nam nên việc học hành không phải là việc đáng lo hàng đầu. Tôi vẫn còn nhớ đến những buổi chiều nhặt lá bàng khô rụng từ cây cao đem về để đun bếp hay đi vào viện Pasteur gần nhà nhặt những hột chi chi đỏ chói với các anh chị em tôi. Tôi cũng nhớ những lần đi xe điện trên phố hoặc đi vào sở Bách Thú và cả những tối được đi ăn kem Cẩm Bình. Rồi đến kỷ niệm đi chuyến xe hỏa đầu tiên trong đời từ Hà Nội ra Hải Phòng với cha mẹ tôi. Thời gian ở Hải Phòng chờ ngày lên đường di cư vào Nam cũng đầy những kỷ niệm trẻ con trên những con đường có tên rất lạ như đường Cát Dài, Cát Cụt... Rồi chuyến đi tàu hả mồm từ Hải Phòng ra vịnh Hạ Long để chuyển sang tàu vận tải lớn của Mỹ trên đường vào Nam. Đây cũng là lần đầu tiên trong đời, tôi biết mùi say sóng biển cũng như vị mặn của nước biển. Rồi những ngày của thời thơ ấu cũng qua mau, đến thời thiếu niên đầy những biến cố lịch sử và cuối cùng số mệnh đưa đẩy tôi vào binh nghiệp. Tôi trở thành một người lính thủy trong quân lực miền Nam tự do.

Ngày 28/04/1975, tôi phục vụ trong một đơn vị đồn trú tại ngay Sài Gòn. Sở tôi là một căn nhà tọa lạc riêng biệt phía sau Bộ Tư Lệnh Hải Quân ngay đàng sau hãng rượu bia BGI, bên cạnh là văn phòng ban Tuyên úy Phật Giáo Hải Quân. Tình hình đã căng thẳng sau vài lần Việt Cộng pháo kích vào thành phố. Các đơn vị quân sự đều được lệnh cấm trại 100%. Khi phi cơ của Việt Cộng oanh tạc Dinh Độc Lập vào lúc chiều thì tôi đang trên đường về thăm gia đình vợ tôi bên Phú Nhuận, Gia Định. Lúc đó tôi ngừng xe bên hông chợ Tân Định nhìn về phía trung tâm thành phố Sài Gòn thấy phi cơ

bay cao và nhanh với những tiếng nổ lẫn tiếng súng phòng không. Tôi quay về sở xem tình hình và ngủ lại sở như đã quen từ vài tháng nay.

Sáng hôm sau 29/04, tôi gọi một hạ sĩ quan lái xe Jeep chở tôi và một thủy thủ đi ra phố mua bánh mì và thức ăn hộp cho nhân viên ăn sáng. Khi về đến sở, sau khi phân phát bánh mì và thức ăn hộp cho nhân viên, tôi đem một ít về nhà cho mẹ và các em tôi và đem cho cả gia đình vợ tôi ở Phú Nhuận, Gia Định. Như có một sự sắp đặt nào, khi đang ở nhà gia đình ông bà nhạc, tôi quyết định đưa nhà tôi về nhà với mẹ tôi với lý do là nếu có gì bất trắc tôi có thể đem nhà tói đi cùng. Khi chúng tôi sắp sửa ra đi thì cả nhà (bà ngoại, bố mẹ và em gái nhà tôi) đều linh cảm là có sự chia ly nên tất cả đều bật òa lên khóc. Riêng ông bố vợ tôi lúc đó đang ốm nặng nhưng vẫn cố gắng khuyên chúng tôi là không nên đi đâu. Vợ tôi cũng không cầm được nước mắt lưỡng lự, tôi phải giục đi mau để tôi còn quay vào sở. Đem nhà tôi về ở với mẹ và các em tôi xong, tôi quay trở lại sở. Đi trên đường Hai Bà Trưng tôi thấy nhiều xe Jeep quân sự đầy người với các sĩ quan cấp tá chạy về hướng bến Bạch Đằng làm tôi hoang mang không biết có gì thay đổi trong lúc tôi không có mặt tại sở.

Về đến sở. tôi nghe ngóng tình hình thấy có vẻ căng thẳng quá, lúc đó nhân viên trong sở mở máy thu thanh thì nghe lệnh của ngoại trường Vũ Văn Mẫu kêu gọi ngoại kiều phải rời Việt Nam trong vòng 24 giờ. Như thế là rõ ràng rồi. Chắc sắp đầu hàng chăng? Tôi đang ở trong phòng làm việc thì một vài nhân viên đi vào trên tay cầm những hộp thức ăn đóng hộp của Mỹ không phải là những thứ tôi mua đem về buổi sáng. Nào là cà chua hộp, ketchup, thịt nguội... Họ cho biết là những thứ này mua ờ ngoài đầu đường Hai Bà Trưng từ những người ở xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa đi về. Tôi chợt nghĩ là mình nên ra mua thêm một ít thức ăn hộp để phòng nếu còn phải giới nghiêm lâu. Lúc đó ông chỉ huy trưởng đơn vị cũng vào phòng tôi và đưa tiền bảo tôi nên đi ra xa lộ mua thêm thức ăn hộp dự trữ cho nhân viên ăn nếu bị cấm trại hay giới nghiêm lâu dài.

Tôi sắp sửa đi thì bà thím ruột điện thoại nhờ tôi giúp đem ông em rể của bà vào trong căn cứ Hải Quân vì ông này là một sĩ quan trung cấp trong ngành an ninh quân đội. Ông ấy đã cố tìm cách vào trong vòng rào của căn cứ Hải Quân ở bến Bạch Đằng từ ngày hôm trước nhưng không có kết quả. Tốt hứa là sẽ giúp ông ấy cho bà, vì tôi đã quyết định ở lại vớt gia đình từ hai tuần trước. Tôi lái xe Honda một mình ra xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa với ý

định mua một ít thức ăn hộp nhưng khi đến ngã tư Hàng Xanh thì thấy một đoàn người lũ lượt đi ngược chiều vai vác tay mang những thùng thức ăn hộp. Nào là ketchup, sữa bột, thịt hộp, cà hộp, bột mì rồi cả đồ đạc, bàn ghế... đầy đủ cả. Chỉ nhìn thấy cái cảnh ấy tôi đã không còn ý nghĩ mua bán gì nữa. Cái cảnh ấy là cái cảnh thất trận, cái cảnh vô trật tự, cái cảnh hỗn loạn bất chỉ huy mà tôi đã chứng kiến ở Đà Nẵng cách đó một tháng trước.

Sau khi Ban Mê Thuột mất vào đầu tháng Ba, tình hình quân dân miền Nam đã náo động. Trưa ngày 22/03/75 tôi nhận lệnh đặc biệt qua điện thoại từ thượng cấp chỉ định đi công tác đặc biệt khẩn cấp ở Đà Nẵng. Lệnh khởi hành sáng 23/03 và tôi là trưởng toán công tác chỉ huy một nhóm nhân viên 29 người gồm một sĩ quan phụ tá, nhiều hạ sĩ quan và vài thủy thủ. Thật là một sự bất ngờ. Về nhà sắp xếp hành trang cho chuyến công tác tôi cũng ưu tư không biết lành dữ ra sao. Mẹ tôi thì lo sợ nhiều hơn cả vì một em trai của tôi cũng đang đồn trú ở miền Trung không có tin tức gì. Hôm sau, sau khi dặn dò gia đình và vợ tôi, tôi vào sở cùng toán nhân viên tháp tùng xuống tàu để đi nhưng chiếc dương vận hạm có trở ngại kỹ thuật, mãi hai ngày sau tàu mới sửa chữa xong và khởi hành sáng sớm 25/03.

Tôi đã xa biển hơn hai năm kể từ khi thuyên chuyển từ một tuần duyên hạm về một giang đoàn vớt mìn đồn trú ở ngoại ô Sài Gòn. Giang đoàn này có nhiệm vụ rà mìn trên hai thủy lộ dẫn vào thương cảng Sài Gòn. Trong thời gian hai năm ở đây, tôi đã nhớ thuộc lòng địa thế hai con sông Lòng Tảo và Xoài rạp mà tôi đã từng đi tuần và rà mìn hằng tuần. Có những đêm đi tuần dưới ánh trăng êm ả phản chiếu trên dòng nước; lại có những đêm tối thẳm từ phòng lái nhìn ra chỉ thấy màu đen của dòng nước. Hôm nay nhìn lại con sông với dòng thủy triều cuộn chảy theo những uốn khúc qua khu Rừng Sát, với những đồn Địa Phương Quân rải rác dọc hai bờ sông mà đôi khi tôi có dịp ghé vào thăm. Tôi nhớ lại vài lần hành quân rà mìn bị quân du kích phục kích với hỏa tiễn B41 trên sông Lòng Tảo, may mà không ai bị thương tích gì đáng kể.

Sau ba ngày lắc lư con tàu đi, tôi nhìn thấy vịnh Đà Nẵng vào sáng 28/03. Khi tàu vào trong vịnh, tôi thấy tàu bè quân sự lẫn dân sự di chuyển nhộn nhịp khác thường. Chiến hạm tôi đi thả neo gần Bộ Tư Lệnh Hải Quân chứ không cập cầu hoặc ủi bãi như tôi tưởng. Khi tàu thả neo xong thì một chiếc hộ tống hạm cặp vào. tôi nhìn thấy hạm trưởng của tàu ấy trên đài chỉ huy là Thiếu tá Y... ông là cựu hạm trưởng của một tàu tôi đã phục vụ dưới quyền mấy năm trước. Ông cũng nhìn thấy tôi và hỏi đi đâu ra đây. Khi tôi cho biết đi công tác đặc biệt và cần phải vào trình diện Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1 Duyên Hải thì ông bảo tôi đừng vào vì trong bờ đang chạy tán loạn. Tuy biết vậy tôi cũng xin ông giúp cho tôi phương tiện vào bờ. Tôi nghĩ nếu đem cả đoàn công tác lên bờ, nếu có gì không ổn thì khó mà lo cho hết được, do đó tôi quyết định để tất cả ở lại trên tàu, và chỉ đem theo viên sĩ quan phụ tá tháp tùng vào trước. Rồi nếu thuận tiện sẽ đem hết vào sau. Chiếc thuyền máy nhỏ của hộ tống hạm đưa tôi và sĩ quan phụ tá vào cầu tàu Bộ Tư Lệnh. Khi vào đến cửa Bộ Tư Lệnh Vùng 1 Duyên Hải, chúng tôi gặp Đai Tá K., ông hỏi tôi nhân viên đâu, họ chờ chúng tôi mấy hôm. Tôi trình là cần phương tiện để đem nhân viên vào. Đại Tá K. gọi một sĩ quan đang đi tới gần và ra lệnh:

- Trung úy... *lấy tàu đưa hai ông này ra tàu HQ*... đón nhân viên của ông ấy vào đây cho tôi!

- Dạ, Đại Tá!

Viên sĩ quan này chào Đại Tá K. rồi quay ra đi về hướng bến tàu. Khi đi được chừng mươi bước vị sĩ quan này quay sang tôi và nói:

- Tôi không đi đâu hết, tôi chưa tìm thấy gia đình tôi!

Tôi nghĩ thật là hỗn quan hỗn quân rồi, thượng cấp mới ban lệnh chưa đầy vài phút mà đã bất tuân rồi, hỏng bét! Tôi bảo anh ta nếu anh không thi hành được lệnh thì thôi, tôi sẽ tự lo liệu, anh có thể đi lo tìm gia đình anh. Tôi cùng viên sĩ quan phụ tá đi qua căn cứ yểm trợ tiếp vận nơi có nhiều tàu nhỏ đang đậu. Không gặp được ai quen để trở lại tàu lớn đang neo trong vịnh, chúng tôi đi ra ngoài vòng rào căn cứ và đi vào văn phòng của ty an ninh Hải Quân Vùng 1 Duyên Hải. Ở đấy, tôi thấy thân nhân của các nhân viên cơ hữu ngồi tụm nhóm nhỏ ở mỗi góc phòng với hành lý, nồi niêu xoong chảo chờ đợi. Còn các quân nhân thì lo đốt hồ sơ, tài liệu trong các thùng sắt tây.

Tôi ngạc nhiên thấy ông chỉ huy trưởng của tôi ở đây. Tôi mới từ giã ông ấy cách đây ba ngày, sao ông ấy lại ở đây giờ phút này? Ông cho tôi biết mới ra tới lúc sáng bằng phi cơ quân sự và có cùng

nhiệm vụ như toán công tác của tôi. Ông tỏ vẻ lo lắng thật sự, tôi hỏi ông sẽ về bằng cách nào, ông bảo nếu cần sẽ đi theo một bạn cùng khóa đang làm chỉ huy trưởng căn cứ yểm trợ tiếp vận ở ngay phía bên kia đường. Tôi chào ông rồi đi về lại Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1. Trên đường người đi lại náo loạn như cảnh tan chợ. Tôi và viên sĩ quan phụ tá cùng đi vào Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1 theo dõi tình hình. Tôi gọi điện thoại về Sài Gòn xin chỉ thị thì được lệnh tìm phương tiện về ngay. Tôi đoán là mọi việc chắc đã bất ổn rồi. Kế hoạch ra lo giúp di tản Bộ Tư Lệnh Vùng 1 Duyên Hải về Nam, nay chưa làm được gì thì lệnh phải về.

Lúc đó trời vừa nhá nhem tối, tôi và viên sĩ quan phụ tá định đi ra ngoài sân cờ Bộ Tư Lệnh tìm đường xuống cầu tàu mong có thể tìm cách trở lại tàu tạm trú. Bỗng có tiếng nổ lớn ngoài sân cờ, rồi tiếng hét: Pháo kích! Pháo kích! Tất cả đèn trong các phòng đều tắt, mọi người chạy ùa ra ngoài nằm theo hàng rào phòng thủ. Mọi người đều nằm trên bãi cát vàng chứ đâu có hầm hố gì mà tránh được đạn pháo kích. Lúc vài quả đạn rơi xuống chung quanh Bộ Tư Lệnh và bến tàu dân sự ở bên cạnh, tôi nghe tiếng người hò hét và tiếng khóc ầm ỹ. Nhưng sau đó một lúc thì im lặng như tề, tôi không biết là chuyện gì đã xảy ra ở bên bến thương cảng. Tôi thầm nghĩ mình nằm trên bãi cát thật như cá nằm trên thớt, địch quân bắn từ trên núi xuống thì chỉ tan xác chứ làm sao thoát chết được. Tôi tưởng tượng đến cái chết. Ai cũng phải chết nhưng nghĩ mình có lẽ chết đơn côi không ai biết và nhiều người thân sẽ đau buồn nhất là cha mẹ tôi và vợ tôi. Tôi chạnh nghĩ tới niềm đau xót của những bà mẹ mất con trong chiến trận. Tôi nghĩ tới sự đau khổ và lỡ làng của những quả phụ còn quá trẻ, sự đớn đau của những phụ nữ không may mắn có chồng tử trận hay mất tích trong cuộc chiến. Tôi nghĩ tới ngày không trở về.

Khi địch quân ngưng pháo kích, tôi gọi viên sĩ quan phụ tá cùng chạy vào lại trong Bộ Tư Lệnh thì chả thấy còn ai, các phòng đều tối om và im lặng. Sao họ lại rút lui đi đâu mà mau như thế! Họ rút lui có lẽ theo kế hoạch nội bộ nên không cho chúng tôi biết. Chúng tôi chạy xuống cầu tàu thì không có một tàu chiếc nào còn ở bến. Tôi chợt nghĩ thế này là xong rồi! Ngày mai có lẽ mình sẽ chịu trói làm tù binh chứ không xong. Chạy lên chạy xuống giữa cầu tàu và sân cờ Bộ Tư Lệnh, tôi hoang mang không biết số phận mình sẽ như thế nào? Tôi bảo viên sĩ quan phụ tá có lẽ mình sẽ bị kẹt ở đây mất, trong lòng đã thấy nao núng. Lúc này tự nhiên tôi cảm thấy sôi bụng mới nhớ lại là cả hai người chúng tôi đã không ăn uống gì từ sau bữa ăn sáng trên tàu.

Tôi cứ đi lên đi xuống trên cầu tàu nghĩ cách thoát khỏi vòng vây của địch ngày mai. Nghĩ thật vô vọng, làm sao có thể vượt ra khỏi cái vịnh Đà Nẵng này nếu không có tàu thuyền. Tôi nhớ đến cuốn phim "Chúng Tôi Muốn Sống" với tài tử Lê Quỳnh và Kiều Chinh ngày xưa. Tôi nhớ đến những chiếc tàu sông, tàu biển ở những đơn vị mà tôi đã có thời phục vụ. Ước gì có một cái tàu dù nhỏ như cái giang đỉnh đi rà mìn khi xưa thì cũng đủ để chúng tôi thoát ra khỏi nơi này. Nghĩ ngợi liên miên, tôi không để ý đến tiếng máy của một tiểu đỉnh đang tiến về cầu tàu. Tôi chỉ thấy cái tiểu đỉnh này từ từ cặp cầu khi có người chạy xuống từ phía Bộ Tư Lệnh.

Khi chiếc tiểu đỉnh vừa buộc dây vào cầu, tôi nhảy ngay xuống và kéo theo viên sĩ quan phụ tá. Thuyền trưởng của tiểu đỉnh ghé vào đón gia đình di tản, hai người chúng tôi theo tàu không biết là đi đâu nhưng phản ứng tự nhiên là rời khỏi Bộ Tư Lệnh Hải Quân Vùng 1 này. Chiếc tiểu đỉnh chở đầy người chạy ra giữa vịnh gặp được một tàu đổ bộ nhỏ đang chạy vòng quanh trong vịnh để tránh bị địch quân pháo kích. Sau khi chuyển chúng tôi sang tàu đổ bộ này, tiểu đỉnh quay trở lại bến tàu đón thêm người ra.

Đêm gió lạnh trên biển, tôi ngồi co trong góc buồng lái của chiếc tàu đổ bộ, vừa đói vừa lạnh nhưng mừng là đã thoát ra được cái hỏa ngục đỏ trong bờ. Quá mệt, tôi ngủ chập chờn nửa mơ nửa tỉnh cho đến sáng gặp một tuần dương hạm đang chờ ở cửa vịnh Đà Nẵng đón vớt. Trên chiến hạm này tôi gặp một số tướng lãnh vừa di tản ra tạm trú trên tàu. Tàu thả trôi ngoài cửa vịnh thêm một ngày để đón thêm quân dân may mắn thoát được vòng vây của địch quân. Nhiều tàu nhỏ chở quân dân thoát ra biển và được chiến hạm đón vớt. Trên tuần dướng hạm, từ đằng mũi ra đến đằng lái đầy người nằm chật ních, không có lối đi. Ngày hôm sau tàu đi về căn cứ Hải Quân Cam Ranh, đổ khách quá giang rồi lại tiếp tục công tác hành quân. Tôi và viên sĩ

quan phụ tá vào tạm trú ở Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Cam Ranh thì gặp lại nhân viên trong toán công tác đã được dương vận hạm đổ lên đây ngày hôm trước. Ở đây chúng tôi chứng kiến cảnh rút lui của các đớn vị thiện chiến của quân lực miền Nam như lực lượng Biệt Cách Dù, Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến và cả các đơn vị ở Huế, Đà Nẵng...

Chúng tôi tạm trú tại căn cứ Cam Ranh vài ngày cho đến khi Cam Ranh được lệnh rút lui. Tốt lại dẫn đoàn công tác xuống bến tàu tìm đường về lại Sài Gòn. Chúng tôi xuống một dương vận hạm khác trực chỉ thủ đô Sài Gòn. Sau hai ngày hải hành, tôi nhìn thấy đèn hiệu của hải đăng trên đỉnh núi Vũng Tàu, nhưng sao tàu vẫn không đổi hướng vào gần bờ. Khi đèn hiệu hải đăng này ở phía sau chiến hạm thì tôi đoán là tàu được lệnh đi Phú Quốc. Dương vận hạm chở khoảng gần 5,000 người gồm quân nhân mọi quân binh chủng và thân nhân, nhưng không có đủ lương thực để cung cấp cho khách quá giang. Ban hỏa đầu vụ được lệnh nấu cháo cho trẻ con và người già, còn lại đều phải tự túc. Tôi không đem theo thức ăn, chiến hạm không nuôi ăn nên phải uống nước trừ... cơm mất bốn ngày cho đến lúc đến đảo Phú Quốc. Đây là lần đầu tiên trong đời, tôi thật sự biết đói khát như thế nào. Khi nhịn đói quá lâu, đầu óc choáng váng, bước đi không vững. Những khi bụng quá cồn cào thì tìm vòi nước lạnh uống vài hớp rồi chỉ thấy tiếng sôi bụng khó chịu. Trên tàu đã có một vài người già và trẻ con đã chết vì không chịu nổi nắng gió và đói khát. Sau bốn ngày, tàu về đến mũi An Thới cực Nam của đảo Phú Quốc, mọi người cảm thấy nhẹ nhõm và hy vọng có một bữa ăn tối no nê. Nhưng vì lý do an ninh, tàu phải thả neo ở ngoài rồi thuyền đánh cá của dân xóm đạo và tiểu đỉnh của Hải Quân đem cơm tiếp tế nhưng cũng chỉ lo được cho trẻ em và các người già, còn đa số nếu có đói thì phải chờ đến... ngày hôm sau.

Ngày hôm sau, tàu chuyên chở đưa tất cả hành khách vào bờ, tất cả được đưa vào tạm trú ở trại tù Phú Quốc cũ. Nơi đó là một trại tù binh Việt Cộng rất lớn trước khi hiệp định Paris được ký kết năm 1973. Bây giờ lại là nơi tạm trú cho những người tỵ nạn Cộng Sản. Trớ trêu thay, điều kiện dinh dưỡng cho những người tỵ nạn lại rất thiếu thốn so với những tù binh Việt Cộng năm xưa. Tôi và toán nhân viên công tác đến tạm trú tại căn cứ Hải Quân An Thới thuộc Bộ Tư Lệnh Vùng 4 Duyên Hải chờ phương tiện về Sài Gòn. Sau bốn ngày đói khát, tôi được các bạn cùng khóa trú đóng tại đây đãi một bữa ăn tối thật ngon và nhiều ý nghĩa nhất trong đời. Hai ngày sau, chúng tôi được chở về Rạch Giá bằng một tàu đổ bộ LCM6, rồi bằng xe GMC về Sài Gòn. Những kinh nghiệm của cuộc di tản tháng 3/75 tại miền Trung mà tôi không muốn nghĩ sẽ xảy ra tại Sài Gòn đã ở ngay trước mắt tôi ngày 29/4/75.

Khoảng 2 giờ chiều ngày 29/4/75, khi thấy cảnh hỗn loạn ở tân cảng gần xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, tôi thấy tình hình đã đen tối lắm rồi. Tôi thấy một đoàn quân xa từ phía cầu xa lộ đi vào thành phố, xe không thể chạy nhanh được vì trên xa lộ đầy người. Tôi tiến lại gần vài quân xa và hỏi thăm vài quân nhân trên xe ở đơn vị nào. Họ cho biết là ở Quân Đoàn 3 và quân ta ở Biên Hòa đã rút lui. Tôi thấy sự thật quá chua cay, quay xe trở lại và ghé vào nhà ông em rể bà thím tôi hy vọng sẽ gặp và giúp ông ấy đi vào căn cứ Hải Quân Sài Gòn. Khi tôi đến nhà ông ấy thì được người nhà cho biết gia đình ông đã đi từ sáng sớm và không có tin tức gì. Tôi lại lên xe đi về nhà xem gia đình ra sao.

Trên đường từ xa lộ về nhà, tới ngã tư Phan Thanh Giản và đường Nguyễn Bỉnh Khiêm tôi thấy một toán Cảnh Sát Dã Chiến đang kéo kẽm gai chận đường vào thành phố. Tôi nói với họ cho tôi đi qua để trở về đơn vị. Khi hàng rào kẽm gai được kéo đủ chỗ cho xe đi qua, tôi chạy xe nhanh về nhà. Mẹ, vợ, và các em tôi đang lo âu chờ đợi bố tôi về để ông quyết định tối hậu là đi hay ở. Trong khi đó tôi nhìn thấy trên bầu trời thành phố có những phi cơ trực thăng vận tải của quân đội Mỹ bay về phía phi trường Tân Sơn Nhất mà lòng dạ xốn xang, phân vân không biết là nên đi hay ở.

Cách đó chừng hai tuần, gia đình tôi đã bàn tính việc ra đi, sau vì không tìm được phương tiện, thêm vào đó một em trai của tôi bị mất tích ở miền Trung vào tháng trước nên mẹ tôi đổi ý không đi nữa. Cá nhân tôi đã chán ghét Cộng Sản từ xưa nên muốn ra đi, nhưng nay gia đình quyết định ở lại, tôi nghĩ thật là buồn. Tôi sống với gia đình bao nhiêu năm nay, vui buồn đều chia sẻ với gia đình, nay nếu ra đi một mình có thoát cơn cực khổ cũng không sung sướng gì. Với ý nghĩ đó tôi theo gia đình bỏ ý ra đi, nghĩ là sống chết có nhau. Nhưng tình hình

thay đổi quá mau, chỉ mới có vài ngày, tình thế quá bi thảm tôi cảm thấy vô vọng. Khi miền Trung mất vào tay Cộng Sản, tôi và các bạn đồng ngũ vẫn nghĩ là quân đội Cao Miên cũng còn cầm cự được Cộng quân vây thành phố Nam Vang mấy tháng trời mới thất thủ. Quân đội mình mạnh hơn quân đội Miên nhiều, tử thủ Sài Gòn chắc cũng phải được vài ba tháng là ít. Có ngờ đâu chỉ trong vòng một tháng, Sài Gòn sắp mất tới nơi rồi!

Chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ, tôi quyết định phải ra đi. Tôi nói với mẹ tôi là tôi không thể ở lại được vì tôi se bị hại nếu không đi. Mẹ tôi và các em tôi khóc, tôi khuyên các em trai tôi nên đi với tôi nếu không sau này sẽ bị vào lính đi đánh Thái Lan cho Cộng Sản. Các em tôi quyết định ở lại và bảo tôi cứ đi, tất cả sẽ ở lại lo cho cha mẹ tôi. Mẹ tôi và các em tôi lột hết nữ trang đeo trên người đưa cho vợ chồng tôi làm của đi đường. Tôi vẫn còn muốn chờ bố tôi về để quyết định mọi việc nhưng có lẽ ông vẫn bị kẹt ở trong sở. Tôi đang nghĩ tới phương tiện đi vào sở thì ông em rể của bà thím tôi (ông H.) đến đậu xe trước nhà. Ông mừng rỡ thấy tôi và nhờ giúp đưa gia đình ông vào trong căn cứ Hải Quân. Tôi nghĩ nên đi với ông vì ông có xe hơi và cả tài xế nữa. Vợ chồng tôi vừa định đi thì gia đình cậu tôi chạy từ Biên Hòa lên và nhờ tôi đưa gia đình ông đi cùng. Tôi nói với ông là để tôi đưa vợ tôi và gia đình ông H. vào căn cứ trước rồi tôi quay lại đón mọi người sau. Tôi và vợ tôi lên xe của ông H. đi vào sở.

Trên đường đi tôi thấy dân chúng khiêng đồ đạc cướp từ hội Việt-Mỹ ra. Khi đi ngang tòa đại sứ Mỹ thấy đầy người chen lấn ở cổng. Tôi bảo ông H. giữ cái xe để tôi quay về đón gia đình tôi đi. Khi vào đến sở, tôi để vợ tôi và gia đình ông H. ở ngay cổng vào. Nhân viên dưới quyền ngạc nhiên thấy tôi trở về sở, họ nghĩ là tôi đã bỏ đi từ trưa rồi. Tôi hỏi ông chỉ huy trưởng đâu? Họ cho biết ông ấy đã đi từ trưa, mọi người chờ đợi lệnh... Tôi tập họp nhân viên trong sân của sở cho họ biết tình hình đã hết cứu vãn, và Biên Hòa đã thất thủ. Tôi cám ơn tất cả đã phục vụ dưới quyền tôi, nay nhiệm vụ với quân đội đã hết, ai muốn đi thì về thu xếp gia đình xuống tàu đi, ai ở lại thì lo giữ cơ sở

và phòng thân. Sau khi giải tán, một vài quân nhân chạy qua Bộ Tư Lệnh xuống tàu, một vài người lấy xe về nhà. Còn lại đa số ở lại sở tử thủ.

Sau khi nhân viên giải tán, tôi vào văn phòng thu xếp giấy tờ, hành trang chuẩn bị ra đi. Bỗng nghe tiếng súng nổ chát chúa ngoài cửa phòng, rồi tiếng hét: "Chỉ huy phó ơi! thằng X. nó bắn bậy!" X. là tài xế của chỉ huy trưởng đơn vị. Tự nhiên, tay trái tôi chụp giữ khẩu súng, tay phải chuẩn bị tấn công. Tôi hỏi X.:

- Tại sao anh lại bắn như thế?

- Trời sắp tối, gia đình tôi ở Thủ Đức, tôi không thể về lo gia đình đi được?

Tôi bảo X. cứ lấy xe về nhà, tùy theo số phận, nếu đi được thì tốt, nếu không được thì tính chuyện khác. Anh ta đứng suy nghĩ một lúc rồi khóc với tôi. Cuối cùng anh bảo sẽ ở lại đơn vị chứ không về nhà.

Tôi nghĩ nên đi sớm, nếu không nhân viên có thể bắn bậy nguy hiểm cho mọi người. Tôi mở khóa cổng sau qua Bộ Tư Lệnh đưa vợ tôi và gia đình ông H. vào trong bến Bạch Đằng. Lúc này trời đã nhá nhem tối, tôi cố suy tính sao cho tiện mọi việc. Tôi định giao vợ tôi và gia đình ông H. đi theo gia đình bà thím tôi trên chiến hạm HQ406, như thế tôi sẽ

rảnh tay quay về nhà đón gia đình cậu tôi và thuyết phục mẹ và các em tôi nên ra đi. Lúc đó độ chừng 7 giờ tối, các tàu đã rời khỏi bến Bạch Đằng, chỉ còn tàu trong Hải Quân Công Xưởng. Trong khi đi bộ về phía Hải Quân Công Xưởng, tôi hỏi ông H. cái xe hơi đậu ở đâu? Ông bảo lỡ cho người tài xế của ông rồi?! Khi chúng tôi vào tới bến tàu trong Hải Quân Công Xưởng thì chiếc tàu HQ406 đang tháo dây rời bến. Thế là đã lỡ một chuyến tàu, hỏng một mưu định, tôi lại dẫn dắt một nhóm mười một người này đi tìm một con tàu khác. Tôi quay lại cổng câu lạc bộ nổi Hải Quân, nơi có chiếc hộ tống hạm do Thiếu Tá Y. làm hạm trưởng, ba năm trước tôi làm hạm phó một tàu dưới quyền ông. Khi ở Đà Nẵng, ông tưởng tôi không thoát về được. Cách đây một tuần, tôi gặp lại ông khi tôi đi họp ở Bộ Tư Lệnh. Tôi có nói nếu có phải di tản ông nhớ dành cho tôi chỗ trên tàu của ông. Nay hoàn cảnh đã đưa đẩy đến đây. Tôi hỏi lính gác cổng câu câu lạc bộ nhắn hạm trưởng là có tôi chờ ông ở cổng. Hạm trưởng không có trên tàu, chúng tôi ngồi chờ bên ngoài hàng rào cạnh cổng vào.

Vài nhân viên làm việc dưới quyền ở một đơn vị cũ đi ngang thấy tôi, họ đừng lại hỏi thăm phương tiện đi nhưng tôi có biết gì hơn họ đâu. Chỉ còn một hy vọng là lên được tàu đậu ở phía trong hàng rào. Khoảng 10 giờ tối, Thiếu Tá Y. hạm trưởng chiếc hộ tống hạm, đi ra cho lệnh mở hé cổng cho chúng tôi vào. Những người đứng gần chúng tôi cũng nhân dịp này chen lấn ào vào trong, lính gác cổng bắn chỉ thiên thị oai mới đóng được cổng lại. Lên được tàu, tôi mới biết là máy tàu đã được thợ ở Hải Quân Công Xưởng tháo ra để tân trang, bây giờ cần đi khẩn cấp, ban cơ khí của tàu đang ráp máy lại không biết bao giờ mới xong để đi.

Tôi muốn quay lại đón gia đình đi nhưng không thể đi ra ngoài được. Tôi dùng điện thoại trong câu lạc bộ gọi về nhà bà hàng xóm ở bên cạnh nhà và nhờ bà cho tôi nói chuyện với các em tôi nhưng bà ấy sợ không dám mở cửa. Tôi chỉ biết nhắn lại là nhờ bà bảo các em tôi ra bến Bạch Đằng lúc sáng sớm, tôi sẽ đón. Chờ đợi suốt đêm, lúc 5 giờ sáng ngày 30/04, máy tàu vừa ráp xong, hạm trưởng ra lệnh khởi hành. Tàu từ từ rời bến Bạch Đằng, bến tàu vắng tanh, thành phố im lặng ngủ yên như không có gì xẩy ra đêm qua. Thế là hết hy vọng, các em tôi sẽ không thấy tôi nếu cố ra được bến tàu, tôi cũng không thể quay về nhà được nữa. Đứng trên thành tàu, nhìn thành phố lần cuối lòng tôi đau quặn. Ngày mai thành phố sẽ ra sao? Gia đình tôi sẽ như thế nào trong cơn lốc đau thương của lịch sử? Những bạn bè thân thích sẽ ra sao? Những ai đi được và ai không đi được? Ai sẽ ở trong hàng ngũ người thắng và người thua?

Tàu chạy chậm vì chỉ có một máy khiển dụng. Tôi đứng dựa thành tàu nhìn lại những dấu chân kỷ niệm của bao nhiêu năm. Tôi muốn nhìn tất cả một lần cuối như trước khi vĩnh biệt. Những con đường, những cao ốc, những kiến trúc to, nhỏ, cao, thấp, những cây cỏ, những con thuyền và cả những hòn đá xanh xây trên bờ sông bến Bạch Đằng. Tôi muốn thu vào ký ức tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy trước mắt, như một máy quay "phim" thâu tất cả vào đấy mong có ngày được xem lại. Từ cột cờ Thủ Ngữ, ngã ba Bến Nghé, cầu Trịnh Minh Thế, bến thương cảng, cầu Tân Thuận, ngã ba sông Sài Gòn và sông Nhà Bè. Tàu lặng lẽ đi qua những địa hình quá quen thuộc trên bờ như hãng xăng Shell ở Tân Thuận với những bồn chứa dầu sơn trắng, đường Tân Thuận Đông dẫn đến căn cứ Hải Quân Nhà Bè. Căn cứ đã bỏ trống chỉ thấy có ngọn lửa cháy dở dang gần bến tàu.

Tàu lặng lẽ đi vào sông Xoài Rạp, ngừng lại vài lần đón vài thuyền quân dân di tản rồi trực chỉ ra khơi. Khi tàu ra khỏi cửa sông, chúng tôi được lệnh đi Côn Sơn, cùng lúc chúng tôi nghe lệnh đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh trên đài phát thanh Sài Gòn.

Thế là hết! Hai mươi năm tranh đấu! Hai mươi năm chật vật! Hai mươi năm trước tôi đã xuống tàu theo gia đình di cư vào Nam lánh nạn Cộng Sản? Hôm nay tôi cũng lại xuống tàu ra đi lánh nạn Cộng Sản lần thứ hai nhưng chưa biết sẽ đi đâu. Con đường vô định dù nghe phong phanh là hạm đội thứ bảy của Mỹ sẽ đón vớt ngoài khơi. Hai mươi năm trước cha mẹ tôi đã ra đi với hai bàn tay trắng, hôm nay tôi cũng ra đi chỉ có một bộ quân phục độc nhất trên người. Tương lai sẽ về đâu? Cuộc đời tôi từ đây chẳng khác gì con thuyền không bến, nay chỉ mong phúc đức gia đình giúp cho mọi việc.

Tôi đã sống trong những thăng trầm của lịch sử, đã nhìn thấy cuộc đời là những cảnh biển dâu. Từ lúc sinh ra khi cả gia đình tản cư tránh những cuộc hành quân càn quét của quân đội Pháp ở một

làng hẻo lánh trong châu thổ sông Hồng. Thuở ấu thơ, khi quân đội Pháp đến đóng đồn ở ngay làng, tôi được sống cùng đại gia đình ở căn nhà lớn gầy dựng từ mồ hôi nước mắt của bà cố nội tôi. Nhắc đến bà cố nội tôi, tôi nghĩ đến những đau khổ và sự phấn đấu của phụ nữ Việt Nam trong cả lịch sử của dân tộc. Qua bao nhiêu chiến tranh từ thời lập quốc, qua thời Bắc thuộc, nội chiến, Pháp thuộc, rồi cuộc chiến 1945-1975 và rồi hậu 1975; Sự hy sinh không bờ bến của những người mẹ, người vợ, người chị, người em trong mọi gia đình cho sự sống còn của những người thân thật không ngòi bút nào kể xiết được. Điển hình nhất là bà cố nội tôi, một người đàn bà quê đã trở thành quả phụ với hai bàn tay trắng lúc 28 tuổi với ba con thơ. Với những hy sinh đầy mồ hôi và nước mắt, sau ba mươi năm cụ tôi đã gầy dựng sự nghiệp đủ để lo cho con cháu ba đời sau. Nhưng đau khổ thay, tất cả sự nghiệp ấy đã bị tước đoạt bởi lũ người mệnh danh là cách mạng trong chính sách "cải cách ruộng đất" tại miền Bắc năm 1954-1955. Tôi đoán có lẽ có rất nhiều người ở trong những hoàn cảnh tương tự như cụ tôi trong lịch sử Việt Nam.

Ngày hôm nay, tôi đã may mắn được sống đầy đủ về phương diện vật chất trong một xã hội tự do tân tiến. Nhưng có lẽ đời sống tinh thần còn rất nhiều thiếu sót. Do đó, tôi luôn có những giấc mơ đứt đoạn, những giấc mơ không có đoạn kết, những giấc mơ mà trong đó tôi cố làm những gì tôi đã không làm được hai mươi lăm năm trước đây. Những giấc mơ ấy là lối thoát cho những dày vò trong tâm tưởng của một người đã không làm tròn nhiệm vụ người con, người anh trong gia đình hay một quân nhân, một cấp chỉ huy trong quân lực đã bất lực trong cái tư thế nhỏ mọn không thể làm gì hơn là thả trôi theo dòng nước cuốn của lịch sử. Hy vọng những thế hệ sau, với những kiến thức cao đẳng thực tế hơn cùng điều kiện thuận tiện, có thể thành đạt được những ước nguyện căn bản cho đất nước Việt Nam mà các thế hệ trước đã không thực hiện được: Hòa Bình trong Tự Do, Dân Chủ và No Ấm cho tất cả mọi người.

K.C.

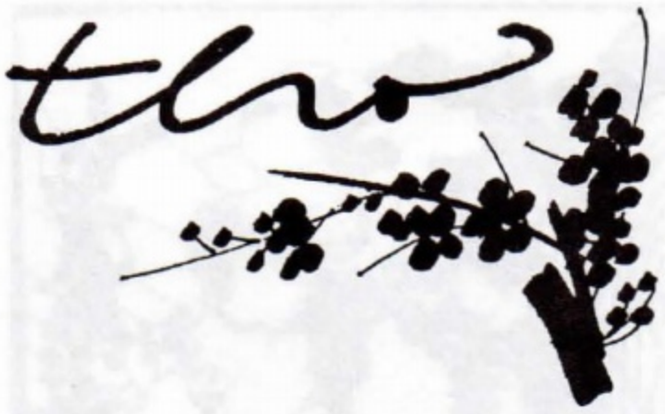

CÓ MỘT ĐIỀU CHI QUÁ VỘI

Thênh thang giữa phố đông người
Có cỏ, có hoa
Có cơn gió tự do thoảng qua buồng phổi
Nhưng dường như có một điều chi rất vội
Như chút bóng tối vụt qua gọi nhớ trong tâm hồn
Rồi từng đêm, từng đêm
Nhìn dòng đời biến đổi
Những vết chân chim một thời bão nổi
Hằn trên da thịt những thanh âm
Đôi mắt em đen
Mái tóc em đen
Sao một sớm em quên?
Ngày mai em vẽ
Bên kia sông có bừng lửa hội?
Vẫn biết ngày mai trời mưa mau
Mà sao còn cứ vội?
Một ngày, hai ngày...
Anh bảo: giấc mơ thôi.

Phùng Ngọc Tiến

Wisconsin 76

TRÀ TẦU VÀ ẤM NGHI HƯNG

Nguyễn Duy Chính

LỜI MỞ ĐẦU

Uống trà tàu vốn dĩ phổ thông thời trước, đến nay đã trở thành hiếm hoi trong xã hội Việt Nam. Thanh niên ngày nay chỉ mường tượng được cái hình ảnh đó qua những truyện ngắn của Nguyễn Tuân trong Vang bóng một thời (Những chiếc ấm đất, Chén trà trong sương sớm). Sách vở viết về trà lại càng ít ỏi. Tại Việt Nam ngày trước, ngoài cuốn Vang Bóng một thời chỉ lác đác vài ba cuốn khác. Trà đạo kiểu Nhật thì có bản dịch cuốn Trà Thư (The Book of Tea) của Okakura Kakuzo của Bảo Sơn. Một tiểu thuyết cũng viết nhiều về thú uống trà là cuốn Trà Thất của Minh Đức Hoài Trinh.

Ở hải ngoại, cuốn Trà Kinh của Vũ Thế Ngọc là một biên khảo tương đối công phu. Ngoài ra, thỉnh thoảng có một đoản thiên nghiên cứu về trà Tầu hay ấm trà đăng rải rác trong tạp chí. Mới đây tôi được đọc một bài của Phan Quốc Sơn về ấm Nghi Hưng rất thú vị.[1]

Trong tác phẩm Sống Đẹp[2] Lâm Ngữ Đường cho rằng uống trà là một trong những phát minh quan trọng nhất của đời sống.[3] Trà là một phần và cũng là một biểu tượng của sự nhàn nhã. Ông để hẳn một mục để bàn về Trà và Tình Bạn.

Viết về cách uống trà, thưởng thức trà thì Tây phương có hàng trăm cuốn nhưng phần lớn viết theo cách nghiên cứu một loại thực phẩm. Người Trung Hoa cũng có nhiều sách viết về trà, nghệ thuật uống trà, còn người Nhật thì đưa hẳn lên thành một đạo sống (Trà Đạo). Riêng Việt Nam, và cho rằng chúng ta đã biết uống trà từ lâu đời

mặc dù uống trà rất thịnh hành nhưng lại ít ai để tâm nghiên cứu. Vũ Thế Ngọc, tác giả cuốn Trà Kinh[4] đã ngậm ngùi mà than rằng *"viết về trà thì gần như chưa có ai viết"* hoặc *"viết vô cùng sơ lược"*.[5] Nhận xét đó có lẽ không sai. Và vì thế khi ông tư cho rằng cuốn sách ông soạn *"là quyển sách đầu tiên viết về nghệ thuật uống trà bằng Việt ngữ tương đối đầy đủ hơn cả"* thì cũng không ngoa.

TRÀ TẦU

Khi nói về trà tầu thường là nói đến các loại trà xanh là những loại trà người Trung Hoa xuất cảng. Nếu tính theo số người uống thì uống trà đứng đầu trong ba loại ẩm phẩm — trà, cà phê và nước ngọt.

Các học giả Tây phương vẫn cho rằng Trung Hoa là nơi phát xuất cây trà. Thế nhưng không phải cây trà chỉ mọc hoang trong vùng nam nước Tầu mà có khắp vùng Đông Nam Á. Thành thử Việt Nam ta cũng là quê hương của cây trà, và cũng có những cây trà cổ thụ. Vũ Thế Ngọc đã viết về cách uống trà kiểu Việt Nam như chè tươi, chè nụ, chè khô ...

1 Thú Chơi Những Ấm Trà Đất Nung Cổ, Phan quốc Sơn, Nguyệt San Y Tế, giai phẩm Xuân Bính Ty, tháng 2 1996
2 The Importance of Living, The John Day Company 1937
3 Lâm Ngữ Đường, Sdd trang 220
4 Vũ Thế Ngọc, Trà Kinh, EastWest Institute Press, California 1987
5 Vũ Thế Ngọc, Sdd trang 7

nhưng vẫn giữ nguyên hình thái mộc mạc chứ không cầu kỳ như người Tàu. Tục uống trà tươi, trà nụ ngày nay vẫn còn phổ biến, kể cả một loại cây tương tự là cây vối cũng rất thông dụng tại miền quê nước ta.

Trong khi trà tầu — cùng với kiểu cách của người Tầu — chỉ hiện hữu trong một tầng lớp thượng lưu ở xã hội, phương pháp uống trà tươi, trà vối lại ở khắp mọi nơi. Nó đã trở thành đề tài cho văn học và nghệ thuật (Cái ấm đất của Khái Hưng hay bản nhạc Cô hàng nước) và là một món giải khát không thể thiếu của người nhà nông.

Trên mặt kinh tế, rất có thể sự vươn lên của Trung Hoa trong thế kỷ 21 này sẽ có một phần đóng góp không nhỏ của trà — một loại nông phẩm độc đáo — và ấm tầu — một dụng cụ và cũng là một loại nghệ phẩm đặc biệt. Cho nên, khi nhìn vào phương thức chiếm lĩnh thị trường, sau thời kỳ sản xuất những món hàng thông dụng rẻ mạt, tiếp đến phải là giai đoạn của những sản phẩm đặc thù — có một không hai, không có sản phẩm tương tự để thay thế, hoặc không thay thế nổi. Trà tầu và ấm tầu có thể ở trong thành phần đó. Độc đáo nhưng thông dụng, thượng vàng hạ cám, từ loại đắt hiếm tới loại rẻ mạt, có khả năng sản xuất qui mô và thu hút một lượng nhân công đông đảo là những yếu tố rất đáng kể trên mặt ngoại thương.

LỊCH SỬ

Theo truyền thuyết, trong một lần tuần thú phương Nam, vua Thần Nông vô tình uống một nồi nước đun sôi có lá cây trà rơi vào. Ông uống rồi khen là trà "làm cho cơ thể phấn chấn, tinh thần thoải mái, sáng suốt".

Một câu chuyện khác thì lại viết rằng Đạt Ma tổ sư vì ngủ quên trong một buổi tọa thiền nên bực tức cắt mí mắt vứt đi. Chỗ ông vứt mí mắt mọc lên cây trà, và trở thành một thức uống thông dụng cho những nhà sư để tỉnh táo khi tu tập. Từ chùa chiền, món uống này truyền ra dân gian.

Người Nhật thì kể là về đời Chiến Quốc (300-221BC), có một danh y tinh thông 84,000 cây thuốc. Ông dạy cho con được 62,000 cây thì chết. Những tưởng rằng kiến thức về 22,000 cây kia sẽ không còn tìm đâu ra. Nào ngờ trên mộ ông mọc lên một cái cây, chứa đủ tinh hoa của 22,000 cây còn lại. Đó là cây trà.[6]

Lẽ dĩ nhiên, những câu chuyện này chỉ là huyền thoại. Người Trung Hoa cái gì không rõ nguyên do thường bịa ra một dật sự từ thời cổ sử gán cho Thần Nông, Hoàng Đế ... cũng như người Việt bắt đầu một thần tích bằng *"ngày xưa, đời vua Hùng Vương thứ ..."* để câu chuyện thêm li kỳ, vừa khiến cho những chứng cớ đưa ra có chỗ dựa.

Chính thức theo lịch sử thì trà chỉ mới được đề cập đến từ thời Tam Quốc, và đến tận đời Đường, người Tàu vẫn chỉ dùng các loại trà mọc hoang chứ chưa trồng và chế biến thức uống này. Trà cũng chỉ lưu hành trong giới thượng lưu miền Nam Trung Hoa chứ dân dã cũng chưa uống và tục uống trà chưa được coi như một thú thanh cao. Quả thực thời kỳ đó hai miền nam bắc Trung Hoa đời sống cách biệt như hai thế giới. Đến đời Tùy nước Tàu thống nhất thì những sinh hoạt mới lan truyền ra những vùng khác. Người Tàu pha trộn cách uống trà với sữa của người Hồ (tức các dân tộc vùng Tây Vực) là những dân tộc sống du mục. Tuy việc uống trà đã phổ thông nhưng vẫn có một số đặc điểm khác ngày nay:

- Thứ nhất trà vẫn còn coi như một vị thuốc, chưa có mấy nơi coi như một thức uống.
- Thứ hai trà do dân chúng vào vùng hoang sơn dã lãnh hái về chứ chưa biết trồng thành đồi, thành vườn để sản xuất một cách qui mô.
- Thứ ba trà uống theo kiểu giản dị là hái lá vào đem nấu (như kiểu chè tươi của ta) chứ chưa kiểu cách như sau này.

Tới đời Đường, khi Lục Vũ viết cuốn Trà Kinh thì trà mới trở nên phổ biến. Từ đó trở đi, nơi nơi đều uống trà, trở thành một phong trào và sản xuất trà cũng thành một lãnh vực kinh tế qui mô, đem lại một ngân khoản lớn cho triều đình. Và kể từ Đường, rồi sau Tống, Nguyên, Minh, Thanh đời nào cũng coi thuế đánh vào trà là một nguồn lợi chính.

Lục Vũ, tự là Hồng Tiệm người đất Cảnh Lăng, Hồ Bắc được mệnh danh là trà tiên của

6 Herbert E. Plutschow, Historical Chanoyu, The Japan Times Ltd, Tokyo 1986 trang 36

Trung Hoa. Vì chán ngán thời thế, ông từ quan, định theo Thái Chúc hòa thượng ở chùa Thái Thường đi tu nhưng không được nên về ở ẩn chỉ chuyên tâm nghiên cứu về trà. Ông bỏ công đi tham khảo với những nông phu, tới tận nơi để xem xét cách chế tạo ngõ hầu có được kinh nghiệm thực tế. Thành thử những điều ông viết ra đều có giá trị.

Đời Đường, khu vực sản xuất trà bao gồm Giang Hoài, Lưỡng Chiết, Lãnh Nam, Phúc Kiến, Kinh Tương và từ đó tới nay vẫn là những địa khu chủ yếu. Theo Chu Trọng Thánh, việc phong thịnh đời Đường bao gồm ba nguyên nhân chính:[7]

- Thứ nhất, thời Đường giao thông đã phát đạt, các phương tiện chuyên chở đã cải tiến nhiều
- Thứ hai, sau khi cuốn Trà Kinh của Lục Vũ viết ra, phong trào uống trà càng lên cao
- Thứ ba, thời kỳ đó Phật giáo và Lão giáo hưng thịnh và việc uống trà tại các chùa chiền, miếu mạo rất phổ biến.

Chính cuốn Trà Kinh của Lục Vũ là một đóng góp lớn, vì sau khi ông viết ra cuốn này, việc uống trà đã được nâng lên hàng nghệ thuật, cầu kỳ về cả trà cụ lẫn trà thức. Tạ Triệu Triết đời Minh đã viết:

Ở trên đời có đói ăn thiếu mặc thì còn chịu nổi nhưng mà thiếu nước uống trà thì không sao chịu được.[8]

Ngô Khoan viết bài "Ái Trà Ca" ca tụng thú uống trà chẳng khác gì thi nhân đời trước ca tụng rượu.

Sau khi Lục Vũ viết Trà Kinh, nhiều người khác cũng có những tác phẩm viết về trà tuy không nổi tiếng bằng nhưng cũng lưu truyền sử sách. Riêng đời Minh có đến 45 quyển, nay còn giữ được trên đưới 20 cuốn nhưng văn chương cũng đã bị đời sau thêm thắt nhiều. Tuy nhiều hầu hết không qua 6 mục mà Lục Vũ đã đề cập là trà, dụng cụ uống trà (khí), nước pha trà (thủy), lửa đun trà (hỏa), người pha và uống trà (nhân), thời điểm uống trà (sự).

Đời Đường có Tô Dị (?) viết Thập Lục Thang Trà, Trương Hựu Tân viết Tiễn Trà Thủy Ký. Đời Tống có Âu Dương Tu viết Đại Minh Thủy Ký, Phù Tra Sơn Thủy Ký, Sái Tương viết Trà Lục, Tống Tử An viết Đông Khê Thức Trà Lục, Triệu Nhữ Lệ viết Bắc Uyển Biệt Lục, Hùng Phiên viết Tuyên Hòa Bắc Uyển Cống Trà Lục, Tống Huy Tông viết Đại Quan Trà Luận, Hoàng Nho viết Phẩm Trà Yếu Lục.

Đời Minh có Hứa Thứ Thư viết Trà Sớ, Chu Cao Khởi viết Động Sơn Giới (?) Trà Hệ, Phùng Khả Tân viết Giới Trà Tiên, Hùng Minh Ngộ viết La Giới Trà Ký, Cố Nguyên Khánh viết Trà Phổ, Trần Kế Nho viết Trà Đồng Bổ, Trương Khiêm Đức viết Trà Kinh, Đồ Bản Tuấn viết Mính Cấp, Điền Nghệ Hoành viết Chử Tuyền Tiểu Phẩm, Từ Hiến Trung viết Thủy Phẩm Toàn Trật.

Đời Thanh có Lưu Nguyên Trường viết Trà Sử, Dư Hoài viết Trà Sử Bổ, Mạo Tương viết Giới Trà Vựng Sao, Lục Đình Xán viết Tục Trà Kinh.

Trong tất cả những tác phẩm viết sau này chỉ Tục Trà Kinh là đáng kể, có hệ thống và tài liệu dồi dào. Lục Đình Xán tự Phù Chiêu, hiệu Mạn Đình, người huyện Gia Định, đất Tô Châu, từng làm tri huyện Sùng An, Phúc Kiến thời Khang Hi là nơi có núi Vũ Di nổi tiếng trà ngon. Tục Trà Kinh phân loại và sắp đặt các loại trà một cách mạch lạc, tài liệu minh bạch, dẫn chứng đầy đủ và phẩm bình cũng rất xác đáng. Người ta đã bảo rằng nếu ví Lục Vũ như Khổng Tử trong trà gia thì Lục Đình Xán công lao phải sánh ngang Chu Hi.

DƯỢC TÍNH CỦA TRÀ

Theo thống kê, mỗi năm người Mỹ uống khoảng 2.25 tỉ gallon trà dưới mọi dạng thức —

7 Ngô Trí Hòa, Trà Đích Văn Hóa, Hành Chính Viện ấn hành, Đài Bắc 1987 trang 37
8 Ngô Trí Hòa, Sdd trang 39

nóng, nguội, bỏ đá, ướp hương, có đường hay không đường, thêm mật ong, sữa, kem, chanh. Mỗi lượng trà uống trung bình chứa khoảng 40 milligram caffeine (bằng nửa caffeine trong cà phê). Thế nhưng đó chỉ là con số chia đều chứ uống trà mỗi người uống một cách, đậm nhạt khác nhau. Hiện nay trên thị trường có cả loại "decaffeinated tea" và nhiều loại dược trà dùng các loại lá (lá ổi, lá hồng ...) để trị bệnh và làm tan mỡ. Những thống kê kinh tế cho thấy người Mỹ chuyển dần từ uống nước ngọt sang loại diet softdrink, sang nước lạnh (nước suối, nước cất ...) và dần dần sang loại trà hay dược trà (herbal tea). Nếu quả như thế, hóa ra Đông phương đã đi trước Tây phương một bước xa. Ông cha ta đã uống nước lạnh và uống trà tươi hàng ngàn năm trước nhưng mãi đến bây giờ nhân loại mới công nhận một cách khoa học là trà xanh (chưa biến chế theo kiểu Nhật) và nước lã là tốt nhất cho cơ thể.

Nhiều người cho rằng uống trà có tác dụng làm giảm đau cổ họng và bớt đầy bụng. Một hóa chất trong trà là chất polyphenols có thể làm giảm nguy cơ một số chứng bệnh kể cả bệnh cứng mạch máu (atherosclerosis) và một số bệnh ung thư. Có người còn cho là uống trà sẽ gia tăng tuổi thọ.[9]

CÁC LOẠI TRÀ

Trà được chia ra làm ba loại chính là trà đen (tức hồng trà), trà xanh (lục trà) và trà Ô long. Cả ba loại đều cùng từ một loại cây, tức cây trà mà tên khoa học của nó là Camelia sinensis, thuộc họ Theacae, một loại cây xanh lá quanh năm có hoa màu trắng. Nhiều người còn kể thêm hai loại trà khác là trà ướp (hương) và trà bánh.

Cây trà phải trồng khoảng năm năm mới bắt đầu hái là được và thu hoạch trong khoảng 25 năm. Nếu để nguyên, cây trà có thể cao hàng chục thước nhưng để tiện việc thu hoạch, người ta hãm chỉ để cho cây cao chừng một thước, thước rưỡi là cùng. Khi cây già, người ta cắt ngang thân để cho mầm non nảy ra cho mùa năm sau. Cứ như thế, cây có thể sống tới 100 năm. Trà thường được bón bằng bã đậu nành và các loại phân hữu cơ chứ ít khi dùng phân hóa học. Người ta cũng tránh không dùng thuốc trừ sâu bọ và cây nào bị bệnh thường bị nhổ đi.

Trong quyển All the tea in China, tác giả có kê khai vài chục loại ngôn ngữ Đông Tây đều có âm na ná như trà hoặc chè[10]. Chỉ vì cách sao tẩm, ủ trà khác nhau mà chia ra làm ba loại nêu trên. Sau đây là một số yếu tố dùng để qui định phẩm chất và giá cả trà:

1. Chủng loại cây trà
2. Địa phương trồng
3. Cao độ của vùng đất trồng
4. Điều kiện thời tiết trong mùa trà và khi hái trà
5. Thời kỳ hái trong năm
6. Giờ hái trà trong ngày
7. Tuổi của bụi trà
8. Cách lựa lá trên cây trà
9. Cách thức hái
10. Cách thức ủ trà
11. Dạng của lá trà (tùy theo cách cuộn lá mà trà sẽ ra hương vị khác nhau)
12. Cách sấy khô
13. Cách thẩm định và phân loại

Ngoài ra còn nhiều tiêu chuẩn khác nữa.

Người ta bảo rằng nước Tàu có đến hơn một nghìn loại trà (thực ra không phải theo nghĩa 1000 chủng loại mà có nghĩa là nhiều lắm) nhưng chỉ có một số đặc biệt được xuất cảng. Dẫu thế cũng đã có hàng trăm cái tên được mang ra ngoài, không phải là người thực sành sỏi, không ai nhớ hết được.

Trà được phân biệt do cách ủ (oxidation), lâu hay mau, mỗi cách sẽ cho hương vị, màu sắc, tính chất khác nhau. Loại ủ ngắn hạn nhất là trà xanh như trà Nhật Bản, Long Tỉnh (Lungching), Bích Loa Xuân (Pilochun). Loại ủ vừa gồm có Bạch Hào Ngân Châm, Bao Chủng (nhẹ nhất) rồi tới Đông Đính, Thiết Quan Âm, Thủy Tiên, Vũ Di, Ô Long (lục địa) (ủ trung bình), và tương đối đậm thì có Ô Long (Đài Loan). Trà ủ hoàn toàn là loại trà đen (hồng trà) người Âu Mỹ thường dùng. Mỗi loại trà lại mang theo nhiều dật sự ly kỳ. Nhiều loại có tên rất lạ ít khi nghe tới. Cuốn sách viết rất kỹ về từng loại trà danh tiếng là cuốn All the tea in China (Các loại trà Trung Quốc) do Kit Chow và Ione

9 Teresa Watanabe, New Study Praises Green Tea's Health Benefits. L.A. Times May 5, 1996
10 China Books and Periodicals, Inc. San Francisco 1991, trang 14

Kramer soạn.[11] Sau đây là 50 loại danh chủng liệt kê trong sách:

- Trân Mi - Chunmee (Chun Mei, Zhenmei)
- Đại Phương - Dafeng
- Tử Duẫn - Zisun
- Đại Hồng Bào - Dahongpao
- Phượng Hoàng Đơn Tùng - Fonghwang Tan-chung
- Châu Trà, Bình Thủy Châu Trà - Zhucha, Pingshui(Gunpowder)
- Hải Nam Hồng Trà - Hainan
- Hoa Đính Vân Vụ - Huading Yunwu
- Hoàng Sơn Mao Phong - Huangshan Mao Pheng
- Huệ Minh - Huiming
- Hương Phiến - Jasmine
- Kính Đình Lục Tuyết - Jingting Luxue
- Cưu Khanh - Jiukeng
- Cửu Khúc Hồng Mai - Jiuqu Hongmei
- Kỳ Môn hồng trà -Keemun (Qihong)
- Cổ Lao- Kooloo
- Lan HươngLan - Hsiang (Lanxiang)
- Lan Khê Mao Phong- Lanxi Maofeng
- Chính Sơn - Zhengshan
- Lệ Chi - Lichee
- Lăng Vân (Bạch Mao) - Lingyun (Baimao)
- Lục Bảo - Liubao
- Lưu Khê - Liuxi
- Lục An Qua Phiến - Lu'an Guapian
- Long Tỉnh - Lung Ching
- Lô Sơn Vân Vụ - Lushan Yunwu
- Mông Đính - Mengding
- Bích Loa Xuân - Pi Lo Chun
- Bao Chủng - Pouchong
- Phổ Nhĩ - Pu-erh
- Phổ Đà Phật Trà - Putuo Pho Cha
- Tiền Cương Huy Bạch - Qiangang Huibai
- Mai Khôi - Meigui (Rose)
- Thủy Tiên - Shui Hsien (Shuixian)
- Thái Bình Hầu Khôi - Taiping Houkui
- Thiên Mục Thanh Đính - Tianmu Qingding
- Thiết Quan Âm - Ti Kwan Yin (Tieguanyin)
- Đồn Lục - Tunlu
- Vi Sơn Mao Tiêm - Weishan Maojian
- Bạch Hào Ngân Châm - Baihao Yinzhen
- Vụ Nguyên Danh Mai - Wuyuan Mingmei
- Tín Dương Mao Tiêm - Xinyang Maojian
- Tây Sơn - Xishan
- Anh Đức - Yingde
- Ngân Châm, Ngân Phong - Yinzhen, Yinfeng
- Dũng Khê Hỏa Thanh - Yongxi Huoqing
- Vũ Hoa - Yuhua
- Ngọc Lộ - YuluVân NamYunnan

11 China Books and Periodicals, Inc. San Francisco 1991

SẢN XUẤT TRÀ

Tiết Thanh Minh là thời điểm đánh dấu mùa hái trà. Khi đó, mùa đông băng giá vừa qua, mùa xuân vừa tới, trà non vừa nẩy ra, thích hợp cả việc thu hoạch lẫn việc sao tẩm.

Sau khi mặt trời mọc, những giọt sương vừa khô thì từng đoàn người mang gùi trèo lên đồi trà theo khu vực đã được qui định. Trà thường được trồng trên sườn đồi theo từng bậc như bậc thang. Thợ chỉ ngắt đúng ba lá non và một búp, nếu dùng làm trà Ô Long. Trà xanh lá thường rất non, nên chỉ ngắt hai lá, Ô Long phải cần lá to hơn nên phải ngắt ba. Đến chiều thợ đem trà đến cân để tính tiền.

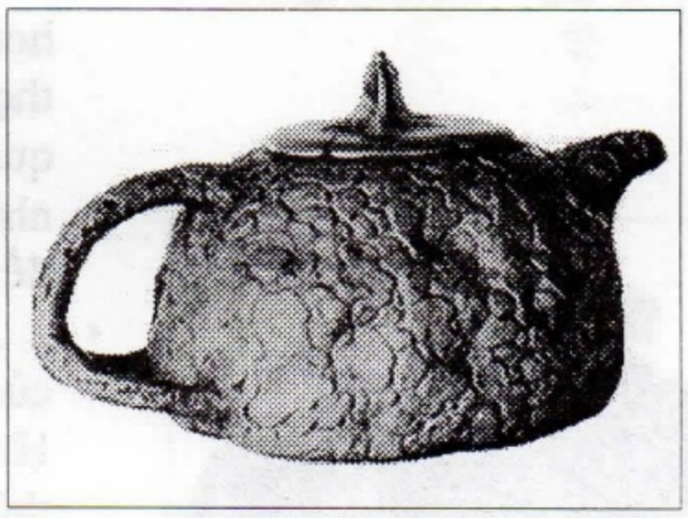

Trước hết trà được để hong ngoài trời cho héo đi. Sau đó đem vào ủ. Chuyên gia phải kiểm soát luôn luôn để cho hương vị được đúng độ. Khi đã ủ đến thì, người ta mới cho trà vào sấy. Trà được sấy nhiều lần nhưng phải đúng cách để khỏi mất phẩm chất. Sau hai ngày biến chế, trà được gọi là trà sống. Tiếp theo là sàng sảy, rây, nhặt cọng và phân loại thành từng bậc khác nhau. Cũng nên thêm một điểm là dù mua trà đắt giá đến mấy, thường dân chúng ta chỉ có thể thưởng thức những loại trà kỹ nghệ. Hiện nay bên Tàu vẫn còn những vườn trà đặc biệt thuộc loại cấm kỵ, canh gác ngày đêm không cho ai bén mảng tới. Tục truyền rằng trà này không được chạm vào da thịt người nên những thợ hái phải luôn luôn đeo bao tay dài bằng lụa. Trà chỉ đụng vào cơ thể con người một lần duy nhất là khi đã pha xong, đụng vào môi bậc quân vương trước khi uống vào ruột.

Mùa hái trà tùy theo từng loại và tùy theo khí hậu. Ở ven Tây Hồ, Hàng Châu, nơi sản xuất trà Long Tỉnh, người ta bắt đầu từ tháng ba kéo dài đến tháng 10, tổng cộng 20-30 lần, mỗi lần cách nhau một tuần hay 10 ngày. Thành thử, uống trà Long Tỉnh ta sẽ thấy lá trà toàn là búp non.

Một phụ nữ hái trà chuyên môn một ngày hái được khoảng 600 gram. Cứ bốn trà sống thì được một trà chín nghĩa là một người một ngày chỉ hái được khoảng 150 gram trà khô. Một ki lô trà Long Tỉnh cần khoảng 60,000 búp trà. Nước Tàu được chia thành bốn vùng mà người ta đặt tên là Giang Nam, Giang Bắc, Tây Nam và Lĩnh Nam. Giang Nam, Giang Bắc nổi tiếng về các loại trà xanh, Lĩnh Nam có trà Ô Long, còn Tây Nam trồng nhiều trà đen, trà bánh.[12]

ẤM NGHI HƯNG

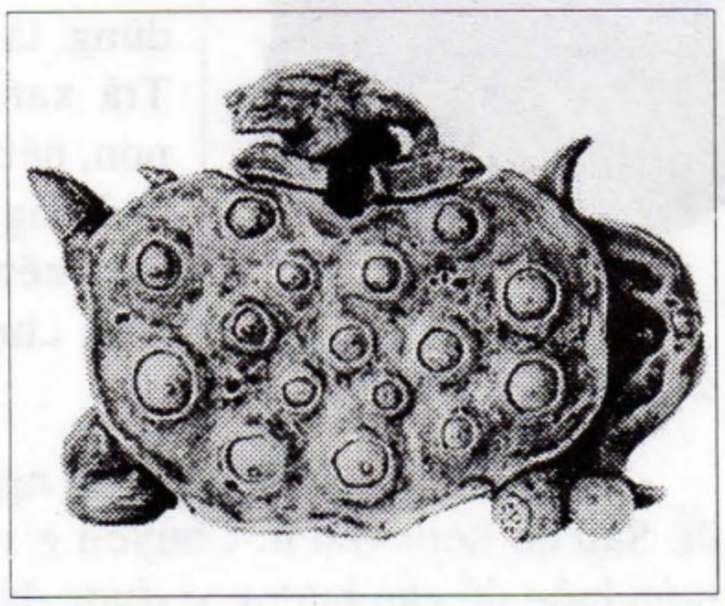

Nghi Hưng là tên một huyện gần Thượng Hải, thuộc tỉnh Giang Tô. Ở đây đặc biệt có một thứ đất sét rất mịn, có chứa thạch anh, mica và nhất là chất sắt. Đất sét đó dùng làm ấm trà không tráng men (unglazed), thường được gọi là ấm tử sa[13] (purple sand). Đất tử sa không nhất thiết phải là màu tím đỏ mà có ba màu chính là màu vàng sậm (ta gọi là màu gan gà), màu đỏ sậm (ta gọi là màu da chu) và màu nâu thẫm ngả màu đen (tử sa). Tuy nhiên, trong ba loại màu đó đều có nhiều sắc độ (tùy theo lượng sắt trong đất sét nhiều hay ít), lại còn tùy theo thợ trộn các loại đất và pha chế thêm khoáng chất (nhưng tuyệt đối không dùng màu nhân tạo để nhuộm) nên các loại ấm tử sa có thể có từ màu ngà đến màu đen. Ngoài ra, Nghi Hưng cũng còn có loại đất sét màu trắng và màu xanh lục[14]. Đất màu xanh là loại quí nhất, đã được Lục Vũ ca tụng trong bộ Trà Kinh.

Ấm tử sa không phải chỉ là một trà cụ mà còn là một tác phẩm nghệ thuật. Ấm nặn to nhỏ tùy theo dùng cho một (độc ẩm), hai (song ẩm) hay nhiều người (quần ẩm). Ấm quần ẩm có thể dùng cho ba, bốn hay nhiều người nên có cái chỉ bằng nắm tay nhưng cũng có cái to bằng cái ấm trà thường.

Về hình dáng, ấm tử sa chia làm ba loại:

- 1. Ấm theo hình kỷ hà cân đối, nghĩa là tròn trĩnh, vuông vức, lục giác, bát giác hay nhiều múi. Đó là những ấm có thể dùng khuôn làm chuẩn, chỉ điểm xuyết bằng tay. Ấm có thể hình trái đào, trái thị, trái hồng hay hoa sen, hoa thủy tiên nhưng chủ yếu là cân đối. Người thợ có thể thêm thắt nặn vung ấm, vòi ấm hay quai ấm khác đi và có thể trang trí trên thân ấm những hoa quả, con thằn lằn, con chuột ... hoặc đề chữ, đề thơ để tăng giá trị.
- 2. Ấm theo hình tự nhiên, nghĩa là do sáng kiến của người nặn mô phỏng một vật thường thấy. Hình dáng có thể là cái thùng gạo, cái bị, cây thông, quả vải, búp hoa hồng, bó trúc .. Đây là những nghệ phẩm cao chứng tỏ óc thẩm mỹ và tài khéo léo của người nghệ sĩ. Thường là hình ảnh có mang một ý nghĩa tốt đẹp nào đó. Con chuột tượng trưng cho sự trù phú, lấy ý là con chuột kêu chít chít đồng âm với chữ túc là đầy đủ, bông sen tượng trưng cho sự thanh cao, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Một cái ấm cổ có hình một con ngựa, một bên có con khỉ đứng nhìn một tổ ong. Người Tàu gọi là mã thượng phong hầu (con ngựa ở trên con ong và con khỉ) nhưng đọc lên hai chữ phong hầu đồng âm với được phong tước hầu. Thành thử cái ấm mang một lời chúc thăng quan tiến chức. Lối biểu tượng đó rất thịnh hành ở Trung Quốc.
- 3. Ấm tổng hợp cả hai đặc tính trên, vừa cân đối, vừa nghệ thuật chẳng hạn như một quả bí ngô (pumpkin), có những dây cuốn thành vòi, thành quai hay một cái ấm nặn hình một bầy

12 Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến sơ qua về trà sản xuất tại lục địa Trung Hoa. Nghiên cứu về các vùng khác như Đải Loan, Việt Nam, Indonesia, Sri Lanka, Ấn Độ, Phi Châu ... thì mỗi nơi lại một khác.

13 tử là màu tía, tức màu tím đỏ

14 Một trong những màu mới tạo ra trong thế kỷ này là màu xanh thẫm nước biển rất hiếm hoi .

cá, có cái nắp là một lá sen trên là một con nhái nhỏ.

ĐẶC ĐIỂM CỦA ẤM NGHI HƯNG

Đất sét Nghi Hưng nung lên rất rắn chắc bền bỉ, không bị nứt dù thay đổi nhiệt độ bất thường khi đổ nước sôi vào. Đất còn có những khí khổng rất nhỏ (pores) phải soi kính hiển vi điện tử mới thấy được. Những khí khổng vi ti đó có tác dụng cách nhiệt, vừa bảo tồn hương vị, vừa không làm cho bên ngoài quá nóng. Một đặc tính khác là khi được nung, ấm không bị co lại hay biến dạng nên nghệ nhân dễ dàng làm nắp ấm được vừa vặn, khít khao.

Khi trong dạng thiên nhiên, đất sét Nghi Hưng mềm, có màu vàng, nâu đen hay xanh nhạt. Sau khi nung, đất màu vàng đổi sang màu da chu, màu đen thành màu tử sa, còn màu xanh lại biến thành màu gan gà. Màu sắc khác nhau tùy theo lượng hóa chất trong đất, nhất là chất sắt.

Đất sét được đào lên từ lòng đất sâu, phơi khô thành từng tảng. Những tảng đất đó được tán thành bột rồi được rây bằng những rây tre để lọc đi tất cả sỏi đá và các chất khác lẫn trong đất sét. Bột đất sét sau đó được đổ vào những bể nước hình chữ nhật cao khoảng thước rưỡi rồi tháo nước trong vào. Ba ngày sau, dung dịch đất và nước đó lại được gạn qua một bể khác và để nước bốc hơi đi cho keo lại. Đất sét được cắt ra thành từng bánh bán cho thợ làm đồ gốm.

Hiện nay, khi du khách đến thăm Đinh Thục Trấn (Dingshuzhen), một thành phố nhỏ trong huyện Nghi Hưng đều thấy toàn là xưởng làm đồ gốm. Họ sản xuất đủ loại, từ bồn, chậu đến ngói xanh. Thế nhưng chỉ có đồ tử sa là quí hơn cả.

Người thợ làm đồ gốm mua đất về dùng chày giã ra, vừa giã vừa cho thêm nước đến bao giờ cảm thấy đủ mềm để nặn thì thôi. Từ lúc giã đến lúc nhồi đất xong phải mất trọn hai ngày. Khi dùng dao cắt thấy đất mịn nhẵn không còn dấu vết bong bóng hơi thì mới dùng được.

Người thợ lúc đó mới đem chia tảng đất thành từng nắm cân lượng kỹ càng. Mỗi nắm đất được cán thành từng miếng phẳng. Đáy ấm, thành ấm, nắp ấm đều cắt từ miếng đất này, có khi bằng tay, có khi dùng khuôn. Sau đó, người thợ dùng máy quay bằng tay hay đạp bằng chân để ráp và gắn những miếng đất đã nặn sẵn dính với nhau và được miết cho láng bằng dụng cụ bằng gỗ hay sừng. Khi hình dáng tổng quát đã hoàn thành, đợi ráo nước người ta mới trang trí, thêm thắt những hoa văn hay viết chữ. Người thợ khéo thường hay viết tên hiệu, có khi ngày tháng chế tạo, niên đại hoặc đóng dấu vào đáy ấm khi tác phẩm hoàn tất. Triện thường hình vuông, hình tròn hay bầu dục khắc nổi. Những chiếc ấm đất tiền có khi có thêm một cái triện nhỏ bên trong nắp ấm, hoặc một con dấu khác dưới tay cầm. Trước đây, ấm thường đóng dấu tên hãng sản xuất rõ là một món hàng sản xuất theo số lượng nhiều nhưng sau này đa số ấm đóng dấu tên người, chứng tỏ nay họ coi là một tác phẩm và nghệ nhân tự hào nên để tên mình. Dĩ nhiên cái gì cũng có hai mặt, và có xấu đẹp. Ngay cả những loại hàng bán vài đồng cũng có con dấu nguệch ngoạc. Thế nhưng đó cũng là một hiện tượng cần ghi nhận là nền công nghiệp đang chuyển hướng, mang nhiều màu sắc nghệ thuật hơn.

Ngoài con dấu có khi còn có vài chữ Hán. Chữ đề thường là chữ đá thảo do một người giỏi thư pháp (phép viết chữ) đề bằng bút tre nhọn, khắc hẳn vào thân ấm. Có thể chỉ là vài chữ chúc tụng nhưng có khi là hẳn một bài thơ, một đôi câu đối. Một cái ấm đẹp đến đâu mà chữ viết non tay thì cũng giảm hẳn giá trị.

Những loại ấm sản xuất theo kiểu công nghệ thì chữ viết hay hoa văn được in bằng một loại mực không phai. Sau đó ấm được chuyển sang cho thợ cho vào lò nung. Ấm đất thường nung trong khoảng từ 1100o đến 1200oF, tuy không nóng bằng đồ sứ nhưng ở nhiệt độ đó, ấm vẫn giữ được tính thấm nước.

Nghề nặn ấm cho đến nay vẫn đòi hỏi một thời gian học nghề lâu theo kiểu sư phụ đệ tử chân truyền. Phải mất nhiều năm mới học được hết bí quyết. Tuy nhiều khi người ta nhái lại những kiểu

ấm danh tiếng cũ, nhưng cũng có nghệ nhân mới sáng tạo nhiều kiểu mới. Những người sành sỏi cho rằng với phương pháp tân kỳ, trình độ cao đẳng, nhiều ấm thời mới có nét độc đáo không kém gì những chiếc ấm do các danh sư xưa nặn ra, nếu không nói rằng trội hơn nữa. Chính quyền Trung Cộng cũng thành lập nhiều cơ quan, nghiên cứu, áp dụng khoa học để tái tạo những chiếc ấm cũ không sai một mảy. Tuy là đồ giả nhưng giá đắt không khác gì đồ cổ để bán cho những nhà sưu tầm. Ngoài giá trị lịch sử, những tác phẩm đó còn là một niềm tự hào về nghệ thuật của họ.

Trong những năm qua, tại Bắc Mỹ này đã nhiều lần triển lãm ấm Nghi Hưng. Bộ sưu tập của Tiến Sĩ La Quế Tường (K.S. Lo) được trưng bày trong khoảng 1990-92 tại Phoenix Art Museum, Trung Tâm Văn Hóa Hoa Kiều San Francisco, Indianapolis Art Museum, và Ontario Museum.

Ấm Nghi Hưng cũng đã được huy chương vàng trong các kỳ chợ phiên quốc tế chẳng hạn như tại Philadelphia năm 1926 và ở Leipzig và Liege trong thập niên 1930.

ẤM NGHI HƯNG THEO THỜI GIAN

Theo truyền tụng, Phạm Lãi là người đầu tiên tìm ra chất đất sét vùng Thái Hồ. Sau khi phá xong quân Ngô, ông về ẩn cư nơi đây, lấy việc nặn đồ gốm làm trò tiêu khiển. Thế nhưng thời đó chưa làm ấm trà.

Cứ theo những di chỉ khai quật được thì ngay từ đời Tống (920-1279) người ta đã làm ấm trà ở đất Nghi Hưng. Thế nhưng phải đến thế kỷ thứ 16, đời Minh thì những kiểu ấm nhỏ mới ra đời. Một điều lạ là không phải người Tàu nghĩ ra kiểu ấm chén mà chính là họ du nhập từ Âu Châu. Ngày xưa họ chỉ uống trà bột, quấy trong nước.

Theo sách Dương Tiện Mính Hồ Lục (Sách về các ấm trà vùng Dương Tiện)[15] của Chu Cao Khởi thì đời Chính Đức, Gia Tĩnh nhà Minh có Cung Xuân tài nghệ tuyệt vời, là người nổi danh đầu tiên về làm ấm tử sa. Cung Xuân vốn là gia đồng của Ngô Sĩ đất Nghi Hưng thường theo hầu Ngô Sĩ đến học tại chùa Kim Sa. Trong chùa có một vị hòa thượng có tài làm đồ sứ nên Cung Xuân theo nhà sư học nghề nặn ra những tác phẩm trông chẳng khác gì đồ kim loại xưa.[16] Khi Cung Xuân nổi danh, ông thường cùng Bộc Trọng Khiêm (đất Gia Định) khắc trúc, Lục Tử Đồng (đất Tô Châu) chạm ngọc, và Khương Thiên Lý khảm xà cừ. Tất cả đều là những người nổi tiếng đời Minh. Cung Xuân nặn ấm không lâu — truyện kể rằng ông bị quan sở tại vì yêu chuộng tài nghệ ông nên bức bách khiến ông phải bỏ xứ mà đi — nên tác phẩm của ông hiện nay lưu truyền rất ít. Sách vở chỉ còn ghi một chiếc ấm của ông hình 6 múi hiện tàng trữ tại Viện Trà Cụ Hongkong nặn năm Chính Đức thứ 8 (1513)[17]. Thế nhưng còn một cái ấm khác cũng của Cung Xuân để tại Singapore thì ít thấy sách vở nào đề cập. Theo bài "Nghi Hưng và Nghiên Mực" (Yi Hsing and Inkstones) trong tạp chí Arts of Asia, số July/August 1971 thì ông C.M. Wong, Bí Thư của Phòng Thương Mại Singapore và là Chủ Tịch Hiệp Hội Hoa Nhân tại đây có trong bộ sưu tập của ông một ấm Cung Xuân hình vỏ cây[18]. Ấm này đề năm 1506, có triện của người nghệ sư. Phần dưới quai cầm lại còn một vết dấu tay điểm vào mà người ta bảo rằng đó là vết ngón tay thứ sáu của Cung Xuân (bàn tay phải của ông có sáu ngón).[19]

Sau thời Cung Xuân, nghệ thuật làm ấm đất nung vùng Nghi Hưng thịnh đạt, đến đời Vạn Lịch càng có nhiều danh thủ. Lý Ngư viết là: "Trà không gì bằng dùng ấm bằng tử sa, mà vùng Dương

15 Dương Tiện, Kinh Khê là tên cũ của vùng Nghi Hưng.

16 Truyện kể rằng Cung Xuân học lóm của vị hòa thượng, không có đất sét để nặn nên lấy lớp bùn trong ao rửa tay của nhà sư. Thành thử ông được loại vật liệu mịn nhất. Sau này thợ cũng theo nguyên tắc đó, hòa đất sét trong nước để thành bùn ngõ hầu có được loại tử sa thật nhuyễn nhị.

17 Xem hình đính kèm

18 Kiểu ấm này về sau có nhiều người cố bắt chước. Trong bộ sưu tập đặt tại Viện Bảo Tàng Trà Khí Hongkong có chưng một cái ấm tương tự, do Hoàng Ngọc Lân nặn vào cuối thế kỷ 19 nhưng trông kém xa chiếc ấm của Cung Xuân *Yixing Purple Clayware*, The K.S. Lo Collection, Flagstaff House Museum of Tea Ware, hongkong 1994 trang 106

19 *Yi Hsing and Inkstones*, Art of Asia, số July/August 1971, trang 62. Sách vở cũng chép là trên hầu hết những tác phẩm của Cung Xuân đề có lờ mờ vết ngón tay cái của ông.

Tiện là hạng nhất". Từ đời Minh trở đi, việc dùng ấm tử sa để uống trà trở nên thông dụng. Người ta để ý đến phẩm chất trà đã đành mà còn kén chọn cả cách pha trà, nước nào pha trà ngon, uống lúc nào mới hợp.

Trước kia, ấm trà bằng sứ là quí nhất nhưng khi ấm tử sa ra đời thì không mấy ai còn chuộng ấm sứ nữa. Cổ nhân tổng kết ấm tử sa có bảy ưu điểm:

1. Chế nước sôi vào không làm trà mất hương vị, sắc hương còn nguyên
2. Bình trà dùng lâu, chế nước không cũng ra mùi trà
3. Trà vị không bị biến chất
4. Chịu nóng cao, mùa đông tháng giá đổ nước sôi vào không bị nứt
5. Ít truyền nhiệt, cầm vào không phỏng tay
6. Dùng càng lâu càng lên nước, bóng lộn
7. Có nhiều màu khác nhau, dễ lựa chọn

Vì ấm tử sa là một tác phẩm nghệ thuật nên trông ấm người ta có thể đánh giá được người nặn vào bậc nào. Thành ra, trong những nghệ nhân nghề sành sứ, thì ngành làm ấm để tên lại nhiều nhất[20]. Sau đời Cung Xuân người ta thấy có Thời Bằng, Đổng Hàn, Triệu Lương, Nguyên Sướng và Lý Mậu Lâm là những thợ nổi danh.

Đời Vạn Lịch, Thời Đại Bân, con của Thời Bằng là người nổi tiếng hơn cả. Văn Chấn Hanh viết trong "Trường Vật Chí" là "ấm trà tử sa là loại tốt nhất, nắp vừa vặn không làm mất hương, lại không bốc hơi. Ấm do Cung Xuân chế tạo quí nhất, đều nhỏ nhắn, hình dáng lạ lùng. Thời Đại Bân chế thì có cái to, cái nhỏ ...". Cùng nổi danh với Đại Bân có Lý (Đại) Trọng Phương, Từ (Đại) Hữu Tuyền, người ta gọi là Tam Đại.

Từ Hữu Tuyền tự Sĩ Hoành, là học trò của Thời Đại Bân, có tài bắt chước các loại đồng khí xưa làm ấm hình tàu lá chuối, đài sen, củ ấu, quả trứng ...

Nổi tiếng thời Vạn Lịch còn có Âu Chính Xuân, Thiệu Văn Kim, Thiệu Văn Ngân, Tưởng Bá Cung, Trần Dụng Khanh, Trần Tín Khanh, Mân Lỗ Sinh, Trần Quang Phủ, Thiệu Cái, Thiệu Nhị Tôn, Chu Hậu Khê ...

Thời Vạn Lịch, ngoài việc nặn ấm, các nghệ nhân còn dùng đất tử sa điêu khắc và các chế tạo vật phẩm khác, rất thịnh hành. Người nổi tiếng nhất là Trần Trọng Mỹ ở Vụ Nguyên, An Huy. Họ Trần trước vốn ở Cảnh Đức Trần làm đồ sứ. Sau đến Nghi Hưng kết hợp nghệ thuật đồ gốm với nặn ấm, tạo ra các loại đỉnh hương, bình hoa, cục chặn giấy .. rất xinh xắn. Người nổi danh đồng với Trần Trọng Mỹ thì có Trầm Quân Dụng, tự Sĩ Lương.

Sau đời Vạn Lịch có Trần Tuấn Khanh, Chu Quí Sơn, Trần Hòa Chi, Trần Đình Sinh, Thừa Vân Tòng, Trầm Quân Thịnh, Trần Chấn, Từ Lệnh Ạm, Hạng Bất Tổn, Trầm Tử Triệt, Trần Tử Huề, Từ Thứ Kinh, Huệ Mạnh Thần, Tiết Hiên, Trịnh Tử Hầu ...

Trên đây là những nghệ nhân nổi tiếng khéo đời Minh. Về sau, người ta mô phỏng rất nhiều những kiểu họ đã chế tạo nên những ấm nào thực sự đời Minh, cái nào đời sau khó ai biết được. Đồ tử sa lại không đề niên đại như đồ gốm nên càng khó phân biệt chân giả.[21]

Sang đến đời Thanh, nghệ thuật làm ấm còn thịnh đạt hơn nữa. Triều đình nhà Thanh chuộng đồ tử sa nên càng coi trọng. Văn khố nhà Thanh còn ghi lượng hàng mỗi năm tiến cống vào cung. Phẩm chất cũng thêm tinh vi, xảo diệu. Ngoài ấm đất, người ta còn nặn bồn trồng cây cảnh, bình hoa, và dụng cụ dùng trong nhà. Màu sắc pha chế cũng phong phú hơn.

Nghệ nhân nổi tiếng đời Thanh rất nhiều. Người xuất sắc nhất là Trần Minh Viễn, hiệu Hạc Phong, lại có tên là Hồ Ẩn, chế ra hàng chục thứ ấm trà, đồ dùng khác nhau, không cái nào giống cái nào, quả là bậc thầy trong nghề. Những tác phẩm mà Trần Minh Viễn còn để lại đầy sáng tạo. Cái thì hình một gốc mai già, cái thì hình bó củi, trông như một nghệ phẩm điêu khắc tả chân hơn là một trà cụ. Ông còn nặn những trái cây tầm thường như hạt dẻ, củ đậu phộng ... trông hết sức tinh xảo, thoạt trông không ai bảo là một vật bằng sành.

20 Đồ sứ chỉ để niên đại chế tạo chứ không để tên nghệ nhân

21 Các chuyên gia hiện nay chỉ đồng ý là kiểu nào xuất hiện vào thời kỳ nào mà thôi chứ không ai dám quả quyết là ấm đó do ai chế tạo dẫu có tên tác giả đóng ở đáy.

Sách Trùng San Kinh Khê[22] Huyện Chí, viết năm thứ hai đời Gia Khánh, (Thanh) dùng bốn chữ "vạn gia yên hỏa" (nhà nhà đều khói lửa) để chỉ khung cảnh sinh hoạt bấy giờ. Đời Ung Chính, Càn Long thì có Trần Hán Văn, Dương Quí Sơ, Trương Hoài Nhân. Chế tạo đồ dùng trong cung vua thì có Vương Nam Lâm, Dương Kế Nguyên, Dương Hữu Lan, Thiệu Cơ Tổ, Thiệu Đức Hinh, Thiệu Ngọc Đình nhưng thiên về ấm có trang trí, màu sắc. Những chuyên gia cho rằng kết hợp hai kỹ thuật của Cảnh Đức Trấn (nơi chế tạo đồ sứ tráng men) với Nghi Hưng đã làm giảm đi phong vị của ấm tử sa, bản chất vốn giản phác, gần thiên nhiên. Cầu kỳ hóa một nghệ thuật vốn dĩ đạm bạc đã khiến cho nghệ thuật nặn ấm đổi hẳn sắc thái, mất đi tính nguyên ủy của nó.

Sang đời Gia Khánh, những người tên tuổi có Huệ Dật Công, Phạm Chương Ân, Phan Đại Hòa, Cát Tử Hậu, Ngô Nguyệt Đình, Hoa Phượng Tường, Trinh Tường, Quân Đức, Ngô A Côn, Hứa Long Văn ...

Thời Đạo Quang có Dương Bành Niên và em gái là Dương Phượng Niên cùng với Trần Hồng Thọ, Thiệu Đại Hanh là những danh gia. Trần Hồng Thọ hiệu là Mạn Sinh, đời Gia Khánh làm huyện tể đất Lật Dương. Ông là người giỏi viết chữ, vẽ tranh, khắc triện lại thích sưu tầm ấm tử sa. Nhiều ấm do Dương Bành Niên và nhà họ Dương chế tạo ra, đợi cho hơi khô, Trần Hồng Thọ dùng dao tre khắc, vẽ, viết chữ, đề thơ lên rồi mới đem nung. Việc kết hợp hai tài danh, một nặn ấm, một thư họa là sáng tác mới của thời đó. Ấm thường có đề "A Mạn Đà Thất" (là tên thư trai của họ Trần) hay dưới đáy có khắc "Bành Niên". Đời sau gọi là ấm Mạn Sinh (Mạn Sinh hồ).

Theo chân Trần Hồng Thọ, nhiều danh sĩ khác như Kiều Trọng Hỉ, Ngô Đại Trừng cũng đứng ra chỉ đạo việc nặn ấm. Từ đó, một kỹ xảo vốn chỉ được coi như nghề mọn nay đã lan sang cả giới nho gia. Tuy không được phổ biến như thư họa nhưng cũng không còn là một tiện nghệ như trước nữa.

Một danh sĩ vốn giỏi về vẽ trúc là Cù Tử Trị lại đem việc khắc trúc, họa trúc vào trang trí trên ấm. Họ Cù không những mang thư pháp mà còn khắc hẳn những cành trúc, cành mai nghĩa là coi chiếc ấm như một tờ giấy hay vuông vải để thi thố tài hàn mặc.

Còn Thiệu Đại Hanh thì là một nghệ nhân nổi tiếng không kém gì Dương Bành Niên. Trong khi Dương nổi danh về tinh xảo thì Thiệu có tiếng về giản phác. Ông không cầu kỳ nhưng cũng có nhiều sáng kiến độc đáo. Chính kiểu nắp ấm đầu rồng, khi rót thì lè lưỡi ra là do ông khởi thủy, tới nay vẫn còn nhiều người bắt chước và khá phổ biến trên thị trường.

Cuối đời Thanh, Chu Kiên lại có sáng kiến dùng thiếc và ngọc để bịt hay khảm vào ấm tử sa. Nhiều thân ấm được bịt thiếc và viết chữ rồi dùng ngọc trạm thành quai, thành vòi ráp vào. Thế kỷ thứ 19 nhiều người còn bịt đồng hay thau nhưng nói chung những kiểu này không được chuộng lắm.

Vào thời điểm này, việc thương mại giữa Trung Hoa và nước ngoài đã phát triển. Nhiều cường quốc đã chiếm những lãnh địa ở duyên hải hay cưỡng ép nhà Thanh nhường làm tô giới và Thanh đình đã phải mở cửa cho họ vào buôn bán. Trà Tàu trở thành một nông phẩm xuất cảng quan trọng và ấm Tàu cũng được sản xuất qui mô để bán ra ngoài. Nhiều công ty thành lập tại Thượng Hải, Nghi Hưng, Thiên Tân, Hàng Châu đại lý bán ấm Nghi Hưng. Những kiểu ấm thời đó cũng vẫn theo mô dạng cũ. Một công ty ở Thượng Hải là Thiết Họa Hiên đến nay vẫn còn. Thiết Họa Hiên nổi tiếng vì chữ viết trên ấm rất đẹp. Những nghệ nhân nổi tiếng của họ gồm có Tưởng Yến Hanh, Trần Quang Minh, Phạm Đại Sinh, Vương Diễn Xuân, Trình Thọ Trân. Những ấm xuất cảng thường có cả con dấu của nghệ nhân lẫn con dấu của hãng. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 có hai hãng khác là Chân Ký và Ngô Đức Thịnh cũng phát đạt.

Thời Dân Quốc ấm Nghi Hưng được xuất cảng rất nhiều sang Nhật Bản, Đông Nam Á, Âu Châu và Mỹ Châu. Thời đó cũng có nhiều thợ khéo nhưng kiểu thường giản dị, cân đối chứ không cầu kỳ như thời trước. Có lẽ vì nhu cầu thương mại và thị hiếu đã thay đổi. Đến thời loạn lạc thập niên 1930, 1940 việc sản xuất ấm phải đình trệ. Sau khi Trung Cộng nắm quyền, việc sản xuất được qui tụ

22 Kinh Khê, Dương Tiện đều là tên cũ của Nghi Hưng

thành công xã nhưng không phát triển được.[23] Thời Cách Mạng Văn Hóa lại một lần nữa kỹ nghệ này bị vùi dập. Việc làm ấm vì thế cũng bị triệt hạ. Sau khi Đặng Tiểu Bình thi hành chính sách cải tổ, Trung Cộng phục hồi ngành nặn ấm tử sa. Năm 1979, xí nghiệp Nghi Hưng Tử Sa đã sử dụng đến 600 nhân công. Hiện nay, một số thợ chuyên môn trẻ và tương đối có trình độ đã khôi phục lại được công nghiệp này, nhất là càng ngày càng có nhiều người ưa chuộng và sưu tập.

Nói đến ấm trà không thể không nhắc đến ấm sản xuất tại Đài Loan. Từ khi chính quyền dân quốc thiên di sang hòn đảo này, nhiều người trong số di dân là nhà sưu tập hoặc dân bản xứ vùng Giang Tô. Nghề làm ấm cũng được truyền theo. Ấm Đài Loan cũng đẹp không kém gì ấm sản xuất tại lục địa. Về phương diện tinh xảo và cầu kỳ có phần hơn. Tuy nhiên giá cả thường đắt một chút.

Hongkong và Singapore cũng là nơi có nhiều danh thủ trong cả sưu tập lẫn chế tạo ấm. Viện Bảo Tàng Trà Khí Hongkong (Flaggstaff House Museum of Tea Ware) được chính thức mở cửa từ ngày 27 tháng giêng năm 1984 trong đó Tiến sĩ K.S. Lo cống hiến hơn 600 món, từ trà cụ thời Tây Chu (thế kỷ 11 trước TC) đến tận gần đây. Chính Viện Bảo tàng này đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm, trình diễn phương thức uống trà, và thi nặn ấm (ba lần 1986, 1989 và 1992) đã được rất nhiều người hâm mộ và tham dự. Sáng tác mới của nghệ nhân đời nay thật phong phú, phối hợp được quan điểm Đông và Tây thoát hẳn những mô dạng của đời trước.

Phong khí uống trà hiện nay cũng trở thành một phong trào, tuy không rầm rộ như những thưởng thức khác nhưng cũng rất đáng kể. Nhiều trà thất, hiệp hội, trung tâm, tổ chức và nhóm nghiên cứu được thành lập khắp nơi trên thế giới (kể cả tại Mỹ) nhất là tại những nơi có nhiều Hoa Kiều. Tại Hoa lục (Bắc Kinh, Hàng Châu, Quảng Châu) và Đài Loan, Hongkong, Singapore lại càng phát triển. Lại có những tạp chí bằng Anh, Pháp, Hoa ngữ chuyên cho những người thích trà ngon và chuộng việc sưu tập ấm tử sa.

Một điểm đáng lưu ý là hiện nay các kiểu ấm đã tiến lên một bước rất xa. Trước đây nghệ nhân vẫn coi ấm là chính, hình dáng thay đổi chỉ cốt để chứng tỏ cái xảo diệu kết hợp mô thức thiên nhiên với công dụng của trà cụ. Ngày nay, nhiều kiểu ấm đã gần như thoát hẳn cái công dụng pha trà. Có cái hình xe cút kít, chiếc ghế mây, cái giếng, cái rương, đồng tiền. Tuy lạ mắt nhưng không tiện. Nhà Thiên Nhân thì họa nhiều kiểu có hình dáng như những tác phẩm điêu khắc mới, trông cũng hay và tân kỳ. Nhiều nghệ nhân cũng nặn tượng, tuy tinh xảo nhưng gần như không liên quan gì đến những đặc tính độc đáo của đất tử sa.

Việt Nam hiện nay cũng có nhiều nơi nặn ấm, thường là bắt chước kiểu Tàu. Mấy năm trước, có người về thăm quê đem sang cho tôi một bộ đồ trà trạm bằng đá cẩm thạch hồng, vân trắng. Ấm chén theo hình hoa sen, đĩa là một lá sen. Tuy nhiên đây là loại ấm để chưng vì không thể dùng vào việc pha trà. Việt Nam cũng làm ấm theo kiểu Nghi Hưng nhưng chưa tinh xảo. Nếu thực sự muốn chiếm một chỗ đứng trên thị trường, chúng ta còn phải đầu tư và học hỏi nhiều.

TRÀ CỤ

Nói tới ấm trà mà không nhắc qua tới những dụng cụ phụ thuộc thì kể cũng thiếu. Cùng với ấm, người uống trà phải có chén, chén tống chén quân theo kiểu Việt Nam hoặc một ấm chuyên theo kiểu Tàu. Có những loại chén kiểu làm bằng đất tử sa nhưng cũng có những chén sứ mỏng gọi là sứ vỏ trứng. Tùy ý thích, mỗi người có một cách chọn màu, chọn kiểu. Hiện nay người ta cũng chế ra nhiều kiểu chén lạ mắt, có khi trông như một ống

23 Những ấm sản xuất theo kiểu hợp tác xã, chỉ đề Trung Quốc, Nghi Hưng chứ không đề tên nghệ nhân. Hàng sản xuất theo chỉ tiêu, thô kệch, vụng về nên cũng không bán được cho ai.

trúc, có khi hình củ lạc (đậu phộng). Ngoài ra phải có đĩa đựng, cũng xinh xinh nho nhỏ cho hợp với chén uống trà. Ấm màu nào thì người ta chọn chén và đĩa cũng màu đó. Thế nhưng thường thì chén chỉ có những màu thông dụng như màu nâu đậm, màu đỏ hay màu vàng chứ không thấy mà xanh hay màu đen. Ngoài ra còn phải có bình chuyên trà, bồn đựng bã trà và chứa nước tráng ấm, thuyền trà (cái chậu nhỏ để ấm và hứng nước trong ấm trào ra), đĩa lớn để ly, kén cho đủ một bộ tiệp màu đã khó huống hồ nếu nhiều ấm, nhiều màu, nhiều kiểu.

Người kỹ hơn còn mua cả hộp đựng trà cũng bằng đất nung và ống đựng những vật dụng linh tinh như cóng xúc trà (giống như một cái thìa bằng gỗ hay một ống tre vát một đầu để lường trà trước khi đổ vào ấm), đồ móc bã trà (gọt bằng gỗ hay tre), tăm thông vòi, cái kẹp chén (để gắp chén khi tráng nước sôi hầu vệ sinh và không phỏng tay), khăn lau. Kiếm được cái khay trà vừa vặn cho mỗi bộ cũng không phải dễ dàng.

Dĩ nhiên không thể thiếu cái ấm nấu nước pha trà bằng kim loại, bằng sứ hay ấm điện. Cũng nên có một cái bình thủy để chứa nước nóng mặc dù nhiều người kỹ không chịu dùng nước bình thủy mà dùng bình tự hâm nóng. Cầu kỳ hơn thì mua cả nhiệt kế và"timer" để hãm trà cho thật chuẩn. Người khó tính lại còn cho rằng phải bếp than mới ngon. Thế nhưng nếu máy móc quá như thế thì uống trà không còn thú vị được bao nhiêu.

CÁCH DÙNG ẤM

Nên chọn ấm như thế nào? Câu hỏi đó không phải dễ trả lời. Nó tùy theo nhu cầu. Thường thì chúng ta chỉ uống một mình hay hai người nên ấm không nên lớn quá. Ấm nào chỉ đủ rót ra hai tới bốn ly là vừa. Ấm độc ẩm (chỉ rót được một ly) cầm lóng cóng mà lại mất công rót đi rót lại hoài, không tiện. Ấm song ẩm dùng khi uống một mình và nếu uống hai người thì phải loại lớn hơn để mỗi lầm rót ra đủ cho mỗi người hai chén. Cũng nên có thêm một hai ấm lớn phòng khi phải đãi "tục khách" sau những buổi họp mặt đông người.

Ấm dùng hàng ngày không nên mua loại hình dáng kỳ dị, khó pha và cũng khó rửa. Ấm trơn hoặc ấm hình kỷ hà, trang trí nhã nhặn, diểm vài chữ viết à là tiện nhất. Trà, ấm cũng không thoát khỏi qui luật tiền nào của nấy tuy rằng nhiều khi cũng mua được một cái ấm giá hời. Những ấm đắt tiền thường là đất tốt, da mịn, trông qua cũng biết loại thượng phẩm. Nếu thực sự muốn dùng ấm vào mục đích uống trà, ta nên kiếm những kiểu giản phác, miệng rộng thân bè (như kiểu của Huệ Mạnh Thần) để dễ châm và thay bã trà. Những kiểu lạ lùng, kiểu cọ để chưng hơn là để dùng. Ấm trà bán theo bộ, nghĩa là đủ mọi thứ trong một "set" thường không phải là loại hảo hạng, chỉ dùng trong việc tiếp khách đông người. Ấm rẻ tiền hạng soàng, sờ nhám tay, trong lòng ấm chỗ lồi chỗ lõm, thô tạo.

Ấm mua về không nên dùng uống ngay. Tốt hơn cả là dùng giấy nhám nhuyễn đánh trong ngoài cho sạch sẽ, trơn tru hết những bụi đất sét còn bám vào. Sau đó phải rửa cho hết mùi đất. Thường thì nên nấu trong nước sôi một lúc cho kỹ hơn. Những người chuyên môn chỉ là phải cho trà cũ vào nấu trong ba tiếng đồng hồ để trà thấm vào những khí khổng khiến ấm sậm màu hơn và nhiễm mùi trà[24]. Nếu không phải pha trà và đổ đi bốn lần đầu. Vũ Thế Ngọc chỉ một "bí quyết" của ông là đem ấm ninh trong trà trong bảy ngày đêm, đem ra rửa sơ rồi ủ vào trà trong hai tuần, ấm sẽ cũ như đã dùng hàng trăm năm[25]. Các chuyên gia nói là nếu như định chọn ấm để dùng cho loại trà ngon thì không nên tôi ấm bằng trà thường mà phải dùng trà cùng loại vì mặt trong ấm sẽ nhiễm mùi và ảnh hưởng đến trà sau này.

Theo thời gian, ấm uống trà lâu ngày cũng ngả màu dần, chuyển sang đậm hơn lúc mới mua và cũng bóng hơn. Ấm tử sa không nên rửa hay cọ bên trong mà chỉ tráng bằng nước nóng, để cho khô và dùng khăn sạch lau bên ngoài. Vì thế ấm dùng lâu năm có đóng một lớp cao, càng dày, càng quí[26]. Mỗi cái ấm chỉ nên dùng một loại trà để hương vị thuần nhất. Một bộ trà dùng lâu trở nên thân thiết như một người bạn, khác hẳn những sưu tập khác

24 Gọi là tôi ấm

25 Hiện nay người Trung Hoa đã chế ra một loại máy tôi ấm, chỉ để ấm mới vào phun và sấy bằng nước trà trong 24 giờ, đem ra trông cũ và bóng như dùng đã lâu.

chỉ là sở thích mà không có liên hệ trực tiếp với đời sống hàng ngày. Có người cầu kỳ còn ví rằng mỗi lần uống trà là phối hợp cả ngũ hành kim (ấm đun nước), mộc (trà), thủy, hỏa và thổ (bình trà). Người Việt Nam ta không coi uống trà như một thứ nghi lễ như người Nhật, lại cũng không huê dạng, phô diễn như người Tàu. Tuy cũng chuộng ấm Tàu, trà Tàu nhưng thường là một phần của sinh hoạt làm tăng hương vị cho đời sống. Không ai nghĩ rằng phải cất công đi hàng nghìn dặm để kiếm cho được một hũ nước pha trà.

CÁCH PHA TRÀ

Pha trà là một nghệ thuật. Chọn ấm, chọn trà đã đành mà còn phải kén cả nước. Thường thì nên dùng nước lọc hoặc nước suối. Loại nước cất người ta chê là nhạt. Một nguyên tắc chung là lục trà hay ô long dùng ấm nhỏ, chỉ có hồng trà mới dùng ấm lớn. Ấm nhỏ hãm trà mau, độ ủ trà càng cao càng để lâu. Sau đây là phương pháp pha trà của nhà Thiên Nhân (Tenren), một hãng bán trà danh tiếng của Đài Loan[27] :

- 1. Sửa soạn đầy đủ dụng cụ, gồm bình trà, thuyền trà (cái bát lớn để ấm), bồn (bình đựng nước đổ đi, nắp là một cái đĩa có lỗ hủng để nước chảy xuống, dùng làm đĩa đựng chén), chén đựng trà và nước sôi.
- 2. Tráng bằng nước sôi để cho ấm chén nóng đều, trà pha ngon hơn.
- 3. Đổ trà đầy khoảng nửa ấm
- 4. Đổ nước sôi cho đến khi nước tràn ra ngoài. Đóng nắp lại.
- 5. Trong giây lát (trong vòng 15 giây) đổ hết nước ra thuyền trà. Đổ nước trà đó vào bồn. Lý do là để cho trà tơi ra hầu nước trà được ngấm đều.
- 6. Lại đổ đầy nước và đóng nắp lại. Đợi chừng 45 giây đến 1 phút cho trà ngấm.
- 7. Trong khi chờ đợi, đổ nước vào thuyền (trong có ấm) cho đến khi ngập khoảng một nửa.
- 8. Rửa chén bằng cách xoay tròn chén trong thuyền, nơi tay cầm. Lấy ra xếp lên bồn.
- 9. Đủ 45 giây đến một phút, nhấc ấm ra. Gạt nước bám vào trôn ấm lên thành thuyền trà.
- 10. Rót trà theo kiểu xoay tròn hay qua lại để cho trà trong mỗi chén đều đậm bằng nhau, không chén nào lợt hơn chén nào.
- 11. Uống trà. Uống chầm chậm để thưởng thức hương vị.
- 12. Tiếp tục đi lại từ bước thứ sáu, mỗi lần thêm chừng 15 giây.

Theo hết được chu kỳ này chúng ta thấy hơi rắc rối và huê dạng. Thực ra, pha trà chỉ đặt nặng hai điều. Một là phải có đủ nước sôi để tráng ấm, rửa ly cho được rộng rãi. Trước khi uống cũng nên rót đầy nước vào ấm, vào thuyền trà để hâm cho ấm và ly nóng kỹ. Ngay cả đĩa đựng chén cũng rửa bằng nước sôi. Có như thế, trà cụ khi bắt đầu pha mới khô ráo và sạch sẽ.

Hai là trà phải đủ, không thể hà tiện – nghĩa là trà khô trước khi pha phải khoảng 1/3 tới 2/5 ấm – và khi nở đều phải chặt ấm. Nước phải đủ nóng, trà phải đủ lượng thì khi pha mới bốc hơi. Không gì chán bằng một ấm trà pha nhạt nhẽo.

Khi châm nước vào ấm, cũng nên quá tay một chút để nước tràn ra ngoài và khi đậy vung vào, nước lại trào ra một lần nữa. Lúc đó mới tưới thêm cho ướt cả ấm. Nhìn những giọt nước bên ngoài bốc hơi nghi ngút cũng là một cái thú và cũng là một cách để lượng định thời gian chờ ngấm trà. Nước đầu tiên rửa trà phải đổ đi, nước thứ hai và nước thứ ba ngon hơn cả. Trà ngon có thể uống đến nước thứ bảy, thứ tám. Khi uống xong làm thế nào phải còn đủ nước để rửa ấm, rửa ly một lần nữa trước khi cất. Pha trà là một công việc mà người ta phải tiết độ, nhịp nhàng. Nếu nói rằng ngoại vật ảnh hưởng đến tâm hồn thì đây cũng là lúc để cho lòng mình lắng dịu.

26 Riêng người viết vẫn chủ trương khi dùng nên tráng rửa nước nóng sạch sẽ, tuy cao có mỏng nhưng cảm thấy yên tâm hơn. Việc gia tăng hương vị như nhiều người mô tả nếu có cao dày tôi không nghĩ là hoàn toàn đúng sự thật.

27 Có rất nhiều cách pha trà, tùy từng loại trà, trà cụ và cũng tùy địa phương. Đi sâu vào những kỹ thuật đó cũng mất nhiều công phu. Ở đây chúng tôi chỉ miêu tả phương thứ thông thường nhất mà mỗi người có thể áp dụng khi đãi khách. Những phương pháp khác chúng tôi không đề cập đến.

Về trà, trà ngon bao giờ hơi lên cũng đượm. Có loại thì thơm ngát, nhẹ nhàng thanh thoát như mùi lan, có loại lại thơm nồng như da thịt một đứa trẻ bụ bẫm (theo mô tả của Lâm Ngữ Đường). Trà ướp thường là thứ phẩm, dẫu là ướp sâm. Uống trà cũng ít ai ăn thêm đồ khác như bánh kẹo. Trà đắt tiền, bán tại những tiệm trà lớn thường có cái hương vị riêng độc đáo. Loại thượng phẩm, trăm rưỡi hai trăm một pound, tính ra cũng không phải là quá đắt.

Người ta vẫn cho rằng trà đạo của Nhật chú trọng về nghi thức, còn cách uống trà của Tàu nặng về phẩm chất của trà. Người Trung Hoa coi việc uống trà là một hình thức thưởng ngoạn trong khi người Nhật rất chặt chẽ về thủ tục, coi việc uống trà là một hình thức tế lễ hơn là đi tìm hương vị. Có lẽ vì trà đạo của Nhật do các thiền sư truyền bá, và họ dùng trà để "tìm sự hòa hợp giữa con người với con người, đề cao giá trị tinh thần, và thu ngắn khoảng cách giữa nhân và thiên".[28]

KẾT LUẬN

Trên thực tế chúng ta hôm nay may mắn hơn cổ nhân ngày xưa nhiều. Nếu thích, chúng ta có thể mua và thử đủ các loại trà. Trong tiệm có bán mọi loại, từ trà Đài Loan đến trà Trung Quốc, trà Nhật Bản, trà Tích Lan. Trà trong hộp cũng có mà trà rời cũng có. Lại thêm một thứ trà tiện dụng, rẻ tiền là trà bao, muốn pha chỉ nhúng vào ly nước nóng là xong. Người nào giản tiện nữa có thể mua cả trà đóng hộp như nước ngọt.

Ấm cũng thật nhiều loại. Trong nhiều tiệm bách hóa, có những ấm giá chỉ hai ba đồng. Nhưng nếu ai thích hàng nghệ thuật hơn, cầu kỳ hơn thì từ năm mười đồng, đến vài chục, vài trăm cũng có. Cái nào cũng đích ấm Tàu, chẳng cần thử như kiểu Nguyễn Tuân để úp xuống xem vòi có bằng miệng, hay thả vào nước xem có cân không. Tùy theo giá tiền mà chúng ta có được bộ đồ trà vừa ý. Người thích sưu tập thì chỉ cần bỏ ra một nghìn đồng là có thể có được hai chục chiếc ấm Nghi Hưng, Đài Loan. Thế nhưng cái yếu tố quan trọng nhất để thưởng thức trà là một khung cảnh yên tĩnh, một tâm hồn thư thái thì vẫn là cái gì khó kiếm. Cho nên mỗi khi có một buổi sáng thanh tân, khi uống trà tôi vẫn thường nhẩm đọc:

Nhất oản hầu vẫn nhuận
Nhị oản phá cô muộn
Tam oản sưu khô trường
Duy hữu văn tự ngũ thiên quyển
Tứ oản phát khinh hãn
Bình sinh bất bình sự
Tận hướng mao khổng tán
Ngũ oản cơ cốt thanh
Lục oản thông tiên linh
Thất oản khiết bất đắc
Duy giác lưỡng dịch tập tập thanh phong sinh
...

Chén thứ nhất làm trơn cổ họng
Chén thứ hai làm tan nỗi buồn phiền
Chén thứ ba thấm vào ruột đang khô héo
Chỉ còn lại năm nghìn cuốn sách
Chén thứ tư làm mồ hôi rướm ra
Những chuyện bất bình trong đời
Cũng theo lỗ chân lông mà bay đi
Chén thứ năm làm cơ thể sạch sẽ
Chén thứ sáu đưa ta tới cõi tiên
Chén thứ bảy không uống được nữa
Chỉ thấy hai bên cánh tay gió phần phật thổi

Những câu này in ngay trên hộp đựng trà của nhà Thiên Nhân, dưới cái tên Thất Oản Trà của Lô Đồng.[29]

Việt Nam cũng là một trong nhưng quê hương của cây trà, lại phổ thông, từ thành thị đến thôn quê đâu đâu cũng uống. Những đồi trà của ta cũng nổi tiếng, từ thượng du Bắc Việt đến cao nguyên Trung phần đều có những loại trà độc đáo. Thế nhưng

28 Herbert E. Plutschow, Historical Chanoyu, The Japan Times Ltd, Tokyo 1986 trang 2
29 Thực ra đây là một đoạn trong Trà Ca của Lô Đồng (Đường)

một phần kỹ thuật của người mình chưa tinh, lại chưa biết cách điều chế, quản trị để sản xuất và tiêu thụ một cách qui mô nên hầu như thế giới không ai biết đến trà Việt Nam[30]. Thành thử, trà của ta vẫn chỉ giới hạn trong phạm vi quốc nội, hoặc dùng làm quà mỗi khi có dịp ra nước ngoài. Cạnh tranh được với người chắc cũng còn phải một thời gian lâu.

Nguyễn Duy Chính

11/1996

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Việt Ngữ

- 1. Vũ Thế Ngọc, *Trà Kinh*, EastWest Institute Press 1987
- 2. Nguyễn Tuân, *Vang Bóng Một Thời*, Cảo Thơm 1972
- 3. Bảo Sơn, *Trà Đạo* (bản dịch cuốn The book of Tea của Okakura Kakuzo), Nhà Xuất Bản Tổng Hợp An Giang 1990
- 4. 4. Phan Quốc Sơn, Thú Chơi Những Ấm Trà Đất Nung Cổ, Nguyệt San Y Tế 2/96

II. Anh Ngữ

- 1. Kit Chow và Ione Kramer, *All the Tea in China*, China Books and Peridicals, Inc. 1990
- 2. Roberta Stalberg, *Shopping in China*, China Books and Peridicals, Inc. 1988
- 3. Nhiều tác giả, *The Book of Tea*, Bản Dịch của Deke Dusinberre, Flammarion Paris
- 4. Arts of Asia, *Yi Hsing and Inkstones*, July/August 1971
- 5. Arts of Asia, *Flaggstaff House Museum of Tea Ware 1984-1994*, March/April 1994
- 6. Lin Yutang, *The Importance of Living*, The John Day Company, 1937 (kể cả bản dịch của Nguyễn Hiến Lê và bản chữ Hoa "Sinh Hoạt Đích Nghệ Thuật")
- 7. Herbert E. Plutschow, *Historical Chanoyu*, The Japan Times, Ltd. Tokyo 1986
- 8. Hobson R.L., *The wares of the Ming Dynasty*, Charles E. Tuttle Company 1962
- 9. Tài liệu trong Internet
- 10. The K.S. Lo Cllection, Flagstaff House Museum of Tea Ware, *Yixing, purple clay wares*, Urban Council of Hongkong 1994

III. Hoa ngữ

- 1. *Minh Đại Đào Từ đại toàn*, Nghệ Thuật gia xuất bản xã, Đài Bắc 1989
- 2. *Thanh Đại Đào Từ đại toàn*, Nghệ Thuật gia xuất bản xã, Đài Bắc 1989
- 3. Chu Trọng Thánh, *Bắc Tống Trà Chi Sinh Sản Dữ Kinh Doanh,* Học Sinh Thư Cục, Đài Loan 1985
- 4. Lâm Vĩ Hạo, *Lục Trà,* Sinh Hoạt Y Học Thư Phòng, Đài Bắc 1995
- 5. Lưu Phi Bạch, *Trung Quốc Công Nghệ truyền kỳ*, Tinh Quang, Đài Bắc 1987
- 6. Ngô Trí Hòa, *Trà Đích Văn Hóa*, Hành Chính Viện Văn Hóa Kiến Thiết Ủy Viên Hội ấn hành, Đài Bắc 1987

7. CHÚ THÍCH:

- Thú Chơi Những Ấm Trà Đất Nung Cổ, Phan quốc Sơn, Nguyệt San Y Tế, giai phẩm Xuân Bính Ty, tháng 2 1996
- The Importance of Living, The John Day Company 1937
- Lâm Ngữ Đường, Sdd trang 220
- Vũ Thế Ngọc, Trà Kinh, EastWest Institute Press, California 1987
- Vũ Thế Ngọc, Sdd trang 7
- Herbert E. Plutschow, Historical Chanoyu, The Japan Times Ltd, Tokyo 1986 trang 36
- Ngô Trí Hòa, Trà Đích Văn Hóa, Hành Chính Viện ấn hành, Đài Bắc 1987 trang 37
- Ngô Trí Hòa, Sdd trang 39

30 Đài Loan có mua một số trà của Việt Nam nhưng không phải để chế biến trà ngon mà dùng vào việc sản xuất hàng thương mại như trà bao, trà hộp, bánh kẹo, nấu nướng...

SÁNG TÁC, HÒA ÂM VÀ TRÌNH BÀY MỘT CA KHÚC CÓ ÂM HƯỞNG NHẠC DÂN TỘC

PHẠM VĂN KỲ THANH

Để tiện cho việc diễn đạt tôi xin mạn phép ví von như sau: "nghe một bài hát hay cũng như ăn được một bát phở ngon." Thế thì, một người nghe nhạc khó tính, khi thưởng thức một bài hát có âm hưởng dân ca cũng đòi hỏi bài hát ấy phải được viết và trình bày với đặc tính đích thực của dân ca. Khách sành ăn cũng vậy, cũng đòi hỏi bát phở phải được nấu đúng thị hiếu cá nhân của mình, có nghĩa là nó phải ra cái "mùi" phở mình muốn. Tất nhiên mỗi người một tính có người dễ dãi, có người khó tính khi hưởng lạc thú ở đời. Có những ca khúc bình thường nghe chẳng ra gì. Nhưng ở một trạng huống nào đó nó có thể làm cho lòng ta nức nở. Cũng vậy, khi đói bụng thì phở nào cũng ngon hết. Tuy nhiên, để nói về nghệ thuật trong bất cứ lãnh vực nào thì chúng ta nên bàn luận với những "người khó tính". Bởi vì họ là những người để ý rất kỹ đến phong cách một tác phẩm, tức là cái hay, cái đẹp tuyệt đỉnh của một tác phẩm.

Người Sáng Tác, Người Hát, Người Phụ Soạn Hòa Âm Phối Khí, Người Đệm Nhạc Khí và Người Phụ Trách Kỹ Thuật Âm Thanh.

Để gửi một ca khúc đến thính khán giả, có năm thành phần đóng góp trong công việc này:

Đặt vấn đề một cách rất riêng biệt và rõ ràng, tôi chỉ bàn đến những "ca khúc có âm hưởng nhạc dân tộc". Tôi cũng xin trình bày sơ lược ý kiến cá nhân (có thể chủ quan) về năm thành phần nói trên khi truyền đạt ca khúc đến người nghe.

1. Người sáng tác:

Qua sự tiếp xúc với nhiều nhạc sĩ Việt Nam, tôi được biết khi sáng tác một ca khúc, có người viết nhạc trước rồi đặt lời sau. Có người viết lời trước rồi đặt nhạc sau. Và có người lại viết nhạc và lời cùng một lúc. Tiến trình trước sau này không quan trọng trong sự tạo thành yếu tố nghệ thuật của ca khúc. Tuy nhiên, đã gọi là ca khúc thì ý nhạc bao giờ cũng phải lẩn khuất trong đầu trước. Đây là cái sườn của ca khúc và rất quan trọng. Khi có ý định viết những dòng nhạc có âm hưởng dân tộc, người sáng tác phải nhận diện rõ nét nhạc dân tộc là gì: Định lấy ý nhạc từ nhạc cổ truyền (Chèo, Hát Văn, Ca Trù, Hát Bộ, Nhạc Tài Tử Việt Nam...) hay dân ca (Bắc, Trung, Nam, Dân Tộc Thượng Du, Trung Du Miền Bắc, Dân Tộc Tây Nguyên, Chàm hay Khmer Nam Bộ...). Mỗi một thể loại nhạc nói trên đều có cá tính đặc thù tạo bởi hai yếu tố thang âm và điệu thức. Như thế người sáng tác lại phải làm công việc kế tiếp là chọn thang âm mình muốn trong thể loại nhạc đó (có

mộ t điều ngộ nhận rất phổ thông là nói đến nhạc dân tộc là cứ phải nói đến ngũ cung. Không nhất thiết phải như vậy, tùy theo thể loại nhạc cổ truyền và dân ca Việt Nam đã được nhiều tác giả Trần Văn Khê, Phạm Duy, Hùng Lân... chứng minh thang âm có thể là ngũ cung, tứ cung, tam cung...). Khi chọn được thang âm rồi, công việc vẫn chưa xong. Giống như người nấu phở, công việc chọn thang âm mới chỉ là đi chợ mua được Xương, Hồi, Quế và các gia vị liên hệ. Khi nào tất cả những "phụ tùng" được nấu lên và tạo thành một bát phở khói bốc nghi ngút thơm mùi đúng cái "gu" mình thích thì nhiệm vụ người nấu phở mới hoàn tất. Sau khi chọn được thang âm rồi, người sáng tác phải cho "gia vị" vào bằng những yếu tố mầu sắc, luyến láy, nhấn, mổ, rung, đổ hột (đổ con kiến)... "cái mùi" dân ca, dân nhạc mới "bốc" ra. Người viết nhạc càng hiểu thấu đáo về điệu thức và ghi rõ ràng những yếu tố mầu sắc này bao nhiêu thì người hát và người đàn càng phản ảnh trung thực bấy nhiêu. Thật ra yếu tố điệu thức là một vấn đề phức tạp trong nhạc cổ truyền và dân ca Việt Nam. Hiện nay các nhà nhạc học Việt Nam trong và ngoài nước mới chỉ đồng ý với nhau về vài yếu tố căn bản của điệu thức, và họ mới chỉ bàn luận về điệu thức dựa trên sự phân tích âm nhạc Tài Tử Việt Nam. Kể từ khi giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê đặt vấn đề điệu thức trong luận án tiến sĩ của ông tại đại học Sorbonne (1962), vấn đề điệu thức trong âm nhạc Tài Tử Việt Nam, vấn đề này vẫn được tiếp tục thảo luận và đến nay vẫn chưa ngã ngũ (ngoài nước có Nguyễn Thuyết Phong, trong nước có Thụy Loan, Lư Nhất Vũ, Kiều Tấn, Tô Vũ, Thế Bảo, Nguyễn Văn Hoa, Vũ Hồng Thịnh, Bùi Lẫm, Tô Đông Hải...). Để đơn giản hóa sự định nghĩa những yếu tố cấu tạo thành yếu tố điệu thức, như trên đã nói người sáng tác phải vận dụng được những nét mầu sắc, nhấn, mổ, rung, luyến láy... để ca khúc của mình ra đúng cái âm hưởng của thể loại nhạc dân tộc mình muốn nhắm tới. Tầm quan trọng của điệu thức có thể nói như sau: cùng một thang âm Bắc (thí dụ: Do, Ré, Fa, Sol, La, Do) nếu những yếu tố mầu sắc viết và diễn không đúng, chúng ta có thể lầm lẫn từ hơi Bắc (ngũ cung đúng, đặc trưng là dân ca trung du miền Bắc và một vài nơi trên ba miền đất nước) sang hơi Nhạc (nhạc lễ nghiêm chỉnh) hoặc hơi Quảng (nhạc Quảng Đông).

2. Người hát:

Người hát cũng phải nắm vững tất cả những yếu tố về điệu thức nói trên để diễn đạt cho đúng ý tác giả. Hương Lan vì có căn bản thâm sâu về âm nhạc cải lương miền Nam nên cô trình bày những ca khúc có âm hưởng dân ca miền Nam (hơi oán) rất thành công như "Chiếc áo Bà Ba" của Trần Thiện Thanh hay "Nỗi Buồn Phương Nam'' của Vũ Đức Sao Biển. Nhưng cô trình bày "Mưa Trên Phố Huế" của Minh Kỳ chưa ra "chất Huế", vì cô phát âm chưa đủ nặng theo lối phát âm Huế. Trái lại, Hà Thanh lại rất thành công trong những ca khúc của Duy Khánh mang âm hưởng Huế, vì cô phát âm tiếng Huế rất chỉnh. Gần đây có một tác giả khá thành công về những ca khúc mang âm hưởng Huế là nhạc sĩ Võ Tá Hân (chẳng hạn trong ca khúc "Rất Huế", Võ Tá Hân đã nắm khá vững về "chất Huế", điều này dễ hiểu, anh sinh trưởng tại Huế). Trường hợp những ca khúc của Phạm Duy có âm hưởng dân ca miền Bắc, Ái Vân trình bày những nhạc phẩm này khá thành công vì Ái Vân nắm rất vững những luyến láy của Chèo.

Hát Văn và Dân Ca Miền Bắc.

3. Người phụ soạn Hòa âm và Phối Khí và những nhạc cộng sử dụng nhạc khí:

Hiện nay trong một số nhạc phẩm có âm hưởng dân tộc, được hòa âm và phố khí theo lối nhạc Tây Phương. Điều này không sao cả, tuy nhiên khi người viết nhạc đệm nếu muốn phụ soạn cho một nhạc cụ dân tộc vào dàn nhạc của mình cũng nên để ý đến những đặc điểm kỹ thuật, sắc tiếng và yếu tố điệu thức của cây đàn đó. Thí dụ cây đàn Bầu là một nhạc khí đơn điệu và rất khó đánh chính xác vì tạo âm bằng cách điều khiển độ căng của dây và bội âm. Nếu khuếch đại âm thanh của đàn bầu lớn quá hoặc để đàn này solo đoạn nhạc dài quá có thể phô bày hết sự không đúng cao độ của âm thanh. Trái lại đàn Nguyệt tiếng rất nhỏ nhưng chắc chắn. Nhạc khí này chỉ nên sử dụng đơn độc hoặc những nhạc khí phụ họa phải chơi rất nhỏ để làm nổi bật những "giọt" đàn Nguyệt lên. Người phối khí cho ca khúc "Trên Đỉnh Phù Vân" (của Phó Đức Phương do Mỹ Linh hát) rất thành công khi sử dụng đàn Nguyệt. Còn một vấn đề nữa là khi dùng dụng cụ điện tử để "nhái" những nhạc khí cổ truyền Việt Nam, người phối khí cũng nên cẩn thận về vấn đề sắc tiếng của cây đàn. Cây đàn Việt Nam rất mỏng manh và thường đánh rất chậm (trừ đàn Nguyệt khi tấu Chầu Văn), nếu dùng keyboard (thường có khuynh hướng chạy arpegio) để thay thế những cây đàn này, người viết phối khí nên để ý những đặc tính đặc thù về kỹ thuật của từng cây đàn. Thí dụ cây đàn Đáy có những đặc điểm kỹ thuật đặc biệt như Chụp (Trille), Vuốt (Glissando), Vê (Tremolo) và Rung (Vibrato) khác hẳn những đàn khác. Còn đàn Tranh thì đặc điểm của nó là kỹ thuật Nhấn, Mổ, Rung, người viết phối khí phải sử dụng được hết những kỹ thuật này. Vì thế, đôi khi synthetizer không thay thế được kỹ thuật diễn tấu và sắc tiếng (timber) của đàn cổ truyền.

Trên phương diện hòa âm. Dân nhạc Việt Nam thuộc hệ thống nhạc Âm thức (modality) không giống như hệ thống âm thể (tonality) như nhạc Tây Phương. Vì thế, dàn nhạc Việt không có hợp âm (accords) và thích hợp với lối hòa âm theo chiều ngang hơn là chiều dọc (như nhạc Tây Phương). Tuy nhiên, đàn Nguyệt đôi khi sử dụng để phát ra những Cụm âm (cluster) trong âm nhạc Hát Văn. Nói về hòa âm theo chiều ngang, các nhạc sĩ đàn dân tộc khi hòa âm thường "luồn" với nhau (như thể Tòng âm (fugue) hoặc Đối âm (counterpoint) hoặc nhạc đuổi (canon) của nhạc Tây Phương). Có nghĩa là những âm thanh của nhạc dân tộc khi tấu "chồng" lên nhau không theo quy luật như hòa âm Tây Phương. Tóm lại, ngoài những yếu tố quan trọng về điệu thức như đã nói trên, người viết hòa âm phối khí và người sử dụng nhạc khí cho những ca khúc ảnh hưởng nhạc dân tộc còn nên nắm vững được cả kỹ thuật đặc biệt của cây đàn đó và cả sắc tiếng của nó nữa. Dù có sử dụng dụng cụ điện tử để thay thế những nhạc khí dân tộc cũng nên để ý đến những yêu tố nói trên.

4. Chuyên Viên âm Thanh:

Ở thời điểm này, chuyên viên âm thanh đóng một vai trò rất quan trọng (khi mix các nhạc khí và giọng hát với nhau) khi giới thiệu ca khúc đến người nghe. Vì thế, nếu chuyên viên âm thanh không được người thực hiện hướng dẫn chu đáo, có thể làm hỏng bài nhạc.

Tất cả những trách nhiệm của những thành phần nói trên (người viết nhạc, người viết phối khí, người hát, người đệm nhạc) phải được thực hiện trung thực bởi chuyên viên âm thanh. Thí dụ, đàn Tranh là đàn dây sắt. Tự nó âm thanh cũng đã vang, nếu để tiếng vọng vang (écho) nhiều quá sẽ làm mất căn bản chất mong manh, len lỏi của dây sắt. Còn các nhạc khí dây tơ hoặc gân (đàn Đáy), chuyên viên âm thanh lại phải để ý đến âm thanh khô của những nhạc khí này.

Những điều trình bày ở trên rất là giản lược và tránh bàn sâu vào vấn đề lý thuyết chuyên môn và trường ốc là vì người viết muốn nhiều người chia sẻ với những ý kiến này. Tuy phở nấu không ngon lắm nhưng có nhiều người chia sẻ thì đầu bếp cũng rất hoan hỉ. Người viết mong có dịp khác tái ngộ cùng quý độc giả xa gần. Và nhất là người đầu bếp có quên "gia vị" nào xin lượng tình bỏ qua.

Phạm Văn Kỳ Thanh

CÁI LƯỠI CÂU

CAO XUÂN HUY

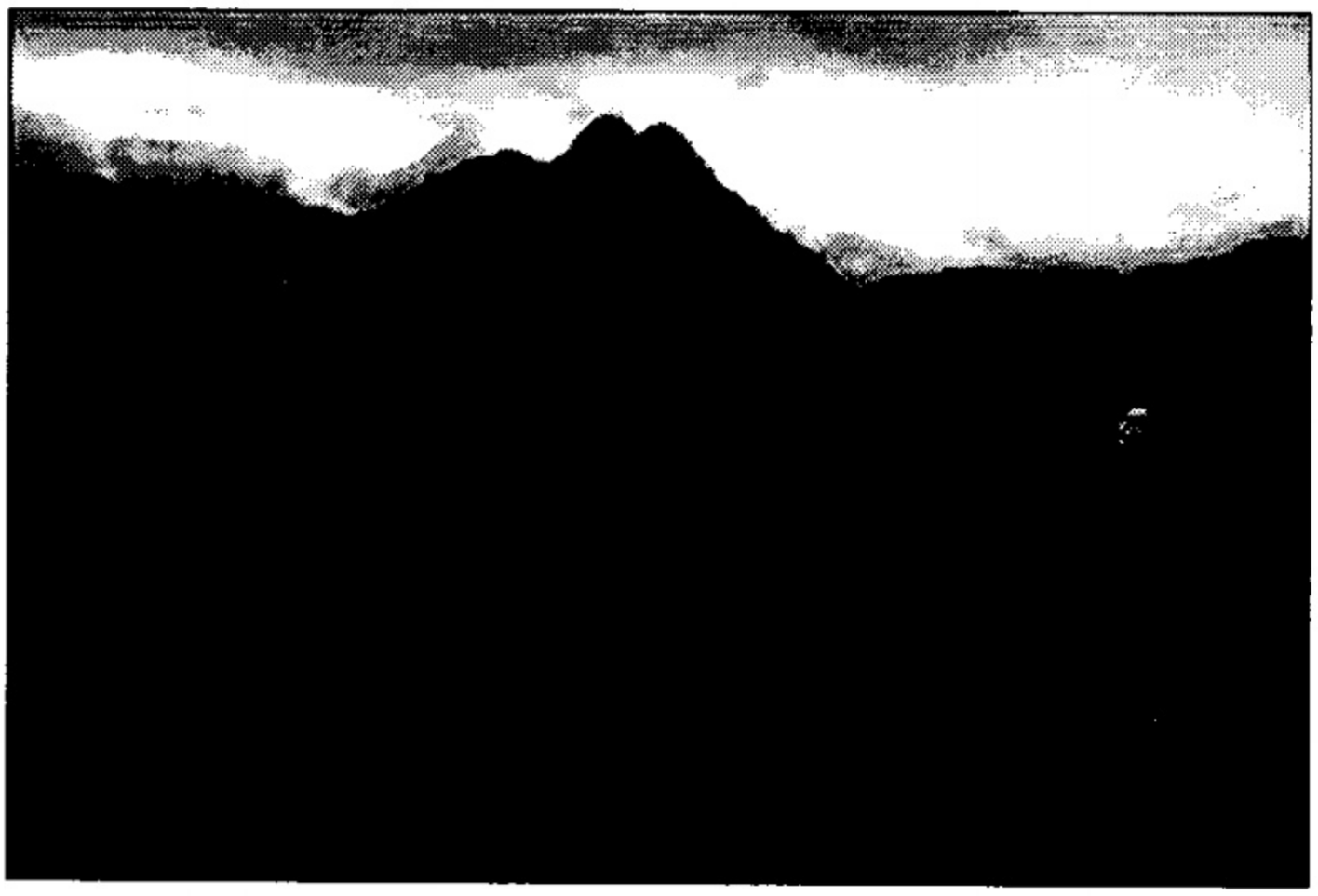

Thạnh năn nỉ:

"Mày thông cảm, tao chỉ có hai thìa."

Tường lắc đầu:

"Ba là ba."

Thạnh thở dài:

"Hay mày cho tao thiếu."

"Thiếu? Rồi lấy gì mày trả?"

"Thì..."

"Không."

Thạnh thất vọng:

"Thôi thì, lấy cái hạng nhì vậy."

"Đưa đây."

Thạnh móc trong túi ra một miếng vải được buộc túm chặt bằng lạt tre, cẩn thận gỡ sợi lạt. Một dúm muối hột đen bẩn hiện ra. Thạnh trân trọng, nâng niu múc, vừa chẵn được hai thìa, đổ vào bát của Tường. Tường chăm chú nhìn Thạnh đong muối. Xong xuôi, Tường chùi cái lưỡi câu thêm một lần trước khi đưa cho Thạnh. Thạnh cầm cái lưỡi câu, mắt nhìn với theo bát muối trên tay Tường. Còn một ít muối vụn dính vào miếng vải, Thạnh thè lưỡi chấm chấm. Vị ngọt lan nhanh trong miệng, nước bọt ứa ra.

Những sợi chỉ tháo từ cái ba lô rách trở thành dây cước, Thạnh buộc vụng về nhưng cẩn thận vào cái lưỡi câu vừa "mua" được. *Có thế chứ, cuối cùng mình cũng đã có được cái lưỡi câu. Dù không bằng cái hạng nhất làm từ kim băng, nhưng, vẫn là một cái lưỡi câu, hạng nhì.*

◆

Để chống lại cái rét căm căm của mùa Đông núi rừng miền Bắc, hơn bốn chục người tù phải bốc thăm để chia nhau một cái áo ấm. Ngoài sân, lửa phải đốt suốt ngày. Đêm, phải mang than hồng lót dưới sạp nằm. Lúc nửa đêm, cái lạnh nhức xương làm Thạnh thức giấc, than dưới sạp đã tàn, Thạnh ra đống lửa ngoài sân hút một điếu thuốc lào.

Vừa đặt điếu xuống, Thạnh thấy thốn đau ở ngực, cổ họng như có cái gì muốn trào ra, mà không phải là nôn. Chúi đầu xuống đống lửa, Thạnh há miệng, nước lẫn bọt từ trong ngực dồn lên, rồi tự động tuôn ộc ra khỏi miệng từng đợt từng đợt.

Toàn, cũng không ngủ được, đang ngồi hơ lửa, hốt hoảng kêu lên:

"Thạnh! Mày ói ra máu!"

Thạnh đưa tay quệt ngang miệng, giơ ra ánh lửa. Màu đỏ tươi dính trên tay áo. Thạnh lại gập người xuống, há hốc miệng vào đống lửa, máu lại trào ra.

Toàn chồm tới, đưa tay đỡ ngực Thạnh:

"Để tao lên bệnh xá xin thuốc cầm máu."

Toàn đứng dậy, dợm bước. Thạnh thều thào gọi giật lại:

"Thôi Toàn, để họ ngủ."

"Nhưng máu ra nhiều thế kia."

"Có thuốc đâu mà xin. Mà... cũng không cần. Chỉ cần mày... làm chứng... cho tao... là đủ rồi."

Làm chứng tao mửa ra máu, may ra, tao sẽ được nghỉ lao động một ngày. Được nghỉ những nguyên một ngày lao đông... *Bỗng dưng, đám máu tươi bầy nhầy không làm Thạnh sợ choáng người như lúc vừa nôn. Ngược lại, nó đã trở thành những tia hy vọng.*

Thạnh nhìn Toàn, hy vọng...

Toàn chỉ lắc đầu, lẩm bẩm trong miệng:

"Không có thuốc, rồi làm sao 'qua được mùa Đông này..."

Thạnh đưa tay chận ngực, hổn hển:

"Qua được hay không qua được, nói làm gì. Mày nhớ... làm chứng... cho tao nghe."

♦

Cái phao động đậy, Thạnh hồi hộp đợi. Cái phao vẫn động đậy. Chờ cho đến khi cái phao đứng yên, Thạnh cẩn thận nhấc cần. Con giun mồi biến mất, chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao lại động đậy, Thạnh hồi hộp. Cái phao đứng yên, Thạnh lại cẩn thận nhấc cần. Con mồi biến mất, lại chỉ còn trơ ra cái lưỡi câu.

Cái phao động đậy. Lần này, Thạnh không đợi nữa mà, vút... Thạnh giựt mạnh cần.

Nặng tay. Sợi dây cước căng hết cỡ làm cong đầu cần.

Thạnh giựt giựt cần, vẫn nặng tay.

Chắc là một con cá to, phải là cá to chứ. Cái hố bom B-52 kín đáo, nằm khuất sâu trong rừng già, mới chỉ có một mình Thạnh tìm ra. Cái hố bom mà Thạnh phải thật gian nan mới vào đến được, chưa kể phải đánh dấu để khỏi lạc đường về trước khi trời tối. "Một con cá to," Thạnh nhớ ngay đến Toàn, chắc cũng phải tìm cách chia cho nó một phần. Nghĩ đến đây, Thạnh hứng chí, mẹ, thằng vua "cờ tây" suốt ngày ngâm nga "*sống trên đời...*", con vật "ăn đủ thứ" ấy mà bạn tao còn khen ngon, thì huống gì mày, cá ơi là cá! Bất kể mày ăn cái gì ở dưới hố bom này, chúng ông cũng ăn mày, chúng ông cũng ăn mày cho đã đời. Thạnh liếm môi, hít hít mùi thơm tưởng tượng, nuốt ực miếng nước bọt vừa ứa ra.

♦

Nhưng, nhìn lại, cái phao không còn động đậy, Thạnh đâm nghĩ ngợi. Nếu là cá to, thì cái lưỡi câu hạng nhì và cái gọi là dây cước, nó chỉ cần táp nhẹ một cái là đã đi đời nhà ma rồi, chứ sao lại nặng. Hay là... rắn? Hay... một con quái vật rừng già nào khác? Hay là, lưỡi câu đã lọt thỏm vào giữa hàm răng của... một cái đầu lâu đã thành tinh dưới đáy hố bom cũng là đáy huyệt? Thạnh chùn tay, đảo mắt nhìn quanh, bỗng nhận ra, trong cái không gian âm u đầy đe dọa của núi rừng hoang rợ vào lúc buổi chiều đang dẫy chết này, Thạnh chỉ có mỗi một mình, với cái hố bom ma quái.

Gió bắt đầu thổi mạnh, luồn qua khe núi, thốc qua những lùm cây, những bụi gai rừng, rít lên từng chập. Tiếng côn trùng rền rĩ càng làm khung cảnh thêm thê lương. Thạnh gai người, nhớ lại những đêm hành quân lởn vởn những xác người và chờn vờn những bóng ma.

Nghĩ đến ma, Thạnh nhớ lại câu chuyện một người lính kể vào một đêm trời cũng chập choạng tối như đêm nay:

Đơn vị em vừa tái chiếm một ngọn đồi, sau một trận đánh khốc liệt. Mùi máu tanh như vẫn còn vướng vất trên những lùm cây. Em ngồi gác, trong bóng tối nhá nhem của buổi chiều, khu rừng già trước mặt như vẫn còn đầy bất trắc. Trong không gian im vắng, đột nhiên em thấy như có gì di động trong rừng cây. Phản xạ của một thằng lính gác là mở chốt an toàn của khẩu súng trên tay. Nhưng trong khoảnh khắc, em chợt nghe "cách", tiếng mở khóa an toàn một khẩu M-16 khác ngay bên cạnh. Em giật mình quay lại, một thằng lính lạ mặt, không cùng đơn vị đã ngồi cạnh em từ lúc nào. Quái lạ và vô lý, em đang gác ca đơn, ca gác đơn không thể có hai người. Thằng này ở đâu ra?

Nó nhìn em:

"Vô sự. Gió đấy thôi!"

Kinh ngạc và hoang mang, em hỏi nó:

"Mày là ai? Sao lại ở đây?"

Nó co ro:

"Lạnh quá, cho tao ngồi chung với. Giờ này là ca gác của tao."

Rồi nó tự động lót mũ sắt ngồi xuống. Em nhìn phù hiệu trên tay áo nó:

"Mày có lộn không?Đây là đơn vị tao, mày về đơn vị mày mà gác."

Nó cãi:

"Đơn vị tao ở đây."

Tay nó chỉ xuống đất, ngay dưới chỗ hai đứa đang ngồi.

Lúc em nhìn lên, nó biến mất, em vụt nhớ lại khuôn mặt nó, khuôn mặt xanh lè của một xác chết, với bệt máu còn đọng trên mép chưa khô, phù hiệu đeo trên tay là của một đơn vị bạn từng đóng trên ngọn đồi này, đã chết không còn ai, trong một trận tấn công của địch mấy tháng trước, xác không kịp mang đi, được lấp vội vàng tại đây, ngay dưới chân vọng gác này.

♦

Gió rít mạnh hơn, tiếng rít của núi rừng hay tiếng rít ai oán của những thây ma đang nằm rên rỉ dưới đáy hố bom? Thạnh rùng mình kéo cao cổ áo. Người anh em phía bên kia muốn về báo hận ta chăng? Thôi, hận nhau làm gì nữa, các anh nằm dưới đáy hố bom thì cũng đâu khác gì tôi đang ngồi dưới đáy vực của cuộc sống này. Nói cho cùng, chúng ta không phải là đồng đội, nhưng là đồng nghiệp với nhau đấy chứ. Các anh không thấy sao? Chúng ta đều là những người trẻ đi lùng giết nhau để tranh giành những thung lũng, những ngọn đồi đầy xác chết.

Thạnh dợm người, với tay kéo mạnh chiếc cần câu. Chiếc cần vẫn cứng ngắc như có ai ghì lại dưới đáy. Mặt nước bây giờ đã đầy bóng tối. Thạnh căng mắt nhìn.

Không còn thấy cái phao.

Bõm...

Có ai vừa nhảy xuống nước, hay tiếng của một vật gì rơi.

Thạnh giật mình hốt hoảng, định bỏ chạy, nhưng cái cần câu trên tay kéo giữ Thạnh lại.

Và, Thạnh thoắt nghĩ đến cái lưỡi câu.

Ừ, cái lưỡi câu. Thạnh không thể để mất cái lưỡi câu. Hai thìa muối, cả một gia tài đã mất, một quyết định lớn đã làm sau bao đêm suy nghĩ đắn đo. Cái lưỡi câu và những con cá mơ ước, có lẽ nào Thạnh lại chịu thua.

Thạnh toát mồ hôi. Phải quyết định. Giật mạnh cần thì sẽ mất cái lưỡi câu. Lội xuống nước mò theo sợi dây cước tìm cái lưỡi câu thì... Thạnh rợn người không muốn nghĩ tiếp.

♦

TÌNH HỜ

Trăm lần đừng nghĩ đến anh
Ngàn lần tự bảo đành lòng không
Nhưng rồi lại vẫn nhớ mong
vẫn thương vẫn đợi thấy lòng mình yêu
Càng yêu càng thấy cô liêu
Càng yêu càng thấy rất nhiều xót xa
Vì rằng anh chẳng yêu ta
Để tình tha thiết hóa ra tình hờ
Để hồn đầy nỗi bơ vơ
Để ta sầu úa bên bờ quạnh hiu
Đêm đêm đầy nỗi chắt chiu
Hồn như đã mất, cô liêu ngóng chờ
Chán thay cho cái tình hờ
Xuôi tay tâm trí bơ phờ trách than
Biết rồi nhận lấy phũ phàng
Tình trường e ấp lệ tràn vì anh
Thâu đêm nhìn ánh trăng lành
Và ta tự nhủ thôi đành quên nhau...
Tóc xanh rồi sẽ ngả màu
Ta đời cằn cỗi gục đầu tiếc thương

T-Thi
Western Australia

Bóng tối bây giờ đã dày đặc. Thạnh co dúm người, gục đầu xuống hai tay đang ghì chặt chiếc cần câu.

Lạnh, và sợ. Nỗi sợ hãi ập xuống cùng bóng đêm, cái lạnh cào xé cùng gió buốt. Thạnh run rẩy, tuyệt vọng. Và muốn bật khóc.

Nhưng cùng lúc ấy, hình ảnh cái lưỡi câu và những con cá béo nhẫy hiện ra. Can đảm lên Thạnh ơi, chỉ cần mò theo sợi dây cước, lặn xuống nước thì sẽ "cứu" được cái lưỡi câu, sẽ có cá ăn. Sẽ có cá ăn...

Bỗng dưng, Thạnh nhận ra mình đang đói.

Cái đói cồn cào ruột gan, cái đói quắt quay trí não, cái đói thúc giục chân tay, nó kéo đôi chân cong queo của Thạnh đứng lên. nó đẩy thân hình xác xơ xiêu vẹo của Thạnh chập choạng bước tới.

Thạnh nhắm mắt. Hai tay ôm ngực chận cơn nôn. Méo miệng cười, nhào xuống nước...

CAO XUÂN HUY

Chương Trình Không Gian Hoa Kỳ

(Giai Đoạn Hình Thành cho tới Lúc Lên Mặt Trăng).

Bài của Kim Toàn

It is difficult to say what is impossible, for the dream of yesterday is the hope of today and the reality of tomorrow.

Robert H. Goddard

(American Rocket Scientist)

♦

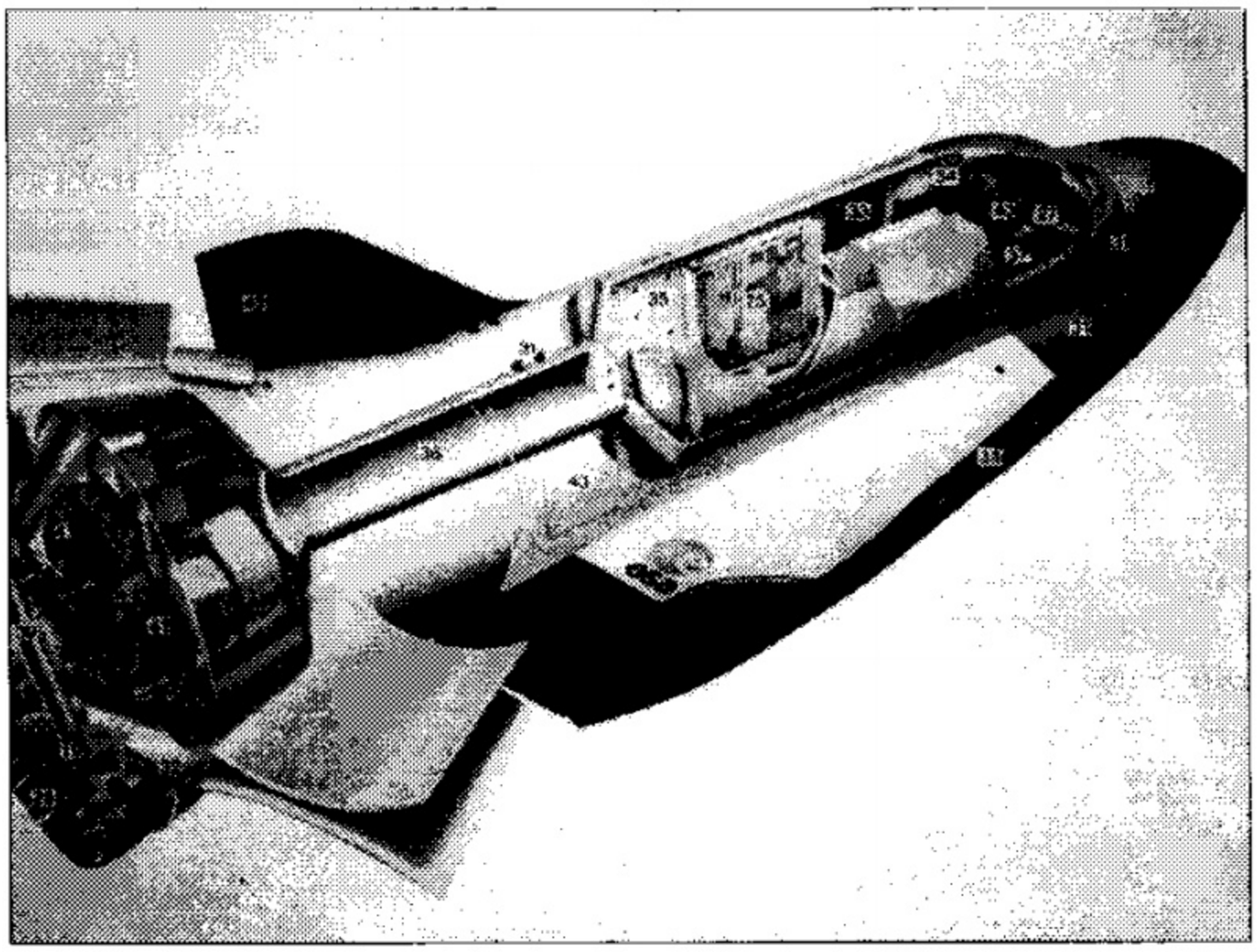

Trong Khoa Hoc mọi sự đều khả hữu, giấc mơ của hôm qua là hy vọng của hôm nay và là thực tế của ngày mai. Câu nói của khoa học gia Goddard, cũng là tên của Trung Tâm Không Gian nơi tôi làm việc đã là kim chỉ nam của tôi và là nguyên động lực thúc đẩy tôi viết bài này.

Xin qui vị độc giả bổ túc cho những thiếu sót, sự đáp lại của quý vị sẽ là một sự khích lệ rất lớn cho tác giả.

Một buổi tối vào ngày 4 tháng 10 năm 1957, một biến cố đã tạo ra bao nhiêu thay đổi cho nhân loại trên nhiều lãnh vực. Tại một địa điểm bí mật, nằm sâu trong lãnh thổ của Cộng Hòa Liên Bang Sô Viết, một vệ tinh với đường kính 22 inches và cân nặng 175 pounds đã được đưa vào quỹ đạo. Vệ Tinh Sputnik 1 đã mở đầu cho cuộc chạy đua trên lãnh vực Không Gian của hai Siêu Cường lúc đó.

Tại Hoa Kỳ, vào ngày 1 tháng 10 năm 1958 cơ quan Hàng Không Không Gian Quốc Gia (National Aeronautics and Space Administration viết tắt là NASA) được hình thành. Ngành Khoa Học Không Gian (Space Science) được đặc biệt tài trợ và đưa tới sự kiện các Phi Hành Gia Hoa Kỳ đặt chân lên Mặt Trăng, rồi có những dự tính tới Hỏa Tinh và các hành tinh khác. Trái Đất được nhìn với một khía cạnh khác có tính cách thực tiễn để phục vụ nhân loại.

Trước đó Hoa Kỳ từ năm 1915 đã có Ủy Ban Quốc Gia Tư Vấn Hàng Không (National Advisory Committee for Aeronautics viết tắt là NACA) với các trung tâm nghiên cứu trên toàn quốc và những dự án có tầm vóc nhỏ bé.

Trong năm 1958, các trung tâm nghiên cứu hiện hữu được mở rộng, nhiều trung tâm mới được xây cất với sự hứng khởi và ủng hộ của dân chúng. Các dự án có kích thước thật lớn được hình thành. Ngành Khoa Học Không Gian quá mới lạ và có rất ít tài liệu, trên thực tế rất ít đến nỗi có thể đọc trong vòng 2, 3 tháng là hết. Trong điều kiện đặc

biệt như thế: mới lạ, không có nhiều chuyên viên, ít tài liệu và những thử thách để thực hiện các phương cách mới và thâu thập kiến thức. Những điều đó đã thu hút các tài hoa khoa học và anh hùng hào kiệt bốn phương đã đổ xô về Hoa Kỳ để có thể tham dự vào cuộc tìm kiếm một chân trời khoa học mới.

Chương Trình Không Gian Phi Hành Nhân Dụng (Manned Space Flight Program được loan báo một tuần sau khi NASA được lập ra, vào ngày 7 tháng 10 năm 1958. Cục Trưởng (Administartor)

đầu tiên của NASA, Keith Glennan đã biểu lộ ý chí cương quyết của Hoa Kỳ qua câu nói: "Let's get on with it".

Quân Lực Hoa Kỳ tuyển chọn các phi hành gia tương lai, dựa trên các phi công tài giỏi kinh nghiệm nhiều giờ bay (test pilots). Chỉ có 7 người được tuyển chọn: John H. Glenn (Thủy Quân Lục Chiến), Walter M. Schirra. Alan B. Shepard, M. Scott Carpenter (Hải Quân), L. Gordon Cooper, Virgil I. Grissom, Donald K. Slayton (Không Quân).

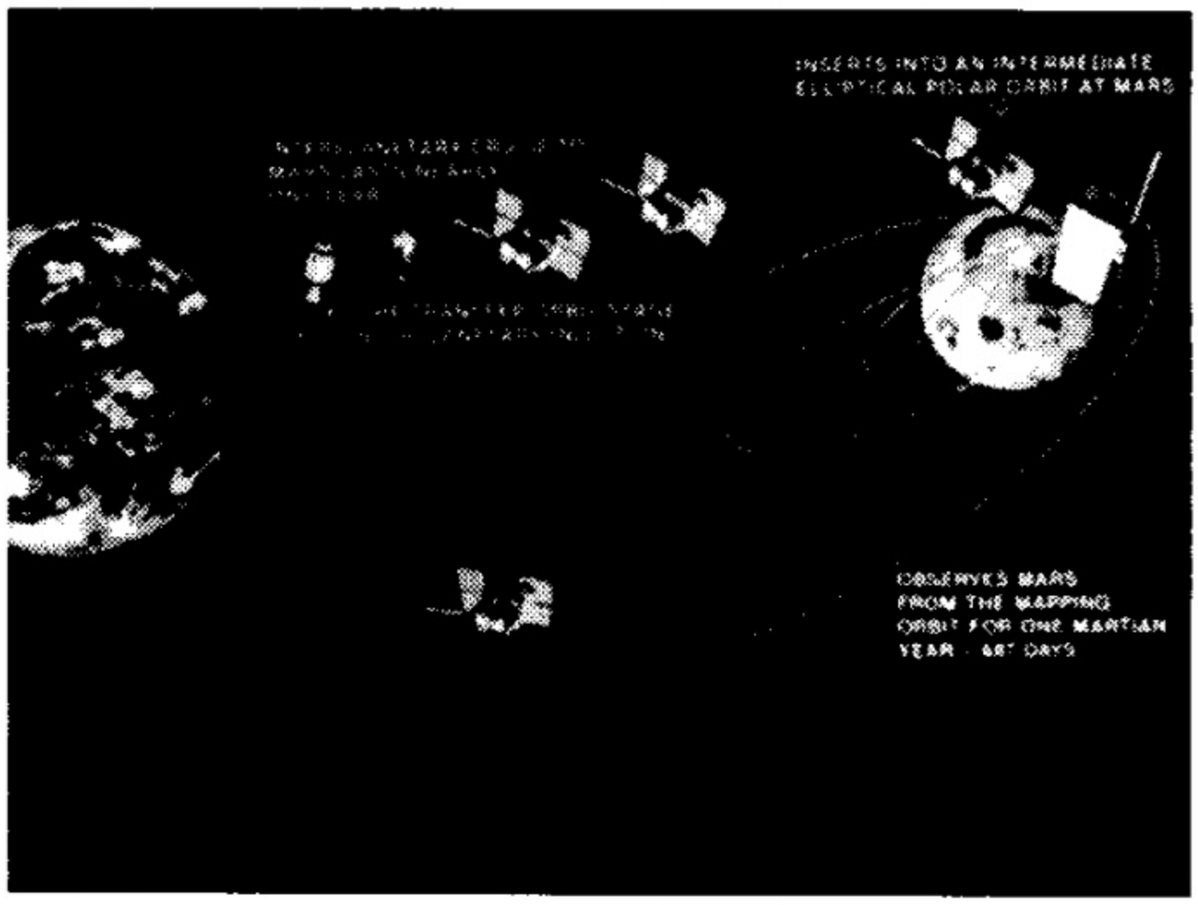

Ngày 12 tháng 4 năm 1961, Yuri Gagarin trở thành phi hành gia đầu tiên của nhân loại (Astronaut như Hoa Kỳ đặt và Cosmonaut như Nga Sô gọi).

Vào ngày 5 tháng 5 năm 1961, Alan Shepard được tuyển chọn để bay phi vụ không gian và trở thành phi hành gia đầu tiên của Hoa Kỳ. Chuyến bay lịch sử kéo dài 15 phút và lên được độ cao 115 miles.

Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy đã nói lên quyết tâm của Hoa Kỳ trong bài diễn văn lịch sử đọc trước Quốc Hội Hoa Kỳ vào ngày 25 tháng 5 năm 1961:

"Space is open to us now, and our eagerness to share its meaning is not governed by the efforts of others. We go into space because whatever mankind must undertake, free men must fully share. I believe that this nation should commit itself to achieving the goal, before the decade is out, of landing a man on the Moon and returning him safely to the Earth. It will not be one man going to the Moon, it will be an entire nation."

Một ngày trọng đại trong lịch sử Hoa Kỳ là ngày 20 tháng 2 năm 1962, lúc 6 giờ sáng, John Glenn chui vào phòng lái của phi thuyền Friendship 7, lắp trên đầu hỏa tiễn liên lục địa Atlas, và tất cả được đặt tại dàn phóng 14 của Cap Canaveral.

Cả chục ngàn người đã cắm trại vài ngày trước tại các bãi biển gần đó để có thể trực tiếp chứng kiến biến cố lịch sử này, cả một quốc gia đã thở phào nhẹ nhõm khi phi thuyền được phóng lên thành công vào lúc 9:47.

Với tốc độ 17,500 miles và với dự định cho 7 vòng bay, sau đó được rút xuống 3 vòng vì các trở ngại kỹ thuật. Tín hiệu cho biết là bộ phận giảm nhiệt (heat shield) có thể đã bị rơi và trong thời gian đi trở về trái đất (re-entry phase), không có sự liên lạc viễn thông (communication blackout), tất cả đã làm cho trung tâm điều khiển lo lắng cho tới khi giọng nói của John Glenn vang lên: "My condition is good, but that was a real fireball, boy". May mắn là tín hiệu báo nguy đã phản ảnh sai dữ kiện.

Sau một chuyến bay kéo dài 4 tiếng 55 phút, John Glenn trở thành anh hùng dân tộc, bảo vật của quốc gia, đem lại niềm tự tin cho Hoa Kỳ và không được phép bay lại cho tới năm 1999 (37 năm chờ đợi cho chuyến bay thứ hai).

Đúng 9:24 ngày 23 tháng 3 năm 1965, phi thuyền Gemini 3 với hai phi hành gia Virgil Grissom (bị chết cháy 2 năm sau đó) và John Young (trưởng phi thuyền con thoi đầu tiên). Mặc dầu trước đó 5 ngày Nga Sô đã phóng phi thuyền Voshkod 2 với 3 phi hành gia, song đây là lần đầu tiên một phi thuyền nhân dụng của Hoa Kỳ đã thay đổi quỹ đạo 3 lần trong một chuyến bay kéo dài 5 tiếng.

Sau 10 chuyến bay thành công trong chương trình Gemini, Hoa Kỳ đã thu thập được rất nhiều kiến thức bổ ích và không còn thua kém Nga Sô trong cuộc chạy đua Không Gian. Các phi thuyền với các khả năng cao độ được hoạch định và hai quốc gia (Hoa Kỳ và Nga Sô) có những dự định mới

trong cuộc thi đua thám hiểm Không Gian vào năm 1966.

Năm 1967 đánh dấu thảm kịch của chương trình Không Gian. Tại Hoa Kỳ, vào ngày 27 tháng 1, ba phi hành gia Virgil Grissom, Edward White, Roger Chaffee đã bị chết cháy tại dàn phóng 34 khi thực tập cho chuyến bay lên mặt trăng dự định vào tháng sau.

Tại Nga Sô, vào ngày 23 tháng 4, phi hành gia Vladimir Komarov đã tử nạn khi thử phi thuyền mới Soyuz 1, dù đã không mở và phi thuyền rơi với tốc độ rất cao xuống mặt đất.

Công cuộc chuẩn bị cuối cùng cho phi vụ không gian đáp xuống mặt trăng được bắt đầu vào ngày 10 tháng 7 năm 1969.

Ba phi hành gia đã được chọn: Trưởng Phi Vụ là Neil Armstrong, một khoa học gia dân sự với rất nhiều kinh nghiệm về bay và một kiến thức rất rộng về hàng không không gian. Sự chọn lựa một nhân vật dân sự làm trưởng phi vụ là một điều rất đặc biệt. Đại Tá Không Quân Edwin Aldrin sẽ là phụ tá trong phi thuyền nhỏ đáp xuống mặt trăng. Trung Úy Không Quân Michael Collins sẽ lái phi thuyền lớn bay quanh mặt trăng.

Trong lúc các chuyên viên làm việc ngày đêm trên dàn phóng cao như một tòa nhà 36 tầng thì dân chúng tụ tập rất đông tại mọi nơi gần trung tâm không gian Cap Canaveral, là nơi sẽ phóng phi thuyền. Vào tối ngày 15 đã có độ một triệu người tụ tập để trực tiếp chứng kiến phi vụ không gian lịch sử này.

Vào khoảng 7 giờ sáng, ba phi hành gia Armstrong, Aldrin và Collins bước vào phi thuyền Apollo 11 với mật hiệu truyền tin Columbia. Dự liệu giờ phóng là 9:32.

Thật đúng giờ, phi thuyền rời dàn phóng đúng vào lúc 9:32 ngày 15 tháng 7 năm 1969.

Vào ngày 19 thì phi thuyền đi vào quỹ đạo mặt trăng (lunar orbit). Ngày hôm sau thì hai phi hành gia Armstrong và Aldrin chuyển qua phi thuyền nhỏ Eagle và tách rời khỏi phi thuyền lớn Columbia. Armstrong đã điều khiển để phi thuyền Eagle đáp xuống vùng qui định thật nhẹ nhàng.

Lúc 4:18 EDT (Giờ Đông Bắc Hoa Kỳ như tại Washington DC), Armstrong báo cáo về trung tâm điều khiển Houston: "Houston, Tranquillity Base here. The Eagle has Landed".

Trung Tâm Điều Khiển tại Houston: "Roger Tranquillity, we copy you on the ground. You got a bunch of boys about to turn blue. We're breathing again".

Sáu tiếng đồng hồ sau đó thì hai phi hành gia chuẩn bị một việc quan trọng nhất và chưa có ai làm lần nào. Đi Trên Mặt Trăng (Walking on the Moon).

Sau khi để cho áp suất trong ngoài như nhau thì Armstrong mở cửa phi thuyền Eagle, từ từ bước xuống thang, bật máy thu hình và đúng 10:56 P.M. EDT, ông ta đặt chân trái xuống mặt trăng. Phi hành gia này tuyên bố: "That's one small step for a man, one giant leap for mankind".

Sáu trăm triệu người đã theo dõi hình ảnh này trên màn ảnh vô tuyến truyền hình.

Hoa Kỳ đã đạt được mục tiêu đặt ra bởi Tổng Thống Kennedy.

Aldrin theo sau Armstrong và sau khi thử gió, đã dựng lá quốc kỳ Hoa Kỳ tại mặt trăng. Sau gần 3 tiếng làm việc, cả hai đã trở về phi thuyền Eagle vào lúc 1:10 sáng hôm sau.

Mười ba tiếng sau đó thì hai phi hành gia này lại phần trên của phi thuyền Eagle trở về quỹ đạo mặt trăng, gặp gỡ với phi hành gia Collins, di chuyển vào phi thuyền Columbia.

Phi thuyền Columbia đáp xuống Thái Bình Dương gần quần đảo Hạ Uy Di vào ngày 24 tháng 7 năm 1961.

Được đặt vào một nơi riêng biệt để thử liệu về các sự nhiễm trùng mặt trăng (lunar germ). Sau hai tuần vào ngày 10 tháng 8 năm 1961 thì mọi yếu tố y tế đều an toàn cho phi hành gia và các phẩm vật địa chất đem về.

Cả thế giới và đặc biệt tại Hoa Kỳ ba phi hành gia được đón tiếp nồng nhiệt.

♦

Kim Toàn sinh quán tại Hà Đông, học Trung Học tại Sài Gòn, du học tại Tây Đức, trau dồi chuyên môn tại Hoa Kỳ, hiện là nhân viên cua Cơ Quan Hàng Không Không Gian Quốc Gia tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Lê Anh Vũ

THAY LỜI TỰA

"At the start of a new century, poverty remains a global problem of huge proportions. Of the world's 6 billion people, 2.8 billion people live on less than $2 a day and 1.2 billion on less than $1 a day. Six of every 100 infants do not see their first birthday and another eight do not survive to their fifth. Nine of every 100 boys and 14 of every 100 girls who reach school age do not attend school. 40,000 die of preventable diseases every day. Poverty is also evident in poor people's lack of political power and voice and in their extreme vulnerability to ill health, economic dislocation, personal violence, and natural disasters. In the next 25 years roughly 2 billion people will be added to the world's population - almost of them in poor countries, putting tremendous pressure on these societies. Clearly, much must be done to reduce poverty in its multiple dimensions and to promote human freedom, today and in the year ahead."

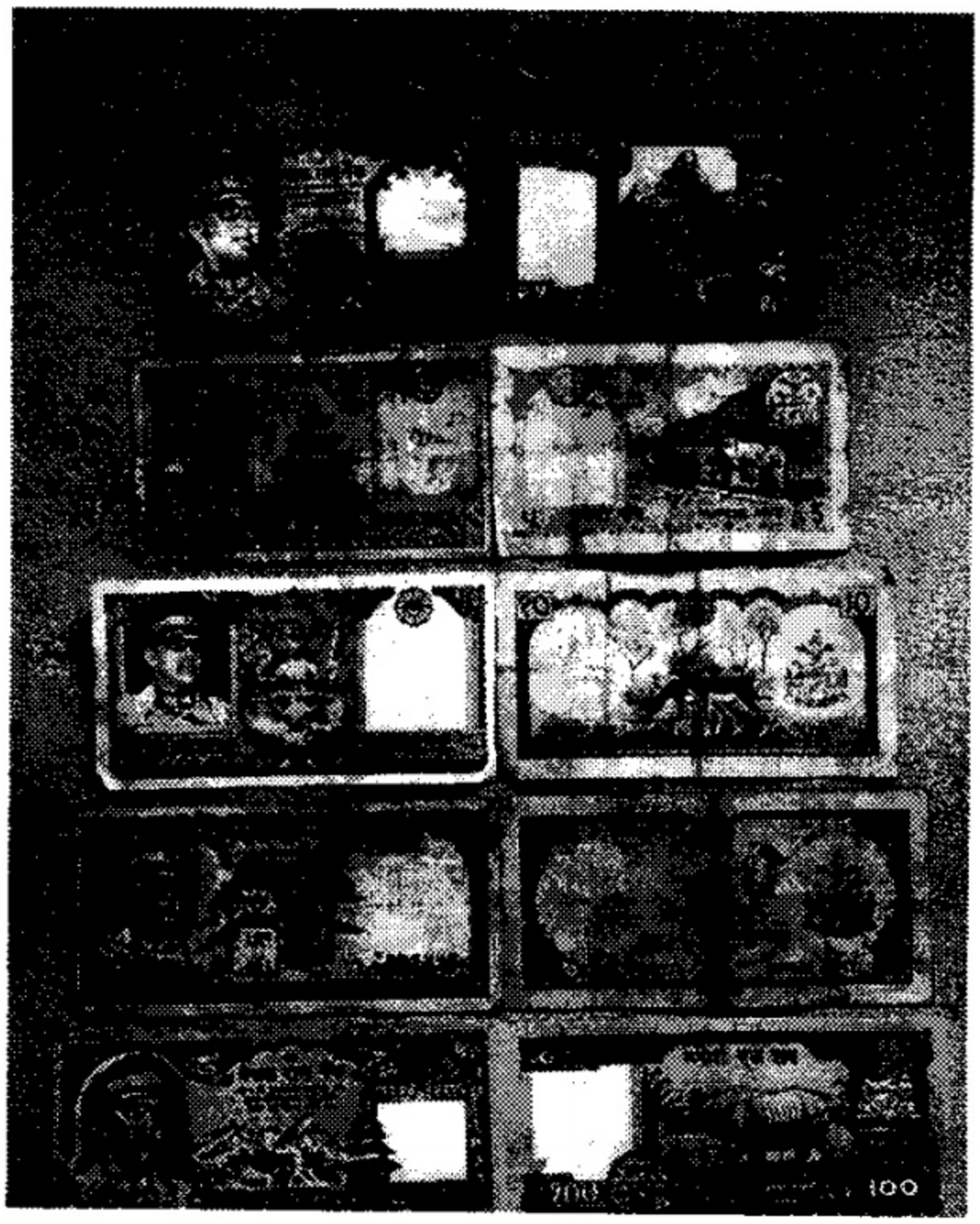

♦

Là một trong những nước nghèo nhất trên thế giới với tổng sản lượng quốc gia (GNP) theo đầu người vào khoảng 350 USD, Việt Nam mới chỉ ở giai đoạn đầu của một thời kỳ phát triển quá độ lâu dài với rất nhiều khó khăn. Việt Nam chủ yếu vẫn là một nước nông nghiệp, với khoảng 80% của tổng số dân 75 triệu người đang sống ở nông thôn, và đời sống của hai phần ba dân số vẫn phụ thuộc vào một nền nông nghiệp thô thiển. Là một nước có bờ biển đất đai và điều kiện khí hậu thất thường, Việt Nam dễ bị ảnh hưởng của thiên tai như bão nhiệt đới, lũ lụt, hạn hán và mất mùa.

Công việc giảm đói nghèo và nâng cao mức sống cho người Việt từ xưa đến nay luôn là một mục tiêu hàng đầu của tất cả các chính phủ ở Việt Nam và cũng là một động lực chính của các cuộc cải cách kinh tế trong bao nhiêu thập niên vừa qua. Để hỗ trợ cho Việt Nam trong việc đạt mục tiêu khôi phục lại đà tăng trưởng, nâng cao được chất lượng và sự bền vững trong công cuộc phát triển, xin được trình bày ở đây một cách tóm tắt các chiến lược hỗ trợ phát triển quốc gia và sự trợ giúp của tổ chức Ngân hàng Thế giới dành cho Việt nam. Bài viết đơn sơ này, thứ nhất là để đóng góp cho Đặc san Nguyễn Trãi được thêm phần phong phú và thứ nhì là xin chân tình chia sẻ những kinh nghiệm làm việc gần hai mươi năm tại Ngân Hàng Thế Giới với các bạn đồng môn Nguyễn Trãi sau hơn ba mươi tám năm rời mái trường thân yêu bên cạnh những kỷ niệm đẹp khó quên của tuổi học trò.

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Tổ chức Ngân hàng Thế giới (WB- The World Bank Group) được thành lập từ năm 1944, với mục tiêu đầu tiên ở thời điểm này là để tái thiết lại nền kinh tế của các quốc gia Âu châu bị ảnh hưởng của Đệ nhị thế chiến. WB bao gồm 5 bộ phận: Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế (IBRD-International Bank for Reconstruction and Development), Hiệp hội Phát triển Quốc tế

(IDA-International Development Agencies), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC-International Finance Corporation), Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa biên (MIGA-Multilateral Investment Guarantee Agency) và Trung tâm Giải quyết các Tranh chấp về đầu tư (ICSID-International Center for Settlement of Investment Disputes). IBRD được thành lập năm 1945 cung cấp hỗ trợ cho các nước thu nhập trung bình và có khả năng trả nợ. IDA được thành lập năm 1960, cung cấp hỗ trợ cho các nước đang phát triển có tổng sản lượng quốc gia theo đầu người là US$ 925 hoặc thấp hơn. Việt Nam là một nước đang phát triển, vì vậy được tiếp nhận hỗ trợ của IDA. Do đó, hoạt động của WB tại Việt Nam quan tâm nhiều đến IDA. IFC là khu vực tư nhân của tổ chức WB, cung cấp hỗ trợ tài chính cho khu vực tư nhân đang phát triển. MIGA bảo đảm rằng đầu tư khu vực tư nhân có bảo hiểm. ICSID được thành lập để giải quyết các tranh chấp giữa các Chính phủ và các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài.

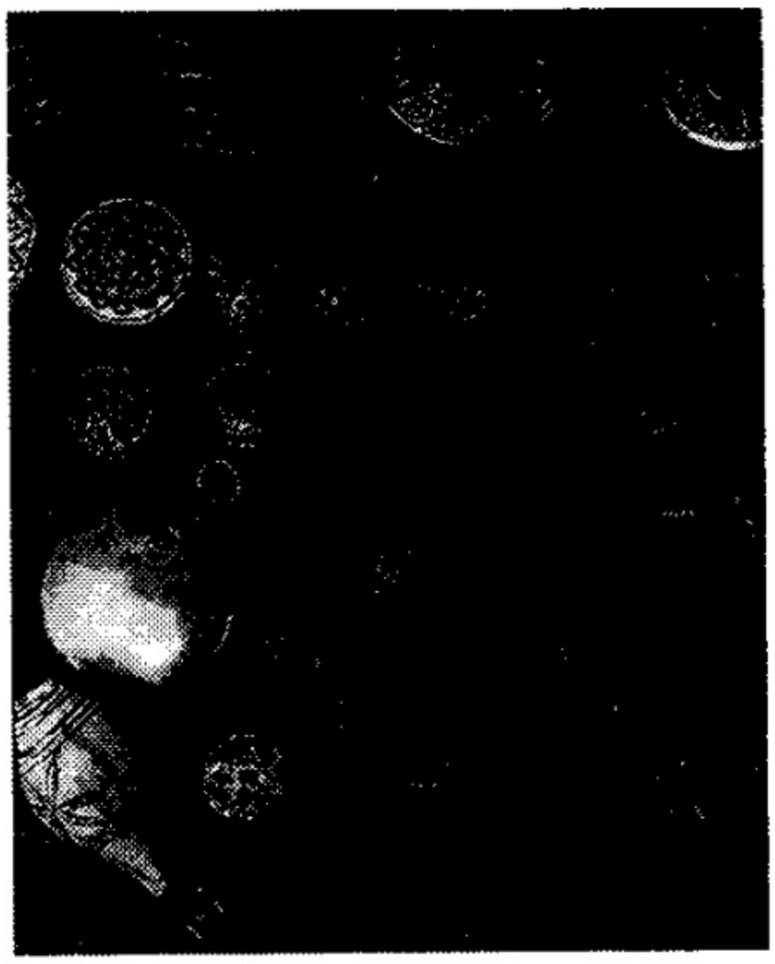

WB là một ngân hàng chú trọng về mặt phát triển kinh tế và trợ giúp kỹ thuật do các nước trên thế giới quản lý và điều hành, đây là một tổ chức có nguồn vốn cho các nước vay để phát triển lớn nhất trến thế giới. Cho đến nay tổng số hội viên đã được trên 180 quốc gia. Mục đóng góp của các nước phụ thuộc vào mục phát triển kinh tế của nước đó so với kinh tế thế giới. Bảy nước công nghiệp lớn nhất trên thế giới (G7) chiếm khoảng 45% cổ phần tại WB. Hoa Kỳ là cổ đông viên lớn nhất chiếm 17% trong tổng số. Hoa Kỳ với tư cách là cổ phần đóng góp lớn nhất, có quyền phủ quyết bất kỳ thay đổi nào về vốn cơ bản của WB và các Điều khoản của tổ chức. Tuy vậy, tất cả mọi vấn đề được quyết định bởi sự biểu quyết đa số của các thành viên WB. Chủ tịch của WB do Tổng Thống Hoa Kỳ bổ nhiệm, thường là người có quốc tịch Hoa Kỳ với nhiệm kỳ là 5 năm và được tái bổ nhiệm nếu vị chủ tịch làm việc có kết quả tốt. Tổng số nhân viên của WB vào khoảng mười ngàn người, với nhiều quốc tịch khác nhau của tất cả các quốc gia hội viên. Đa số làm việc tại trụ sở trung ương tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn và một phần nhỏ ở tại trên một trăm văn phòng WB tại các quốc gia hội viên WB liên hệ với các Chính phủ trên thế giới. Theo các Điều khoản Hiệp định của WB, WB chỉ có thể cho các Chính phủ hội viên vay mượn hoặc có sự bảo lãnh của một Chính phủ hội viên. Các Chính phủ cũng phải biết rằng WB cũng muốn thực hiện các dự án canh tân do chính mình đặt ra. Tuy vậy, cũng không thể nói rằng đối tác của WB chỉ là các Chính phủ. WB cũng phối hợp chặt chẽ với các tổ chức quốc tế khác như các cơ quan của tổ chức Liên hiệp quốc (UN agencies), Ngân hàng phát triển Á châu (ADB - Asian Development Bank) để tăng cường sự tham gia vào các hoạt động phát triển của WB.

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Từ sau 1975, trên 15 năm gián đoạn hoạt động, WB đã nối lại hoạt động tại Việt Nam. Cuối những năm 1980, WB chỉ tham gia vào các thảo luận về chính sách với Chính phủ. Năm 1993, WB đã thiết lập lại chương trình cho Việt Nam vay, và năm 1994 WB đã có một cam kết nghiêm túc với Việt Nam là thành lập Văn phòng Đại diện tại Hà Nội. Từng bước, WB đã thay đổi phương thức làm việc thường sử dụng để thích hợp với hoàn cảnh khó khăn của Việt Nam. Ngày 1/7/1998 WB đã bổ nhiệm Giám đốc Quốc gia đầu tiên tại Hà Nội để đáp ứng với những nhu cầu phát triển của Việt Nam. Hy vọng rằng việc phân cấp của WB sẽ cho phép Văn phòng Đại diện tại Việt Nam nắm được các nhu cầu thiết thực của Việt Nam và đưa ra những chương trình phát triển hiệu quả hơn cho Việt Nam.

Hoạt động của WB tại Việt Nam bao gồm (i) tư vấn về chính sách dưới dạng các nghiên cứu chính sách, (ii) các dự án, (iii) các khoản viện trợ không hoàn lại từ Quỹ Phát triển thể chế (IDF) và (iv)

chương trình cho tư nhân vay (IFC).

NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH

WB cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn cho Chính phủ dưới dạng các nghiên cứu chính sách. WB viết các báo cáo về các lĩnh vực kinh tế dựa vào phân tích kỹ lưỡng những kinh nghiệm của Việt Nam và những kinh nghiệm của WB có được tại các nước khác trong cùng một khu vực và trên thế giới. Các báo cáo được tài trợ bởi các phương thức khác nhau, tùy thuộc vào nội dung và tính cách sử dụng báo cáo.

Dưới đây là một vài nghiên cứu chính sách chính của WB ở Việt Nam trong 10 năm qua:

1999/2000

- Xóa đói giảm nghèo và công bằng xã hội
- Tăng cường sự ổn định kinh tế vĩ mô và sự cạnh tranh
- Tăng cường khu vực tài chánh
- Xây dựng hạ tầng cơ sở cấp xã

1998

- Phương án cơ bản cộng với Cai cách cơ cấu
- Quản lý kinh tế vi mô

1997

- Việt Nam: Đẩy mạnh cải cách để Tăng trưởng
- Đói nghèo, dịch vụ xã hội, và mạng lưới bảo hiểm ở Việt Nam

1996

- Phần cấp ngân sách và phân phối dịch vụ nông thôn
- Đánh giá tổng quan ngành thủy lợi
- Nghiên cứu tài chính cho giáo dục
- Cơ sở hạ tầng và Đói nghèo ở Việt Nam: Văn bản về Nghiên cứu Xác định mức sống
- Vận hành và bảo dưỡng thủy lợi và Hệ thống thực hiện ở Đông Nam Á: Báo cáo Kinh tế
- Hỗ trợ kỹ thuật năng lượng hộ gia đình: Cải thiện than bánh và Cung cấp thương mại

1995

- Báo cáo Kinh tế về Công nghiệp hóa và Chính sách công nghiệp
- Chương trình môi trường và các ưu tiên chính sách đối với một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ chuyển đổi
- Chương trình nghị sự Phát triển ngành tài chính
- Đánh giá Nghèo đói và Chiến lược
- Quan hệ Tài chính liên Chính phủ và Xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam
- Cải cách ngành năng lượng và Cơ cấu lại: Báo cáo cho Ban Điều hành

1994

- Quản lý khu vực công cộng và Khuyến khích khu vực tư nhân: Báo cáo Kinh tế
- Phục vụ một nền kinh tế chuyển đổi: Ngành Giao thông vận tải
- Một điều tra về Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam trong chuyển đổi
- Những vấn đề và lựa chọn năng lượng hộ gia đình ở nông thôn

1993

- Chuyển đổi sang kinh tế thị trường: Báo cáo Kinh tế
- Đầu tư ngành năng lượng và Xem xét chính sách

1992

- Cơ cấu lại tài chính công cộng và Doanh nghiệp quốc doanh

1991

- Chuyển đổi hệ thống Tài chính nhà nước: Nghiên cứu ngành tài chính của Việt Nam

1990

- Nghiên cứu tình huống một phương án cải cách kinh tế từ từ: kinh nghiệm của Việt Nam giai đoạn 1985-1988
- Ổn định và cải cách cơ cấu: Báo cáo Kinh tế

Dự án

Một trong những cơ quan cho vay của WB là IDA. IDA được thành lập nhằm hỗ trợ các nước đang phát triển. IDA cung cấp các khoản vay không lãi với 10 năm ân hạn, vay 40 năm và dưới 1% dịch vụ phí. Đây là chi nhánh của WB cho Việt Nam vay. Kể từ tháng 11/1993 đã cam kết 1,7 tỷ USD cho Việt Nam. Chương trình cho Việt Nam vay 3 năm tiếp theo dự kiến là US$ 500-600 tr./năm, là một trong những cam kết lớn nhất trên

Dự án	Năm phê duyệt	Tín dụng IDA (US$ triệu.)	Giải ngân (US$triệu.)	Đang thực hiện
Giáo dục tiểu học	1993	70	24.6	
Phục hồi quốc lộ	1993	158.5	66.4	
Phục hồi nông nghiệp	1994	96	96.1	
Phục hồi thủy lợi	1995	100	17.8	
Phục hồi và Mở rộng ngành điện	1995 1	65	37.59	
Hiện đại hóa Ngân hàng	1995	49	.5	
Dân số và sức khỏe gia đình	1996	50	5.1	
Hỗ trợ y tế quốc gia	1996	68	7.9	
Phát triển điện lực	1996	180	154.4	
Tài chính nông thôn	1996	122	5	
Giao thông nông thôn	1996	55	6.6	
Phục hồi quốc lộ 1 -Giai đoạn 2	1997	195.6	5	
Cấp nước	1997	98.61	—	
Bảo vệ rừng	1997	21.5	—	Phê duyệt, chưa hiệu lực
Phục hồi đường thủy và cảng	1997	73		
Giảm nợ	1998	35		
Truyền tải và phân phối điện	1998	199		
Dữ kiện trong 1998-2000				
An toàn mau				
Tín dụng điều khiển cơ cấu II				
giao thông đô thị				
giáo dục đại học				
Đa dạng hóa Nông Nghiệp				
Dự án kết thúc				
Tín dụng điều khiển cơ cấu I	kết thúc 1996	150	150	
Tổng cộng		**1.7 ty**	**427 tr.**	

Các dự án đang tiến hành	Ngày	ký Quỹ được duyệt (US$ mil.)	Số tiền đã giải ngân (US$ mil.)	Ngày kết thúc
Chuẩn bị giảm nợ thương mại		1	.79	
Quản lý nguồn nước	3/12/1997	.39	.1	12/9/1999
Nâng cao năng lực đánh giá phnn các dự án cơ sở hạ tầng đầu tư tư nhân	8/12/1997	.49	—	2/9/1999
Nâng cao năng lực các qui định về điện khí	8/12/1997	.48	—	2/9/1999
Nâng cao năng lực khu vực năng lượng trong kế hoạch hóa đầu tư, quản lý nhà nước và các qui định	8/10/1996	.5	.29	30/7/1998
Kế toán chính phủ và phát triển hệ thống thông tin quản lý	8/7/1996	.5	.25	12/5/1998
Phát triển chính sách tái định cư quốc gia	8/7/1996	.33	.26	12/5/1998
Các dự án đã hoàn thành				
Các thủ tục mua sắm trong nước	30/9/1994	.42	.42	4/11/1996
Chăm sóc và bảo vệ trẻ em	6/9/1994	.28	.22	17/6/1997
Phát triển các luật về nước	28/3/1995	.2	.2	28/3/1997
Tổng cộng		**4.59**	**2.53**	

thế giới so với mức độ cho các quốc gia khác vay. Mục tiêu các chương trình của IDA là thúc đẩy tăng trưởng bình đẳng và giảm nghèo tại Việt Nam. Hiện nay có 14 dự án đang thực hiện, 3 dự án đã phê duyệt nhưng chưa thực hiện, 5 dự án đang chuẩn bị, và một dự án đã kết thúc. Đã giải ngân US$450 tr. từ 1994. (xem bảng liệt kê đính kèm)

QUỸ PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ (IDF)

Quỹ phát triển thể chế là một tổ chức tài trợ được thành lập để bổ sung cho các công cụ và chính sách cho vay của ngân hàng. Quỹ phát triển thể chế cung cấp sự hỗ trợ về kỹ thuật cho công việc phát triển thể chế có liên quan tới cải cách chính sách.

Hiện nay ở Việt Nam có 7 dự án đang được tiến hành và có 3 dự án đã kết thúc

CHƯƠNG TRÌNH IFC

Mục tiêu của chương trình này phần lớn phụ thuộc vào tiến bộ trong việc tạo ra một môi trường thuận lợi cho đầu tư tư nhân ở Việt Nam. Nếu không cải thiện được môi trường kinh doanh thì các khoản đầu tư mới của IFC sẽ rất nhỏ, vào khoảng dưới 20 triệu $US/năm trong những năm đầu hoạt động tại Việt Nam vì các công ty tư nhân trong nước đã không được khuyến khích thành lập và phát triển đầu tư. Tuy vậy với nhiều sự tiến bộ quan trọng trên các mặt như được trình bày dưới đây, sự tăng gia của IFC đã và đang được tăng cường đáng kể và có thể đạt tới mức 400 triệu US$/năm trong những năm tới.

- ợp lý hóa và bảo đảm công khai trong thủ tục phê duyệt đầu tư và khả năng có được ngoại tệ / qui trình cấp giấy phép.
- Thúc đẩy chương trình cổ phần hóa
- Cho phép nước ngoài đầu tư vốn cổ phần vào các doanh nghiệp trong nước
- Cho phép các ngân hàng nước ngoài được nhận chứng khoán làm cầm cố

NHÌN VỀ TƯƠNG LAI

Như trình bày ở phần trên, mức độ và thời gian của sự phát triển kinh tế ở Việt Nam phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Gần đây, các cuộc khủng hoảng kinh tế Đông Nam Á cũng đã gây ảnh hưởng nhiều đến các công cuộc phát triển của WB tại Việt Nam. Tuy nhiên Việt Nam có thể hạn chế được các ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng này nếu tiếp tục cố tăng cường mạnh mẽ được các nỗ lực cải cách của mình. WB đã nỗ lực tiếp tay tăng gia trợ cấp cho Việt Nam để cố gắng ngăn chặn các ảnh hưởng xấu của cuộc khủng hoảng kinh tế này. Ngân hàng Thế Giới tin tưởng rằng thành tựu phát triển do một chương trình cải cách thành công của WB ở Việt Nam sẽ đủ để bù đắp những rủi ro của cuộc khủng hoảng kinh tế này.

"Our dream is a Việt Nam free of poverty"

Lê Anh Vũ

♦

- *Tác giả sinh quán tại Sơn Tây, Bắc Việt.*
- *Di cư vào Nam năm 1954. Lớn lên ở Sài Gòn. Học sinh đệ nhất cấp trường Nguyễn Trãi (58-62) và đệ nhị cấp trường Chu Văn An (62-65). Du học tại Úc Đại Lợi trong Kế hoạch Colombo Plan (65-73). Trở về Việt Nam làm việc (73-75). Di cư sang Hoa Kỳ (75-hiện tại)*
- *Đã theo học và tốt nghiệp tại các trường đại học Western Australia (65-69), Melbourne (71-72), Penn State (90-91) và Harvard (95-96).*
- *Hiện đang làm việc cho Ngân hàng Thế Giới tại Hoa Thịnh Đốn.*

Y HỌC VÀ VĂN NGHỆ

QUÁI KIỆT TRẦN VĂN TRẠCH

BS Phạm Anh Dũng, ABFP

Một bài viết đáng chú ý về ngành âm nhạc điều trị (music therapy) của Nancy A. Melville được phổ biến trên lưới điểm (web site) của HeathSCOUT, ngày 28 tháng 8 năm 2000.

Ngày nay, ở Hoa Kỳ có khoảng độ vài trăm âm nhạc điều trị viên (music therapist) dùng âm nhạc để giúp thêm vào việc chữa bệnh nhân.

Sunny Hadder là một trong những người đó. Mỗi tuần hai lần, bà đến bệnh viện của Đại Học Alabama để làm việc với bệnh nhân và các thân nhân của họ. Bà cho biết mỗi bệnh nhân có phản ứng khác nhau đối với các loại nhạc. Có người bệnh có kết quả đối với nhạc jazz, có người chịu nhạc rock, có bệnh nhân chỉ muốn nhạc rap, có người chỉ thích tình ca...

Theo bà Sunny Hadder, hầu như tất cả những bệnh nhân gửi đến bà để được âm nhạc điều trị đều có những phản ứng tốt. Ngay cả những người bị hôn mê (coma), cũng có những phản ứng có thể nhận thấy được rõ ràng, như sự thay đổi của nhịp tim đập, khi họ được nghe nhạc.

Theo ông Al Bumanis, phát ngôn viên của Hiệp Hội Âm Nhạc Điều Trị Hoa Kỳ (American Music Therapy Association), từ lâu người ta đã biết âm nhạc có ảnh hưởng đến con người trong nhiều lãnh vực, kể cả y khoa. Nguyên tắc dùng

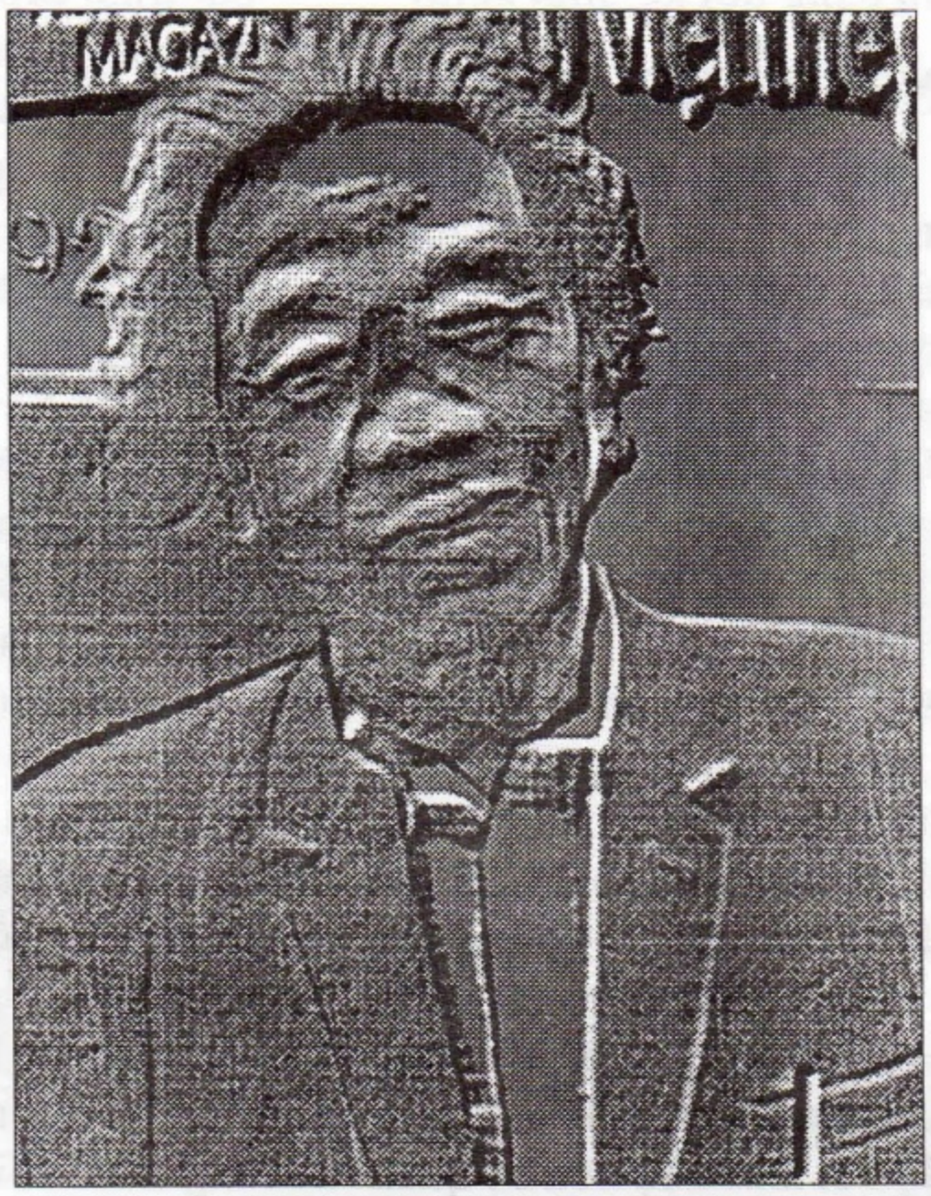

âm nhạc để chữa bệnh có từ Thời Đại Thánh Kinh (Biblical Times), nhưng phải nói mãi đến thập niên 1950 mới có sự áp dụng thật sự. Sau Đại Chiến Thế Giới lần thứ II, âm nhạc được bắt đầu đem dùng trong những nhà thương cựu chiến binh Hoa Kỳ. Âm nhạc điều trị phát triển dần theo thời gian và ngày nay đã có những người có bằng tiến sĩ âm nhạc điều trị.

Những âm nhạc điều trị viên khi chữa bệnh thường cùng bệnh nhân đàn, hát, đánh trống và có khi cùng sáng tác nhạc. Nhiều khi, họ cũng chỉ dùng phương pháp thụ động hơn nghĩa là cho người bệnh nghe nhạc.

Nhịp điệu của âm nhạc rất thích hợp cho những người bị tai biến mạch máu não (CVA cerebrovascular accident) khi đang ở giai đoạn bình phục. Âm nhạc trong trường hợp này giúp bệnh nhân tìm lại cách đi đứng lúc đầu chậm và sau dần dần tăng tốc độ (tempo) đến khi bệnh nhân có thể đi được.

Ông Bumanis cho biết có nhiều cuộc khảo cứu y học trong quá khứ đã cho thấy âm nhạc có thể giúp bệnh nhân giảm đau, bớt sự hãi do đó áp huyết và mạch được điều hòa hơn.

Bây giờ bàn đến chuyện nhạc Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến người Việt.

Kể ra không ít thì nhiều, tất cả chúng ta đều thấy ảnh hưởng của âm nhạc đối với tâm hồn của mỗi người. Phải nói, mọi người chúng ta không ít thì nhiều cũng đã sử dụng âm nhạc trị liệu một cách gián tiếp. Thí dụ, khi chán nản, tìm một đĩa nhạc vui nghe, chắc sẽ thấy đỡ buồn. Hay trong một bữa tiệc khi mọi người bốc đồng hỗn loạn, chủ nhân vặn một bản nhạc thật hay và êm ái, bảo mọi người bình tĩnh lại lắng nghe, không khí sẽ nhẹ đi.

Phải nói nhạc Việt Nam nhiều những tình ca buồn, số lượng đến hàng ngàn bản nhạc. Khi nghe những bản nhạc buồn, con người cũng lắng hồn vào tiếng nhạc và có cảm giác buồn.

Ngược lại khi nghe nhạc vui, tâm hồn người cũng mở rộng chào đón hân hoan. Những bản hùng ca lại làm khơi động những ý chí hào hùng, yêu nước. Nghe những bản du ca thấy muốn dấn thân làm việc xã hội. Những bản nhạc nhi đồng làm người nghe thấy tâm hồn trẻ lại.

Có một loại nhạc có thể nói khó sáng tác nhất là nhạc hài hước, loại nhạc nghe có thể vui đến bật tiếng cười. Loại nhạc vui này dùng để chữa bệnh sầu buồn (depression) chắc là phải hiệu nghiệm. Nhạc hài hước Việt Nam có lẽ chỉ có khoảng chừng vài chục bản, do những nhạc sĩ thật đặc biệt sáng tác. Một trong những người đó, một ngạc nhiên cho hầu như tất cả mọi người, là tác giả *Trường Ca Hòn Vọng Phu*. Chính Lê Thương là người viết nhạc hài hước Việt Nam đầu tiên với những bản nhạc *Hòa Bình 48, Liên Hiệp Quốc, Làng Báo Sài Gòn...*

Nhưng nói đến chuyện viết nhạc hài hước và rồi tự đơn ca trình diễn lấy, nổi tiếng cả nước, trong lịch sử âm nhạc Việt Nam chỉ có một người: Trần Văn Trạch (1924-1994).

Ông Trần Văn Trạch, tên thật là Trần Quang Trạch, sinh năm 1924 ở Mỹ Tho, sinh trưởng trong một gia đình toàn là những nhân vật có tiếng về Cổ Nhạc Việt Nam. Tuy trong gia đình có những nhân vật khoa bảng lỗi lạc về âm nhạc như anh ruột giáo sư tiến sĩ âm nhạc Trần Văn Khê, cháu ruột tiến sĩ âm nhạc Trần Quang Hải... Trần Văn Trạch phải nói được nhiều người Việt Nam biết đến hơn cả.

Ông Trần Văn Trạch có khiếu âm nhạc từ nhỏ, biết nhiều về Cổ Nhạc, thông thạo đàn kìm và tỳ bà, hát Vọng Cổ rất "mùi", nhưng lại thích Tân Nhạc hơn.

Sau khi học xong trường Trung Học Mỹ Tho, Trần Văn Trạch bắt đầu với nghề thương mại, lập lò làm chén bán ở Vĩnh Kim nhưng không được khá lắm.

Năm 1945, ông Trần Văn Trạch bỏ nghề buôn bán, lên Sài Gòn "giang hồ" và tìm cách đi hát cho những phòng trà, vũ trường nhỏ.

Đến khoảng năm 1947, nghệ sĩ Trần Văn Trạch bắt đầu trình diễn những bài hát hài hước. Những bản nhạc hài hước đầu tiên ông trình bày là những bản sáng tác bởi nhạc sĩ Lê Thương đã kể ở trên.

Nhưng về sau, vì nhu cầu trình diễn, ông Trần Văn Trạch đã tự sáng tác ra những bản nhạc hài hước để tự mình trình diễn lấy.

Bản nhạc *Anh Phu Xích Lô* là sáng tác đầu tiên của ca nhạc sĩ Trần Văn Trạch:

Có ai mà muốn đi tới Chợ Lớn
Có ai mà muốn đi tới Chợ Mới
Có ai mà muốn đi chóng cho mau tới
Ê! Tôi xin mời lại đây...

Những bài hát nổi tiếng ngày đó là Cái Đồng Hồ Tay, Cây Bút Máy, Anh Chàng Thất

Nghiệp, Sở Vòi Rồng, Đừng Có Lo... Bài nhạc nào của nhạc sĩ Trần Văn Trạch cũng làm người nghe cười... bể bụng. Thí dụ bài Cái Tê-lê-phôn:

Từ đâu nạn đưa tới
Gắn chi cái tê-/ê-phôn
Bởi tôi muốn làm tài khôn
Khiến tôi muốn thành ra ma
Không vào Chợ Quán, cũng ra Biên Hòa...

Tuy vậy, không phải ông Trần Văn Trạch chỉ sáng tác nhạc hài hước.

Chuyến Xe Lửa Mùng 5, kể chuyện đi thăm mẹ của một anh chàng. Đây là một bản nhạc lúc đầu nghe thấy có vẻ là nhạc hài hước, vói những tiếng động của nhà ga, xe lửa... Nhưng đoạn cuối là một khúc thương ca, khi người về đến nhà mới biết mẹ đã qua đời.

Một bản nhạc có cả hài hước pha lẫn chút triết lý là *Khi Người Ta Yêu Nhau*:

Khi người ta yêu nhau
Yêu trong lúc hai mươi tuổi đầu
Thì không phải vì tiền đâu
Nhưng mà chẳng được bao lâu
Những đoạn giữa nói về các tuổi ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi và:
Khi người ta yêu nhau
Yêu trong lúc bẩy mươi tuổi đầu
Thì không phải vì tiền đâu
Nhưng mà chẳng còn bao lâu.

Hai câu Nhưng mà chẳng được bao lâu và Nhưng mà chẳng còn bao lâu nghe có vẻ giống nhau. Nhưng suy nghĩ cho kỹ thấy

hai ý nghĩa khác hẳn nhau và cho thấy Trần Văn Trạch là người có đầu óc, biết dùng chữ khá thâm thúy. Cái triết lý giản dị, có thể học được từ bài hát là nếu vì vấn đề tiền mà yêu nhau, thì đó không phải là tình yêu chân thật.

Một bản nhạc phải nói hầu như ngày xa người Việt Nam nào cũng phải biết đến, vì được ông hát đi hát lại mỗi tuần khi có xổ số tại rạp Thống Nhất, Sài Gòn và sau này trực tiếp truyền thanh qua đài phát thanh Sài Gòn. Tuần lễ nào người dân nước Việt ở khắp nơi đều nghe thấy tiếng người nghệ sĩ trình bày bài này qua làn sóng điện. Đó là bài hát *Xổ Số Kiến Thiết Quốc Gia*, do Trần Văn Trạch viết và hát:

Kiến thiết quốc gia
Giúp đồng bào ta
Xây đắp muôn người
Được nên cửa nhà

Tô điểm giang san
Qua bao lầm than
Ta thề kiến thiết
Trong giấc mộng vàng

Triệu phú đến nơi
Năm mười đồng thôi
Mua lấy xe nhà
Giàu sang mấy hồi

Kiến thiết quốc gia
Giúp đồng bào ta
Ấy là thiên chức
Của người Việt Nam

Mua số mau lên
Xổ số gần đến
Mua số mau lên
Xổ số... gần... đến...

Một bản nhạc khác Trần Văn Trạch sáng tác không hài hước một chút nào cả là bản nhạc hùng mạnh Chiến Xa Việt Nam, bài được hát đi hát lại trong những dịp đài phát thanh cần chạy nhạc hùng như Ngày Quân Lực, Ngày Quốc Khánh... hay khi có... đảo chánh.

Ca sĩ Trần Văn Trạch cũng có hát những nhạc không hài hước và hát thật hay. Một thí dụ điển hình là bản *Chiều Mưa Biên Giới* của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông đã nổi tiếng sau khi chính do Trần Văn Trạch hát rất điêu luyện, với phần nhạc đệm từ một băng nhạc thu sẵn, của một ban nhạc bên Pháp. Lúc đó vào khoảng thập niên 1960, phương pháp trình diễn này coi như rất mới. Từ đây, đã phát sinh ra những loại hát có nhạc đệm sẵn (karaoké).

Ngoài sáng tác nhạc, hát ông còn là trưởng ban nhạc Sầm Giang của đài phát thanh Pháp Á, vào khoảng thập niên 1950. Ban này gồm những ca sĩ nổi tiếng đương thời như Linh Sơn, Tâm Vấn, Minh Diệu, Mạnh Phát, Tôn Thất Niệm...

Trần Văn Trạch không chỉ hoạt động trong lãnh vực âm nhạc. Cũng trong thập niên 1950, khi điện ảnh vẫn còn là một môn nghệ thuật phôi thai ở Việt Nam, Trần Văn Trạch đã đóng cùng với nữ nghệ sĩ Kim Cương trong những phim như Lòng Nhân Đạo, Giọt Máu Rơi... và về sau còn làm đạo diễn điện ảnh cho những phim như *Thoại Khanh Châu Tuấn* (do Kim Cương và Vân Hùng đóng), *Trương Chi Mị Nương* (do Trang Thiên Kim và La Thoại Tân đóng)...

Nhưng có lẽ công trình ông đóng góp nhiều nhất cho nghệ thuật là những buổi Đại Nhạc Hội, với chuyện sáng tác và sự trình diễn những bản nhạc hài hước đã kể trên của ông.

Danh từ *Đại Nhạc Hội* chỉ những buổi trình diễn ca nhạc xen kẽ với kịch, ảo thuật... tại các rạp hát do chính ông Trần Văn Trạch đặt ra và từ đó cũng do chính ông đã phát huy chủ trương, bắt đầu từ khoảng năm 1949. Dĩ nhiên một trong những tiết mục quan trọng nhất của những buổi Đại

Nhạc Hội này là màn hát nhạc hài hước của chính Trần Văn Trạch.

Nghe Trần Văn Trạch hát thấy vui và lạ. Ông có biệt tài bắt chước được những âm thanh như tiếng còi tầu xe lửa, tiếng xe hơi chạy, tiếng những cầm thú... Nhưng nếu chỉ nghe không cũng chưa thấy hết cái hay của ông, mà phải nhìn ông trình diễn mới thấy hết được cái linh hoạt của bài hát do ông sáng tác. Giọng hát mộc mạc, đơn giản của người Nam và cách trình diễn hoạt náo những bản nhạc hài hước của chính mình, đã làm nên tên tuổi Trần Văn Trạch, người được dân chúng Việt Nam gọi là Quái Kiệt.

Với những chương trình Đại Nhạc Hội, Trần Văn Trạch đã trình diễn rất nhiều tại Sài Gòn. Danh tiếng của ông nổi như cồn. Ông đã đi khắp các tỉnh ở miền Nam và trước khi xẩy ra Hiệp Định Genève 1954 chia cắt đất nước, có lần ông ra cả miền Bắc trình diễn.

Về sau có những người khác theo quan niệm như vậy của ông tổ chức Đại Nhạc Hội cũng rất thành công như nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ, nữ nghệ sĩ Kim Cương...

Sau "Giải Phóng 1975", Trần Văn Trạch bị kẹt lại Việt Nam và ông cũng vẫn đi lu diễn thường xuyên cho đến khi qua Pháp năm 1977. Từ đó, ở Paris, ngoài việc mưu sinh hằng ngày, ông cũng vẫn có những hoạt động âm nhạc như băng nhạc và video Hài Hước Trần Văn Trạch, trình diễn nhạc ở Pháp hay ở Úc, Hoa Kỳ... và hoạt động xã hội nhất là trong những buổi hát giúp quyên tiền cho những con tầu về lại biển Đông vớt người Việt tỵ nạn vượt biển.

Năm 1994 nghệ sĩ Trần Văn Trạch qua đời tại Paris, vì bệnh ung thư gan.

Nhớ lại hình ảnh ngày xa của người nghệ sĩ quá cố, có dáng dấp giang hồ với mái tóc dài và phong trần, lái chiếc xe mui trần cũ kỹ và bụi bậm, đang thân thiện hiền hòa vẫy chào mọi người ở đường phố Sài Gòn, phải công nhận một điều:

Ca nhạc sĩ Trần Văn Trạch, người có một không hai trong lịch sử âm nhạc Việt Nam, quả là một Quái Kiệt tài hoa trong tâm tưởng của mọi ngời dân Việt mãi mãi...

(Does Music Help The Body Heal? /Nancy A. Melvillen /HeathSCOUT Aug. 28, 2000)

chân dung

lê giang trần

Giữa đêm mơ tỉnh hốt hoảng dậy
mộng mê còn đặc trắng như mây
pha trà ngồi thõng ấm sôi rít
chun đất như lòng đen trũng sầu.

Lạnh cứa râm ran vào cột sống
trà len nóng nhói, nghẹn lồng tim
quẩn quanh chìm nổi đời hư vọng
như thuyền vào biển lại về sông.

Quẩy chèo mỏi ngợp trên chóp sóng
khua dạt thời gian gió ngược giăng
ước khi trời đất hồ biển lặng
tịnh tâm đón tiếng hạc rơi vàng.

Sáng nao ngồi tịnh trên núi mây
đêm nao ngồi động biển dâng đầy
hồn mông mênh rỗng ngàn sao cháy
lạnh ngắt lòng như núi đứng ngây.

Này gã trùng dương rộng giáp trời
nộ cuồng ngươi chỉ nước đầy vơi
còn ta trong trái tim máu lửa
cháy bốn ngàn năm cháy một đời.

lê giang trần

THUẾ DI SẢN và THẶNG DƯ

Luật Sư Catherine
Nguyễn Tuyết Nga

Ở Việt Nam chúng ta thường thấy các bậc Cha Mẹ cho con cái những món tiền lớn hoặc bất động sản trong ngày cưới hỏi; hoặc khi con cái học hành đỗ đạt, các bậc Cha Mẹ thường giúp vốn cho mở văn phòng hoặc cơ sở thương mại để con cái có thể từ đó tạo dựng sự nghiệp riêng của mình. Khi Cha Mẹ trăm tuổi và quy tiên, có khi con cái còn được hưởng tất cả tài sản của Cha Mẹ để lại mà không cần phải khai báo hoặc chia một phần nào cho cơ quan thuế vụ.

Nhưng với những người đang sinh sống ở Mỹ, dù tài sản của chúng ta để bất cứ nơi nào trên thế giới, nếu chúng ta không biết cách cho, khi nào nên cho, và cho bao nhiêu, thì có thể một nửa tài sản của chúng ta sẽ phải dùng để nộp cho sở thuế Liên Bang và Tiểu Bang nơi mình cư ngụ, và con cháu chúng ta chỉ còn được một nửa những gì chúng ta đã tích lũy cả một đời người.

Số tiền chúng ta làm ra đã được sở thuế Liên Bang và Tiểu Bang của Mỹ chiếu cố không phải chỉ một lần. Đầu tiên họ đánh thuế lợi tức trên số tiền chúng ta làm ra; mỗi khi chúng ta tiêu dùng số tiền này, sở thuế lại đánh thuế mua bán; nếu mua vật liệu xây cất, sửa chữa nhà cửa, làm tăng giá trị căn nhà của chúng ta lên, thì họ vừa đánh thuế mua bán khi ta mua vật liệu, rồi

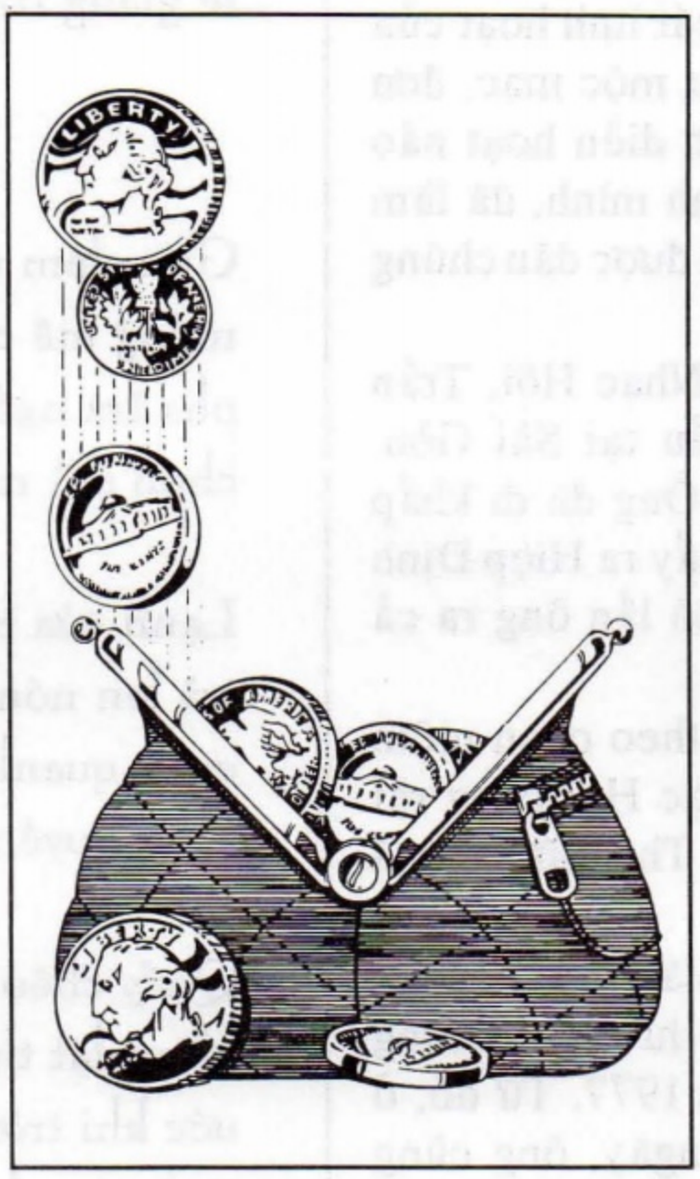

lại đánh thuế thổ trạch trên phần tăng giá của căn nhà, tức là chúng ta trả hai thứ thuế cho một món tiêu liên quan đến bất động sản; khi chúng ta cho căn nhà cho con cháu thì ta lại phải trả thuế tặng dữ (gift tax) nếu ta cho trong lúc ta còn sống, hoặc trả thuế di sản (estate tax) nếu ta cho con cháu khi ta chết. Nếu ta không muốn để lại cho con khi ta chết, mà ta để cho cháu nội hoặc ngoại, thì họ sẽ đánh hai thứ thuế một lúc, đó là thuế di sản và thuế "qua mặt" (Generation- Skipping Transfer tax) (nếu chúng ta để tài sản lại cho con, sở thuế sẽ được thuế di sản khi ta chết, rồi khi con ta chết để lại cho cháu ta, họ sẽ được thêm một lần thuế di sản; cho nên khi ta để tài sản cho cháu ta, họ không muốn bị mất một lần đánh thuế, nên đã nghĩ ra một loại thuế khi ta "qua mặt" con ta, và để tài sản cho cháu nội ngoại).

Tuy nhiên luật nào cũng có những kẽ hở, và nếu chúng ta biết sử dụng những kẽ hở này thì chúng ta có thể bảo vệ tài sản của chúng ta, để con cháu chúng ta khỏi phải chia với sở thuế vụ, hoặc chia rất ít.

Trước hết, chúng ta cần phân biệt thuế trên món quà tặng dữ (quà cho trong khi ta còn sống), và thuế di sản (thuế trên tài sản để lại cho con cháu khi ta qua đời). Cả hai thứ thuế đều ở khoảng 37% đến 55%, nhưng thuế tặng dữ (gift tax) được đánh trên giá trị của món quà ta trao cho người thụ hưởng, còn thuế di sản được đánh trên tổng số tài sản ta để lại, tức là ta bị đánh thuế luôn trên phần ta đóng thuế (taxing the tax portion) Thí dụ ta có $100, nếu ta cho trong khi ta còn sống, và ta biết là ta sẽ phải trả thuế tặng dữ trên số tiền ta cho là 55%, thì ta sẽ giữ lại một phần để trả thuế tặng dữ, và ta chỉ cho $65 thôi, như vậy ta chỉ đóng thuế tặng dữ trên số tiền cho tức là 55%x$65=$33 thuế. Nếu cùng một số tiền $100, nhưng ta đợi đến lúc chết mới để lại, thì thuế di sản sẽ bị đánh trên tổng số tiền

ta để lại, tức là 55%x$100=$55 thuế, và như vậy người thụ hưởng chỉ nhận được $45. Nhìn vào thí dụ này, ta sẽ thấy là cho trong lúc sống thì người thụ hưởng được nhiều hơn đến $20 (20% của tài sản).

Tuy nhiên, có những tài sản mà chúng ta không nên cho trong khi còn sống, vì ngoài phần thuế tặng dữ hoặc thuế di sản, chúng ta cần làm bài tính về thuế lợi nhuận (capital gain tax) của món tài sản chúng ta muốn cho. Thuế lợi nhuận được tính khi món động sản hoặc bất động sản được bán ra (sell price) cao hơn là giá mua hoặc giá thành (cost hoặc basis) (nếu là bất động sản, thì tiền sửa sang để làm tăng giá trị món bất động sản sẽ được cộng vào với giá mua để trở thành giá thành). Thí dụ giá mua một căn nhà là $100,000 (kể cả tiền closing costs lúc mua), trước khi bán, thay mái ngói, thảm, và sơn nhà hết $10,000, như vậy giá thành là $110,000; nếu bán được $150,000, thì tiền lời bán nhà là $40,000 (tiền bán $150K - giá thành $110K); tiền lời này phải đóng thuế lợi nhuận chung với thuế lợi tức trong năm bán.

Đối với tài sản tặng dữ (cho trong khi còn sống) thì giá mua hoặc giá thành của món tài sản đó từ người cho sẽ chuyển thành giá mua hoặc giá thành của món tài sản đó cho người thụ hưởng (transfer basis); trong khi đó, nếu tài sản chỉ được cho sau khi chết (để lại di sản), thì với người thụ hưởng, giá thành mới của món tài sản đó sẽ là giá thị trường vào ngày người cho chết, hoặc là giá thị trường vào sáu tháng sau ngày chết (tùy theo ngày người thụ hưởng chọn lựa) (step-up basis). Đối với những tài sản đã tăng giá trị (thí dụ như nhà cửa, chứng khoán), nên để lại cho con cháu theo di sản, mà không nên cho trong lúc sống. Theo như thí dụ ở trên, nếu vào ngày người cho mất, hoặc sáu tháng sau khi người đó mất (chọn ngày nào mà giá nhà lên cao nhất để giá thành mới của căn nhà cao, thì khi bán đỡ phải trả thuế lợi nhuận), nếu giá thị trường của căn nhà là $150K, thì người được hưởng căn nhà đó sẽ được giá thành mới là $150K, do đó khi bán căn nhà $150K, người này sẽ không phải đóng thuế lợi nhuận vì giá bán $150K bằng với giá thành mới $150K, như vậy sẽ bớt được 20% thuế lợi nhuận, hay $8000 (thuế capital gain của sự đầu tư trên một năm (long term) là 10% hay 20% tùy theo mức thuế lợi tức của mỗi người)

Nếu bất động sản được đứng tên bởi hai vợ chồng, có hai cách đề tên trên giấy chủ quyền (Title trên cái Deed của căn nhà): "Ông A và Bà B, as community property", hoặc "Ông A và Bà B, as joint tenants". Mỗi cách có những ưu và khuyết điểm riêng.

Nếu đứng tên chung "as joint tenants", ưu điểm là khi một trong hai người chết, thì người còn sống đương nhiên làm chủ căn nhà một mình mà không cần đi đổi tên; nhưng khuyết điểm là nếu căn nhà lên giá nhiều, thì khi một người chết, thì chỉ có phần của người chết, tức là 50% căn nhà được giá thành mới theo thị trường (50% step-up); còn phần của người còn sống (tức là 50% còn lại của căn nhà) vẫn có giá thành cũ từ lúc mua. Nếu bất động sản mới mua, hoặc vào thời điểm không tăng giá nhiều, thì đứng tên as joint tenants có nhiều điều tiện, mà không bị lỗ lã gì nhiều. Nhưng nếu như thị trường địa ốc lên vù vù như trong hai năm vừa qua, thì không nên đề joint tenants. Thí dụ một căn nhà hai vợ chồng mua đã 20 năm, lúc mua là 60K, sửa sang thêm phòng và nhà tắm 10K, tổng cộng giá thành là 70K; khi một trong hai người chết, giá thị trường của căn nhà là $700K, sáu tháng sau ngày chết, giá thị trường là $850K (chuyện có thật ở vùng San Jose), nếu đề tên là joint tenants, thì 50% sẽ có giá thành mới là $425 (chọn giá thị trường 6 tháng sau ngày chết vì lúc đó giá cao hơn là hôm một người chết), còn 50% phần của người sống vẫn có giá thành cũ là 35K (50% của giá thành cũ 70K), như vậy sau khi một người chết, giá thành mới của căn nhà sẽ là $460K (35K+425K). Nếu sau đó căn nhà được bán với giá 1.5M, thì người còn sống sẽ phải báo cáo tiền lời bán nhà là 1.04M; nếu người này vẫn sống tại căn nhà đó độc thân, không lập gia đình lại, thì theo luật California, người này được miễn thuế cho $250K tiền lời từ việc bán căn nhà, nơi cư ngụ chính thức của họ 2 năm trong vòng 5 năm qua, như vậy người này phải đóng thuế lợi nhuận cho số tiền lời là $790K.

Trong khi đó, nếu đứng tên là community property, thì ưu điểm là mặc dù chỉ có 50% trị giá căn nhà vào ngày một người chết, hay là 6 tháng sau ngày chết (tùy người còn sống chọn) được tính vào phần di sản người chết để lại (để tính thuế di sản), tuy nhiên cả

căn nhà sẽ được giá thành mới theo giá thị trường vào ngày chết hay 6 tháng sau ngày chết (100% step-up). Theo như thí dụ ở trên, thì giá thành mới của căn nhà sẽ là $850K, do đó tiền lời khi bán nhà chỉ là 1.5M - 850K = 650K, và trừ đi $250K tiền lời đầu tiên được miễn thuế lợi nhuận, người đó chỉ còn đóng thuế lợi nhuận trên số tiền lời $400K, thay vì trên $790K như joint tenants.

[Đứng tên community property bớt được $78,000 tiền thuế lợi nhuận,20% thuế của tiền lời $390K ($790K - $400K)]

Tuy nhiên Community Property cũng có điều bất tiện là mỗi người phải viết di chúc về phần tài sản của mình, vì nếu không có di chúc thì tòa sẽ chia phần của người chết theo luật tiểu bang nơi người chết cư ngụ. Theo luật California, (nếu ở tiểu bang khác thì cần xem lại luật tiểu bang nơi mình ở) nếu có người phối ngẫu còn sống và người chết chỉ có một đứa con, thì người phối ngẫu và con, mỗi người được 50% của phần người chết (tức là 50% của 50% căn nhà, hay là 25% của căn nhà); nếu người chết có trên một đứa con (kể tất cả con của người chết, dù là không phải con với người phối ngẫu hiện tại), thì người phối ngẫu chỉ được 1/3 phần tài sản của người chết, 2/3 còn lại được chia đều cho các con của người chết. Dĩ nhiên ngoài phần thụ hưởng trong phần của người chết, người phối ngẫu vẫn được nguyên vẹn phần của họ tức là 50% của phần tài sản chung (50% của community property). Nếu một cặp vợ chồng còn những tài sản khác, chẳng hạn như chứng khoán, tiền hưu trí, quỹ hưu bổng (IRA và 401K), cơ sở thương mại, văn phòng, tiền gửi trong nhà băng, quỹ tiết kiệm định kỳ v.v... thì mỗi người cần thiết lập di chúc, và như vậy thì điểm bất tiện của việc đứng tên dưới dạng community property sẽ được giải quyết.

Luật thuế di sản cho mỗi người chúng ta, khi chết được để lại một số tài sản mà không phải đóng thuế di sản; trị giá tài sản không phải đóng thuế này thay đổi hằng năm như sau:

(xem bảng chiết tính)

Nếu là hai vợ chồng, thì mỗi người được miễn đóng thuế một phần tài sản có trị giá như ở trên (tức là nếu hai vợ chồng có tính toán kỹ càng thì có thể miễn thuế di sản cho năm 2001 là 1.3M, nhưng không phải cứ là vợ chồng thì được miễn thuế di sản cho tài sản trị giá 1.3M). Phần tài sản phải thuộc về mình (có tên mình trên giấy chủ quyền, hay trên trương mục, v.v...) thì mình mới khai để xin miễn thuế phần mình được. Cho nên nếu trị giá tài sản của hai vợ chồng trong năm 2001 nhiều hơn $675K, thì phải xem lại cho chắc rằng một người chỉ sở hữu tối đa số tài sản có giá trị bằng số tài sản được miễn thuế di sản trong năm đó. Thí dụ hai vợ chồng có tất cả 1.2M tài sản gồm căn nhà có net equity là $500K, 401K của chồng là $200K, 401K của vợ là $50K, IRA của chồng là 200K, trương mục trong nhà băng dưới tên hai vợ chồng là $50K, chứng khoán dưới tên chồng $200K, như vậy phần tài sản dưới tên vợ và chồng như sau:

(xem bảng chiết tính)

Nếu giữ như trên thì tài sản của chồng chỉ được miễn thuế 675K (nếu chẳng may chồng chết năm 2001), và sẽ phải chịu thuế

LUẬT THUẾ DI SẢN

Năm	Phần miễn thuế	Năm	Phần miễn thuế
1999	$650,000	2000 & 2001	$675,000
2002 & 2003	$700,000	2004	$850,000
2005	$950,000	2006	$1,000,000

PHẦN TÀI SẢN DƯỚI TÊN VỢ VÀ CHỒNG

	Chồng	Vợ
Nhà	$250K	$ 250K
401K	200K	50K
IRA	200K	-0-
Chứng khoán	200K	-0-
Băng	25K	25K
Tổng cộng	**875K**	**325K**

di sản trên số tài sản thặng dư là 200K, trong khi vợ chỉ được miễn thuế phần vợ sở hữu là 325K. Muốn được miễn thuế toàn bộ tài sản, chồng cần sang tên cho vợ phần chứng khoán $200K, thì không có phần tài sản nào của chồng sẽ bị thuế di sản, và vợ sẽ được miễn thuế toàn bộ tài sản của vợ là $525K. Vì trị giá tài sản được miễn thuế di sản gia tăng mỗi năm, và giá trị tài sản của chúng ta cũng gia tăng mỗi năm, cho nên chúng ta cần duyệt xét lại giá trị tài sản của chúng ta ít ra một năm một lần, để chắc chắn là cả hai vợ chồng sẽ dùng tối đa phần miễn thuế di sản mà luật cho phép.

Phần miễn thuế di sản ở trên được áp dụng nếu tài sản để lại cho con, cháu, bố, mẹ, anh chị em, v.v... Tất cả tài sản để lại cho người phối ngẫu (phải là người phối ngẫu hợp pháp vào lúc người kia chết, theo luật tiểu bang nơi người chết cư ngụ trước khi chết, không kể người phối ngẫu cũ, hay tương lai, hay fiancé) hay cho các cơ quan từ thiện (charitable organization) đều được miễn thuế, không giới hạn. Tuy nhiên nếu trị giá tài sản của cả hai vợ chồng nhiều hơn là một phần miễn trừ, thì không nên để hết cho người phối ngẫu, vì tuy phần mình để lại được miễn thuế khi mình chết vì chuyển qua cho người phối ngẫu, nhưng khi người thứ nhì trong hai vợ chồng chết, thì phần tài sản đó khi để lại cho con cháu thì sẽ bị đánh thuế vì trị giá di sản cao hơn phần miễn thuế cho một người. Trong trường hợp này có thể thiết lập những chương trình để tài sản cho vợ hay chồng dùng trong khi sinh tiền, nhưng khi người thứ nhì chết thì tài sản còn lại sẽ được chuyển cho con cái.

Trong trường hợp tài sản của hai vợ chồng nhiều hơn là tổng số tài sản được miễn thuế theo luật định, thì nên hoạch định, để trong lúc mình còn sinh tiền, mỗi năm sẽ cho con cái, cháu, anh em mỗi người $10,000 cho đến khi trị giá tài sản của hai vợ chồng bằng với số tài sản được miễn thuế di sản.

Món quà $10,000 một năm cho mỗi người được miễn thuế tặng dữ, và chuyển tài sản ra khỏi

di sản của mình mà không phải đóng bất cứ một thứ thuế nào. Nếu hai vợ chồng cùng đồng ý tặng quà, và món quà từ tài sản đứng tên bởi hai vợ chồng (chẳng hạn ký check từ một trương mục có tên cả hai vợ chồng) thì hai vợ chồng có thể cho một người $20,000 một năm.

Tuy nhiên, món quà phải được giao cho người thụ hưởng, và phải không thuộc quyền kiểm soát của người cho, thì mới được kể là quà tặng, nếu không thì vẫn được tính như là thuộc di sản của người cho, và sẽ phải đóng thuế di sản nếu trị giá tài sản của mình nhiều hơn số tài sản miễn thuế di sản nói trên, vào lúc mình từ giã cõi đời (nếu hứa là sẽ cho, mà chưa đưa, thì vẫn không kể là quà tặng).

Khi cho quà một đứa trẻ dưới 14 tuổi thì cần cẩn thận, vì luật mỗi tiểu bang có những đòi hỏi khác nhau, nếu không theo đúng luật tiểu bang, thì mục đích tặng quà để giảm thuế di sản sẽ không đạt được.

Theo luật California Cha Mẹ chỉ có bổn phận nuôi nấng con cái đến khi chúng học xong Trung Học hoặc đến khi chúng được 19 tuổi (sau đó, tất cả những món tiền Cha Mẹ tiêu cho con cái trên 19 tuổi được coi như tặng phẩm Cha Mẹ cho con cái, và sẽ bị giới hạn bởi luật $10K/20K một năm cho một đứa trẻ, ngoại trừ tiền học và tiền ăn ở nếu Cha Mẹ trả thẳng cho trường học và người cho thuê chỗ ăn ở, không được ký check cho con cái (nếu ký check thì tính vào phần miễn thuế 10K hoặc 20K một năm), tiền bác sỹ và thuốc men nếu trả thẳng cho bác sỹ. (Cần cẩn thận khi mua xe trên 20K cho con cái sau khi chúng trên 19 tuổi, vì IRS sẽ xem đó là quà tặng, và sẽ phải trả thuế tặng dữ hay trừ vào phần miễn trừ thuế cho di sản).

Có một số những hoạch định tài sản để tránh thuế di sản khi tài sản lên cao hơn phần được miễn thuế nêu trên, nhưng không thể bàn nhiều trong bài viết này, những bạn nào có tài sản trên 1.4 M nên tìm hiểu thêm những kế hoạch phù hợp cho trường hợp và mục đích của mình.

Nguyễn Tuyết Nga

Trà Đạo

Phùng Ngọc Tiến

Trà Đạo chính là sự sùng bái được thể hiện nơi lòng yêu kính vẻ đẹp tuyệt đối vượt lên trên tất cả những phiền toái của đời sống. Trà Đạo biểu hiện sự thanh khiết cũng như hòa hợp, sự kỳ diệu tuyệt cùng nơi lòng nhân ái. Trà Đạo còn là một thứ lãng mạn tính của một giai cấp trong xã hội. Cũng chính vì cuộc đời là một cái gì bất toàn thiện, cho nên Trà Đạo còn được xem như một phương thức khả dĩ hoàn thiện được những gì bất khả trên cõi đời này.

Trà Đạo là một phương thức uống trà đã được lý tưởng hóa, Trà Đạo còn là một thứ tôn giáo về nghệ thuật sống. Chén trà được xem như một lời tạ lỗi đối với sự trong sáng và thuần khiết, là một trách vụ thiêng liêng trong đó con người xem như được dự phần vào công việc khám phá Chân Thiện Mỹ. Nơi uống trà có thể được xem như một ốc đảo giữa sa mạc hoang vắng, nơi mà người lữ hành mệt mỏi có thể bắt gặp được dòng suối và sự trong mát tinh khiết đó được thưởng thức và điểm tô với tất cả nghệ thuật. Những nghi thức nơi Trà Đạo được xem như một vở kịch mà trong đó những tình tiết được thêu dệt chung quanh Trà, Hoa và Tranh.

Không một màu sắc nào được phép pha loãng thanh âm của khôn gian đó, không một tiếng động nào được phép làm sai lạc tiết tấu của từng cảnh vật, không một động tác nào được phép gò ép trên sự hài hòa tuyệt cùng đó, không một ngôn ngữ nào được phép phá tan sự thuần nhất của ngoại vật. Mọi cung cách phải được thể hiện một cách thật đơn giản, khiêm tốn và tự nhiên.

Đó là tất cả những gì hướng đến nơi Trà Đạo.

♦

Những cung cách trong nghi thức trà đạo đã được bắt nguồn và đạt đến chỗ cực thịnh nhờ một nhà trà đạo nổi tiếng Senno Rikyu vào thế kỷ 16 dưới triều đại Taiko Hideyoshi.

Một buổi trà đạo thường được tổ chức tại một căn nhà nhỏ gọi là sukiya, căn *sukiya* này không lớn hơn một mái nhà tranh. Căn *sukiya* đầu tiên này đã được thiết trí bởi Rikyu. *Sukiya* thường gồm có một căn phòng chính dùng làm nơi uống trà, sự trù tính cho một căn phòng như vậy thường không quá năm người. Một căn phòng khác gọi là *mizu-ya* là nơi dùng để sắp đặt những dụng cụ pha trà, kế đến là một căn phòng gọi là machiai, nơi dành cho khách đến thăm ngồi đợi trước khi được mời vào trong trà thất *sukiya*. Phòng đợi *machiai* này được nối liền với trà thất sukiya bằng một lối đi nhỏ

tên gọi là roji.

Nơi tổ chức những buổi trà đạo là một căn nhà nhỏ. *Sukiya* bé nhỏ hơn bất cứ một căn nhà Nhật nhỏ nào. Trong khi những chất liệu được dùng vào việc thiết trí căn trà thất, dường như có ý muốn nói lên sự thanh khiết và thư thái tuyệt cùng, rằng tất cả nơi đây đã được gạn lọc kỹ càng. Cũng chính bởi vì tính cách hết sức đơn giản và bình dị nơi cách bài trí mà căn trà thất *sukiya* này hiện ra với một vẻ thật hoang sơ. Nhưng chúng ta cũng cần biết thêm rằng chính những chi tiết nơi *sukiya* đã được điểm tô với tất cả nghệ thuật tinh vi và tỉ mỉ mà đôi khi còn tốn nhiều công phu hơn cả sự thiết trí dành cho bất cứ một căn nhà to lớn nào khác, ngay cả đến những nơi đền miếu. Tuy nhiên những buổi trà đạo không nhất thiết cứ phải được tổ chức tại *sukiya*. Một đôi khi người ta vẫn thường hay tổ chức trà đạo ngay tại những phòng khách lớn được bài trí cực kỳ lộng lẫy và mỹ thuật. Nhưng cũng chính bởi vì Rikyu đã từng căn dặn và mong mỏi mọi

người nên luôn ý thức về tính cách cao cả nơi tinh thần, giá trị trong sáng của trà đạo cùng lòng yêu mến vẻ bình dị và sự thuần khiết của thiên nhiên nên đã lập ra *sukiya*. Có một điều làm mọi người phải ngạc nhiên và thích thú là chính nơi cửa ra vào trà thất *sukiya* là một khung cửa rất nhỏ, gọi là *nijiri-guchi*, bề cao ước chừng chỉ độ non một thước tây Khách đến uống trà tất cả đều phải cúi khom người trước khi có thể vào đến nơi trà thất. Đây là một thủ tục chung cho tất cả mọi người không phân biệt sang hèn, nó còn đượm ý muốn nhắc nhở và khắc sâu vào lòng khiêm tốn nơi mọi người.

Trà đạo được tổ chức vào rất nhiêu trường hợp khác nhau nhưng lẽ dĩ nhiên trà đạo sẽ được tổ chức một khi có sự yêu cầu của một người khách nào đó muốn được thưởng thức hương vị và nghi thức khi nhấc chén trà với những người bạn cùng một tâm hướng mang nặng lòng yêu mến

nghệ thuật cao quý này Tuy thế tùy theo tính cách biến đổi nơi không gian và thời gian trà đạo đã được phân loại thành bẩy hình thức như sau.

Shogo no saji - buổi trà đạo vào lúc trưa. Đây là một buổi trà đạo có nghi thức thông thường được bắt đầu với một bữa ăn đơn giản. Buổi lễ được bắt đầu sau lúc trưa, khách sẽ được mời đến lúc 11g30 và sẽ ở lại đây cho đến khoảng 4g chiều. Trong những buổi trà đạo này thường đều được bắt đầu bằng một bữa ăn nhẹ đơn giản, lý do dễ hiểu bởi vì tính chất đặc biệt của loại trà đem dùng. Chất trà này được gọi là matcha, một loại trà xay thành bột, lá trà đã được tước sạch hết gân lá sau đó được nghiền nát trong một cối đá, vị trà rất mạnh do đó nếu không có bữa ăn đơn giản trước khi uống trà có thể sẽ làm dạ dày khó chịu nhất là khi trà lại được pha với nồng độ đậm đặc.

Akatsukii no chanoyu - buổi trà đạo lúc bình minh. Những buổi uống trà như thế này thường được tổ chức vào lúc sáng tinh mơ, khi mặt trời chưa ló dạng. Nó còn được gọi là *Zangetsu* - trăng tàn - hay *Zanto* bởi vì khi đó mặt trăng vẫn còn ẩn hiện trên bầu trời chưa sáng rõ. Một lần uống trà như thế thường không kéo dài đến quá 6g sáng.

Yobanashi no chanoyu - buổi trà đạo lúc xế chiều. Được tổ chức khi có một người nào muốn tiêu khiển hết cả buổi chiều với bạn bè Thường bắt đầu vào khoảng 6g chiều và mọi người có thể ở lại đến bao lâu tùy ý, bởi vì sau đó không còn một buổi lễ nào nữa. Chữ *yobanashi* nguyên nghĩa đã có ý nói rằng hãy cùng nhau tiêu dao hết cả buổi chiều với tâm hồn

thư thái nhất.

Asa no chanoyu - Buổi trà đạo lúc sáng. Vào những ngày oi bức buổi trà đạo như thế này thường được tổ chức. Đó là thời khắc thích hợp nhất cho tất cả mọi người vì ngoài trời khi ấy còn đang mát, mọi người cùng nhau hội họp vào khoảng 6g sáng.

Hango no chanoyu - Buổi trà đạo sau bữa cơm tối. Không một bữa ăn nào được dọn thêm ra ngoại trừ nước trà và bánh ngọt. Những buổi trà đạo tương tự có thể được tổ chức vào bất cứ lúc nào trong ngày, ngay lúc sáng sớm hay gặp lúc xế trưa.

Atomi no chanoyu - Đây là một trường hợp khi một người được mời đến thăm trà phòng, sau khi vài vị cao niên hoặc khách đặc biệt đã vừa dùng trà xong.

Rinji chanoyu - Thiên nhiên đối với người Nhật quả là một liên hệ lớn lao. Vào những hôm trăng sáng hay ngoài trời đang mưa tuyết hoặc vào những dịp hội hoa, những buổi trà đạo thường được tổ chức bất định kỳ

Đó là bẩy loại nghi lễ chính về trà đạo, tuy nhiên thêm vào đó còn có những buổi trà đạo được tổ chức tùy theo sự thay đổi của tiết mùa. Những buổi trà đạo này được gọi là *Kuchikiri no saji*, thí dụ như một buổi trà đạo được tổ chức vào mùa thu, khi mà nguyên liệu trà được hái và ướp từ suốt mùa xuân đem ra dùng lần đầu tiên, đây là một trong những buổi lễ quan trọng nhất về trà đạo.

Trong gia đình nội trợ là công việc của người của người đàn bà nhưng trong nghi thức trà đạo thì khác, chức vụ của người đàn ông có phần quan trọng hơn. Người vợ thường ngồi bên cạnh và phụ giúp những công việc được hướng dẫn bởi người chồng.

Khách được mời đến trước hết sẽ cùng nhau ngồi đợi trong một căn phòng nhỏ machiai và chính trong căn phòng đợi này quan khách sẽ tự phân ngôi thứ, một người khách danh dự sẽ được chọn lựa. Khách danh dự, được gọi là *shokyaku*, thường là người có địa vị cao quý trong xã hội, tiếp tục như thế cho đến người cuối cùng. Người khách cuối cùng, *tsumekyaku*, là một người rất am tường về nghệ thuật trà đạo.

Sau khi mọi công việc nơi trà phòng cũng như dụng cụ pha trà đã được sửa soạn tươm tất, chủ nhân bước sang phòng đợi và chào tất cả quan khách qua cái cúi người thật yên lặng. Cái chào này gọi là *mukaetsuke* Sau đó khách sẽ lần lượt bước sang nơi uống trà qua khung cửa nhỏ nijiri-guchi theo thứ tự đã được sắp xếp, khách sẽ di chuyển dưới hình thức lê người trên hai đầu gối. Sau khi mọi người đã an vị chủ nhân xuất hiện và trao đổi lời chào hỏi với từng người.

Tùy theo ý nghĩa của buổi trà đạo đó, nếu là *shogo no saji* thì trước khi nghi thức trà đạo bắt đầu thường có những bữa ăn được dọn ra, còn thông thường là bánh ngọt. Bánh ngọt được mang đến mời khách trong những chiếc đĩa bằng gỗ, với những chiếc nĩa đặc biệt vót bằng tre có hình dáng như một chiếc tăm lớn. Khách sẽ đặt bánh ngọt trên một mảnh giấy ăn nhỏ đặc biệt gọi là *kaishi*, dùng chiếc tăm xắn bánh ra từng miếng nhỏ khi ăn. Sau khi dùng xong bánh ngọt, những chiếc tăm này có thể được gói lại cẩn thận và đem về nhà. Khi thủ tục trà đạo bắt đầu, người khách đầu tiên sẽ cầm lấy một tấm lụa nhỏ gọi là *fukusa*. Với tấm *fukusa* trong lòng bàn tay trái, khách đặt chén trà lên đó với bàn tay phải, sau khi cúi đầu chào người bên cạnh và nói. *Osaki-ni*, xin phép được dùng trước. Khách xoay chén trà một lần về phía bên trái, uống ba ngụm và nhấp thêm một nửa, sau đó khách đặt tấm khăn *fukusa* xuống chiếu, lau mép chén với giấy *kaishi* và chuyển chén trà sang người bên cạnh. Tất cả mọi người sẽ cùng uống trà theo cùng một cung cách như trên. Người cuối cùng sau khi dùng trà xong sẽ đặt trả chén trà để chủ nhân sau đó sẽ tiếp đến tuần trà thứ nhì. Mọi người khi uống trà đều nhìn ngắm chén trà một cách say mê, họ thường hỏi nhau về nguồn gốc và lịch sử của chén trà đó. Nhìn ngắm những chi tiết điểm tô nơi chén trà một cách cung kính và say mê là thói quen của những người sành điệu.

Những nghi thức và cung cách thể hiện nơi nghệ thuật trà đạo được xây dựng trên những kinh nghiệm dài lâu trải hàng bao thế kỷ đã trở thành một thứ tiền lệ khó thể bỏ quên. Sự bình dị và khiêm tốn cũng như những cảm xúc thành thật là một phần chủ yếu trong nghệ thuật trà đạo cao quý này

Phùng Ngọc Tiến

GIAI THOẠI VỀ TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BỈNH KHIÊM

Hồng Đức

Được dân gian truyền tụng là "Nhà Tiên Tri" của nước ta, vì ông đã để lại cho hậu thế nhiều lời tiên tri mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình". Một điều rất lý thú là cách đây ngót 500 năm, ngay trang đầu của tập "Trình Tiên Sinh Quốc Ngữ" của Trạng Trình, ông đã khẳng định nước ta tên là Việt Nam. Một sự tiên đoán thật là chính xác.

Người làng Trình Tuyền, xã Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là huyện Vĩnh Bảo tỉnh Hải Phòng). Năm 45 tuổi đỗ Trạng Nguyên đời Mạc Đăng Doanh (1535). Gọi là Trạng Trình vì là Trạng Nguyên của làng Trình Tuyền.

Sinh năm 1491, đời vua Lê Thánh Tông, khôi ngô tuấn tú, tư chất khác thường, một tuổi đã nói sõi, năm tuổi được mẹ dạy cho kinh sách truyền miệng thơ văn chữ Nôm, học đâu nhớ đấy.

Lớn lên theo học Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều, huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa). Sáng dạ, thông minh lại nết na nên được thầy yêu bạn mến.

Vì tình hình bất ổn, nên mãi đến năm 1534 (44 tuổi) mới đi thi, đỗ ngay Giải Nguyên, năm sau đi thi Hội, đỗ ngay Hội Nguyên, lúc thi Đình, đỗ ngay Trạng Nguyên.

Là người có tâm huyết đã dâng sớ yêu cầu chém mười tám lộng thần, song vua Mạc Phúc Hải không nghe. Ông bèn trả mũ áo, cáo quan về mở trường dạy học. Ông dựng một am nhỏ bên hồ, đặt tên là Bạch Vân và lấy hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ.

Ông đem hết tài trí dạy dỗ môn sinh, mong mỏi họ sẽ thành tài và có cơ hội giúp nước. Các học trò danh tiếng của ông như Lương Hữu Khánh, Phùng Khắc Khoan... sau này quả đã nối được chí thầy.

Dân gian truyền tụng các câu nói có tính cách chiến lược sau đây của ông:

abĐối với Chúa Trịnh:

Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, diệt gần hết tôn tộc nhà Lê. Nguyễn Kim, một cận thần nhà Lê, khởi binh chống lại nhà Mạc, và tìm được một người là hậu duệ của Lê Thái Tổ đem về cho làm

vua Lê Trang Tông.

Năm 1545, Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc đầu độc chết, binh quyền vào tay con rể là Trịnh Kiểm.

Năm 1556, Lê Trung Tông (con Lê Trang Tông) mất và không có con nối dõi, Trịnh Kiểm muốn tự mình phong vương, song còn đang phân vân nên phái Phùng Khắc Khoan đến hỏi ý Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Trạng Trình nói với người nhà:

Năm nay lúa không tốt, vì thóc giống không chắc. Nên tìm thóc cũ gieo thì tốt.

Rồi Trạng Trình đi lễ chùa, gặp nhà sư, Trạng nói:

Nhà sư nhớ chăm cúng Phật mà ăn oản.

Khi bàn lại qua các lời nói của Trạng Trình thì Trịnh Kiểm hiểu là nên phò nhà Lê cho thuận lòng dân, bèn lập một người dòng dõi nhà Lê lên làm vua Lê Anh Tông.

abĐối với Chúa Nguyễn:

Khi nắm binh quyền thì Trịnh Kiểm ám hại Nguyễn Uông là trưởng nam của Nguyễn Kim, người em trai duy nhất còn lại là Nguyễn Hoàng sợ hãi, nên đã hỏi ý Trạng Trình.

Trạng Trình chống gậy ra sân, ngắm nhìn hòn non bộ, nhìn đàn kiến đang leo núi và nói bâng quơ:

Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân

(Một giải Hành Sơn có thể dung thân muôn đời)

Nguyễn Hoàng hiểu ý, về nói với chị (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Đó là nơi biên cương cùng đường, tuyệt lộ, đất cằn, người thưa và lại cũng muốn đầy ải Nguyễn Hoàng đi nơi khác thay vì giết chết thì thất nhân tâm, Trịnh Kiểm đã đồng ý.

Rất nhún mình, lo khai khẩn đất hoang, mở mang bờ cõi về phía Nam, rất thần phục họ Trịnh. Đến khi lực lượng đã vững mạnh, mới tuyên chiến với họ Trịnh.

abĐối với nhà Mạc:

Khi nghe tin Trạng Trình bệnh nặng, Mạc Mậu Hợp cử quan Khâm Sai về xin hỏi ý Trạng Trình về tương lai của nhà Mạc.

Trạng Trình nói:

Cao Bằng tuy thiểu, khả năng sổ thế

(Cao Bằng tuy nhỏ cũng được vài đời)

Sau khi thất bại, nhà Mạc đã chạy lên Cao Bằng và còn tồn tại ở đây được đến năm 1677 mới mất hẳn.

Trạng Trình mất , thọ 95 tuổi, được truy tặng từ tước Trình Tuyền Hầu lên tước Thái Phó Trình Quốc Công.

Hồng Đức.

CHUYỆN KOSOVO

Chuyện mới xảy ra ở Kosovọ Khi tiếng còi báo động vang lên, mọi người vội vã chui xuống hầm. Khi mọi chuyện đã bình thường trở lại:

Vợ: Anh kỳ thật, đang lúc sợ thấy mồ mà con nổi hứng bất tử....

Chồng: Ơ! Anh có làm gì đâu. Lúc ở dưới hầm anh cách em tới mấy mét lận mà. Vậy là thằng ma cô nào đã lợi dụng tình thế đây. Anh mà biết được nó là thằng nào, anh sẽ dạy cho nó một bài học.

Cô vợ tỏ vẻ thất vọng:

- Thật ra anh chẳng có gì để dạy anh ta cả. Tốt hơn anh nên kiếm anh ấy để mà học thì hơn.

CON CHÓ NHỎ

Trên chuyến bay thường lệ từ Việt Nam sang Paris của hãng hàng không Vietnam Airline, cô tiếp viên
phục vụ bỗng nhận thấy một hành khách mặt mũi nhăn nhó rất khổ sở. Cô liền tiến lại hỏi xem cô có thể giúp gì được ông ta không. Ông khách lúc này mới thật thà thú nhận, ông ta là người Pháp sang Việt Nam du lịch.Trước ngày về nước ông được một người bạn Việt Nam tặng cho một con chó nhỏ. Thông thường khi mang động vật lên máy bay và ra nước ngoài thì người ta phải xin giấy phép từ trước nhưng vì
thời gian quá gấp gáp cho nên ông không kịp xin giấy phép. Quá yêu con chó cho nên ông đã bí mật mang nó theo lên máy bay. Ông đã mặc một cái quần thật rộng và bí mật cho con chó vào bên trong. Việc làm của ông ta không bị phát hiện và ông ta đã mang được con chó trót lọt lên máy bay.

Nghe xong tiếp viên tỏ vẻ thông cảm, cô nói là dù sao thì máy bay cũng đã cất cánh cho nên ông ta cứ yên tâm. Sau đó cô ngạc nhiên hỏi lại là tại sao ông khách lại nhăn nhó mặt mũi khổ sở như vậy. Ông ta trả lời với vẻ mặt còn nhăn nhó hơn: "nhưng đây là con chó con, nó vẫn còn chưa thôi bú".

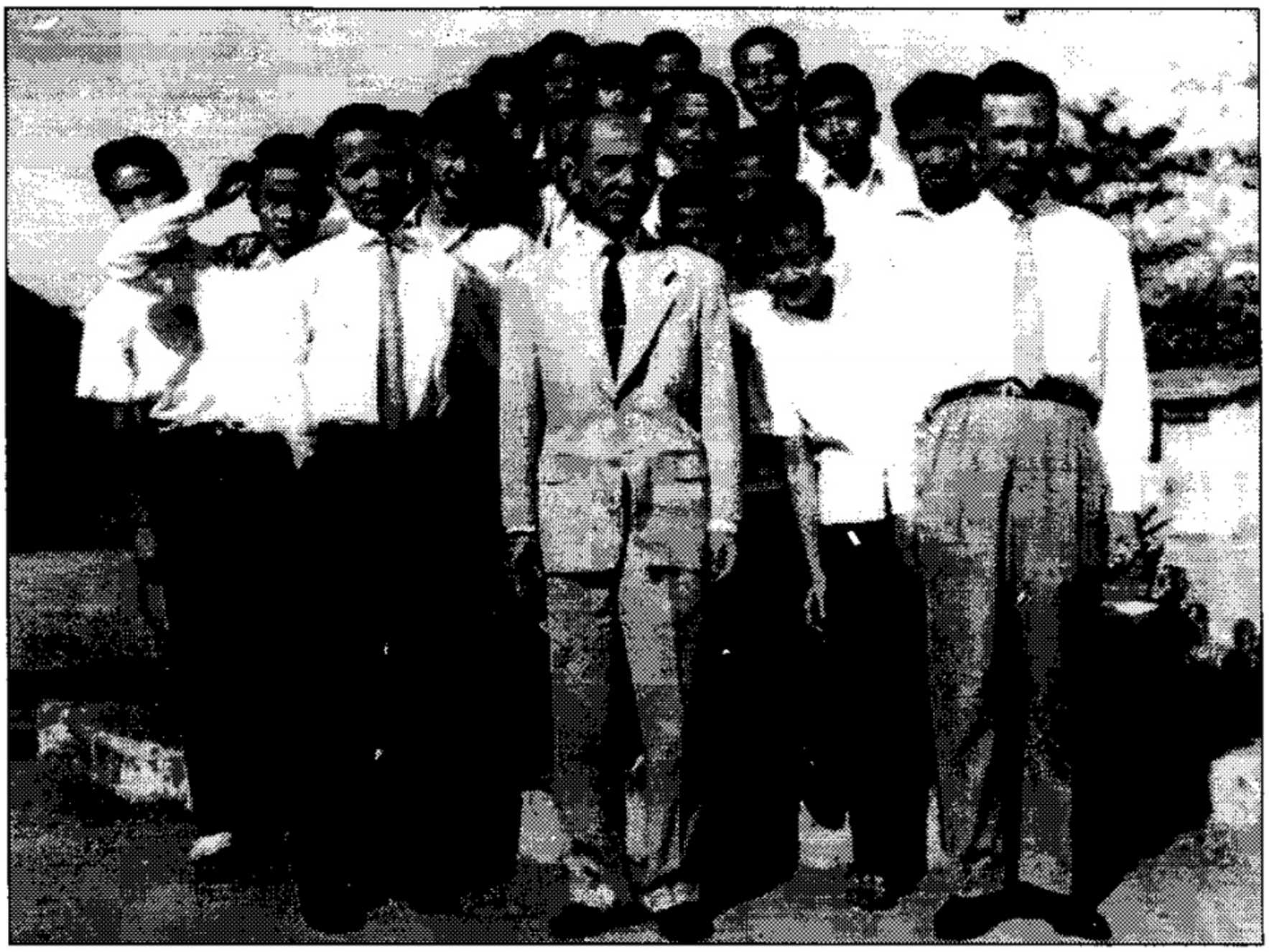

Hình trên:
LỄ TẤT NIÊN 1961, ĐỆ TỨ B4
từ trái sang, từ dưới lên:
Thầy Phạm Hữu Kỉnh, Hiệu Trưởng Nguyễn Băng Tuyết, Giám Học Tạ Văn Ru,, Hoàng Trọng Kim, Nguyễn Chu Lân, Nguyễn Tiến Khôi, Nguyễn Duy Vinh, Vũ Xuân Thân... Nguyễn Phước Quan, Vũ Tiến Diệp, Cao Đắc Vinh, Võ Văn Vĩnh, Tô Sơn Lâm, Nguyễn Quý Trường, Đỗ Kỷ, Vương Đình Phi, Phạm Ngọc Nam, Ngô Nhật Thanh.

♦

Hình dưới
từ trái sang, từ trên xuống:
Hoàng Tử Quyết, Phạm Ngọc Nam, Nguyễn Xuân Hòe, Đỗ Kỷ, Ngô Nhật Thanh, Nguyễn Duy Vinh, Vũ Xuân Thân, Cao Đắc Vinh, Nguyễn Hồng Vũ, Tô Sơn Lâm, Nguyễn Phước Quan, Nguyễn Bá Trân, Vũ Tiến Diệp, Nguyễn Chu Lân.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỦA HỘI

Ban "Đại Hợp Ca" Nguyễn Trãi và thân hữu Liên Trường, 2000

Thầy Lê Tinh Thông, Phạm Quỳnh, 1998

Thầy Lê Trung Khảo, 1998

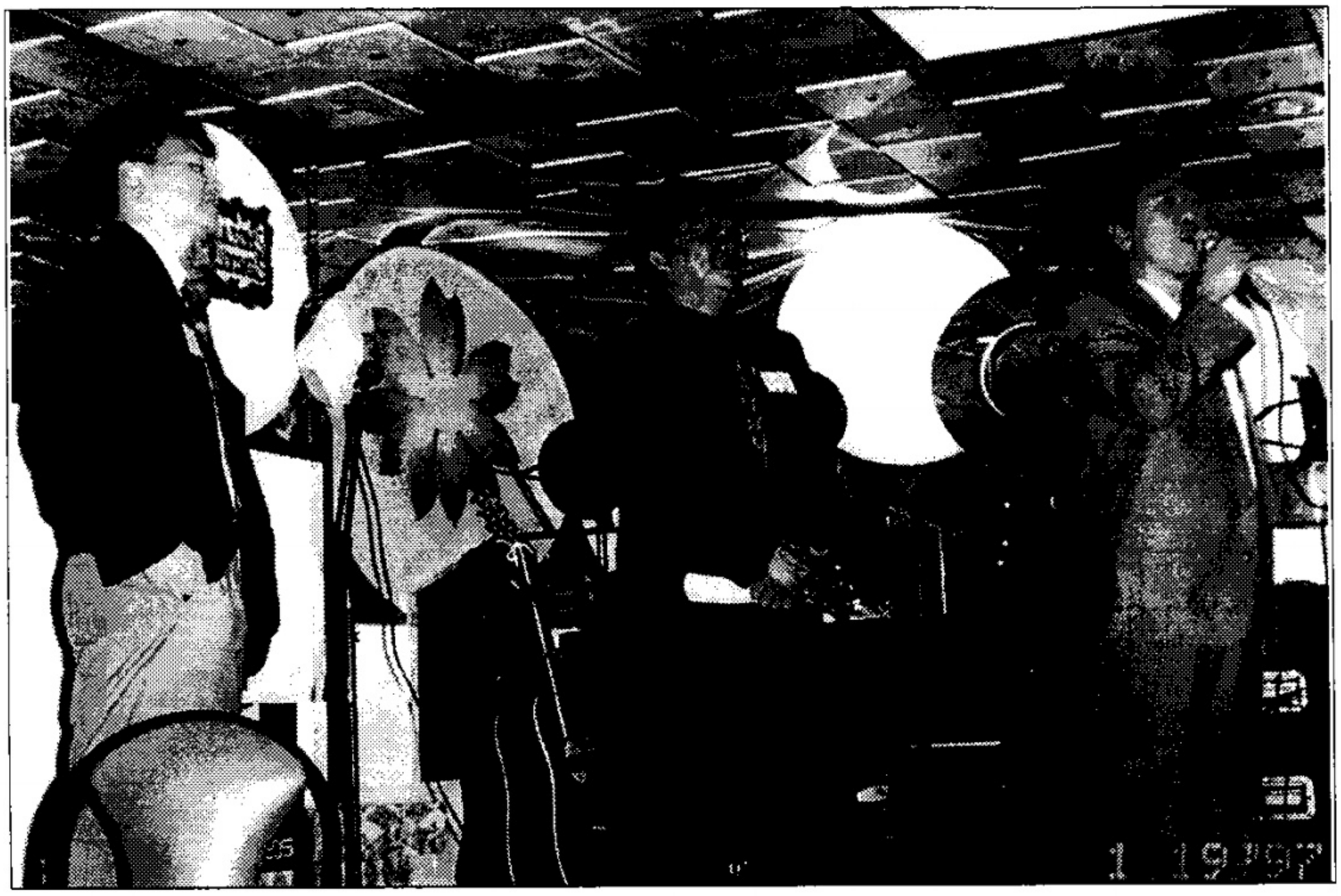

Trần Thiện Tuấn, Nguyễn Ngọc Bảo - Sáng lập viên Hội NT, Mai Đông Thành - Hội Trưởng. 1997

Thầy Lê Triều Vinh & phu nhân. Trang (phu nhân của MĐT). Cô Bích Hà. MĐ Thành. Vũ Khang.

Bàn tiếp tân 2000: anh Nguyễn Thế Phượng, chị Nguyễn Văn Chương.

Bốn nàng dâu Nguyễn Trải, 2000.

Ngày hội ngộ cựu học sinh Nguyễn Trải, 1998.

Thầy Phạm Quýnh, Bùi thị Bích Hà, Nguyễn thị Mộng Thúy, Trần thị Cúc, V/C Thầy Lê Triều Vinh.

Giáo Sư Nguyễn Quang Minh và Lưu Trung Khảo. 1997.

Các Thầy: Lưu Trung Khảo, Nguyễn Quang Minh, Phạm Quýnh, Nguyễn Trọng Thi. 2000.

Một góc nhìn ngày họp mặt Nguyễn Trãi 1998.

Thầy Nguyễn Công Đạt, 1997.

CÁC TÁC GIẢ

ĐÓNG GÓP BÀI VỞ TRONG ĐẶC SAN

Lê Anh Vũ - Sinh quán tại Sơn Tây, Bắc Việt. Di cư vào Nam năm 1954. Lớn lên ở Sài Gòn. Học sinh đệ nhất cấp trường Nguyễn Trãi (58-62) và đệ nhị cấp trường Chu Văn An (62-65). Du học tại Úc Đại Lợi trong Kế hoạch Colombo Plan (65-73). Trở về Việt Nam làm việc (73-75). Di cư sang Hoa Kỳ (75-hiện tại). Đã theo học và tốt nghiệp tại các trường đại học Western Australia (65-69), Melbourne (71-72), Penn State (90-91) và Harvard (95-96). Hiện đang làm việc cho Ngân Hàng Thế Giới tại Hoa Thịnh Đốn.

K.C. là một Thân Hữu của Nguyễn Trãi.

Phạm Anh Dũng, một thân hữu.

Hồng Đức, Nhà Giáo hồi hưu là một Thân Hữu của Nguyễn Trãi.

Kim Tuấn - Sinh tại Nam Định, di cư vào Nam năm 1954, học Nguyễn Trãi (1958-1965) Universitaet Stuttgart (1967- 1974) tại Tây Đức, University of Maryland (1978-1981 and 1983-1985), Georgetown University (1982), Johns Hopkins University (1989-1990). Hiện làm việc tại Maryland.

Kim Toàn - Sinh quán tại Hà Đông, học Trung Học Nguyễn Trãi tại Sài Gòn, du học tại Tây Đức và Hoa Kỳ, trau dồi chuyên môn tại Hoa Kỳ, hiện là nhân viên của Cơ Quan Hàng Không Không Gian Quốc Gia tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Kim Thi - Học Trung Học Nguyễn Trãi, Đại Học tại Tây Đức, Thụy Sĩ và Hoa Kỳ, hiện cư ngụ và làm việc tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Phạm Mỹ Lộc - Sinh quán Hà Nội. Di cư vào Nam (54) Học Trung Học Nguyễn Trãi (60-63), Trung Học Chu Văn An (63-66) Đại học Luật Sài Gòn (66-70). Học nhạc: Hòa Âm, Quốc Gia Âm Nhạc (68) Học Cao Học Kinh Tế, Cao Học Luật Thuế Vụ, Tiến Sĩ Luật (San Francisco 71-77) Học nhạc: Guitar Master Class với Michael Lorimer (Berkeley -75) Nghề Nghiệp: Luật Sư về Thuế Vụ tiểu bang California. (văn phòng San Jose) Bút hiệu: Phạm Văn Kỳ Thanh (viết khảo luận âm nhạc và nghiên cứu Dân Ca Việt Nam)

Lê Danh Gia, một Nguyễn Trải.

Đỗ Quý Toàn, một Nguyễn Trải.

Nguyễn Duy Vinh - sinh quán trong Nam, gia đình di cư vào Nam từ năm 1945. Học Nguyễn Trãi từ 1958-1964, Chu Văn An (1964-65), được học bổng du học tại Canada và du học tại Pháp (1966-1976, đại học Laval, đại học Poitiers), tốt nghiệp Ph.D. về ngành Lưu Chất Động Học (Fluid Dynamics, 1976, đại học Laval), giáo sư ngành cơ khí (đại học Laval, 1981-1989), hiện làm kỹ sư nghiên cứu về hàng không tại Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Gia Gia Nã Đại (NRC, Ottawa, Canada).

Nguyễn Duy Chính - Cựu học sinh CVA, tốt nghiệp QGHC (Sài Gòn) Cao học Quản Trị Kinh Doanh, Cao học Quản Trị Tin Tức, Tiến Sĩ Quản Trị/Tin Học Ứng Dụng (Hoa Kỳ). Hiện đang phiên dịch và nghiên cứu về các tác phẩm của Kim Dung (bản mới)

Nguyễn Thượng Đức là một Thân Hữu của Nguyễn Trãi.

Tây Thi là một Thân Hữu.

Đặng Vũ Thế Hiển là một Nguyễn Trãi.

Phùng Ngọc Tiến - học Nguyễn Trãi trong khoảng 1963-69, du học tại Nhật Bản 1970. Định cư tại Mỹ từ 1975. Hiện cư ngụ tại Orange County,CA

Nguyễn Tuyết Nga - Học Trung Học Lê Văn Duyệt. Học Đại Học tại Hoa Kỳ: Cử Nhân Kế Toán (BS in Accounting), Tiến Sĩ Luật (JD), LLM in Taxation. Luật Sư thuộc văn phòng Tổ Hợp Luật Sư Hopper & Nguyen tại Stanton, California.

Cao Đồng Khánh là một thân hữu Nguyễn Trãi

Lê Giang Trần, một thân hữu

Hoàng Khởi Phong, một Nguyễn Trãi

Long Ân, một Nguyễn Trãi

Tạ Quang Trung, một Nguyễn Trãi

Tuệ Kiên, một Nguyễn Trãi

Ngô Thụy Miên, một Nguyễn Trãi

Cao Xuân Huy, một Nguyễn Trãi

Minh Tâm, một thân hữu BTX

Phạm Bạch Phi, một Nguyễn Trãi

Các Giáo Sư Nguyễn Trãi: GS Lưu Trung Khảo - GS Lê Tinh Thông – GS Bùi Bích Hà – GS Nguyễn Hải Hà

DANH SÁCH CỰU GS / NHÂN VIÊN T.

1	**ĐOÀN TRUNG CAN**	1909-1 HickoryTree Rd, Toro 3W4, Canada
2	**TRẦN THỊ NGỌC CHÂU**	9860 E. Mirasol circle. Scottsdale,
3	**NGUYỄN VĂN CỐ**	4944 N.Troy Dr., Chicago, IL 60625 **D**
4	**TRẦN THỊ KIM CÚC**	11246 Trask ave, GG, CA 9284
5	**PHẠM VĂN ĐÀM**	641 S. Saffort, Mesa,. AZ 85208
6	**NGUYỄN CÔNG ĐẠT**	13811 Thunderbird Dr. #57L, Seal Bea
7	**NGUYỄN VĂN ĐỈNH**	6221 E. Brenton Circle. Orange, CA 9
8	**BÙI ĐỒNG**	9 Riva Dr., Newport Coast, Ca 92657
9	**BÙI THỊ BÍCH HÀ**	10411 Garden Grove Bl. #35, GG, CA
10	**NGUYỄN HẢI HÀ**	3906 W. 118th Place. Hawthorn, CA 9
11	**HÀ ĐẠO HẠNH**	87C Thạch thị Thanh, Phường Tân Đị
12	**NGUYỄN VĂN HẠNH**	85 S. 5th St., #508. San Jose, CA 951
13	**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**	8912 Mears St. Fairfax, VA 22031 Vă
	HUỲNH HOA, Cuu HT	26F/9 Lê quốc Hưng , P 12 , Q 4-SG
14	**PHẠM HOÀI**	10449 Pico Vista Rd, Downey, CA 902
15	**NGUYỄN TRUNG HỐI**	13182 SW. Cottontail Ln. Beaverton, C
16	**NGHIÊM HỒNG**	6028 N. 37th St. Milwaukee, WI 53209

H. NGUYỄN TRÃI updated Jan 2009

onto, Ontario M9N	416) 245-8388	doantrungcan@hotmail.com
AZ 85260	504-610-5924	Moved
ECEASED	(312) 509-0061	**DECEASED**
3	(714) 590-9312	
	(480) 603-6829	
ach, CA 90740	(562)	
2669	(714) 771-7684	
949-494-7617 Home	714-5489714Cel	
92842 478-6048 cel	(714) 530-7414	Bichha04@yahoo.com
0250	(310) 644-3624	
nh, Quận 1, TP. HCM/ VN	08-820-1269	
12	(408) 279-5180	
n, SĐ til 1977	(703) 280-5651	Nguyen_n_hanh@hotmail.com
-- 0903 881 816	84.08.9400520	hoaque03@yahoo.com
241	(562) 923-8214	Hoai_pham3535@yahoo.com
OR 97008	(503) 524-5290	
	(414) 466-1446	

17	**NGUYỄN KHAM**	4055 Winona Ave., #6. San Diego, CA
16	**LƯU TRUNG KHẢO**	3149 Corte Portofino. Newport Beach,
17	**NGUYỄN VĂN KHÔI**	1212 Connecticut St. Sanfranciso. CA
18	**TẠ QUANG KHÔI**	**550 N. Madison St. #304, Arlin**
19	**PHAM HỮU KỈNH**	534 Ngo^ Gia Tu+. P9, Q5 SG
19	**VŨ LANG**	15182 Leeds Cir., Westminster, CA 92
20	**PHẠM ĐỨC LIÊN**	4970 West Broadway, Montreal, Ontar
21	**LÃ PHƯƠNG LOAN**	15161 Spar St. Garden Grove, CA 926
22	**NGUYỄN NGỌC LƯU**	11009 Paddison Ave. Norwalk, Ca 906
23	**NGUYỄN KHẮC MÃO**	13958 Middle Creek Place. Centreviile
24	**HOÀNG PHỤNG MIÊN**	8190 13th st. #326, Westminster, CA 9
25	**NGUYỄN QUANG MINH**	10843 Susie Place. Santee, CA 92071
26	**NGUYỄN TƯỜNG PHÁN**	13713 Olive St. Westminster, CA 9268
27	**ĐẶNG ĐÌNH PHÙNG**	830 35th St. Richmon, CA 94805
28	**ĐÀO KIM PHỤNG**	7089 leewood forest dr., Springfield,
29	**PHẠM VĂN QUÍ**	20 Granary Rd Kleinburg Ontario
30	**PHẠM QUÝNH**	DECEASED 10.21.07 3:40pm 13322 s
31	**PHẠM THỊ SEN**	Moved, Need Information
32	**BÙI HỮU SOÁI**	2407 Village Dale Dr. Houston, TX 770

A 92105	619-640-5762	khamn38@ hotmail.com
CA 92660	(949) 760-6777	Luutrungkhao@yahoo.com
94107	(415) 821-0652	khoivnguyen@yahoo.com
ngton, VA 22203-1080	(703) 912-3720	taquangkhoi@hotmail.com
	848-853-3984	
2683	(714) 757-8820	
rio H4V1Z9 Canada	(514) 486-5011	
643	(714) 554-6059	lldo1975@yahoo.com
650	(562) 863-3544	
e, VA 22020	(703) 266-8671	
92683	(714) 484-2978	
	(619) 449-1259	
83	(714) 901-4612???	**Deceased**
	(510) 233-9464	**Deceased**
va 22151 703-473-3959 cel	703-941-8592	kphung9@aol.com
647-290-0220	905-893-7785	kimthanh38 @hotmail.com
sioux rd, west 92683	(714) 931-4407	Deceased oct 2008
059	713-910-9744	

33	**DƯƠNG THỦY TIÊN**	12892 Abbey Rd. Garden Grove, Ca 9
34	**NGUYỄN TRỌNG THI**	990 S. Siet Place Anaheim, CA 92
35	**LÊ TINH THÔNG**	9362 Ashbury Cir. Westminster, CA 92
36	**NGUYỄN THỊ MỘNG THÚY**	15101 Clemente St. Westminster, CA
37	**ĐỖ ĐÌNH TUÂN**	9200 Bolsa Ave., Suite#123. Westmins
38	**CAO THANH TÙNG**	Needs info
39	**NGUYỄN VĂN THU**	3040 Des Emeraudes, St Hubert, Mon
40	**TRỊNH TRÁC**	4327 Americana Dr, #11. Annandale,
41	**HỒ ĐẮC TRỌNG**	291 N. Coffman st, Anaheim, CA 9280
42	**BÙI THÁI TRỪU**	9800 bolsa #114 westmingster, Ca 92
43	**LÊ TRIỀU VINH**	14362 Bushard., #43. Westminster, CA
44	**TRẦN LÊ VINH**	**MOVED**
45	**VŨ NGỌC VĨNH**	342 Cheekers Dr., #208. San Jose, CA
46	Nguyễn Văn Châu	Viet Nam
	Nguyễn Xuân Vinh	
	Thái Tăng Huy 66-68	49926 Pointe crossing, Plymout
	Hoa`ng Hy	2008 Avenida de las Flores, San 1414

02840	(714) 971-4648	
806	(714) 745-5374 W	thinguyen@thinguyen.com
2683	(714)891-6216	
92683	(714) 893-8704	
ster, CA 92683	(714)892-0801	
	(714) 539-2669	
treal,Quebec, Canada	(514) 671-7451	
VA 22003	(703) 256-8316	
05	(714) 772-3937	
683	714-418-1203	
A 92683	(714) 839-0399	lngoclan51@yahoo.com
	(714) 537-1815	
A 95133	408) 254-4345	
	408-270-1357	nxvinh@sbcglobal.net
th, MI. 48170	734 737 0768	
nta Clara, CA 95054-	408/980-8820 408/529-3567.c	Hoang2tran@aol.com

	An Hà Châu	2111 E. Belt Line Rd, Richards
	Phạm Gia Tuyên	
	Phạm Thị Sâm	21246 Lorca Cir., Huntington B

on, TX 75081	214-228-6722 Cel 972-690-4419 Hm	Thầy Đặng văn Vịnh DDS
	84-8 3241135	tuyenpham249@yahoo.com
Beach, CA 92648	714-604-5030	

DANH SÁCH CỰU GIÁO SƯ / NH

THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ
1.	Đoàn trung Can	415 Spadina Ave. Toronto, Ontario
2.	Trần thị ngọc Châu	3401 Lake Trail Dr., Metairie, LA 70
3.	Nguyễn văn Cố	4944 N.Troy Dr,. Chicago, IL 60625
4.	Trần thị Cúc	315 S. Newhope, Apt#202,. Santa A
5.	Phạm văn Đàm	4224 Torch, Sandiego,. CA 92117
6.	Nguyễn công Đạt	13881 Thunderbird Dr, #65B., Seal
7.	Nguyễn Văn Đỉnh	6221 E. Brenton Circle. Orange, CA
8.	Bùi Đồng	9559 Bolsa Ave, #A. Westminster, C
9.	Bùi thị Bích Hà	426 W. First, #17. Tustin, CA 92780
10.	Nguyễn Hải Hà	3906 W. 118th Place. Hawthorn, CA
11.	Hà đạo Hạnh	87C thạch thị Thanh, Ph. Tan Định,
12.	Nguyễn văn Hạnh	85 S. 5th St, #508. San Jose, CA 95
13.	Nguyễn thị Ngọc Hạnh	8912 Mears St. Fairfax, VA 22031
14.	Phạm Hoài	10449 Pico Vista Rd. Downey, CA 9
15.	Nguyễn Trung Hối	13182 Sw. Cottontail Ln. Beaverton
16.	Nghiêm Hồng	6028 N. 37th St. Milwaukee, WI 532
17.	Lưu Trung Khảo	3149 Corte Portofino. Newport Bea
18.	Nguyễn văn Khôi	1212 Connecticut St. Sanfranciso. C
19.	Tạ Quang Khôi	2813 Lee Landing Ct. Falls Church,
20.	Vũ Lang	7308 Monticello Garden, #304. Falls
21.	Phạm Đức Liên	4970 West Broadway, Montreal, On
22.	Lã Phương Loan	15161 Spar. Garden Grove, CA 926
23.	Nguyễn ngọc Lưu	11009 Paddison Ave. Norwalk, Ca 9
24.	Nguyễn Khắc Mão	13958 Middle Creek Place. Centr
25.	Hoàng phụng Miên	3523 W. Savanna St, #5. Anaheim,
26.	Nguyễn quang Minh	10843 Suisie Place. santee, CA 920
27.	Nguyễn trường Phán	13713 Olive St. Westminster, CA 92
28.	Đặng đình Phùng	830 35th St. Richmon, CA 94805
29.	Đào kim Phụng	Moved
30.	Phạm văn Quí	31 Hatcher St., St John's, Newfoun
31.	Phạm Quýnh	13322 Sioux Rd. Westminster, CA 9

HÂN VIÊN NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
M5T-2G6 Canada	416-595-5199	
0003	504-888-6604	
5	312-5090061	
Ana, CA 92704	714-839-7304	
	858-483-3576	
Beach, CA 90740	562-431-0646	
92669	714-771-7684	
CA 92683	714-531-4616	
0	714-838-5364	
A 90250	310-644-3624	
Q1, HCM, VN		
5112	408-279-5180	
	703-280-5651	
90241	562-923-8214	
, OR 97008	503-524-5290	
209	414-466-1446	
ch, CA 92660	949-760-6777	
CA 94107	415-821-0652	
VA 22043	703-876-8947	
s Church,VA 22042	703-237-1975	
tario H4V-1z9 Canada	514-486-5011	
643	714-554-6059	
90650	562-863-3544	
reviile, VA 22020	703-266-8671	
CA 92804	714-484-2978	
071	619-449-1259	
2683	714-901-4612	
	510-233-9464	
dland A1B-1z3, Canada	709-739-8831	
92683	714-901-4027	

Bình Nguyễn/ binhbb2@ juno.com

DANH SÁCH CỰU GIÁO SƯ / N

THỨ TỰ	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ
32.	Phạm thị Sen	Need Information
33.	Bùi hữu Soái	2407 Village dale Dr. Houston, TX
34.	Dương thị Tiên	243 Second Ave. Albany, NY 122
35.	Nguyễn trọng Thi	387 N. Rancho Santiago, Orange
36.	Lê tinh Thông	9362 Ashbury Circle, Westminste
37.	Nguyễn thị Mộng Thúy	10782 Lampson, #1. Garden Gro
38.	Đỗ đình Tuân	9200 Bolsa Ave, Suite#123. West
39.	Cao thanh Tùng	9922 Acacia, #13. Garden Grove,
40.	Nguyễn văn Thu	3040 Des Emeraudes, St Hubert,
41.	Trịnh Trác	4327 Americana Dr, #11. Annand
42.	Hồ đắc Trọng	2215 E. La Palma, #133. Anahein
43.	Bùi thái Trừu	1719 SE. 39th Ave. Portland, OR
44.	Lê Triều Vinh	2938 danbury. Santa Ana, CA 92
45.	Trần lê Vinh	4117 129th ST, #12. Hawthorne,
46.	Vũ ngọc Vĩnh	342 Cheekers Dr., #208, San Jos

HÂN VIÊN NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
	619-789-8645	
X 77059	716-280-8121	
209	518-449-7092	
, CA	714-538-7889	
r, CA 92683	714-891-6216	
ve, CA 92840	714-530-6643	
tminster, CA 92683	714-892-0801	
, CA 92641	714-539-2669	
Montreal,Quebec, Canada	514-671-7451	
ale, VA 22003	703-256-8316	
n, CA 92806	714-772-3937	
97214	503-233-8940	
704	714-540-3571	
CA 90250	562-978-3916	
e, CA 95133	408-254-4345	

Bình Nguyễn/ binhbb2@ juno.com

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update: 11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
1	Hàn thái A	U.S.A. Need information	713-530-2628	
2	Đỗ đoàn An	Am Holbein 11, 4030 Ratingen. Germany	1-49-2102-21401	
3	Hoàng song An	101-170 Boot St, Ottawa, Ontario K1R-7W1 Canada	613-237-4783	
4	Vũ thành An	U.S.A. Need information		
5	Vũ trọng An	1015 E. 70th St. Long Beach, CA 90805		
6	Hàn bái Anh	9118 Kalewood. Houston, TX 77099	713-530-3619	
7	Nguyễn Anh	10881 Sycamore Spring Land. Great Falls, VA 22066	703-403-3877	
8	Nguyễn cao Anh	466 Bahai Way. San Rafael, CA 94901	415-258-9615	
9	Đỗ ngọc Bách	13 Residense Des Haies, Les Loges 78350. Jonyen Josas,France	1-3956-0476	
10	Phạm văn Ban	3221 Hiatt, 2nd Floor N.W. Washinton D.C. 22010	202-232-3288	
11	Nguyễn đình Bảng	10961 Westminster Ave. Garden Grove, CA 92643	714-636-1744	
12	Nguyễn hải Bằng	15651 Hortense Dr. Westminster, CA 92683	714-775-6706	
13	Nguyễn hải Bằng	16350 S.Harbor, #2516. Santa Ana, CA 92704	714-839-2484	nghbang@hotmail.com
14	Phí ích Bành	4117 W. McFadden. Santa Ana, CA 92704	714-775-6441	
15	Lê văn Bảo	P.O. Box 3707. Bridgeport, CT 06605	203-372-6519	
16	Nguyễn ngọc Bảo	3 Wood Nymph. Irvine, CA 92714	949-552-5148	
17	Trần Bảo	20471 Everglades Lane. Huntington Beach, CA 92646	714-965-1052	
18	Trần văn Bảy	13691 Lanning St. Garden Grove, CA 92643	714-530-4309	
19	Lê văn Bệ	Moved, need information		
20	Phùng bá Bích	617 Sandler N.E., Albuquerque, NM 87103	505-299-0193	
21	Đàm đình Bình	9132 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683	714-894-6602	
22	Đào nguyên Bình	13774 Camino El Suelo. Sandiego, CA 92129-4430	619-538-1567	
23	Nguyễn gia Bình	1966 Burroughs St, Sandiego, CA 92111	619-571-3251	
24	Nguyễn thái Bình	11349 Goldenrod Ave. Fountain Valley, CA 92708-1735	714-775-2439	binhbb2@juno.com
25	Trần minh Cảnh	5824 Los Santos Way. Buena Park, CA 90620	714-995-6780	
26	Vũ ngọc Cảnh	10713 La Terraza Ave. Fountain Valley, CA 92708	714-963-1823	
27	Vương vinh Cẩn	14291 Euclid, Suite D104. Garden Grove, CA 92843	714-554-3320	
28	Hà tường Cát	15912 Azalea way. Westminster, CA 92683	714-891-8579	chtt@aol.com
29	Nguyễn đăng Cát	18813 Tetron Circle. Fountain Valley, CA 92707	714-839-2897	
30	Vương vĩnh Cẩn	14291 Euclid, Ste D104. Garden Grove, CA 92843	714-554-3320	
31	Đinh viết Cư	8982 Gleneagle Cir. Westminster, CA 92683,	714-539-9559	
32	Đinh văn Chất	1145 Hopkins Dr. San Jose, CA 95122		
33	Nguyễn văn Châu	10651 Ballast Ave. Garden Grove, CA 926435		714-531-4907
34	Nguyễn tiến Chỉnh	Moved, need Information		
35	Vũ đức Chỉnh	4553 W. 156th St. Lawndale, CA 90260	310-644-9124	
36	Phùng đắc Chung	8319 Hickory Dr. Buenapak, CA 90620	714-761-9014	
37	Nguyễn minh Chung	9355 Chapman Ave., #101. Garden Grove, CA 92641	714-539-8937	
38	Nguyễn ngọc Chung	1455 The Alameda. San Jose, CA 95126	408-723-8479	
39	Nguyễn khắc Chương	P.O. Box 1026. Jacson, LA 707748	504-634-7889	
40	Nguyễn văn Chương	8741 Oasic Ave. Westminster, CA 92683	714-893-3590	
41	Nguyễn quang Chuyên	5986 College Ave. San Diego, CA 92120	619-286-9999	
42	Hoàng kim Cúc	Moved, need informatioon		
43	Hoàng hoa Cương	13842 Solitaire. Irvine, CA 92620	949-653-6742	
44	Đoàn thế Cường	2308 W. Anne St.. Santa Ana, CA 92704	714-219-8004	
45	Hoàng chí Cường	2516 Wesmead Dr. Maryland Heights, MO 63043	314-434-5239	
46	Ngô Văn Cường	1520 S.15th St. Philadelphia, PA 19146	215-463-0123	
47	Nguyễn văn Cường	7824 Bondinier Anjou-Quebec. H1KC5, CANADA	514-254-4153	
48	Phan quang Cường	1428 El Camino Higuera. Milpitas, CA 95035	408-263-4281	
49	Ngô Văn Diệm	345 Smithwood St. Milpitas, CA 95035	408-945-9633	
50	Hà ngọc Diệp	842 Tramway Dr. Milpitas, CA 95035	408-946-9366	

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
51	Trịnh vũ Diệp	51 Mapple View Court, Neplai, Ontario.K1R 7M9 CANADA	418-628-5827	
52	Từ Doanh	5628 Kempland. Burke, VA 22015	703-425-7224	
53	Vũ văn Du	4506 180th Ave. S.W. Lynnwood, WA 98037	206-742-2145	
54	Đặng đình Dung	2491 Largo Dr.	714-457-0287	
55	Hồ Hoài Dũng	1804 S. Marguerita. Alhambra, CA 91803	818-299-0944	
56	Bùi thọ Dũng	3325 Gondolier way. Lantana, FL 33642	407-969-6975	
57	Hoàng đình Anh Dũng	1341 Tumbleweed Way. Sacramento, CA 95828	916-646-9360	
58	Ngô tài Dũng	498 Leland Dr. Pittsburgh, PA 15236	412-655-3823	
59	Nguyễn tiến Dũng	9941 Hazard Ave. Garden Grove, CA 92843	714-531-2490	
60	Nguyễn tiến Dũng	10500 Westminster Ave., #2. Garden Grove, CA 92843	714-531-4055	
61	Đặng Dương	12162 Twintree Ave. Garden Grove, CA 92840	714-590-9946	
62	Đặng Tấn Dương	14352 Taff St.. Garden Grove, CA 92843	714-839-6103	
63	Trần quang Dự	Moved, need information		
64	Phạm huy Dực	16691 Mytinger Ln. Huntington Beach, CA 92647	714-846-7824	
65	Văn sơn Đại	3239 Napa Dr. San Jose, CA 95148	408-270-6890	
66	Đặng vũ Đán	212 Arvo Lane. Cary, NC 27513	919-481-9236	
67	Phan tiến Đạt	15822 Las Lunas St. Westminster, CA 92683	714-839-6522	
68	Lê tất Điều	9150 Todos Santos Dr. San Diego, CA 92701		
69	Quách an Đông	18 Brgadier. Irvine, CA 92714	949-854-181	
70	Nguyễn ngọc Đồng	6513 Sylvan Way., #821. Seatle, WA 98126	206-937-0332	
71	Phạm đình nhật Đồng	8894 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683	714-893-1200	
72	Lê danh Đức	945 E. Holt Ave., Suite C. Pomona, CA 91767	909-623-6773	
73	Nguyễn hồng Đức	3622 NW. 46 Place. Gainesville, Fl 32605	352-375-5460	
74	Lê văn Đức	12612 Sunswept, #4. Westminster, CA 92683	714-265-0747	
75	Nguyễn tiến Đức	10550 Westminster Ave., #35. Garden Grove, CA 92843	714-530-6347	
76	Nguyễn Thị Gấm	9191 Bolsa Ave., #114. Westminster, CA 92863	714-892-7743	
77	Lê danh Gia	18802 Leesbury Way. Rowland Heights, CA 91745	826-964-4905	
78	Bũi trọng Giang	1404 Winterland CT. Herndon, VA 22070	703-742-6862	
79	Đỗ trí Giang	Montreal,CANADA. Need Information		
80	Nguyễn huy Giang	5141 Myra Ave. Cypress, CA 90630	714-827-8436	
81	Nguyễn kim Giang	14881 Purdy. Midway City, CA 92655	714-895-4066	
82	Nguyễn kim Giang	9032 Madison. Westminster, CA 92683	714-894-7826	
83	Nguyễn cao Giảng	139 Chapel Rd. South Bankstown, NSW 2200, AUSTRALIA		
64	Vũ Giao	1620 SunFlower Ae., Buildin A. Costa Mesa, CA 92626	714-839-6056	giaovu@ey.com
85	Lương thanh Hà	3215 W. Sandwood. Gresham, OR 97080	503-492-3234	
66	Nguyễn duy Hà	6900 Campus Dr., #A. Buena Park, CA 90621	714-879-8123	
87	Tất ngọc Hà	6771 Pimlico Circle. Huntington Beach, CA 92646	714-536-4400	
88	Vũ thu Hà	95 Balsam Ln. Fairport, NY 14450-105	713-377-5763	
89	Chu cự Hải	407 Cannon Rd. Silver Sping, MD 20904	301-434-3009	
90	Dương mạnh Hải	836 Kyle St. San Jose, Ca 95127	408-272-0505	
91	Ngô thế Hải	Ille de France Bakery, 8910 Warner Ave. Fountain Valley, CA 92708		
92	Nguyễn đình Hải	10292 Funebley. Westminster, CA 92683	714-778-1570	
93	Nguyễn thái Hanh	18983 Adney St. Rowland Heights, CA 91748	818-964-3127	
94	Nguyễn trung Hành	Need Information		
95	Võ tá Hân	470 N. Bridge Rd., Ste 03/06 Singapore Fin. House 0718, Singapore	011-65-334-3530	
96	Nguyễn sỹ Hào	8114 Doept St. Sandiego, CA 92120	619-265-8360	
97	Nguyễn bá Hiển	11484 SW. Terrace. Miami, Florida, FL 33176	305-596-3356	
98	Nguyễn mạnh Hiển	3900 W, 5th ST. #F10. Santa Ana, CA 92703	714-554-3038	
99	Nguyễn mạnh Hiển	9702 Ingram Ave. Garden Grove 92844	714-537-6949	

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
100	Nguyễn mạnh Hiển	900 E. Garvey Ave., Suite F. Rosemead, CA 91770	818-280-7759	
101	Lẽ Đức Hiển	804 5. Maxine, Santa Ana, CA 92704	714-531-3405	
102	Vũ thế Hiển	4945 De Thoriguy Charlesbourg, Quebec. G1H 4M1 . CANADA	418-628-5827	
103	Phạm hữu Hiếu	9836 Acacia., #C. Garden Grove, CA 92841		
104	Lê Khánh Hiệp	1110 Elaine Dr, Santa Ana, CA 92703	714-554-2962	
105	Ngô Việt Hổ	4581 Charnook Dr, Irvine, CA 92703	714-892-9414	
106	Nguyễn Thúc Hổ	16972 Edgewater Lane, Huntington Beach, CA 92649	714-840-4141	
107	Đỗ Duy Hòa	39 Montelegro, Irvine, CA 92714	714-476-8538	
108	Đỗ Xuân Hòa	10451 Bolsa Aye, #209, Westminster, CA 92683	714-839-5586	
109	Nguyễn Văn Hoàn	8042 Hazard Aye, Midway City, CA 92655	714-894-9233	
110	Bùi Thị Hoàng	2301 E. Market ST; #6. Long Beach, CA 90805	562-428-1238	
111	Đỗ Đình Hoàng	7272 Foxcroft, Riverside, CA 92507	714-780-4497	
112	Ngô Anh Hoàng	Zitzenbachstr 39, 57223 Kreuztal, GERMANY	1-49-2732-27319	
113	Nguyễn Đức Hoàng	309 5. McCarron St, Placentia, CA 92670-5497	714-524-1742	
114	Trần Đình Hòe	P.C. Box 4345, Garden Grove, CA 92643	714-537-2127	
115	Phạm Quân Hồng	9352 Tidewater Circle, Huntington Beach, CA 92646	714-9644928	
116	Tống Hồ Huân	14196 Capewood Ln., San Diego, CA 92128	619-673-8032	
117	Nguyễn văn Huệ	10333 Dolan Ave. Downey, CA 90241	562-923-2655	
118	Lại Đức Huế	3265 Rockport Aye, #A, San Jose, CA 95132	408-259-7294	
119	Hoàng huy Hùng	3628 E. Desrt Flower Ln. Phoenix, AZ 85044	602-759-5180	
120	Lê Hùng	8681 Brooke. Westminster, CA 92683	714-375-8953	
121	Lê Đình Hùng	15351 Brookhurst St. #101-106, Westminster, CA 92683	714-775-8828	
122	Lê Thái Hùng	3782 Magnolia, Irvine, CA 92714	714-857-1375	
123	Lưu Tiến Hùng	11171 Chapman Aye, Apt #5, Garden Grove, CA 92640	714-539-0659	
124	Nguyễn huy Hùng	Ausralia, need information		
125	Nguyễn Triệu Hùng	1405 N.W. 49th Aye, Coconut Creek, FL 33063	305-978-1558	
126	Phạm Hùng	6 Avignon. irvine, CA 92606		
127	Phạm Thế Hùng	16868 186th St, #A, Artesia, CA 90701	310-860-6418	
128	Phạm Trọng Hùng	5419 Paramount, #108, Long Beach, CA 90805	310-220-2381	
129	Trần Ngọc Hùng	116 W. Emerson, #D, Monterey Park, CA 91254	818-3074317	
130	Vũ Mạnh Hùng	1801 Lincoln Ct, #E, Oxnard, CA 93033	805-986-0712	
131	Nguyễn Hữu Quốc Hùng	7246 Evanston Rd., Springfield, VA 22150	703-866-0259	
132	Nguyễn Duy Hưởng	1932 5. Diamond St, Irvine, CA 92704	714-520-4062	
133	Cao Xuân Huy	14382 Redhill Aye, #4, Tustin, CA 92680	714-544-7650	
134	Đăng Bá Huy	13571 Goldenwest St, Westminster, CA 92683	714-895-9650	
135	Kiều Kim Huy	4035 W. 14th Ct, Davenport, IA 52804	319-386-4141	
136	Nguyễn Quang Huy	1329 Sandy Creek Dr, Allen, TX 75002	214-727-4318	
137	Nguyễn Văn Huyên	3417 Madrid Dr, San Jose, CA 95132	408-262-1645	
138	Vũ mạnh Huỳnh	9606 Caroll Canyon Rd. Sandiego, CA 92126	619-536-7075	
139	Nguyễn Bá Hỷ	1485 Winston Ct, Upland, CA 91786	909-985-0807	
140	Đặng Kế	12920 Abbott Ct, #11, Garden Grove, CA 92641		
141	Bùi Mạnh Khải	1404 Winterland Ct, Herndon, VA 22070	703-620-1287	
142	Phạm chí Khải	10512 Bolsa Ave., #103. Westminster, CA 92683	714-265-1833	
143	Nguyễn Công Khanh	25 Laurentile Dr, Halifax, Nova Scotia B3M-2M9 CANADA		
144	Dương Quốc Khánh	13114 Max Rd, Pierland, Houston, TX 77581	713-485-3180	
145	Vương Đức Khánh	6505 Fresno, #5, Fort Smith, AR 72903	501-452-7497	
146	Lê Đức Khánh	1865 Pacific Aye, Apt # A, Long Beach, CA 90806	310-218-1763	
147	Vũ Ngọc Khánh	13201 Magnolia St, Garden Grove, CA 92644	714-636-6627	
148	Vũ Khang	2471 W. Ball Rd, Apt 8, Anaheim, CA 92804	714-535-6613	

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
149	Nguyễn văn Khang	10401 Mills Way. Stanton, CA 90680. Shop: (714) 891-9303	714-995-3472	
150	Nghiêm xuân Khiêm	9941 Pacific. Anaheim, CA 92804	714-635-1048	
151	Trương Phát Khôi	11645 Kismet Rd, San Diego, CA 92128	619-486-1431	
152	Nguyễn Bá Khuê	14188 Brookhurst St. Garden Grove, CA 92643	714-530-7033	
153	Nguyễn Ngọc Kỳ	2858 Betsy Way, San Jose, CA 95133	408-286-5349	
154	Trần Lang	2122 20th St. Santa Monica, CA 90405		
155	Lê Duy Lân	58 Palmwell Way, San Jose, CA 95138	408-972-8024	
156	Trần Đức Lăng	2122 20th St. Santa Monica, CA 90405	714-546-1902	
157	Vũ Công Liêm	111 5. Royal Oak, Anaheim, CA 92807	714-974-0462	
158	Ngô Thái Loan	Thomas Mann Strass 18-138, 6000 Frankfurt 50 GERMANY	49-69-58-71-28	
159	Nguyễn Nam Lộc	1400W. 9th St., P.O. Box 15095, LosAngeles, CA 90015	213-251-3489	
160	Nguyễn Văn Lộc	95 Balsam Ln., Fairport, NY 14450-1053	716-377-5763	
161	Võ Đại Lộc	1476 Ramsgate Way, San Jose, CA 95127	408-729-0383	
162	Đỗ Quý Long	1330 West Rockland, Philadelphia, PA 19141		
163	Lê Chính Long	8918 La Dona Ct, Fountain Valley, CA 92708	714-847-3094	
164	Lê Nguyên Long	2434 Magdelena Dr, West Covina, CA 91792	818-810-1251	
165	Trịnh Văn Long	2465 Strathmore Crescent, Missauga, Ontario L5M-5K9 CANADA	905-826-4003	
166	Hoàng Ngọc Lung	9507 Quail Pointe Lane, Fairfax Station, VA 22039		
167	Đào Xuân Lựu	10161 Bolsa Aye, #206A, Westminster, CA 92683	714-839-7801	
168	Đào Thế Mạch	30 Belcanto, Irvine, CA 92714	714-250-8707	
169	Bùi Thanh Mai	5736 Spinnaker Bay Dr, Long Beach, CA 90803	310-926-3181	
170	Trần Quang Mai	66 Birchwood Lane, Laguna Hills, CA 92656	714-643-0142	
171	Nguyễn Trọng Mân	14961 Deanann Place, Westminster, CA 92083	714-839-5258	
172	Bùi Công Minh	9951 Quiet Path, Garden Grove, CA 92641	714-539-6172	
173	Đào Đức Minh	9 Mango Lane, Rochester, NY 14606	716-247-8875	
174	Hoàng văn Minh	11465 Delphinium Ave. Fountain Valley, CA 92708		
175	Nguyễn văn Minh	15915 S.denber Ave. Gardena, CA 90247		
176	Trịnh Văn Minh	630 Randolph Rd. Silver Spring, MD 20904	301-622-1838	
177	Huỳnh thị Mỹ	7501 5. Sherwood, #18, Oklahoma City, OK 73159	405-681-5929	
178	Ngô trọng Nam	1590 W.Palm Ln., #22. Anaheim, CA 92802	714-776-5646	
179	Nguyễn gia Nam	47 Ludford Drive. Richmon Hill, Ontario, L4B 467 CANADA	905-731-522	
180	Lê Văn Ngà	P.O. Box 3707, Bridgeport, CT 06605	718-335-4270	
181	Bạch Văn Nghĩa	1672 River Birch Ct., San Jose, CA 95131	718-335-4270	
182	Đặng Trung Nghĩa	1176 Herald Aye, San Jose, CA 95116	408-734-9260	
183	Đặng Đức Nghiêm	9242 Bolsa Aye, #8, Westminster, CA 92683	714-379-6245	
184	Tô Văn Nghiễn	1520 Koa Drive, Springfield, OH 45504	513-322-8940	
185	Nguyễn Xuân Nhã	3051 Agar, North Rosemead,_CA_91770	818-573-3165	
186	Nguyễn Khắc Nham	1170 N. Roxboro St, Anaheim, CA 92805	714-491-8333	
187	Đặng Thống Nhất	8432 Sumter Ave N., Brooklyn Park, MN 55445		
188	Nguyễn hữu Nhiệm	6521 Field Master Dr. Springfield, VA, 22152	703-658-5266	
189	Vũ Đình Nho	U.S.A	703-455-2825	
190	Nguyễn Đức Nhuận	13321 Garden Grove Blyd, Ste F, Garden Grove, CA 92643	714-750-5495	
191	Nguyễn hồng Nhuận	U.S.A	714-898-8553	
192	Thái Nguyên	3221 S. Main St., #14. Santa Ana, CA 92707	714-641-0618	
193	Tô Ánh Nhựt	27391 Osuna, Mission Viejo, CA 92691	714-588-7613	
194	Ngô Trọng Oánh	14922 Braeburn Rd, Tustin, CA 92680	714-838-6743	
195	Lê Quang Phác	151 S. Weschester, #14, Anaheim, CA 92804	714-826-6006	
196	Nguyễn Quý Phát	Need Information	408-261-2704	
197	Nguyễn Ngọc Phi	2124 N. Dymond St. Burbank, CA 91505	818-842-5510	

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄ TRÃI

Update:
11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THO	E-MAIL ADDRESS
198	Phạm Bách Phi	1199 Blazing Wood Dr, Sunnyvale, CA 94089	408-746-2861	
199	Vũ Thế Phiệt	4801 Barkwood, Irvine, CA 92704	714-851-0374	
200	Đào Ngọc Phong	9902 Wingate Dr., Westminster, CA 92683	714-775-7884	
201	Nguyễn Hữu Phong	3136 Candess Ave. San Jose, CA 95132	408-957-9627	
202	Nguyễn Văn Phức	2685 St Louis, St Laurent Quebec H4M-1 P4 CANADA	514-748-5830	
203	Trịnh Đắc Phúc	10402 Allen Dr, Garden Grove, CA 92640	714-638-3957	
204	Nguyễn Như Phức	735 45th Aye, San Francisco, CA 94121	415-386-3335	
205	Đặng Đức Phượng	4 Glen Alpine Road, Piedmond, CA 94611	415-653-5464	
206	Nguyễn Phi Phượng	10500 Richmond, Houston, TX	713-780-7271	
207	Nguyễn Thế Phượng	5531 Chattanooga St, San Diego, CA 92139	619-479-9967	
208	Nguyễn phước Quan	5641 Harold Pl. Westminster, CA 92683		
209	Nguyễn Bá Quang	12521 Westminster Aye, #12, Garden Grove, CA 92643	714-554-6966	
210	Nguyễn Thụy Quang	14536 Brookhurst St, #203, Westminster, CA 92683	714-531-6637	
211	Phạm duy Quang	3Aaltura. Irvine, CA 92614	949-852-0340	qpham1@home.com
212	Phan Văn Quang	15822 Las Lunas St., Westminster, CA 92683	714-839-6522	
213	Phạm Huy Quát	494 Deerhurst Aye, Camarillo, CA 93012	805-482-8459	
214	Lương Quân	6002 John Aye, Long Beach, CA 90806	310-423-2250	
215	Chu Anh Quế	16075 Camino Del Cerro, Los Gatos, CA 95032	408-356-1740	
216	Đỗ Ngọc Quí	17914 156th Place SE., Renton, WA 98058	206-226-9196	
217	Hoàng từ Quyết	197 Chemin La roccque Valleyfield. Quebec J6T 4B6, CANADA	514-373-3146	
218	Búi Văn Rậu	398 E. Santa Clara St, #C, San Jose, CA 95113	408-729-5420	
219	Hà Thế Ruyệt	3392 Williams Dr, New Bury Park, CA 91320		
220	Đỗ Bảo Sản	2718 Mathias, San Jose, CA 95121	408-226-9320	
221	Ngô Quang Sán	10200 Bammel N., Houston, TX 77086	713-820-1156	
222	Nguyễn Cao Sáng	658 Somerset St W., #105, Ottawa, Ontario Ki R-5K4 CANADA	613-235-3922	
223	Trương Công Sáng	6407 Orchard Aye, Brooklyn Center, MN 55429	612-537-8699	
224	Lê văn Sơn	25851 Prairie Stone Dr. Laguna Hills, CA 92653	949-643-3934	
225	Nguyễn Đình Sơn	17051 Edgewater Ln., Huntington Beach, CA 92649	714-840-7571	luatsuson@aol.com
226	Trần Trọng Sơn	2069 Audubon Glen, Escondido, CA 92027	619-738-1440	
227	Lương Thanh Sum	8015 Alava Circle, San Diego, CA 92126	619-566-3982	
228	Trần Đức Tâm	4926 Bella Collina St, Oceanside, CA 92056	619-724-9845	
229	Lương ngọc Tấn	1829 Brewer. Santa Ana, CA 92704	714-549-0169	
230	Nguyễn Thái	3221 S. Main St, #14. Santa Ana, 92707	714-641-0618	
231	Vũ quốc Thái	4010B 5th St. Santa Ana, CA 92703	714-265-2315	
232	Hoàng Thanh	9101 Clewer Wale Dr. Bethesda, MD 20817	301-469-0546	
233	Nguyễn Đức Thành	16074 Mt. Hicks St., Fountain Valley, CA 92708	714-531-0297	
234	Vũ Trọng Thanh	9851 Rancho Del Sal, Westminster, CA 92683	714-839-6265	
235	Lê huữ Thanh	3975 San Antonio Rd. Yorba Linda, CA 92886	714-779-3819	
236	Mai Đông Thành	11742 Old Fashion Way, Garden Grove, CA 92640	714-530-6616	mdthanh@hotmail.com
237	Ngũ Duy Thành	9 Compadre Ln., Laguna Niguel, CA 92677	714-495-2199	
238	Nguyễn Chí Thành	16333 San Jacinto St., Fountain Valley, CA 92708	714-839-0619	
239	Vũ Đức Thành	7501 S. Sherwood, #18, Oklahoma City, OK 73159	405-681-5929	
240	Hà Quốc Thăng	2329 N. Lewis, Santa Aria, CA 92706	714-750-8764	
241	Vũ Thăng	8012 Bestel Ave. Gaeden Grove, CA 92844		
242	Vũ Cao Thăng	6415 Briar Terrace, Houston, TX 77072	713-879-5902	
243	Vũ Đăng Thăng,	12930 Abbot, Apt #3, Garden Grove, CA 92641	714-537-2859	
244	Nguyễn Huy Thắng	7965 Cr. Du Rhone, Brossard, PG. J4X-2K6 CANADA	514-645-7551	
245	Trần Văn Thắng	15 Coromande, Irvine, CA 92714	714-263-8706	
246	Trần Văn Thể	991 Cheyenne St, Costa Mesa, CA 92626	714-751-9430	

Bình Nguyễn/ binhbb2@juno.com

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
247	Tô Thế	14872 Wilson St, #C. Midway City, CA 92655	714-895-5094	
248	Nguyễn xuân Thi	11382 Francis Ave. Garde n Grove, CA 92843	714-636-9536	
249	Trần Minh Thiện	4736 Lakewood Blvd, Long Beach, CA	310-425-0976	
250	Lê Thiệp	9916 Oleander Ave. Vienna, VA 22181	703-255-2876	
251	Phạm Gia Thiết	209 Hazelwood, San Francisco, CA 94127	415-239-2318	
252	Hoàng Văn Thịnh	2252 Lerona Aye, Rowland Heights, CA 91748	818-913-4100	
253	Đào Phú Thọ	14601 Devonshire, Tustin, CA 92680	714-730-3842	
254	Nguyễn Văn Thọ	14949 Sherman Way, #202. Van Nuys, CA 94105	818-787-0488	
255	Vũ Đăng Thọ		714-775-4620	
256	Nguyễn Minh Thông	7801 Yorkshire Aye, Stanton, CA 90680	714-893-8850	
257	Nguyễn kế Thuấn	24232 E. Gingerwood Place, Diamond Bar, CA 9176	909-860-3433	
258	Lê Văn Thưởng	8418 Pisces Dr, San Jose, CA 95111	408-629-2108	
259	Lê Thủy	2922 Milam St, Houston, TX 77006	713-495-4253	
260	Phạm Quang Thùy	6000 N. Figueroa St, Los Angeles, CA 90042	213-254-5221	
261	Trần Thanh Thủy	1799 Bagpipe Way, San Jose, CA 95121	408-223-7644	
262	Trịnh Văn Thư	101 Bayshore Blvd, San Francisco, CA 94124	415-386-2583	
263	Nguyễn Phúc Tiến	3105 Manistee Dr. Costa Mesa, CA 92626	714-557-2766	
264	Phùng Ngọc Tiến	3 Winrow, Irvine, CA 92720	714-559-1952	
265	Lại đức Tích	14382 Lyndon. Garden Grove, CA 92843		
266	Phạm Văn Tình	2041spinnaker, #3. Anaheim, CA 92802	714-663-8722	
267	Đàm Trọng Toàn	Moved, need information	213-482-5567	
268	Đoàn Văn Toàn	3210 Chapel Bank, Houston, TX 77068	713-583-0208	
269	Nguyễn Văn Toản	8014 Sherman Way, #217, Reseda, CA 91335	818-776-8939	
270	TrươngTrọng Trác	0319 Sageglow Dr, Houston, TX 77089	713-481-9604	
271	Nguyễn Ngọc Trân	4801 W. 85th St, Minneapolis, MN 55437	612-897-1872	
272	Lê Xuân Trí	67 Danville Dr, Princeton Junction, NJ 08550	609-275-1628	
273	Nguyễn Tài Trí	14000 Daleshire Way, Bartonville, MD 20866	301-890-3506	
274	Phạm công Trí	12031 Haster St, Garden Grove, CA 92640	714-748-1013	
275	Nguyễn Vĩnh Trinh	832 E. Merced, West Covina, CA 91790	818-918-3393	
276	Ngô Ngọc Trung	1942 Messina Dr, San Jose, CA 95132	408-259-2413	
277	Phạm Ngọc Trung	2325 W. Hall St, Santa Ana, CA 92704	714-546-9689	
278	Trần Khánh Trung	10922 Linnell Ave., Garden Grove, CA 92843	714-537-3520	
279	Bùi Xuân Trường	1743W. McEvoy Ln., Santa Ana, CA 92706	714-750-1663	
280	Nguyễn Thái Truyền	344 Greenwood Place, Bonita, CA 91902	619-482-2432	
281	Nguyễn Ngọc Truyền	Ballarat Rd, Footscray, Vic. 3143, AUSTRALIA	613-688-4425	
282	Nguyễn Anh Tuấn	Grobe Langgasse 1, 55116 Mainz, WEST GERMANY	061-31-226-186	
283	Lại Thế Tuấn	5016 W. 5th St, #G, Santa Ana, CA 92703	714-265-2226	
284	Trần Thiện Tuấn	3700 Dean Dr, #906, Ventura, CA 93003	805-644-3580	
285	Vũ Công Tuấn	486 4th Aye, San Francisco, CA 94118	415-668-9250	
286	Vương Thế Tuấn	Need Information	408-259-5540	
287	Nguyễn Trịnh Tuệ	762 E. Orange Grove, #1, Pasedena, CA 91104	818-449-0588	
288	Dương Thiệu Tùng	2084 Barrett Aye, San Jose, CA 95124	408-371-9926	
289	Lê Thế Tùng	14621 Chevenly Ct, Centralville, VA 22020	703-818-2626	
290	Đinh Hưu Tường	4132 Eunice Ave., #A. El Monte, CA	626-279-5578	
291	Nguyễn triệu Tường	2202 Marselina. Tustin, Ca 92782		
292	Buì Cảnh Ứng	13362 Jefferson St, Garden Grove, CA 92644	714-636-3485	
293	Đỗ Vinh	Need Information	808-71 9-3682	
294	Nguyễn Quang Vinh	512 Veralene Way SW., Everett, WA 98203	206-348-4092	
295	Phạm Quốc Vinh	1024 5. Hanlon Way, Anaheim, CA 92808	714-280-0912	

DANH SÁCH CỰU HỌC SINH NGUYỄN TRÃI

Update:
11/24/2000

T.T	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	ĐIỆN THOẠI	E-MAIL ADDRESS
296	Vũ Thân Vinh	1430 Sajak Aye, San Jose, CA 95131	408-452-8284	
297	Nguyễn duy Vinh	12 Coupal St. Ottawa, Ontario, K1L6A1. CANADA.		
		(H)613-747-9096, W)613-998-8999		nguyen@cyberus.ca
298	Đinh Quốc Vượng	28 Bankview Circle, Etobicoke, Ontario M9W-656 CANADA	16-674-2447	
299	Nguyễn thế Vượng	Main Building#3, Suite 2600, Ottawa, Ontario K1A 0C9. CANADA	613-825-4562	
300	Trần văn Vượng	2636 Tannhauser Ct. San Jose, CA 95121	408-274-3560	
301	Bùi thọ Xung	8541 Pine Way. Huber Heights, OH 45424	937-667-2470	
302	Ngô đình Xứng	Need Information		
303	Văn sơn Yên	1197 Ginger Wood, San Jose, CA 95035	408-263-9898	
		DANH SÁCH BỔ TÚC		
304	Lê tiến Đạt	Need Information	805-647-3998	datth@peoplepc.com
305	Trịnh vũ Diệp	51 Maple View Court-Nepean. Ontario, K1r7M9. CANADA	613-730-8282	
306	Nguyễn gia Nam	47 Ludford Drive. Richmond Hill, Ontario L4b4g7, CANADA	905-731-5225	chanhuu@vietsites.com
307	Nguyễn thế Vượng	Main Building #3, Suite 2600, Ottawa. Ontario,K1A0C9. CANADA	613-825-4562	nguyenvuongt@ic.gc.ca
308	Nguyễn văn Cường	7824 Bodinier Anjou, Qubec H1K4C5, CANADA		
309	Phạm văn Chương	5230 Dresden Circle. Cypress, CA 90630.	714-952-0634	Chuckphamvan@west boing.com
310	Hà gia Cương	8261 Flaxman Drive. Huntington Beach, CA 92646	714-968-1328	nikefan13@yahoo.com
311	Trần đức Hiếu	19 Willow Brook. Irvine, CA 92714	949-379-5072	hieuvaai@hotmail.com
312	Minh Lý	951 Avenue Fournier, Sainte-Foy, Quebec G1V3K9, CANADA	418-657-1263	minhly@mrn.gouv.qc.ca
313	Ngô đắc Chung	11214 Concho. Houston, TX 77072	281-564-2519	
314	Hoàng văn Dzũng	9202 Angela Meadows. Houston, TX 77095	281-345-7029	
315	Đạt Lê	9640 Coosa St. Ventura, CA 93004		
316	Nguyễn quang Huy	898 Delvaile Court. Milpitas, CA 95035	408-263-4623	
317	Vũ khắc Nam	2971 Ferrite Loop, #B. Lawrence Ville, GA 30044	770-925-3627	
318	Hoàng đình Thảo	10624 Penara St. Sandiego, CA 92126	619-530-1462	

Bình Nguyễn/ binhbb2@juno.com